VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

hai mươi năm văn học việt nam hải ngoại
nguyễn hưng quốc ● nguyễn bá trạc ● hồ trường an

thế nào là truyện cực ngắn?
tạ quốc tuấn

sang sông
nguyễn mộng giác

ngàn năm vẫn chưa quên
quỳnh giao

văn chương hải ngoại có gì lạ...
trần văn nam

truyện
hà thúc sinh ● hoàng chính ● nguyễn quốc trụ
lập phương ● hoàng nga ● hồ đình nghiêm
ngô nguyên dũng ● phạm chi lan ● phạm thành

thơ
nguyễn thanh châu ● trúc chi ● đỗ quyên
ngu yên ● trần ngọc tuấn ● nghiêm xuân hồng
đặng hiền ● hoàng bích đào

SỐ 126 ● THÁNG 10 NĂM 1996

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper, Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Phone: **(714) 894-8535**
Xin lưu ý: Bắt đầu từ tháng 7.1996, zip code Văn Học là 92842,
thay thế zip code cũ 92642

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 126 ● tháng 10, 1996

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
TẠ QUỐC TUẤN	3	thế nào là truyện cực ngắn
QUỲNH GIAO	13	ngàn năm vẫn chưa quên
NGUYỄN THANH CHÂU	19	*về một nỗi chết không rời*
NGUYỄN MỘNG GIÁC	20	sang sông
HÀ THÚC SINH	24	ngộ nhận
ĐỖ QUYÊN	28	*đón sinh nhật trong một lần ra biển*
VĂN HỌC	30	phỏng vấn nguyễn hưng quốc
NGUYỄN HƯNG QUỐC	34	một bài thơ cụ thể
VĂN HỌC	39	giới thiệu nguyễn bá trạc
NGUYỄN BÁ TRẠC	40	thư gửi bạn
NGUYỄN MẠNH TRINH	46	phỏng vấn hồ trường an
TRÚC CHI	60	*chiều ngồi xem báo ở los angeles*
HOÀNG CHÍNH	62	jessica
TRẦN NGỌC TUẤN	71	*lòng tin*
NGUYỄN QUỐC TRỤ	72	cõi khác
NGHIÊM XUÂN HỒNG	81	*hai đứa*
HOÀNG NGA	82	thụy ơi, tình ơi...
NGUYÊN	92	*làm thơ giữa cảnh sát*
LẬP PHƯƠNG	93	thử thách, trưởng thành
HỒ ĐÌNH NGHIÊM	101	thằng bù nhìn
NGÔ NGUYÊN DŨNG	111	chờ đê vỡ
ĐẶNG HIỂN	118	*lao đao nhớ*
PHẠM CHI LAN	119	chuyện một ngày
PHẠM THÀNH	122	thúy kiều
HOÀNG BÍCH ĐÀO	130	*những đường trăng*
TRẦN VĂN NAM	131	văn chương hải ngoại có gì lạ...
NGUYỄN HUY THẠCH	139	ghi chép
VĂN HỌC	146	tòa soạn và bạn đọc
VĂN HỌC	147	giới thiệu sách mới

Copyright by authors and Văn Học, 1996

Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1996

Thư Tòa soạn

Văn Học số này đến với bạn đọc ở xa sớm hơn thường lệ.

Đó là thành quả của một cố gắng mà từ lâu Ban chủ trương không thực hiện được. Tuy Văn học vẫn tới tay bạn đọc mỗi tháng, nhưng trên thực tế, chỉ có số nhỏ bạn đọc ở chung quanh Quận Cam California nhận được tạp chí vào những ngày đầu tháng. Số ở xa thường nhận được khoảng từ mồng 10 đến giữa tháng, tùy theo lối chuyển thư của bưu điện.

Nhờ bài vở đóng góp của văn hữu ngày một phong phú, Ban Biên tập đã có thể chuẩn bị bài nằm của Văn Học một tháng trước ngày phát hành (phần sáng tác và biên khảo), nhờ thế chúng tôi không còn phải bị động, ra báo trễ vì thiếu bài nữa. Dấu hiệu ấy thực đáng mừng, chứng tỏ quí văn hữu xa gần đã có một niềm tin cậy vững chắc vào Văn Học, nhờ thế giá trị của tạp chí tăng thêm đưa tới niềm tin của bạn đọc.

Từ nay, Văn Học hy vọng rằng dù ở xa bạn đọc vẫn có thể nhận được Văn Học đúng vào đầu tháng, vì chúng tôi gửi báo đến quí bạn vào tuần lễ cuối cùng của tháng trước.

Một tin vui khác chúng tôi muốn chia sẻ với bạn đọc: từ đầu tháng 10 năm 1996, Văn Học đã có mặt trên hệ thống Internet.

Địa chỉ của Văn Học trên mạng lưới thông tin tân tiến này là:

http://www.saigonline.com/vanhoc/

Phụ trách việc đưa Văn Học thường xuyên lên liên mạng Internet hàng tháng là Anh Tổng thư ký Thạch Hãn và văn hữu Phùng Nguyễn.

Bạn đọc có thể tìm địa chỉ này để biết mục lục các bài có trên Văn Học mỗi tháng, đọc những bài giá trị Ban Chủ biên chọn lựa để gửi lên hệ thống thông tin liên mạng, biết thể lệ mua báo, trao đổi thư từ, hoặc gửi bài đóng góp cho Văn Học. Mong các bạn đọc có phương tiện Internet đóng góp ý kiến để Web. Page Văn Học cải tiến mỗi ngày mỗi hoàn mỹ hơn.

Văn Học

Thế nào là truyện cực ngắn?

Tạ-quốc-Tuấn

Hiện nay chỉ có rất ít người có đủ thời giờ đọc trong một vài ngày hết một quyển truyện dày 1234 trang như cuốn *Gai-Jin* của James Clavell, 737 trang như cuốn *From A Far Land* của Robert Elegant, 542 trang như cuốn *Jian* của Eric Van Lustbader, hoặc 231 trang như cuốn *Lost Horizon* của James Hilton, 171 trang như cuốn *Tobacco Road* của Erskine Caldwell, v.v. Đã qua rồi cái thời chúng ta có thể thức trắng đêm đọc ngấu đọc nghiến hết nào là *Tam Quốc Diễn Nghĩa, Thất Hiệp Ngũ Nghĩa, Thủy Hử, Hán Sở Tranh Hùng, hoặc là Xạ Điêu Anh Hùng Truyện, Thần Điêu Hiệp Lữ* (bản dịch Việt ngữ đổi thành *Thần Điêu Đại Hiệp*), *Ỷ Thiên Đồ Long Ký* (bản Việt dịch gọi là *Cô Gái Đồ Long*), v.v., nhất là vì hiện nay truyền hình và từ đái lục ảnh (video) đã chiếm hết thời giờ rảnh rỗi của chúng ta. Vì thế càng ngày truyện ngắn hay đoản thiên tiểu thuyết hay *short story* càng được hoan nghênh nhiều hơn truyện dài dầy cộm, cầm tưởng gẫy tay luôn. Tuy nhiên, dù truyện ngắn chỉ dài có 40 trang, 30 trang, hay ngay cả 20 trang đi chăng nữa, nhiều khi người ta cũng không có thời giờ đọc hết một hơi. Do đó, gần đây chúng ta thấy nổi lên sự ham chuộng những truyện chỉ dài từ 1 đến 6 trang. Đó là thể loại truyện có thể gọi là cực ngắn.

I. Vấn đề danh xưng

Hiện nay chưa có sự thống nhất trong việc gọi tên thể loại truyện này. Trong Anh ngữ có hai từ được dùng là *Very Short Fiction* hay *Short Short Story*, còn người Trung-hoa gọi nó là *Cực Đoản Thiên, Vi Hình Tiểu Thuyết* hay *Tiểu Tiểu Thuyết*. Về phần Việt-nam, theo chỗ chúng tôi được biết có lẽ Võ-Phiến là người đầu tiên đã dùng từ *Truyện Thật Ngắn* và lấy nó làm

nhan đề cho tuyển tập các truyện thật ngắn của ông (Văn-nghệ, 1991). Ngoài ra, tạp chí Văn Học đã bốn lần dùng từ này cho 7 truyện đăng trong các số báo 103, 105 & 106, 112 và 116.

Trong các từ này, thông dụng hơn cả là *Short Short Story* trong Anh ngữ và *Tiểu Tiểu Thuyết* trong Hoa ngữ. Vì thể loại truyện này chưa được phổ biến trong giới các nhà văn Việt-nam nên cho tới nay mới chỉ có một từ *Truyện Thật Ngắn* thôi, và ít được đề cập tới nên chưa thành vấn đề. Tuy từ *Truyện Thật Ngắn* do ông Võ-Phiến dùng không có gì là không đúng nhưng chưa làm nổi bật một trong những đặc tính của thể loại truyện này là rất ngắn, nên chúng tôi đề nghị từ *Truyện Cực Ngắn*.

II. Truyện Cực Ngắn dài bao nhiêu?

Hiện nay cũng chưa có một quyết định nào về việc xếp một truyện không dài vào loại truyện ngắn hay truyện cực ngắn. Tất cả tùy thuộc vào quyết định của tác giả, của nhà biên tập các tuyển tập truyện ngắn, hay của báo có đăng các truyện đó.

Để tiện việc nghiên cứu, chúng tôi đã dùng các tuyển tập sau đây làm tài liệu: *Flash Fiction* do James Thomas, Denise Thomas và Tom Hazuka biên tập (W.W. Norton, 1992), *Short Shorts: An Anthology of The Shortest Stories* do Irving Howe and Ilana Wiener Howe biên tập (Bantam, 1983), *Best Short Shorts* do Eric Berger biên tập (Scholastic Book Services, 1958); *Sudden Fiction: American Short Short Stories* do Robert Shapard và James Thomas biên tập (Gibbs M. Smith 1986), *Sudden Fiction International* do Robert Shapard và James Thomas biên tập (W.W. Norton, 1989), *75 Short Masterpieces: Stories Ffom The World's Literature* do Roger B. Goodman biên tập (Bantam, 1972), *Truyện Thật Ngắn* của Võ-Phiến, *Dục Vọng Giáp Tâm* của Trần Lộ-thiến và Lâm Diệu-đức (Bình thị, 1995), và *Tân Cực Đoản Thiên* do Trần Nghĩa-chi biên tập (Liên kinh, 1995). Đối với các truyện viết bằng Anh ngữ hay dịch sang Anh ngữ, trong phần dẫn nhập tuyển tập *Flash Fiction*, gồm 70 truyện viết bằng Anh ngữ và 2 truyện dịch sang Anh ngữ, các nhà biên tập cho hay là các truyện trong tuyển tập chỉ dài trong khoảng 250-750 chữ thôi. Mỗi giòng trong tuyển tập này trung bình có 12 chữ. Như vậy, nếu căn cứ vào các nhà biên tập này các truyện trong tuyển tập dài từ khoảng 20 đến 63 giòng. Chúng ta thấy là trong số 72 truyện được tuyển in trong sách này, truyện ngắn nhất dài 20 giòng hay khoảng 240 chữ và truyện dài nhất 80 giòng hay khoảng 960 chữ. Cả hai truyện này đều viết bằng Anh ngữ. Còn hai truyện dịch sang Anh ngữ thì một dài 21 giòng hay khoảng 252

chữ và một dài 56 giòng hoặc khoảng 672 chữ. Tuy nhiên vì chúng tôi hiện nay không có bản nguyên tác nên không hiểu hai bài này thực sự dài bao nhiêu.

Trái lại, trong phần dẫn nhập sách *Short Shorts*, Irving Howe và Ilana Wiener Howe đề nghị giới hạn tối đa cho mỗi truyện là 2500 chữ và tiêu chuẩn là 1500 chữ. Trong sách này, trung bình mỗi giòng có 10 chữ, như vậy theo đề nghị này các truyện sẽ dài từ 150 giòng (tiêu chuẩn) tới 250 giòng (tối đa). Tuyển tập này gồm 38 truyện, 14 viết bằng Anh ngữ và 24 dịch sang Anh ngữ. Truyện viết bằng Anh ngữ ngắn nhất là 94 giòng hay khoảng 940 chữ và dài nhất 305 giòng hay khoảng 3050 chữ, còn truyện dịch sang Anh ngữ ngắn nhất là 40 giòng hay 400 chữ và dài nhất 298 giòng hay khoảng 2980 chữ.

Trong số 35 truyện của tuyển tập *Best Short Shorts*, truyện ngắn nhất dài 78 giòng và truyện dài nhất 257 giòng. Với trung bình mỗi giòng 10 chữ, các truyện trong tuyển tập này dài trong khoảng 780-2570 chữ.

Tuyển tập *Sudden Fiction: American Short Short Stories* không đưa ra đề nghị nào về số chữ giới hạn của truyện cực ngắn. Tuy nhiên, tuyển tập này gồm 69 truyện, trong đó truyện ngắn nhất là 29 giòng và truyện dài nhất 204 giòng. Trung bình mỗi giòng có 13 chữ; như vậy các truyện trong tuyển tập này dài khoảng 377-2652 chữ.

Tuyển tập 60 truyện *Sudden Fiction International* – 32 viết bằng Anh ngữ và 28 dịch sang Anh ngữ – cũng không đưa ra đề nghị giới hạn số chữ của các truyện cả. Truyện ngắn nhất dài 39 giòng và truyện dài nhất 204 giòng. Vì trung bình mỗi giòng có 12 chữ, các truyện trong tuyển tập này dài trong khoảng 468-2448 chữ. Truyện viết bằng Anh ngữ ngắn nhất là 41 giòng hay khoảng 492 chữ và dài nhất 204 giòng hoặc khoảng 2448 chữ. Truyện dịch sang Anh ngữ ngắn nhất là 39 giòng hay khoảng 468 chữ và dài nhất 197 giòng hoặc độ 2364 chữ. Tuy nhiên vì là các truyện dịch sang Anh ngữ nên không chắc số giòng, số chữ của các truyện dịch này giống số giòng, số chữ của các truyện nguyên tác.

Sau hết, tuyển-tập *75 Short Masterpieces* có 69 truyện viết bằng Anh ngữ và 6 truyện dịch sang Anh ngữ. Truyện viết bằng Anh ngữ ngắn nhất là 53 giòng và dài nhất 277 giòng; còn truyện dịch sang Anh ngữ ngắn nhất là 94 giòng và dài nhất 252 giòng. Trung bình mỗi giòng có 10 chữ; như vậy các truyện viết bằng Anh ngữ nằm trong khoảng 530-2770 chữ và truyện dịch sang Anh ngữ 940-2520 chữ. Nếu chúng ta tập hợp các truyện viết bằng Anh ngữ trong sáu tuyển tập trên, tất cả 289 truyện, mà xét thì thấy truyện ngắn nhất là 20 giòng và truyện dài nhất 305 giòng. Phân tích các truyện, chúng ta thấy có 24 truyện thuộc loại 60-69 giòng,

23 truyện loại 140-149 giòng, 20 truyện loại 50-59 giòng, 20 truyện loại 160-169 giòng, 18 truyện loại 40-49 giòng, 18 truyện 120-129 giòng, 18 truyện loại 130-139 giòng, 16 truyện loại 30-39 giòng, 16 truyện loại 70-79 giòng, 16 truyện loại 90-99 giòng, 13 truyện loại 100-109 giòng, 12 truyện loại 110-119 giòng, 11 truyện loại 20-29 giòng, 11 truyện loại 80-89 giòng và 10 truyện loại 150-159. Còn các loại kia chỉ lác đác vài truyện thôi.

Mặt khác, những truyện dài 100-199 giòng được dùng nhiều nhất (133 truyện hay 46.02%), thông dụng nhất là các truyện ở trong khoảng 100-149 giòng (84 truyện hay 29.06%). Thứ đến là các truyện dài dưới 100 giòng (132 truyện hay 45.67%), trong đó thông-dụng nhất là loại dài trong khoảng 50-99 giòng (87 truyện hay 30.10%).

Đối với 60 truyện dịch sang Anh ngữ, truyện ngắn nhất là 21 giòng và truyện dài nhất 298 giòng. Tuy nhiên, trái với các truyện viết bằng Anh ngữ, các truyện dịch sang Anh ngữ thông dụng ở loại trên 100 giòng: 37 truyện thuộc loại 100-199 giòng (61.67%) và 11 truyện trên 200 giòng (18.33%). Chỉ có 12 truyện dưới 100 giòng (20%).

Qua các thí dụ này chúng ta thấy là các truyện cực ngắn viết bằng hay dịch sang Anh ngữ không quá 305 giòng.

Đối với các truyện viết bằng Hoa ngữ, chúng ta hãy lấy thí dụ tuyển tập *Dục Vọng Giáp Tâm*, mà nhà xuất bản đã ghi thêm tiểu đề "Song sắc tiểu tiểu thuyết" (truyện thật ngắn cặp đôi theo loại). Ngoại trừ một truyện trình bày dưới hình thức kịch ra, tuyển tập gồm có 20 truyện của nữ văn sĩ Trần Lộ-thiến và 19 của nam văn sĩ Lâm Diêu-đức. Truyện ngắn nhất dài 438 chữ và chuyện dài nhất 3694 chữ. Nếu chúng ta theo tiêu-chuẩn đề-nghị của Irving Howe và Ilana Wiener Howe thì chúng ta thấy *Dục Vọng Giáp Tâm* có 33 truyện (hay 92.31%) nằm trong giới hạn tiêu chuẩn (1500 chữ) và 3 truyện (hay 7.69%) nằm trong giới hạn tối đa. Số 3 truyện còn lại vượt giới hạn tối đa: 1 truyện dài 2595 chữ, 1 dài 2962 chữ và 1 dài 3694 chữ. Loại được dùng nhiều nhất là 800-899 chữ (10 truyện), tiếp đến 700-799 chữ (5 truyện), rồi đến hai loại 900-999 chữ và 1000-1099 chữ (mỗi loại 4 truyện). Nếu tính tổng cộng thì loại 700-1099 chữ được dùng nhiều nhất (23 trên 39 truyện hay 59%). Các loại khác chỉ lác đác 1 hay 2 truyện thôi. Một thí dụ khác là tuyển tập *Tân Cực Đoản Thiên*. So với *Dục Vọng Giáp Tâm*, các truyện trong *Tân Cực Đoản Thiên* đều ngắn hơn rất nhiều. Thực vậy, *Tân Cực Đoản Thiên* gồm 120 truyện, trong đó truyện ngắn nhất dài 141 chữ và truyện dài nhất 467 chữ. Tất cả đều nằm trong tiêu chuẩn đề nghị của Irving Howe và Ilana Wiener Howe. Có ba loại truyện được dùng nhiều nhất trong tuyển tập là: loại 250-299 chữ (50

truyện), loại 200-249 chữ (33 truyện) và loại 300-349 chữ (21 truyện). Cả ba loại này cộng lại chiếm đại đa số, 104 truyện hay 86.67%. Về phần các truyện viết bằng Việt ngữ, các truyện trong tuyển tập *Truyện Thật Ngắn* của Võ-Phiến ngắn nhất là 93 giòng và dài nhất 311 giòng. Theo khuôn khổ sách này, mỗi giòng trung bình 10 chữ; như vậy 12 truyện trong sách này dài khoảng 930-3110 chữ. Tuy nhiên trong lần tái bản năm 1995 tuyển tập lại có thêm truyện Xong Cả dài 40 trang (tr. 139-179). Gọi truyện này là truyện thật ngắn e có phần không đúng.

Ngoài ra, tạp chí Văn Học có đăng một số truyện mà tạp chí gọi là *Truyện Thật Ngắn*. Đó là các truyện: [a] *Chúc Tết* của Nguyễn-mộng-Giác dài 63 giòng, khoảng 800 chữ (số 105 & 106, tr. 190-191); [b] ba truyện của Nguyễn-trung-Hối là *Năm Tháng Dài* 81 giòng hay độ 1050 chữ, *Theo Ngọn Mây Tần* 79 giòng hay khoảng 1020 chữ và *Vết Thương* 71 giòng hay khoảng 920 chữ (số 112, tr. 104-110); và [c] ba truyện của Kinh-Dương-Vương là *Một Người Tuyệt-Vọng* 40 giòng hay độ 520 chữ, *Mất Ngủ* 60 giòng hay khoảng 780 chữ, và *Ngày Trọng-Đại* 59 giòng với ước chừng 767 chữ (số 116, tr. 132-136).

Hơn nữa tạp chí này còn đăng hai truyện Hoa ngữ do Võ-đình-Mai dịch sang Việt ngữ (số 103, tr. 48-51) là: [a] *Lỗ Tai Của Người Tình* của Yuan Ch'iung-ch'iung (1) dài 60 giòng, độ 780 chữ; và [b] *Vụ Nổ Trong Phòng Khách* của Bai Xiao-yi dài 36 giòng, khoảng 460 chữ. Tuy nhiên, hai bản dịch Việt ngữ này không dựa theo nguyên tác Hoa ngữ mà lại theo bản dịch Anh ngữ in trong *Sudden Fiction International*. Bản dịch Anh ngữ truyện của Yuan Ch'iung-ch'iung dài 69 giòng, khoảng 820 chữ (tr. 156-160) và truyện của Bai Xiao-yi 39 giòng, ước chừng 460 chữ (tr. 289-290). Tuy nhiên, số giòng và số chữ của các bản Việt dịch hay Anh dịch không chắc đúng là số giòng của nguyên tác vì các câu Hoa văn bạch thoại (loại văn tự hiện dùng ở Trung-quốc, Đài-loan, Hương-cảng, Tân-gia-ba, và trong các cộng đồng Hoa kiều hải ngoại) tuy dài hơn các câu viết bằng văn ngôn nhưng vẫn ngắn hơn các câu Việt văn hay Anh văn. Thí dụ truyện *Hài Tử Đích La Tập* của Lưu Tịnh-quyên in trong tuyển tập *Tuế Nguyệt Tựu Tượng Nhất Cá Cầu* (Nhĩ nhã, 1986) dài 20 giòng (tr. 63-64), bản Việt dịch của chúng tôi dài 35 giòng đánh máy và được bán nguyệt san *Thế Giới Mới* (Arlington, Texas) in thành 46 giòng (số 194, tr. 78).

Tổng kết 12 truyện của Võ-Phiến, 1 truyện của Nguyễn-mộng-Giác, 3 truyện của Nguyễn-trung-Hối và 3 truyện của Kinh-Dương-Vương, chúng ta thấy các truyện cực ngắn viết bằng Việt ngữ ngắn nhất là 63 giòng và dài nhất 311 giòng. Trong tạp chí Văn Học, trung-bình mỗi giòng có 12

chữ; như vậy các truyện viết bằng Việt ngữ dài trong khoảng 480-3700 chữ.

Tuy nhiên, như đã nói trên, việc xếp các truyện như vậy vào loại truyện cực ngắn là tùy tác giả, nhà biên tập tuyển tập, hay nhà báo. Thực vậy, có rất nhiều truyện còn ngắn hơn 305 giòng (viết bằng Anh ngữ hay dịch sang Anh ngữ) hay 311 giòng (viết bằng Việt ngữ) lại được tác giả, nhà báo hay nhà biên tập xếp vào loại truyện ngắn thôi. Chúng tôi xin kể qua một số thí dụ. Đối với các truyện viết bằng Việt ngữ, 12 trong số 20 truyện in trong tập *Mê Lộ* của Phạm-thị-Hoài (Hồng lĩnh, 1992) có thể coi là truyện cực ngắn, so với tiêu chuẩn của truyện viết bằng tiếng Việt. Những truyện này dài từ 44 giòng tới 242 giòng. Mỗi giòng trung bình 12 chữ, nên số chữ của 12 truyện này ở trong khoảng 520-2904 chữ. Tuy nhiên nhà xuất bản đã gọi *Mê Lộ* là "Tập truyện ngắn." Mặt khác, rất nhiều truyện ngắn trong báo Văn Học hội đủ điều kiện của truyện cực ngắn nhưng vẫn được coi là truyện ngắn. Thí-dụ: [a] *Món Quà Cho Người Vợ Trẻ Trong Đêm Giáng-Sinh* của Thập-Lang, dài 131 giòng (số 72 & 73 tr. 81-85); [b] *Mặt Trời Lặn* của Trần-mộng-Tú, 113 giòng (số 80 & 81, tr. 44-46); [c] *Những Cái Thùng Giấy* của Bùi-bích-Hà, 130 giòng (số 93 & 94, tr. 73-76); [d] *Giã Biệt Cựu-Kim-Sơn* của Ngô-thế-Vinh, 168 giòng (số 97, tr. 84-88); [e] *Người Lính Giữa Rừng* của Nguyễn-quốc-Trụ, 85 giòng (số 115 tr. 110-112). Vì mỗi giòng in trong Văn Học trung-bình 13 chữ nên các bài trên dài khoảng 1105-2184 chữ.

Ngay cả sau khi báo này dùng từ *Truyện Thật Ngắn*, nghĩa là sau số 103, tháng 11/1994, nhiều truyện đủ tiêu chuẩn của truyện cực ngắn nhưng vẫn không được gọi bằng tên này. Xin lấy số báo 121, tháng 5/1996, làm thí dụ. 6 trong 10 truyện ngắn đăng trong số này (kể cả 1 truyện Việt dịch) thuộc loại truyện cực ngắn nhưng không được gọi như vậy. Đó là các truyện: (a) *Welcome to India* của Phan-thị Trọng-Tuyến, 82 giòng, khoảng 1066 chữ (tr. 61-63); (b) *Nơi Trú ẩn Về Đêm* của Nguyễn-quí-Đức, 211 giòng, khoảng 2743 chữ (tr. 93-102); (c) *Thư Tháng Tư Gửi Về Hà-nội* của Trần-mộng-Tú, 123 giòng, khoảng 1599 chữ (tr. 03-106); (d) *Lại Chuyện Cây Bàng* của Võ-Đình, 40 giòng, khoảng 520 chữ (tr. 116-117); (e) *Thù* của Nguyễn-trung-Hối, 92 giòng, khoảng 1196 chữ (tr. 118-120); và (f) *Kim-Nga* của Phùng-Nguyễn, 172 giòng, khoảng 2236 chữ (tr. 121-125).

Về truyện viết bằng Hoa ngữ, nguyệt san Hoàng Quan (Đài-bắc) đã xếp truyện *Bệnh lý Tạp* của Thái Hạo-kỳ dài 577 chữ (số 341, tr. 36-37) vào loại tiểu tiểu thuyết, tức là truyện cực ngắn, còn truyện *Qui nhân* của Dục-Tinh dài 1250 chữ (số 366, tr. 196-198) hay *Chỉ điều* của Hà Đồ-sinh dài 1635 chữ (số 370, tr. 210-212) lại được gọi là đoản thiên tiểu thuyết

tức truyện ngắn. Đối với các truyện viết bằng Anh ngữ hay dịch sang Anh ngữ cũng vậy. Ngoại trừ các truyện in trong 5 tuyển-tập *Flash Fiction, Short Shorts, Best Short Shorts, Sudden Fiction American, Sudden Fiction International* được gọi là *short short stories*, *very short stories* hay *shortest stories*, các truyện in trong các tuyển tập khác đều chỉ được gọi chung là *short stories*, dù chúng dài dưới 305 giòng. Thí dụ 69 truyện viết bằng Anh ngữ trong tuyển tập *75 Short Masterpieces*, như đã nói trên, chỉ dài trong khoảng 53-255 giòng nhưng lại được gọi là short stories.

Về truyện dịch sang Anh ngữ cũng không có gì khác. Nhiều truyện nằm trong giới hạn số giòng hay số chữ của truyện cực ngắn, nhưng cũng chỉ được gọi là short stories thôi. Chúng tôi xin kể vài thí dụ. 6 truyện trong tuyển tập *75 Short Masterpieces* nói trên dài trong khoảng từ 94-252 giòng; tuyển tập *The Elephant Vanishes* của Haruki Murakami (Knopf, 1993) có 17 truyện, trong đó 4 thuộc loại truyện cực ngắn, vì chúng dài trong khoảng 147-228 giòng(2); tuyển tập *Collected Stories* của Gabriel García Marquez (Harper & Row, 1984) có 12 truyện, trong tổng-số 26, dài khoảng 102-261 giòng(3); hay tuyển tập 15 truyện *Selected Stories Of Franz Kafka* (Modern Library, 1952) có 6 truyện dài 33-248 giòng(4).

III. Sự xuất hiện của thể loại truyện cực ngắn

Truyện cực ngắn xuất hiện từ lâu lắm rồi, có lẽ từ khi con người biết sống quây quần với nhau và rồi những lúc nhàn rỗi đã kể cho nhau nghe các điều mắt thấy tai nghe, các ý nghĩ, các kinh nghiệm, các ước vọng, các chuyện về mình, về người, v.v.

Mới đầu vì con người còn đơn sơ mộc mạc và chưa biết đọc biết viết thì những chuyện họ kể thường ngắn ngủi, ít tình tiết, ít gò bó trong một khuôn thức, nghĩ sao hay nghe sao kể vậy. Tuy nhiên, dần dà với thời gian, con người văn minh hơn, học hỏi nhiều hơn, suy nghĩ nhiều hơn và thắc mắc cũng nhiều hơn, nhất là từ khi họ đã biết viết, thì những câu chuyện họ kể cũng ngày một dài hơn, một phức tạp hơn, một gò bó hơn, đóng khung trong thuyết nọ, chủ trương kia, để trở thành trường thiên tiểu thuyết, hay trung thiên tiểu thuyết, hoặc đoản thiên tiểu thuyết. Những truyện cực ngắn giống như loại tổ tiên họ vẫn dùng thời xa xưa chỉ thấy có lác đác và vì thế những truyện cực ngắn của họ vẫn được xếp chung với các truyện khác dài hơn theo thể loại truyện ngắn, đoản thiên tiểu thuyết, short story, mà không thu hút được sự chú ý của nhiều người. Nguyên nhân là vì truyện cực ngắn không thể nào diễn tả đủ các tình ý hay tình tiết hoặc mục đích mà độc giả mong đợi. Mãi tới cuối thập niên 1950 ở Hoa-

kỳ mới có người lưu tâm đến các truyện cực ngắn và cố gắng thu thập lại để ra thành tuyển tập *Best Short Shorts* nói ở bên trên. Cho tới nay, theo chỗ chúng tôi được biết, ở Hoa-kỳ có 5 tuyển tập được gọi bằng tên truyện cực ngắn nói ở đoạn II bên trên thôi.

Nhiều nhà Hoa học, Trung-hoa cũng như ngoại quốc, đã đồng ý rằng thể loại tiểu tiểu thuyết rất thịnh hành ở Trung-quốc từ xưa tới nay, tuy không ai dùng danh xưng "tiểu tiểu thuyết," "vi hình tiểu thuyết," hay "cực đoản thiên" mãi cho đến những năm gần đây. Chúng ta đã thấy thí dụ trong tiểu thuyết hiện đại qua tuyển tập *Dục Vọng Giáp Tâm* nói ở đoạn II bên trên. Thí dụ trong tiểu thuyết cổ xưa chúng ta có tập *Liêu Trai Chí Dị* của Bồ Tùng-linh. Theo ấn bản do Trương Hữu-hạc tập hiệu và Thượng hải Cổ tịch Xuất bản Xã ở Thượng-hải xuất bản năm 1962 (tái bản năm 1978), tác phẩm này gồm 12 quyển, mỗi quyển có từ 26 đến 49 truyện, tổng cộng 494 truyện. Các truyện này đáng coi là các tiểu tiểu thuyết vì chúng nằm trong giới hạn số chữ đề nghị của thể loại này.

Ở Việt nam, truyện cực ngắn đã xuất hiện dưới dạng thức truyện thần thoại, cổ tích, ngụ ngôn và tiếu lâm. Đó là những thể loại tự sự dân gian, mới đầu được truyền miệng, sau mới được ghi chép lại.

Các tuyển tập ghi chép những truyện này xưa nhất mà hiện nay còn giữ được là *Việt Điện U Linh Tập* của Lý-tế-Xuyên và *Lĩnh Nam Chích Quái* của Trần-thế-Pháp. Ngoài ra, một số tác phẩm khác cũng ghi chép một vài truyện như *Truyền Kỳ Mạn Lục* của Nguyễn-Dữ (thế kỷ thứ 16), *Công Dư Tiệp Ký* của Vũ-phương-Đề (thế kỷ thứ 18), *Tang Thương Ngẫu Lục* của Phạm-đình-Hổ và Nguyễn-Án (thế kỷ thứ 19), *Thoái Thực Ký Văn* của Trương-quốc-Dụng (thế kỷ thứ 19) và gần đây hơn là *Truyện Cổ Nước Nam* của Nguyễn-văn-Ngọc (1932), *Truyện Cổ Nước Nam* của Vũ-ngọc-Phan (1957). Về truyện thần thoại và cổ tích của các sắc tộc thiểu số Việt-nam, một số được ghi chép lại trong *Truyện Cổ Dân Gian Các Dân Tộc Việt-Nam* của nhà xuất bản Văn hóa, Văn học ở Hà-nội (1963-1965), và *Việt Nam Văn Học Toàn Thư* của Hoàng-trọng-Miên ở Sài gòn (1959-1960).

Các truyện này giống các truyện cực ngắn hiện tại ở điểm chúng rất ngắn. Thực vậy, chúng ta hãy lấy các truyện trong *Việt Điện U Linh*, *Lĩnh Nam Chích Quái* và *Truyện Cổ Nước Nam* của Nguyễn-văn-Ngọc làm thí dụ. (Vì cả hai tập *Việt Điện U Linh* và *Lĩnh Nam Chích Quái* nguyên viết bằng chữ Hán và đã được dịch sang Việt ngữ, nên chúng ta xét cả nguyên tác lẫn bản dịch).

Trong số 35 truyện trong *Việt Điện U Linh*, truyện ngắn nhất dài 3 giòng và truyện dài nhất 83 giòng. Theo bản dịch của Ngọc-Hồ (Sống

Mới, 1974) thì truyện 3 giòng dịch thành 11 giòng và truyện 83 giòng dịch thành 272 giòng, còn theo bản dịch của Lê-hữu-Mục (Khai trí, 1960), truyện 3 giòng dịch thành 10 giòng và truyện 83 giòng dịch thành 267 giòng. Căn cứ theo nguyên tác bằng Hán tự, loại dưới 20 giòng dùng nhiều hơn cả (28 truyện hay 80%).

Đối với 40 truyện trong *Lĩnh Nam Chích Quái* truyện ngắn nhất dài 5 giòng và truyện dài nhất 68 giòng. Theo bản dịch của Lê-hữu-Mục (Khai trí, 1960), truyện 5 giòng dịch thành 13 giòng và truyện 68 giòng thành 100 giòng. Vẫn căn cứ vào nguyên tác bằng Hán tự, chúng ta thấy loại dưới 20 giòng cũng dùng nhiều nhất, 28 truyện hay 70%.

Truyện Cổ Nước Nam của Nguyễn-văn-Ngọc gồm hai tập, tập I có 120 truyện và tập II 128 truyện. Tuy nhiên vì ba truyện trong tập II (số 61, 73 và 89) viết theo thể thơ, nên chúng tôi chỉ tính toàn bộ 145 truyện thôi, thay vì 148 truyện. Truyện ngắn nhất trong toàn bộ dài 11 giòng và truyện dài nhất 230 giòng. Trung bình mỗi giòng có 12 chữ, nên các truyện trong toàn bộ dài trong khoảng từ 132 đến 2760 chữ. Loại được dùng nhiều nhất là loại dưới 100 giòng (233 truyện hay 95.1%), nhất là loại dưới 50 giòng (172 truyện hay 70.2%). Phân-tích kỹ hơn ta thấy loại dài 20-29 giòng nhiều nhất (58 truyện, 23.67%), thứ đến loại dài từ 30 đến 39 giòng (51 truyện, 20.81%), loại dài 10-19 giòng (35 truyện, 14.28%) và loại dài 40-49 giòng (28 truyện, 11.42%).

Xét theo bản dịch Việt ngữ của *Việt Điện U Linh* và *Lĩnh Nam Chích Quái* cùng là *Truyện Cổ Nước Nam*, tổng cộng 320 truyện, chúng ta thấy loại truyện dài 20-29 giòng được dùng nhiều nhất (71 truyện hay 22.18%), thứ đến loại dài 30-39 giòng (67 truyện hay 20.93%), rồi đến loại 40-49 giòng (42 truyện hay 13.12%). Vì là truyện truyền miệng nên các truyện này không thể dài được. Không ai biết lúc đầu câu chuyện được dựng nên dài bao nhiêu, nhưng chắc chắn là chúng không thể dài được thì người nghe mới nhớ nổi để sau đó người nghe này lại kể cho những người nghe khác.

Kết luận

Nói tóm lại, truyện cực ngắn là thể loại tiểu thuyết được viết một cách cô đọng trong rất ít trang giấy, rất ít giòng, rất ít chữ. Không phải là mãi đến nay nó mới được dùng tới. Trái lại, nó đã xuất hiện từ rất nhiều thế kỷ rồi nhưng ít được chú ý mãi tới từ thập niên 1950 trở đi. Nó càng ngày càng được nhiều độc giả ưa chuộng và nhiều nhà văn sử dụng, bởi vì nó đã đáp ứng được nhu cầu của con người hiện tại, nhất là từ hai thập

niên cuối cùng của thế kỷ thứ 20 và nhất là ở các nước Âu-Mỹ, vì vấn đề sinh kế trói buộc, hạn chế, rất ít có thời giờ rảnh để thưởng thức những tác phẩm văn học dài như trước nữa.❐

CHÚ THÍCH

(1) Tên viết theo âm Hán-Việt là Viên Quỳnh-quỳnh. Chúng tôi đã giới thiệu sơ qua về nữ văn sĩ này trong bài "Các Nhà Văn Nữ Hiện Đại Đài Loan và Ý thức Nữ Quyền" đăng trong Văn Học số 82, th. 2/1993, tr. 11-17.

(2) Đó là các truyện "On Seeing the 100% Perfect Girl One Beautiful April Morning," 147 giòng (tr. 67-72), "The Fall of the Roman Empire, the 1881 Indian Uprising, Hitler's Invasion of Poland, and the Realm of Raging Winds," 183 giòng (tr. 111-118), "The Little Green Monster", 149 giòng (tr. 151-156), và "A Window", 228 giòng (tr. 187-194). Mỗi giòng có trung bình 12 chữ; vì thế số chữ của bốn truyện trên khoảng 1764 chữ (truyện 1), 2196 chữ (truyện 2), 1788 chữ (truyện 3) và 2736 chữ (truyện 4).

(3) Đó là các truyện "Bitterness for Three Sleepwalkers" 140 giòng (tr. 35-39), "Dialogue with the Mirror" 230 giòng (tr. 40-46), "Eyes of a Blue Dog" 238 giòng (tr. 47-54), "Someone Has Been Disarranging These Roses" 130 giòng (tr. 78-82), "The Night of the Curlews" 180 giòng (tr. 83-88), "Tuesday Siesta" 254 giòng (tr. 99-106), "One of These Days" 102 giòng (tr. 107-110), "Montiel's Widow" 225 giòng (tr. 147-153), "Artificial Roses" 203 giòng (tr. 177-183), "A Very Old Man With Enormous Wings" 261 giòng (tr. 203-210), "The Handsomest Drowned Man in the World" 224 giòng (tr. 230-236), và "The Last Voyage of the Ghost Ship" 193 giòng (tr. 246-251).

(4) Đó là các truyện "A Country Doctor" 248 giòng (tr. 148-156), "A Common Confusion" 36 giòng (tr. 157-158), "The New Advocate" 33 giòng (tr. 159-160), "An Old Manuscript" 86 giòng (tr. 161-164), "A Fraticide" 83 giòng (tr. 165 - 167), và "The Hunter Gracchus" 203 giòng (tr. 181-187).

Đã phát hành khắp nơi:
sóng trôi
tập truyện ngắn độc đáo của Ngự Thuyết
Nhà văn được bạn đọc yêu mến trên Văn Học
Thanh Văn xuất bản. Sách dày 240 trang. Giá 12 Mỹ kim.
Liên lạc Nhà xuất bản và Phát hành Văn Nghệ
PO Box 2301 Westminster CA 92683
Phone: (714) 527-5761

Nghìn Năm Vẫn Chưa Quên

Quỳnh Giao

Tờ Văn Học số mới ra có loan một tin nhỏ làm tôi thấy buồn thấm thía: tháng Bảy vừa qua cuốn *Mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay* của Tạ Tỵ đã được tái bản trong nước, nhưng có chương viết về Phạm Duy lại bị bỏ hẳn ra ngoài sách. Trước khi in sách này và xoá chương kia, những người xuất bản chắc cũng đọc khá kỹ và đắn đo khá nhiều, vậy mà cuốn sách sau cùng vẫn bị thu hồi... Tôi thấy tội nghiệp cho những người đã cố xoá tên Phạm Duy trong ký ức chung của dân chúng. Ở ngoài này, mình không phải làm những việc khổ tâm đó. Chúng ta vẫn nghe, vẫn hát và vẫn yêu thích những tác phẩm có giá trị của Văn Cao hay Tô Vũ, Đỗ Nhuận, Nguyễn Xuân Khoát, hay Trần Hoàn, Phan Huỳnh Điểu...

Những cảm nghĩ mông lung về âm nhạc, về thời thế, về người nghệ sĩ và lòng tri ân của giới thưởng ngoạn đã khiến tôi trở về với bài viết đầu tiên của mình trên Văn Học, cách đây đúng 10 năm. Bài viết về Phạm Duy, nhân dịp sinh nhật 65 của ông. Thấm thoát vậy mà đã 10 năm, nghĩ đến Phạm Duy và tuổi hạc của ông, tôi thấy lòng chùng xuống....

Phạm Duy viết nhạc cho mọi người, mọi thời, ở vào nhiều cảnh ngộ khác nhau. Hơn nửa thế kỷ viết nhạc trong một giai đoạn nhiễu nhương nhất của đất nước, hình như ông đã có mặt ở mọi nơi và mở rộng lòng mình đón nhận những cảm xúc hay bi thương của chúng ta để ghi lại thành thơ, thành nhạc, thành "ngàn lời ca" như ông nói, cho chúng ta hát và nghe. Nửa thế kỷ đó mà không có Phạm Duy, tân nhạc Việt Nam đã không phát triển như ngày hôm nay. Yêu thích ông hay không là tùy mỗi người, chứ trên những nẻo đường âm nhạc Việt Nam trong thế kỷ này mà chối bỏ Phạm Duy thì cũng như men theo ngõ ngách để tránh núi, rồi cũng đâm vào núi thôi. Nhại lời Jean Paul Sartre, bạn tôi nói Phạm Duy là incontournable!

Đó cũng là nhận xét của những người nghe nhạc, và chúng ta... đông

lắm ! Cái ký ức tập thể này khó có thể xóa được ngày nào còn có người nghe và hát nhạc Việt trên mặt địa cầu.

Tôi nhớ đến một cuốn phim đã xưa về cuộc đời của Rimsky Korsakov, nhà soạn nhạc người Nga ở cuối thế kỷ trước. Truyện phim được hư cấu khá nhiều, nhưng không vì vậy mà kém thú vị. Thú vị nhất là một đoạn đối thoại giữa anh lính thủy Korsakov và thượng cấp. Anh ta gân cổ tranh luận rằng mình sẽ làm nước Nga nổi danh hoàn vũ, còn hơn những chiến công của các bậc vương tôn khanh tướng. Rằng anh sẽ bỏ mộng hải hồ và nhung y để làm cái việc động trời đó. Rằng anh sẽ viết nhạc, sẽ thành nhà soạn nhạc. Đó là cống hiến của anh cho tổ quốc và dân tộc Nga. Tôi nghĩ rằng từ bài "Cành hoa trắng" để giã từ kháng chiến năm 1950, Phạm Duy đã tiếp tục cống hiến cho chúng ta nhiều điều cao đẹp khác mà không phải là máu xương đồng loại.

Tôi xin gửi cảm nghĩ trên tới ông, nhân dịp sinh nhật thứ 75 của Phạm Duy, ngày 5 tháng 10 tới.

Là người trình bày các ca khúc, tôi may mắn được học nhạc và đi hát từ khi còn ở cái tuổi "mê trời mây tía, không nghe mẹ gọi về", và được gặp hầu hết những nhạc sĩ tài hoa của chúng ta trong mấy chục năm liền. Vì còn bé và bé nhất trong đài phát thanh, tôi gọi các "đồng nghiệp" bằng cô, chú, ngoại trừ có chị Mai Hương, và tôi cũng được nuông chiều nhất. Được hát cùng các nhạc sĩ Vũ Thành, Phạm Đình Chương, hay Phạm Duy, Văn Phụng, Nghiêm Phú Phi, Hoàng Trọng, Ngọc Bích, Nguyễn Hiền, Đan Thọ, v.v... tới nay tình cảm của tôi với những nghệ sĩ lão thành trên vẫn nguyên vẹn. Người khó tính nhất và tôi kính trọng nhất nay đã mất, chính là Vũ Thành. Người dễ tính nhất và cũng được nhiều người nói tới nhất, chính là Phạm Duy.

Hát nhạc Vũ Thành - hay bất cứ ai khác - mà sai từ lời ca tới âm điệu hay cách ngân, cách láy, cách ngắt nhịp, là khổ với nhạc trưởng Vũ Thành. Trong đài phát thanh, ai cũng phải nể sợ ông và các ca nhạc sĩ ít khi lơ là bê trễ trong tập dượt. Ngược lại, Phạm Duy rất xuề xoà dễ tính, ông không mấy phật ý khi có người hát sai điều ông viết, nhiều người uốn và vuốt tới méo cả lời ca. Ông chỉ cho rằng họ chưa hiểu điều ông viết mà thôi. Tôi rất cảm động khi có lần ông tâm sự, rằng có người hát nhạc của mình thì cũng đủ vui rồi. Ở một ai khác, có ít tác phẩm hoặc chưa nổi tiếng, điều này có thể thông cảm được. Ở Phạm Duy, đây là điểm thật đáng quý, đáng yêu, nhất là khi ông lại rất khó tính với chính mình.

Phạm Duy ở ngoài đời, theo cảm nghĩ của tôi, là người hiểu biết sâu

sắc, nói chuyện có duyên và ăn cần nhất trong xử thế mà cũng chuyên nghiệp và chu đáo trong địa hạt âm nhạc của ông. Có một lần, lâu lắm rồi, tôi còn nhớ ông thuyết trình hai giờ liền bằng Pháp ngữ tại Trung Tâm Văn Hoá Pháp tại Sàigòn, khiến cử tọa thán phục vì sự uyên bác và tài hùng biện của ông. Sau này trong đời lưu vong và bao lần dừng chân tại miền Đông Hoa Kỳ, ông không dựa vào tình cảm của bạn hữu hay người thưởng ngoạn rất đông bên đó mà khệnh khạng phiền hà bất cứ ai trong mọi việc di chuyển hay ăn uống của mình. Ông dậy sớm, mở bản đồ tìm lấy xe buýt đi lo việc riêng và ngăn nắp trong từng việc nhỏ để khỏi làm rộn người khác. Chiều xuống, ông về rất đúng hẹn và cũng lặng lẽ tự lo lấy cho mình, để đi tiếp nơi khác.

Phạm Duy viết nhạc như trời biển, ăn nói bạt mạng như cuồng sĩ và đam mê như mãi mãi thanh xuân, điều đó ai cũng biết và tôi cũng nghe nói tới. Nhưng ít ai ngờ là bên trong, ông sống ngăn nắp và chu đáo như một kế toán viên cần cù. Giờ đây, khi Phạm Duy học điện toán và sử dụng multimedia để giới thiệu và lưu trữ những tác phẩm âm nhạc của đất nước, tôi không ngạc nhiên. Phạm Duy đi rất nhiều, sống rất nhiều, nhưng luôn tự lo liệu cho mình và học hỏi không ngừng.

Mấy lần tôi đi thu nhạc với Duy Cường, ông cuốc bộ từ nhà tới phòng thâu Tomlinson chờ nghe. Ông lặng thinh một góc để khỏi phiền cậu con khó tính trong cách hoà âm và khó tính cả với ông bố to như trái núi. Không có chỗ ngồi thì ông ngả lưng trên thảm, nghe thu âm mà không hề "xen lấn nội bộ". Cho tới khi xong ông mới có một vài câu phê, thường thì chắc nịch và đúng phóc. Nghe tôi hát "Nương chiều" lần mới đây, ông nói một câu làm ta phải giật mình. "Mãi tới nay mới có người hát đúng đoạn staccato đó của chú". Rồi cùng Duy Minh lững thững ra về...

Cái vẻ thơ thới của Phạm Duy khi nghe nhạc làm tôi hiểu vì sao ông viết hay. Phạm Duy trân quý âm nhạc hơn là ta có thể mường tượng ra. Tôi để ý thấy rằng khi nghe nhạc, bao nhiêu sự tinh quái hay cuồng loạn của ông như tan biến cả, ông hồn nhiên như trẻ thơ. Tôi cũng nghiệm thấy rằng những người sống nhiều, khi luống tuổi thường có dáng chững chạc đáng kính khác hẳn cái nếp cuồng nhiệt sôi động thời trước. Phạm Duy không vậy, ông trẻ lại, và vẫn trẻ mãi, có lẽ vì âm nhạc và nhờ âm nhạc. Mối tình của ông với âm nhạc là một đam mê lớn lao nhất.

Dăm eo sèo nhân thế,
Chưa phai lòng say mê,
Với đôi ba lần gian dối
Đời vẫn ban cho ngọt bùi !

Lời "tự thú" của Phạm Duy trong bài "Tạ Ơn Đời", nếu có hát thành "nhạc vẫn ban cho ngọt bùi" vẫn là hoàn toàn đúng.

Viết về nhạc Phạm Duy thì đã có nhiều người, và sẽ còn có nhiều người. Chúng ta chịu ơn Phạm Duy rất nhiều trong cuộc sống thường nhật khi muốn tìm tới những điều cao đẹp nhờ âm nhạc. Tôi chỉ xin ghi lại đây cảm nghĩ của những người đầu tiên chịu ơn ông, đó là những người hát nhạc Phạm Duy (một cách chuyên nghiệp, chứ ai trong chúng ta không có lúc hát Phạm Duy). Là một ca sĩ trình bày các ca khúc của đất nước từ nhiều thập niên, tôi cho rằng Phạm Duy là người khai phá đích thực, trong ý nghĩa là từ khi có ông xuất hiện trong từng thể loại hoặc từng đề tài, tân nhạc Việt Nam đã có đổi khác. Sau Phạm Duy, người ta không viết như trước nữa.

Tôi muốn riêng nhắc tới thể loại dân ca và đề tài tình yêu trong nhạc Phạm Duy.

Đối với các ca sĩ, nhạc Phạm Duy bắt đầu chinh phục người nghe là từ những bài dân ca và những bài ca lên đường vào thời đó. Công lao và sự khai phá đầu tiên của Phạm Duy là dân ca và nỗi hứng khởi ban đầu cho việc mở đường đó chính là kháng chiến ca. Những bản hùng ca đầu tiên của ông dễ hát và dễ hợp ca nhờ những nhịp mạnh rải thật đều và nhờ lời ca lôi cuốn vì gợi lên nhiều hình ảnh bi tráng lẫm liệt. Mặt kia, những bản dân ca cải biến có lời nên thơ và dễ nhớ vì khởi đi từ lục bát hay lục bát biến thể quen thuộc và vì nhạc có những nốt láy dễ hát thật tự nhiên. Phạm Duy dùng kỹ thuật chuyển hệ để mở rộng âm giai ngũ cung nguyên thủy của dân ca và, khi tân nhạc đang ở vào thời dọ dẫm tìm kiếm, ông đưa lối nhạc cải cách đó về với kho tàng phong phú của dân ca cổ điển. Ông nối liền truyền thống với hiện đại, thôn quê tới thị thành, nhờ những ca khúc đầu tiên của ông, sáng tác cách đây hơn 50 năm.

Phạm Duy đã đi vào cõi nhạc không ký âm của dân tộc và đem dân ca ra khỏi thôn quê truyền đi khắp nước, đồng thời đưa nhạc cải cách từ thành phố về tới thôn quê. Từ Phạm Duy dân ca có lời có nhạc, ghi chép và truyền tụng được, giúp mọi người thấm sâu hơn những cảm xúc tình tứ lãng mạn của dân giả lầm than. Từ Phạm Duy, dân ca và kháng chiến ca đã quyện thành lời kêu gọi hùng hồn cảm động, khiến nhiều lớp người cùng đứng lên vì non sông. Những tác phẩm tiêu biểu nhất của mười mấy bài dân ca kháng chiến này là "Nhớ người thương binh", "Muà Đông chiến sĩ" hoặc "Tiếng hát trên sông Lô" ông viết trên núi rừng Việt Bắc năm 1947 và các bài "Quê nghèo", "Bà mẹ Gio Linh" hay "Về miền Trung"

ông viết trên đoạn đường Trị Thiên vào các năm 48-49. Tình bạn của ông với Văn Cao bắt đầu từ đó. Nhưng hơn hẳn Văn Cao đã chôn chân tại chỗ và sống với dư âm cùng nuối tiếc, ông tiếp tục mở đường rộng lớn cho tân nhạc của chúng ta tới ngày nay. Ba trường ca "Con đường cái quan", "Mẹ Việt Nam" và "Bầy chim bỏ xứ" là biểu tượng cho cuộc hành trình không ngơi nghỉ đó trong hồn nước và lòng dân của ông.

Về nhạc tình của Phạm Duy, có lẽ chúng ta cần cả một cuốn sách.

Phạm Duy viết rất nhiều tình ca, có những bài ai cũng thuộc cũng hát được mà cũng có bài kén người hát. Thí dụ như thật giản dị thì có "Đêm Xuân" tương đối dễ hát, từ nốt thấp nhất là La tới cao nhất là Rê, và có bài như "Đường chiều lá rụng", chạy 16 nốt từ Fa dièse lên Fa dièse qua hai octaves và kén người hát ở tiêu chuẩn tối thiểu là âm vực của giọng hát, chưa nói tới những đòi hỏi khác. Nhưng, khó nhất cho chúng ta là khi phải tuyển chọn chừng mười bản tình khúc hay nhất của ông. Tôi thấy khó là vì mình không biết chọn bài gì, bỏ bài gì, bài nào bỏ cũng thấy tiếc! Khó hơn cả là những bài có nội dung hoà nhập giữa tình yêu đôi lứa với tình yêu thiên nhiên, và những tình cảm cao thượng, kể cả sự siêu thoát của kiếp người.

Những người thích nét nhạc nhẹ nhàng êm ả và ý tứ dịu dàng có thể yêu những mối tình câm lặng ấp úng trong những bài như "Cô hái mơ" (ca khúc đầu tay của ông năm 1942, từ thơ Nguyễn Bính), "Cây đàn bỏ quên", "Khối tình Trương Chi", "Bên cầu biên giới" và cả bài "Cành hoa trắng". Những người yêu sự lãng mạn thanh cao và có giọng trong sáng thì có thể thích hát "Đêm Xuân", "Ngày đó chúng mình", "Thương tình ca". Nông nàn bi thiết và ưa thích diễn tả khi hát thì ta có thể thích "Tình kỹ nữ", "Kiếp nào có yêu nhau", "Còn gì nữa đâu" hay "Đừng xa nhau", "Cỏ hồng". Có nội dung cao cả và tình cảm thiết tha hơn, nên cũng đòi hỏi giọng hát nhiều "não tính" hơn, thì có những bài như "Mộng du", "Tìm nhau", "Cho nhau", hay cả "Nghìn trùng xa cách". Với những bài trên, tình yêu trong nhạc Phạm Duy như bắt đầu đi vào hướng cao thượng hơn tình yêu đôi lứa thông thường. Đồng thời, tình yêu và thiên nhiên còn hoà lẫn thần tình trong những bài mà sự rạo rực của thời tiết và lòng người như đã thành một, đó là đặc tính của "Xuân thì", "Hoa Xuân", "Xuân nồng", "Dạ lai hương". Nhạc tình của Phạm Duy có nét siêu thoát của trí tuệ khi cất lên giữa lằn ranh của tình yêu và đời sống, nỗi chết và sự phục sinh. Tôi thiển nghĩ những bài "Nước mắt rơi" hay "Tạ ơn đời", "Chiều về trên sông" và "Đường chiều lá rụng" kén người hát không chỉ ở kỹ thuật

âm nhạc mà còn ở nội dung là vì vậy.

Nhạc tình Phạm Duy ngự trị trên một vùng rộng lớn như vậy nên ai cũng có thể yêu nhạc và hát nhạc của ông, tùy từng trình độ và trạng thái tâm lý vào mỗi thời. Từ tuổi ô mai mười ba tới tuổi sinh viên tan trường về, và sau này nữa, khi lòng mình đã trầm lắng về nhân thế, thanh thản với cuộc đời, chúng ta đều tìm thấy niềm ước mơ hay kỷ niệm và sự vỗ về ở tình khúc Phạm Duy.

Điểm độc đáo nhất của Phạm Duy là ông yêu đời, yêu người mà viết rất hay về cái chết. Đó là một biểu hiện của một trí tuệ cao. Tình yêu và cái chết, như chúng ta hay triết lý vẩn vơ, là những trạng thái chỉ mình mình biết mà khó diễn tả được cho người khác. Ở Phạm Duy, trong "Lữ hành", "Mộng du" hay "Đường chiều lá rụng" chẳng hạn, ông truyền đạt được tới chúng ta những cảm xúc lạ kỳ đó. Tôi nói tới trí tuệ hay não tính vì không tìm ra những chữ rõ ràng hơn để mô tả trạng thái hoà nhập của siêu nhiên vào trong thiên nhiên và tình cảm. Phạm Duy viết nhiều câu thần tình về trạng thái trên mà không cầu kỳ lập dị, kiểu siêu thực rẻ tiền. Chẳng hạn như yêu nhau đến chết, hay lắm, gay cấn lắm, hứa hẹn lắm. Nhưng, sau đó rồi sao ?

Chiều chưa thôi trìu mến, lá chưa buông chết chìm.
Hồn ta như vụt biến, bay vờn trong đời tiên.
Lá vàng êm ! Lá vàng êm !
Như mũi kim mềm sẽ khâu liền kín khung cửa tình duyên.
Lá vàng khô ! Lá vàng khô !
Như nét môi già đã nhăn chờ trên nẻo đường băng giá.
...
Còn rơi rụng nữa,
Cành khô và lá,
Thành ngôi mộ úa.
Chờ đến một trận gió mưa.
Cho rữa tình già xác sơ,
Cho biến thành nhựa sống nuôi tình thơ.

Ông viết "Đường chiều lá rụng" năm 1958, khi chưa tới tuổi 50, và 15 năm trước một loạt các bài về nhựa sống nuôi tình thơ của tuổi mộng mơ, tuổi ô mai, tuổi mười ba. Phạm Duy rong chơi giữa cõi tử sinh và mộng mơ như người không tuổi, vì cảm xúc và trực giác hơn là vì tuổi

Về một nỗi chết không rời

NGUYỄN THANH CHÂU

Như nụ hôn đời da diết
Nỗi chết không rời khỏi ta
Sau chấn song lạnh biền biệt
Đêm lay lắt phiến nguyệt tà

Như tiếng gọi thầm giục giã
Theo chuyến đi xa mà gần
Ta buông cánh tay rệu rã
Thiên thu cũng đến một lần

Như cơn khát làm môi mặn
Giọt máu nào cũng rời tim
Là thôi thảy đều hư lặng
Ven trời hút một cánh chim.

tác. Trong nhiều ca khúc của ông, ta đều gặp trạng thái trên. Tôi tự hỏi trẻ mãi không già là vậy chăng?

Với âm nhạc và hơn 50 năm viết nhạc không ngơi nghỉ, Phạm Duy là một phần không thể xoá trong tâm hồn chúng ta. Ngày xưa, Nguyễn Du đã khắng thiết tự hỏi là ba trăm năm nữa có còn ai khóc ông không. Dù chẳng muốn cường điệu tôi vẫn nghĩ rằng nghìn năm nữa dân ta vẫn không quên nhạc Phạm Duy. Cho nên mình cũng chẳng tiếc gì một chương sách bị bóc, khi âm nhạc và lời ca Phạm Duy vẫn làm ta rung động từ ngày bú mớm cho tới khi chúng ta từng người "sẽ lên đường trở về", như ông kết trong bài "Lữ hành" năm 53, như một lời tiên tri tuyệt vời.

Xin mừng tuổi thơ 75 của chú Phạm Duy.❐

Sang sông

Nguyễn Mộng Giác

Xin thú thật tôi là một người đọc sách Phật một cách rất tài tử. Trong nhà kinh sách Phật khá nhiều, nhưng ít khi tôi chăm chú đọc trọn cuốn nào. Vì thế mỗi lần viết bài cho các tạp chí Phật giáo, tôi vẫn có cái áy náy mình là người "ngoại đạo", kinh sách lơ mơ, viết không đúng chỉ làm trò cười cho những người rành Phật pháp.

Cũng do cái tật lười biếng tai hại đó mà khi cần một số dẫn chứng trong các bài viết hoặc muốn lồng một tư tưởng Phật giáo vào các truyện ngắn truyện dài, tôi phải ngồi thật lâu cố nhớ lại những công án hoặc thơ văn Phật giáo. Và mỗi lần như vậy, tôi lại thấy có những công án hiện ngay trong trí nhớ mỗi ngày mỗi kém của tôi.

Công án thứ nhất là chuyện Đức Phật lấy ngón tay trỏ lên mặt trăng, và dặn dò các môn đệ là nên chú ý tới mặt trăng, đừng quan tâm nhiều đến ngón tay trỏ lên hướng mặt trăng.

Công án thứ hai kể chuyện hai người dùng thuyền qua sông, người thứ nhất qua đến bờ bên kia bỏ thuyền lại và tiếp tục đi, người thứ hai đã lên bờ rồi còn tiếp tục vác thuyền lên vai, nặng nhọc lê bước cố theo cho kịp người đi trước mà không thể nào theo kịp.

Công án thứ ba kể chuyện một người ăn xin đến nhà một phú hộ bủn xỉn, đứng chờ mãi trước cửa khất thực mà người phú hộ đang ăn cháo vẫn làm ngơ. Cô dâu thấy bất nhẫn lén đem thức ăn cho người ăn xin, nói rằng cha chồng mình đang ăn cơm thiu nên không tiện bố thí. Phú ông nghe được, tức giận đuổi cô dâu hỗn láo ra khỏi nhà.

Không hiểu vì sao những công án đó cứ ở mãi trong trí nhớ của tôi. Chắc chắn trong cuộc đời hơn năm mươi năm qua, tôi đã có nhiều lúc thao thức về những vấn đề liên quan tới ba công án đó, nên hễ đọc là nhớ, như người đang bơ vơ giữa ngả ba đường tìm ra được tấm bản đồ chỉ rõ hướng phải đi.

Có lẽ như thế thật! Tôi lớn lên trong chiến tranh, tận mắt chứng kiến nhiều thay đổi, thăng trầm. Mỗi lần lịch sử sang trang là mỗi lần có một lá cờ mới và những người phất cờ lại đưa ra một chiêu bài nào đó làm căn bản lý thuyết cho sức mạnh trần thế vừa chiếm được. Sứ mệnh khai hóa thời Pháp thuộc. Tinh thần Đại Đông Á thời Nhật thuộc. Ngọn cờ giải phóng dân tộc bị áp bức thời kháng Pháp. Rồi chống Mỹ cứu nước và tiền đồn bảo vệ Tự do. Tiến nhanh tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội. Nghĩa vụ quốc tế...Cờ cứ phất liên hồi trên đầu mấy mươi triệu dân Việt, mỗi lần thay cờ dân đen lại gắng điều chỉnh cho kịp cách suy nghĩ, cách ăn nói, cách đi đứng, cách ăn mặc, sơ sẩy một chút là tai bay vạ gió đổ ập lên đời mình. Nhu cầu thích nghi với nhiều hoàn cảnh biến đổi, lâu ngày trở thành một bản năng sinh tồn, tệ hơn nữa, trở thành bản sắc của dân tộc. Thói xấu mà luân lý thông thường cho là tính tráo trở đáng ghét trở thành sự ngôn ngoan đáng phục. Và người ta chế ra một nguyên tắc triết lý cho sự tráo trở ấy: "mục đích biện minh cho phương tiện".

Qua sông là mục đích. Thuyền là phương tiện. Muốn qua sông mà phải rút gươm chém chết người chủ thuyền để cướp thuyền qua sông thì qua sông làm gì? Câu trả lời có sẵn trong óc mọi người, vì kẻ đã dám giết người cướp của thì có gắng qua sông cũng chỉ vì muốn cướp một thứ gì lớn hơn, quí hơn chiếc thuyền và mạng sống của đồng loại. Kinh Phật không muốn đề cập tới hạng người này, dù mẫu người đó nhan nhản trong giới ham mê quyền lực.

Kinh Phật chỉ muốn nhắc nhở tới trường hợp những người muốn qua sông với một thiện chí tốt lành, nghĩa là việc dùng thuyền qua sông rất tự nhiên, hợp pháp, không xâm phạm đến tài sản hay quyền lợi của bất cứ ai. Có thể người qua sông bỏ tiền ra mua thuyền. Có thể anh ta tự tay chặt cây rừng làm lấy thuyền, đổ mồ hôi, trổ tài khéo làm ra một chiếc thuyền nhẹ, gọn, chắc chắn, đẹp đẽ nữa, để làm phương tiện qua sông. Anh ta sống một đời sống có ý nghĩa khi bắt tay đẵn cây, cưa ván, bào gỗ, đóng thuyền. Khi đưa mái chèo vượt sóng băng qua bờ bên kia, anh thấy rất rõ đâu là hướng phải đưa mũi thuyền tới. Thuyền cập vào bến, chòng chành một chút. Lòng anh chàng muốn qua sông cũng chòng chành theo. Anh nhìn lại chiếc thuyền, cảm thấy tiếc công phu đẽo gọt từ thân cây ra cái phương tiện hoàn hảo đáng yêu này. Lòng anh chao đảo hơn. Anh bước lên bờ như người say, không còn nhớ mình qua sông để làm gì. Và khi anh cúi xuống rán sức vác chiếc thuyền lên vai, anh không còn biết gì khác ngoài chiếc thuyền đẹp đẽ của anh. Phương tiện đã trở thành mục đích. Cuộc đời anh khổ từ đây...

Lịch sử chứng minh là những người vác thuyền khi đã qua sông như

thế không những chỉ làm khổ mình, mà còn làm khổ nhiều người khác.

Cái xác tín cho rằng chỉ có mục tiêu của mình là duy nhất đúng để đưa anh tới chỗ cho rằng để đạt mục tiêu đẹp đẽ ấy, anh có thể dùng bất cứ phương tiện nào. Vì lý tưởng công bằng, người ta cướp của nhà giàu để chia cho người nghèo, nghĩ mình là hiệp sĩ chứ không phải là đạo tặc. Làm hiệp sĩ vài lần, anh ta đâm mê những lời cảm ơn và khoái trá trước những lời năn nỉ sợ hãi. Chất hiệp sĩ giảm dần theo chiều ngược với chất đạo tặc hung bạo, và tráng sĩ hành hiệp trở thành tên cướp say máu lúc nào không hay. Trong trường hợp đó, anh ta không thèm nhọc công vác thuyền như công án trong kinh Phật. Anh ta mau chóng tìm ra một giải pháp tối hảo: anh ta ngự trên chiếc thuyền, và bắt những người khác khiêng cả chiếc thuyền lẫn anh ta đi, cờ phướng rợp trời phía trước, thanh la kèn trống inh ỏi phía sau.

Hà Sĩ Phu, một trí thức chân chính hiện nay ở quốc nội, có lẽ đã đọc công án qua sông nên nhận định rất chính xác về những người cộng sản Việt Nam. Ông viết như sau trong bài "Dắt tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ":

" Sau cùng, nhìn bao quát toàn sơ đồ (chính trị ở VN) để thấy một điểm mấu chốt là *dùng phương tiện không thích đáng thì không tới được mục đích*.

...Ngày bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước thì cứu nước mưu hạnh phúc cho dân là chủ nghĩa Mác-Lênin được bác coi là con đường, là phương tiện giúp dân ta đi đến đích đó. Nhưng rồi dần dần lại xuất hiện tín ngưỡng "dâng tất cả để tôn thờ chủ nghĩa". Lạ như vậy đấy, chủ nghĩa với tư cách là con đường, là phương tiện thì nó là cái để ta dùng chứ sao lại để ta thờ? Động cơ ấy lúc đầu hẳn là do ta thành tâm và ấu trĩ quá đấy thôi. Nhưng dù do gì đi nữa thì hậu quả nguy hiểm vẫn là ở chỗ: *khi cái phương tiện đã thành cái mục đích thì lẽ dĩ nhiên cái mục đích (ở đây là dân tộc) đổi chỗ để thành cái phương tiện (!)*. Như trong câu chuyện khôi hài ngày trước, khi đôi giày đã được đánh bóng và kẹp bên nách thì đôi bàn chân phải thay đôi giày mà đương đầu với gai góc. Lúc vấp ngã, chân toé máu ra, ai cũng tưởng phen này anh ta phải tỉnh ngộ, bỏ giày xuống mà đi vào chân. Nào ngờ đây chính là dịp để anh ta tự hào về sự thông minh của mình, rằng nếu không có cú vấp ngã vừa rồi hẳn đã làm sứt mất đôi giày quí..." (Hà Sĩ Phu Tuyển Tập, trang 38,39)

Cái ngụy tín "mục đích biện minh cho phương tiện" đã giúp cho những người cộng sản trên thế giới tự cho phép mình sử dụng những phương cách tàn độc nhất để xách động và tổ chức hữu hiệu đám đông thành một sức mạnh lật đổ trật tự cũ, sau đó khống chế con người để duy

trì quyền lực. Trong lịch sử nhân loại, chưa có thời đại nào có những kỹ thuật chính trị tinh vi, hữu hiệu và tàn độc như thế, sự tàn độc được biện minh bằng triết lý. Sự hấp dẫn của phương tiện chính trị cộng sản nằm ở chỗ nó vận dụng tập trung được tất cả mọi lực lượng để đặt vào tay người làm chính trị, nhờ thế nó hết sức hữu hiệu. Nó hấp dẫn mê hoặc cả những người chống lại chủ nghĩa cộng sản. Và một hiện tượng chúng ta thấy nhan nhản khắp nơi, ở những nước bị cộng sản đe dọa, ở những người từng là nạn nhân của cộng sản, là khuynh hướng chống cộng bằng chính những phương cách cộng sản đã dùng. Phải dĩ độc trị độc. Để chống dối trá, ta cũng phải dối trá. Để chống tàn độc, ta cũng phải tàn độc. Đi với ma phải mặc áo giấy. Có lẽ Kim Dung đã từng chứng kiến những hiện tượng tương tự sau khi thoát khỏi chế độ cộng sản, nên chủ đề chính bàng bạc khắp những cuốn tiểu thuyết võ hiệp sâu sắc của ông là vấn đề chính tà, mục đích và phương tiện. Những nhân vật tiểu thuyết như Nhạc Bất Quần trong "Tiếu ngạo Giang hồ" là mẫu điển hình của những người chủ trương "tịch tà" bằng chính phương cách của bàng môn tả đạo.

Trong những môi trường thu hẹp hơn, chúng ta thấy rất nhiều kẻ qua sông còn vác thuyền vì phương tiện đã trở thành mục đích. Một ngòi viết muốn vinh danh Tự do Nhân quyền nhưng không nương ta với những người dám cả gan tự do suy nghĩ khác mình. Một nhà tu mải lo lắng tính toán để làm khang trang nơi thờ tự biến thành nhà kinh doanh lúc nào không hay. Một người điều chỉnh máy khuếch âm để tiếng nói mình vang xa, cuối cùng có ảo tưởng chính tiếng nói của mình vang dội chứ không phải nhờ có máy khuếch âm.

Nhưng tại sao những ảo tưởng, những ngụy tín kiểu "vác thuyền" như thế vẫn tiếp tục hấp dẫn nhiều người? Tại sao vẫn có nhiều kẻ thành công trong việc dùng bất cứ phương tiện nào để đạt mục đích, nhất là trong chính trường? Tại sao chỉ cần giương lên một lá cờ nào đó là người ta tự cho mình cái quyền sử dụng bất cứ mánh khoé nào, ngôn ngữ nào (kể cả ngôn ngữ đầu đường xó chợ) để tranh thắng?

Tôi đã từng tự hỏi như thế nhiều lần. Và lần nào tôi cũng mỉm cười tự an ủi : "Họ đang ăn cơm thiu đấy mà!".

Mùa Vu lan 2540 (1996).

Ngộ Nhận

Hà Thúc Sinh

Khu chung cư bốn tầng nhiều dãy nằm đan góc nhau, vì thế người ta có thể tình cờ thấy nhau qua một khung cửa sổ. Mới Hè mấy gốc bạch đàn đã thả đầy lá xuống vuông sân chung, gió luồn lách từ phía núi vào, bí lối, đống lá có lúc giãy lên như mẻ trạch con. Chiều rảnh Dung hay ra ngồi nơi băng ghế kê dưới một gốc tiêu Ba-tây rậm rịt, chân hẩy nhẹ mớ lá vàng nhưng mắt thường dán lên một khung cửa sổ tầng ba. Không đâu, cô đang ở tuổi khó ai ghét được và cũng chưa yêu ai được. Cô vừa xong trung học năm nay và đoạt học bổng của đại học Berkeley. Ấy chẳng qua cô chỉ tò mò về một người đàn ông tuổi dám ngang cha cô đấy thôi. Từ đầu Hè, chiều nào cũng thế, bên trong khung cửa sổ mở rộng, người đàn ông ấy hay ngồi hàng giờ nhìn lung ra ngoài. Chắc ông mới dọn đến. Nhưng ông nhìn gì? Mây, núi, hay nhìn qua vuông sânvận động trường trung học Alhambra đầy tiếng nô đùa tuổi trẻ? May là ông chưa từng phát giác ra cô, nhờ đó ít lắm cô đã rành rọt được một nửa phần trên của ông: Hay mặc áo thun màu trắng, tóc cắt cao, cổ hơi to, nhiều râu. Đã có lúc cô nghĩ ông ta cô đơn. Thế giới nhỏ lắm với tiếng động và lớn lắm với tĩnh lặng. Cô sớm hiểu điều đó và đôi lần muốn liều tìm dịp làm quen, nhưng khám phá sau cùng, dù chỉ thỉnh thoảng, cũng đủ khiến cô ngưng đi ý định: Đôi mắt ông ta thật lạ, thay đổi hoài, khi buồn, khi rạng rỡ, khi ơ hờ; nhưng ghê nhất là khi nó quắc lên, một con, chắc chắn thế, chỉ một con.Mỗi khi quay vào nhà đầu Dung không khỏi nổi một ý nghĩ dữ dội: Đôi mắt giống sự tiết lộ kẻ ấy chưa thuần hoá được cái gì đó trong người, một con thú dữ chẳng hạn...

Mẹ Dung hay bảo:

"Câu nhịn chín câu lành!"

Cô nghĩ bụng: mẹ goá bụa, tàn tật không nhịn thì làm gì người ta. Dung không hẳn không ưa bà Phi, người đàn bà lối xóm. Bà quãng bốn

mươi nhưng còn đẹp. Bà làm việc cho sở Xã Hội và là đồng nghiệp của cậu Tuấn. Khi chưa xảy ra tí chuyện lộn xộn giữa hai gia đình, cô thích bà nhiều điểm trừ điểm mà cậu Tuấn có lần ghé chơi, từng bảo nhỏ mẹ:

"Mụ ấy có tính dạn dĩ khiến mấy bà trong sở nhạy cảm khó mà lòng không bề bộn sự nghi ngại."

Hai năm trước bà ly dị người chồng Mỹ. Qua cậu, Dung chỉ biết thế. Bà cũng chiếm một căn tầng trệt, cách nhà cô một lối đi nhỏ ăn thông từ đường số 6 vào vuông sân. Bây giờ thì bà dễ sợ như con mèo đen của bà. Nó hay đến trước cửa nhà cô làm bậy, Dung chỉ nhắc khéo, thế mà bà biến ngay ra người đầu tiên dạy cho cô biết mùi kẻ bị thù ghét khổ sở thế nào. Bà hay xỉa xói vu vơ:

"Giống chết sông chết biển!

" Bà ám chỉ cha cô ư?

"Dạy con đi... Thứ mất la mày lét!"

Bà nói ai thế, hay bà từng rình cô khi cô rình người khác? Có lúc mẹ nhìn cô với thoáng nghi ngại lạ lùng, nhưng cô không hiểu thấu đáo ánh mắt ấy như lời gào trỏng của bà lối xóm. Rốt cuộc Dung thấy "câu nhịn chín câu lành" là đúng. Cô cắn môi chịu đựng, và có lúc tự an ủi với ý nghĩ rộng lượng biết đâu hai mươi năm nữa chả có lúc miệng cô không bật những lời khó nghe tương tự bà Phi, và có ánh mắt lo âu, nghi ngại nhìn vào sự vô tội của cô gái nào đó như ánh mắt mẹ đã nhìn cô? Dung nhanh chóng trở lại với chính cô, kẻ dễ bị cám dỗ tin mộtđiều lành làm một điều tốt.

Hôm ấy hệ thống nước trục trặc, Dung lấy sô ra hứng nơi chiếc robinet ngoài sân. Đột ngột một bàn tay nắm lấy quai xách móc lên vòi nước, kèm giọng nói ân cần:

"Cầm gì cho nặng. Móc lên thế nàyđợi đây có đỡ cực không!"

Hoá ra ông ta. Sượng sùng mà Dung vẫn lí nhí cám ơn. Rồi tình bạn khởi đi bằng vài nụ cười khác nghĩa, và cửa phòng ông hé mở, ít ra cho Dung lách vào để hồn nhiên thám thính một thế giới cô vốn tò mò theo dõi. Không, ông Quân, tên ông ấy, là người hiền hoà có giọng nói hết sức ấm áp. Không có con thú dữ nào trong ông cần thuần hoá hết. Ông tầm thước, phong thái vừa vặn cho bất cứ người đàn bà bình thường nào muốn làm bạn. Chỉ mỗi điều bàn tay phải ông cháy quắt lại, nhất là có con mắt giả.

"Mình không thể làm ngơ trước một người lâm nạn."

Ông có lần kể:

"Bà ta kẹt trong chiếc xe cháy, chú cố lôi ra, và xe nổ..."

Dung đột ngột hỏi:

"Nếu gặp trường hợp ấy lần nữa chú dám không?"

Ông ngẫm nghĩ khá lâu, rồi gật đầu. Dung chợt rướm nước mắt, nhớ năm xưa, trên ghe, nếu cậu Tuấn can đảm như thế cô đã không là đứa bé mồ côi cha!

Một lần Dung hỏi:

"Trước chú làm gì?"

"Dạy thể dục. Trường El Monte."

"Chú...?"

Ông Quân hiểu. Ông nhón lên một hạt dẻ trên bàn, bóp mạnh, cười dí dỏm, và rải từng mảnh vụn xuống trang giấy trước mặt. Cô gái cũng làm bộ trố mắt:

"Nhưng sao thôi?"

Ông không đáp và cô sực hiểu. Lát sau:

"Thế giờ chú tính làm gì?"

"Làm thơ."

"Làm thơ?"

"Sao?"

"Có tiền không?"

"Không."

"Thế..."

"À, tặng đời. Thấy không, đời cho chú nhiều quá xá: Sống, tự do,cây cỏ, hoa lá, cho cả Dung, mà có thấy nó đòi gì đâu, nhưng mình tặng nó bài thơ chắc nó vui hơn!"

"Cho cháu một bài đi."

Ông cười xoà:

"Sẽ một ngày có chàng trai lý tưởng đến xin tặng cháu bài thơ."

Con mắt lành của ông nhướng to hơn nhưng giọng lại nhỏ hơn:

"Còn chú không phải người ấy."

Dung cười, ý muốn nói giá ông hay chàng trai nào tặng cô ngàn bài thơ cũng chẳng ích gì. Cô thản nhiên bật TV, nhanh chóng quên ông, hoà tiếng cười hồn nhiên vào một show TV mà một lần chính ông đã thú nhận:

"Người Mỹ có cái cười chú không cười được!"

Không gặp nhau ở thơ hay tiếng cười, nhưng hai người lại gặp nhau chỗ khác: Có gì đó hơi lấn qua lằn phấn tình bạn, dẫu chưa xa hơn một bàn chân; nhất là sau lần Dung hân hoan báo:

"Cháu không đi Berkeley nữa chú ơi. Xa quá. Cháu đang xin vào học UCLA..."

Ông Quân khó nghĩ. Ông nào phải hạng người đi lợi dụng lòng tốt ở ai, cho dù kẻ đó có từng thụ ân ông cứu tử. Ông nghĩ việc bà Phi lo lắng mọi thứ giấy tờ tàn tật cho ông, và thuê giúp ông căn phòng như thế này đã là quá đủ. Dù mơ hồ, linh tính vẫn nhỏ nhẹ nhắc ông con đường phía trước dẫn thêm một bước khó tránh đạp gai, mà người đàn bà còn đầy nhựa sống ấy xem ra không chỉ muốn nắm tay ông lôi tới một bước, bà muốn kéo ông xa hơn, chỗ mà ngay sự tưởng tượng của ông cũng không đoán biết nổi. Thôi cứ từ từ, ông dặn lòng, thời gian sẽ cho phép hoặc không cho phép, chỉ nó, không ai khác...

Vào một chiều chớm Thu ông Quân chợt hiểu mình khó từ từ được nữa. Ấy là khi ông nhìn ra dãy núi sau nhà gợi cảm như mình mấy đàn bà. Bà Phi đang dọn ra bàn cho ông món bánh nậm ông thích, và như bao giờ, bà loại dần mọi rắc rối cuộc đời để giữ lại một điều hơn một lần bà đã bàn đến, khi nhỏ như lời thở dài, khi vang như tiếng chuông cảnh tỉnh:

"Ái tình con gái nó tinh lắm. Đàn ông các anh có đeo mặt nạ, lẩn vào đám rước đêm cô hồn nó vẫn nhìn thấu ruột gan!"

Lời bà Phi như khơi trong ông mối hoảng sợ âm thầm. Hoá ra hiển hiện quanh ông, quanh bà ta nữa, không phải hình ảnh một bóng tối mà vẫn là một ánh sáng, hình ảnh người con gái thơ ngây. Khi không ông Quân nhớ lại toàn bộ quang cảnh một tai nạn xe non hai năm trước, ông nhớ hết mọi góc cạnh nhưng nổi bật hơn cả vẫn là hình ảnh của bóng tối, trong đó chập chờn một bộ mặt lệch lạc, méo mó, gào la. Ông đã lao vào cứu nạn nhân ra. Nhưng chiều nay, trên chiếc giường ông nằm như đang diễn ra một tai nạn tương tự, có bộ mặt tương tự, duy lần này ông lao vào nó với ý nghĩ khôi hài đến phi lý: Nạn nhân sẽ cứu ông khỏi một lầm lỗi to tát mà có thể với bất cứ ai khác, nó chỉ là chuyện tầm thường. Ông sắp thiếp vào giấc ngủ nhưng vẫn nghe ra tiếng sập cửa, và nghe giọng người đàn bà nằm cạnh ré khẽ:

"Con quỷ lại rình..."

Năm sau, cũng vào một chớm Thu, ông Quân nhận được một phong thư không đề tên người gửi, nhưng nhìn con dấu ông biết nó đến từ thành phố San Francisco. Bâng khuâng, ông cầm phong thư ra ngồi trên thềm cửa sổ, nhìn xuống vuông sân xao xác lá vàng, xuống hai căn nhà tầng trệt nay đều đã đổi chủ. Lâu lắm ông mới chậm rãi bóc thư. Lá thư thoang thoảng một hương thơm khó đoán, nhưng sự bâng khuâng của ông biến ngay thành nỗi băn khoăn suốt cả buổi chiều: Lá thư chỉ là tờ giấy trắng!❐

Đón sinh nhật trong một lần ra biển

ĐỖ QUYÊN

Đón sinh nhật trong một lần ra biển
thì biết rằng rồi cũng vậy thôi!
Nghĩa gì đâu thế sự trên bờ bến
trước mênh mang ngút ngát của trần đời.

Sóng đánh đến. Gió xô đi. Tất cả...
ừ thì dẫu ta hạt cát nhỏ nhoi...
ừ thì người là con sò, con ốc...
Là gì đâu, ơi biển hỡi trời!

Biển là vậy suốt bốn mươi mốt năm ta có
Còn ta là biến triển mỗi lần
từ buổi ấy Mẹ cho ta thân mặt,
buổi ấy ta tâm tính Đất Trời ban...

Những buổi trước từ đất quê nhà, từ những
đất của người, núi sông biển của người
Ta dõi mắt tìm nơi xa lạ nữa
Để đâu ngờ lần ra biển hôm nay...

Để đâu ngờ lần ra biển hôm nay
Chỉ còn cách đất quê ngần kia con sóng!
Như trái đất cuộc sống vẫn vo tròn
Đi, đi mãi là trở về - mãi mãi...

Đón sinh nhật trong một lần ra biển
- lần không em những chốn anh qua -
Em, vợ hiền trên đảo vắng -
- cánh hồng nhung he hé nở chờ...

Trái tim anh rộng để ba bông hồng nhỏ
em đặt vào,
như em đã đặt vào

Tình cách trở đại dương và năm tháng,
Những lá thư buồn đau đến mấy đời sau...

Biển vậy đó, tới lăn nào hiểu được?
Như tình yêu: dữ dội lại trong lành,
Sự cận kề ở bên dòng vô tận,
viên mãn mà không hết mong manh.

Tình em đã cho anh là con thuyền anh đang theo sóng
bên những con thuyền mờ đậm xung quanh -
- những con thuyền xung quanh đậm mờ ấy
là những tình đời cũng đã cho anh.

Đón sinh nhật trong một lần ra biển
Mùa chớm thu ngày con nước đôi lần
Đi và về bắt gặp hai người đẹp
nhìn ta cười như biết ngày vui.

Thuyền đến sớm cảnh quang còn chưa dậy
Hải âu kêu như kẻ khóc dọc bờ
Ngôi nhà bạc ai từng bỏ lại
Nên giữa đời thêm một chốn nguyên sơ.

Mỗi hoang đảo ta vừa cập bến
- mỗi pho truyện dài đang bị lãng quên -
Trong mắt ta thành từng dấu chấm
Trên trang đời chúng đứng rất lặng yên.

Và ánh sáng một phút giây cựa quậy:
Mặt trời hồng tròn đỏ tầm tay
Ta sực nhớ như Đất Trời dành vậy
thắp tặng ta ngọn nến
hôm nay.

Đón sinh nhật trong một lần ra biển...

Đảo Vancouver, 28.8.1996

Nguyễn Hưng Quốc

qua nét vẽ của Nguyễn Huy Thiệp trên dĩa sứ

Tên thật Nguyễn Ngọc Tuấn, sinh năm 1957, vượt biển đầu năm 1985, định cư tại Pháp từ cuối 1985, di cư qua Úc từ đầu năm 1991. Hiện dạy học tại Victoria University of Technology, Melbourne.

Tác phẩm đã in:

- *Tìm hiểu nghệ thuật thơ Việt Nam* (Quê Mẹ, 1988)
- *Nghĩ về thơ* (Văn Nghệ, 1989)
- *Văn học Việt Nam dưới chế độ cộng sản, 1945-1990* (Văn Nghệ, 1991)
- *Thơ, v.v... và v.v...* (Văn Nghệ, 1996).

Đang in:

- *Võ Phiến* (Văn Nghệ, 1996).

Trả lời phỏng vấn:

1. Tại sao viết?

Trả lời câu hỏi tương tự, cách đây mấy năm, trên tạp chí Thế Kỷ 21, tôi đặt vấn đề: tại sao người ta thích hỏi nhà văn là tại sao anh (hay chị) viết văn? Tại sao không ai hỏi cái câu hỏi tại sao ấy với những hạng người khác, với các chính khách, các bác sĩ, các luật sư, kỹ sư, hay với các nhạc sĩ, các ca sĩ, chẳng hạn? Có phải với những nghề ấy, vấn đề đã quá hiển nhiên? Đó là những nghề hoặc có tiền hoặc có danh hoặc có cả hai, đôi khi lại thêm quyền lực nữa. Người ta chỉ hỏi các nhà văn: tại sao anh/chị viết văn? Dường như người ta tò mò; trông anh (hay chị) có vẻ cũng là người học thức, thông minh, tại sao không chọn một nghề nào cho nhàn

nhã lại dại dột lao vào chốn đoạn trường, không những hành hạ mình mà còn đày đoạ cả vợ con? Tại sao anh biết, như Nguyễn Vỹ từng than, *nhà văn An Nam khổ như chó*, vậy mà anh vẫn cứ mơ mộng làm văn sĩ? Tại sao anh biết, như Nguyễn Minh Châu từng thú nhận, con đường văn chương là một con đường nhục nhằn, đau xót, đầy bất trắc, vậy mà anh cứ đeo đuổi mãi? Tại sao anh biết, như Nguyễn Du từng ngậm ngùi, thơ văn chả có ích lợi gì, *nhất sinh tự phụ tri vô ích*, vậy mà anh cứ lầm lũi viết lách? Tại sao? Cái câu hỏi tại sao ấy, từ phía độc giả, như một sự lạ lùng; về phía nhà văn, cứ như một niềm nhức nhối.

Dù sao, nó cũng tương đối dễ trả lời nếu viết văn chỉ có nghĩa là cầm bút. Lúc ấy, lý do viết văn, với người này là vì nhiệt tình cách mạng, muốn dùng ngòi bút làm vũ khí tranh đấu cho tự do, dân chủ hay công bằng xã hội; với người kia là vì tham vọng quyền lực, dẫu chỉ là thứ quyền lực hoang tưởng như Nguyễn Mộng Giác từng phân tích trên một số báo Văn Học nào đó, trước đây. Thế nhưng khó mà chấp nhận cái quan niệm dễ dãi ấy. Mấy ông Tàu ngày xưa sẽ cãi lại ta: văn, với họ, là sự hài hoà của màu sắc, phải rực rỡ, là văn thái trước khi là văn từ. Mấy ông Tây sẽ cãi lại ta: văn, với họ, là mỹ văn (belles-lettres), nghĩa là phải đạt được một trình độ nghệ thuật nhất định. Và chính ta cũng sẽ cãi lại ta: ta không từng so sánh văn với tơ, với gấm, hoặc nói theo lời Hoàng Đức Lương, tác giả *Trích diễm thi tập,* một cuốn tuyển tập thơ văn được biên soạn vào cuối thế kỷ 15, là "sắc đẹp ngoài mọi sắc đẹp; là vị ngon ngoài mọi vị ngon, không thể đem mắt tầm thường mà xem, miệng tầm thường mà nếm được" đó sao? Tự dưng tôi nhớ đến Hoài Thanh, năm 1935-36, khi cãi nhau với Hải Triều về vấn đề nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh, một lần lớn giọng: "Văn chương là vật quí có đâu được nhiều thế!". Hơi chanh chua. Nhưng đúng. Phải đâu cứ hễ có chữ là tự nhiên có văn.

Nhưng nếu hiểu theo nghĩa hẹp như vậy, câu hỏi sẽ trở thành phức tạp vô cùng. Người xưa thường giải thích: họ viết văn làm thơ là vì, nói theo chữ của Thâm Tâm, "có tiếng sóng ở trong lòng". Cái 'tiếng sóng' ấy, có người gọi là chí, có người gọi là tình. Theo Lê Quí Đôn (1726-84), mắt nhìn cảnh vật hay sự đời, lòng bỗng dưng rung động, văn chương từ đó bật ra. Ngô Thế Lân (1726 - ?) từng ví tâm hồn nhà thơ như một cây trúc, gió đến thì trúc kêu; gió im thì trúc lặng, cho nên ông mới đặt tên tập thơ của ông là *Phong trúc tập*. Sau này, Mallarmé, Dylan Thomas và nhiều nhà thơ Âu Mỹ khác cãi lại: người ta làm thơ, viết văn trước hết là vì yêu chữ, yêu cái âm vang của chữ chứ không phải vì có điều gì muốn nói. Có lẽ đúng. Thế nhưng tại sao bao nhiêu người thiết tha với chữ

nghĩa lại không hề viết văn, chỉ bằng lòng với việc đọc văn, thưởng văn? Rồi tại sao bao nhiêu người đã từng viết lách bỗng có lúc "phút linh cầu mãi không về" - thơ Hồ Dzếnh, dù tình yêu đối với chữ nghĩa không hề phôi pha chút nào cả?

Từ những ý kiến trên, ít nhất chúng ta cũng thấy được một điều: lý do viết văn, làm thơ gắn liền với cảm hứng. Nói cách khác, người ta không chọn nghiệp viết văn làm thơ một lần trong đời mà là nhiều lần, tuỳ theo nhịp điệu thường xuyên hay hoạ hoằn của cảm hứng. Tuy nhiên, một khi đã đồng nhất việc viết lách và cảm hứng thì một hệ luận đương nhiên phải rút ra là: người ta bị văn chương chọn hơn là chọn văn chương. Lý do đơn giản: cảm hứng là cái gì ngoài tầm kiểm soát của người cầm bút. Ngày xưa, ở Hy Lạp thời cổ đại, người ta cho cảm hứng là một hình thức của điên loạn, hoặc nhẹ nhàng hơn, một trạng thái thần nhập. Chính Plato cũng tin như thế, trong cuốn *Ion*, và Aristotle từng lặp lại trong cuốn *Poetics* và *Rhetoric*. Bây giờ không ai tin như vậy nữa. Thì người ta đổ cho vô thức. Viết là hình thức chấp bút những tiếng động âm thầm vang lên từ vô thức.

Quan niệm cho chọn lựa viết văn thực ra là bị văn chương chọn lựa sẽ giải thích lý do tại sao không ai có thể trả lời dứt khoát câu hỏi tại sao mình viết văn; hơn nữa, nó còn giải thích lý do tại sao nhà văn không ngớt tự đặt cho mình và cho đồng nghiệp mình cái câu hỏi: tại sao viết văn? Người ta mơ hồ ý thức là cái quyết định cầm bút không hoàn toàn tuỳ thuộc ở họ.

Cảm hứng không tuỳ thuộc ở họ, công việc sáng tác, do đó, dường như không hẳn là của họ: không có người cầm bút thực sự nào không sáng tác như một phiêu lưu. Mỗi chữ là một bất ngờ; mỗi câu là một sửng sốt. Có người còn cho là mình không viết; mình chỉ chép lại tiếng nói thầm nào đó trong mình. Với những mức độ khác nhau, có ai viết lách mà không viết theo một tiếng nói thầm nào đó? Cái câu nói nổi tiếng của Boileau "cái gì được suy nghĩ rõ ràng thì viết ra trôi chảy", nếu đúng, chỉ đúng với trường hợp những người viết văn... dở, kiểu học trò làm luận mà thôi. Điều này, có lẽ phần nào giải thích được hiện tượng vì sao các nhà văn hay có tật nói khoác: anh ta lúc nào cũng ngạc nhiên trước tác phẩm của mình. Một kỹ sư không ngạc nhiên đến thế khi nhìn cái máy do mình chế tạo ra: anh ta đã hình dung được nó từ trước, ngay trong dự án. Với nhà văn, trong công việc sáng tác, tình hình lại khác. Ngay cả khi viết xong điều đắc ý, anh ta vẫn chưa chắc đã hiểu trọn những gì mình đã viết, hơn nữa, dù hiểu, vẫn bàng hoàng: anh ta cần lời khen của người khác hoặc của chính anh để tự tin vào mình.

Tại sao viết? Riêng trường hợp của tôi, nếu phải trả lời, câu trả lời thành thực nhất chỉ có thể thế này: vì ngứa. Vâng, chỉ vì ngứa. Viết, với tôi, giống như là gãi, cả hai có cùng một nguyên do: ngứa. Một đằng là ngứa ngoài da, một đằng là ngứa trong tâm hồn. Có những lúc tự nhiên tâm hồn nổi sốt, ngứa ngáy, khó chịu, bức xúc, đòi... gãi: thế là cầm bút viết. Ngược lại, có những thời gian dài, không viết được gì cả: tôi tin đó là thời gian may mắn nhất, tâm hồn nếu không mạnh khoẻ thì cũng bình an, không bị dị ứng, không ngủ chập chờn.

Nói như thế không có nghĩa là viết nhất thiết phải là một bất hạnh. Ở đây, viết lại giống với gãi nữa: vừa đau vừa đã. Nếu tôi không lầm, hình như Nguyễn Tuân có lần ví việc viết lách với việc làm tình. Hình như thế.

2. Viết để làm gì?

Trước hết là để đã ngứa. Những mục tiêu khác, đầy vẻ cao cả, mà người ta thường nói, thật ra, là những cái đến sau. Lúc viết, tôi tin là chả có người cầm bút thực sự nào nghĩ đến những chuyện "vị" cái này, "vị" cái kia cả.

3. Viết cho ai?

Cho người đọc. Nghĩa là bất kỳ ai đó. Bài viết một khi đã được đăng báo hay in thành sách, cũng giống như thân phận con gái ngày xưa, có thể ví với dải lụa, "phất phơ giữa chợ"; có thể ví với mưa, "hạt rơi vào giếng, hạt ra ngoài đồng"; có thể ví với giếng nước, "người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân". Biết làm thế nào được. Nhưng bao giờ người ta cũng viết cho ai đó đọc. Không thể khác. Đây chính là nghịch lý của việc viết lách: viết, một mặt là vì sự ngứa ngáy trong tâm hồn của mình, nhưng mặt khác, lại để cho người khác đọc. Không ai có thể trở thành nhà văn, nhà thơ mà không cầm bút trong cái ý nghĩ: viết cho ai đó đọc, không tính toán đến cái hiệu quả từng từ mình chọn, từng hình ảnh mình dựng, từng dấu chấm, dấu phẩy mình dùng, thậm chí đến cái chỗ mình phải chấm cái dấu chấm hết. Tất cả những thủ pháp nghệ thuật ấy đều được thực hiện trong một ám ảnh: người đọc.

Nói cách khác, viết giống như gãi: vì ngứa; nhưng viết khác với gãi ở chỗ: viết là gãi mình mà làm sao cho... người khác - người đọc - lại thấy "đã". *Truyện Kiều* bắt đầu bằng câu " Những điều trông thấy mà đau đớn lòng" mà kết thúc bằng câu "Mua vui cũng được một vài trống canh" là vì thế.

4. Viết cái gì?

Viết cái mình thích. Dự định viết lách cũng giống như dự định cưới vợ: yếu tố ngẫu nhiên đóng một vai trò rất lớn. Trong cả hai trường hợp, bàn về dự định, cho dù một cách thành tâm, đều dễ gợi cảm giác là ba hoa: rất ít khi chúng đúng với sự thực.

Tôi vừa mới viết xong hai cuốn sách, một về thơ, *Thơ, v.v... và v.v...*, và một về một tác giả văn xuôi, *Võ Phiến*. Hiện, nghỉ ngơi. Cái viết sắp tới còn tuỳ thuộc vào cơn ngứa mới - chúng ta thường gọi là "hứng". Nếu nó không bao giờ tới: càng tốt.

5. Viết như thế nào?

Đánh thẳng trên computer. Đọc lại, thấy thích thì bấm vào nút 'save' rồi 'print'; không, thì bấm vào nút 'delete': trong nháy mắt, hư không lại hoàn hư không. Thật thích. Thích hơn nữa là, khác với cảnh viết bằng bút, viết trên computer, mình có thể sử dụng được phần nào sức mạnh của mình: gõ thật nhanh và thật mạnh vào mặt chữ. Để nghe được tiếng chữ kêu. Rào rào. Cạch cạch. Không phải để có ảo giác mình giống như Thuý Kiều ngày nào: "Tay tiên gió táp mưa sa" mà là để có cảm tưởng như là đang đánh lộn với chữ. Tôi không biết võ, cũng không bao giờ có ý nghĩ sẽ học võ để đánh nhau với ai cả, nhưng không hiểu sao, tôi muốn viết văn như người ta đấu võ: mỗi câu như một cú đấm. Nhanh, gọn, dứt khoát. Mỗi câu văn phải đập chát vào một cái gì. Cái gì cũng được, miễn đừng là khoảng không. Trong văn chương, thương nhất là những cú đánh hụt.

Một bài thơ cụ thể

Nguyễn Hưng Quốc

Phạm Hiếu, trên tạp chí Văn số 47 và 49 năm 1986, và Ngu Yên, trên tạp chí Văn Học mới đây, đã có bài viết khá hay về thơ cụ thể (concrete poetry). Tôi chỉ góp lời bằng cách thử phân tích một bài thơ cụ thể để may ra, qua đó, phần nào chúng ta thấy được cái "lý" của loại thơ này.

Bài thơ cụ thể tôi chọn là bài *Em đi qua đời tôi* của Ngu Yên:

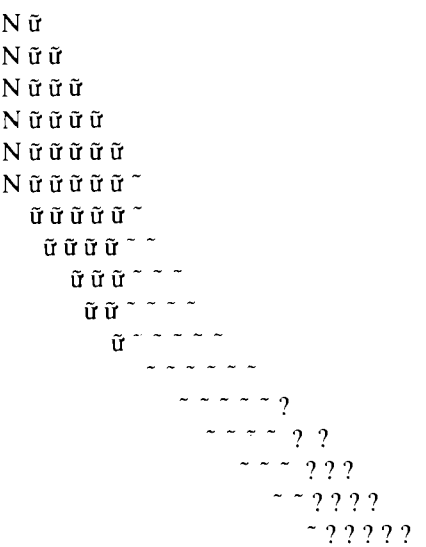

Trọn bài thơ chỉ có một chữ : Nữ. Có thể đó là tên của người được gọi là "em" trong tựa đề bài thơ mà cũng có thể là phụ nữ nói chung. Tôi có khuynh hướng nghiêng về cái hiểu sau vì, một là, bài thơ không có vẻ gì là viết về một người nào cụ thể; hai là, hiểu theo cách sau, bài thơ sẽ hay hơn hẳn. Ý nghĩa của nó là: tình yêu, trước hết, là một ý thức về phái tính. Hãy nhớ lại kinh nghiệm của thời mới lớn, thuở bắt đầu *đứng ngẩn trông vời áo tiểu thư:* với con trai, điều họ xúc động đầu tiên đâu nhất thiết phải là cô A, cô B nào nhất định. Chỉ cần là con gái, chỉ cần có một mái tóc dài, một đôi môi đỏ, một ánh mắt long lanh... là đã thấy lòng rạo rực, nao nao. "Tiểu thư" trong câu thơ của Huy Cận vừa dẫn, có thể là ai cũng được, miễn là... "tiểu thư", là con gái. Sau này, qua *cái thuở ban đầu lưu luyến ấy* - thơ Thế Lữ - người ta chọn người yêu theo nhiều tiêu chuẩn khác nhau, trong đó, không loại trừ khả năng, nói như người ta thường nói, do "tiếng sét ái tình". Tuy nhiên, ý thức về phái tính vẫn không hề mờ đi chút nào: người ta vẫn nhìn người mình yêu, trước hết, như một người khác phái (không kể những người đồng tính luyến ái, dĩ nhiên!).

Nhà thơ đón người phụ nữ vào đời mình với niềm xúc động lớn đến bàng hoàng, đến nghẹn ngào: khoảng cách giữa chữ "N" và "ữ" khá xa khiến người đọc có thể hình dung thành "Nữ... ữ". "ữ" là tiếng rên. Sự gặp gỡ mang lại thật nhiều đam mê và khoái lạc. Thời gian càng dài, đam mê càng nồng, khoái lạc càng lớn: chữ "ữ" từ một tăng dần lên hai, ba, bốn,

năm, và sáu.

Nhưng rồi, một ngày, đột ngột người con gái ấy ra đi. Cũng bất ngờ như khi nàng đã đến. Chúng ta thấy được điều đó vì chữ "Nữ" rụng mất. Từ hàng thứ bảy, chỉ còn lại những âm "ữ" lẻ loi. Chúng là dư âm của những đam mê và khoái lạc ngày trước chăng? Chúng là những tiếng rên rỉ vì đau đớn, xót thương, nhớ nhung một mối tình đã lỡ, một người tình đã xa rồi chăng? Có thể.

Có điều, dù là dư âm của một khoái lạc hay là tiếng rên rỉ vì mất mát thì tất cả cũng sẽ nguôi ngoai theo thời gian: từ câu thứ bảy, mỗi hàng lại một thụt sâu vào trong khiến bài thơ cứ nghiêng dần, nghiêng dần. Như là một dòng ngày tháng trôi qua. Từ nguôi ngoai đến quên: chữ "Nữ" mất mà cả âm "ữ" cũng biến theo luôn, chỉ còn lại những dấu ngã mờ mờ, nhạt nhạt, như những kỷ niệm đang mờ mờ phai. Xa, thật xa.

Nhưng nhà thơ không quên hẳn. Dễ gì người ta có thể quên hẳn một gặp gỡ, một tình yêu trong đời. Có khi nó lặn xuống, đâu đó. Lâu, có khi lâu lắm, nó lại thình lình thức dậy trong lòng. Không còn như một đam mê nồng cháy hay một cảm giác đau đớn nữa, mà như một ngạc nhiên, một sững sờ, một băn khoăn, một day dứt, nặng về trí tuệ hơn là tình cảm, chẳng hạn: tại sao, giữa hàng tỉ người trên quả đất này, mình không gặp ai, không yêu ai mà lại gặp, lại yêu ngay chính cái người con gái ấy? tại sao có cái sự ngẫu nhiên ấy? rồi tại sao người con gái ấy không ở lại mà chỉ đi lướt qua đời mình? đó có phải là tình yêu chăng? nhưng tình yêu là gì? tại sao, như Mai Thảo từng có lần tự hỏi:

Đặt tay vào chỗ không thể đặt
Vậy mà đặt được chẳng làm sao
Mười năm gặp lại trên hè phố
Cười tủm còn thương chỗ đặt nào.

Tự dưng tôi nhớ đến một bài thơ của Xuân Diệu có tựa đề rất gần gũi với bài thơ của Ngu Yên: "Đời anh em đã đi qua". Bài thơ như sau:

Đời anh em đã đi qua
Sáng thơm như một luồng hoa giữa đời.
Hiểu làm sao hết, em ơi
Bốn năm kỳ diệu đất trời, nhờ em.
Ngôi nhà, cánh cửa, trái tim,
Khóm cây, con mắt ngày đêm đón mừng.

Em đi, anh ngóng trông chừng;
Anh về, miệng đã gọi lừng: em ơi !
Bữa ăn thành một hội vui,
Có em gắp với, rau thôi cũng tình,
Cảnh thường cũng hoá ra xinh;
Có em, anh hết ngẫm mình hơ vơ.

Bốn năm đầm ấm, say sưa,
Tình yêu có biết hạn bờ nào đâu.
Bốn năm nhưng cũng qua mau,
Cõi trần ai có ở lâu thiên đường;
Giã từ, từ biệt đôi phương,
Đôi nơi, đôi ngả, đôi đường: khổ anh !

Bốn năm, lại khép trời xanh;
Nhớ em như một mộng lành mà thôi.
Từ đây, anh lại trong đời
Bữa cơm ngồi với một đôi đũa cầm;
Giường kia một bóng anh nằm;
Phòng văn một sách đăm đăm sớm chiều.

Muôn vàn cảm tạ em yêu
Chắt cho anh biết bao nhiêu ân tình !
Ai hay anh đã để dành
Aùng hương một thuở thơm thanh suốt đời;
Sống bằng nhớ lại nguồn vui,
Nhớ khi ôm cả đất trời cùng em...

Đây không phải là một bài thơ hay: nó không thêm được chút gì vào cái cõi thơ tình tuyệt đẹp của Xuân Diệu, trừ việc tiết lộ một số khía cạnh thú vị liên quan đến những mối tình đồng tính của ông, một đề tài chắc là khá vui mà khi nào có dịp, chúng ta sẽ trở lại. Ở đây, trong mạch liên tưởng từ bài "Em đi qua đời tôi" của Ngu Yên đến bài "Đời anh em đã đi qua" của Xuân Diệu, tôi có cảm giác, trừ đoạn cuối quá hiền lành và nhân hậu đến độ gần như giả tạo, bài thơ của Xuân Diệu cơ hồ chỉ là một đoạn văn diễn xuôi bài thơ một chữ của Ngu Yên.

Tôi phân vân: để nói những điều Xuân Diệu đã nói trong bài "Đời anh em đã đi qua", liệu người ta có thật cần đến chừng ấy chữ?

Nỗi phân vân ấy dẫn đến nhiều điều phân vân khác, rộng hơn: tại sao

bài thơ của Ngu Yên, chỉ với một từ duy nhất (Nữ), cộng với một ít ký hiệu (dấu ngã, dấu hỏi), có thể "nói" được khá nhiều, không những về lịch sử một mối tình mà còn có cả tâm trạng, tâm thái của nhà thơ, không những "nói" được hết những gì Xuân Diệu phải diễn đạt trong 30 câu mà còn "nói" được cả những gì Xuân Diệu không nói được: cái dư âm đầy thao thức của một mối tình, với những dấu hỏi lửng lơ treo miết đến tận cuối đời? Từ đó, chúng ta lại có thể đặt ra những vấn đề, trong bối cảnh Việt Nam, vẫn còn lạ hoắc, ví dụ: Vai trò của các ký hiệu phi từ vựng trong thơ ra sao? Nếu các ký hiệu phi từ vựng ấy và cách trình bày bài thơ cũng là một yếu tố quan trọng trong việc tạo nghĩa và gợi cảm xúc thì quan niệm quen thuộc cũ coi thơ là một thứ nghệ thuật thời gian liệu có còn đúng nữa không? Trong hình thức mới này của bài thơ, mối quan hệ giữa tác giả và độc giả khác hẳn so với thơ truyền thống: thực chất mối quan hệ ấy là gì? Sự thay đổi ấy có kèm theo sự thay đổi trong bản chất của thơ hay không? Nếu có, thay đổi như thế nào? v.v...

Những vấn đề nêu trên tôi đã cố gắng giải quyết phần nào trong cuốn *Thơ, v.v... và v.v...* vừa mới được nhà Văn Nghệ xuất bản. Nhưng tại sao lại là "thơ, v.v... và v.v..."? Giá như tôi đặt tựa cho bài viết này là "Một bài thơ cụ thể, v.v... và v.v..." thì có lẽ cũng thế. Cái gì mà lại chẳng vân vân, phải không?❐

CHÚ THÍCH:

* Bài này vốn là một đoạn trích (có sửa một ít) từ cuốn *Thơ, v.v... và v.v...* vừa được nhà Văn Nghệ xuất bản.

** Bạn đã đọc những bài biên khảo và nhận định sử học độc đáo của Tạ Chí Đại Trường trên Văn Học suốt mười năm qua?*

** Bạn đã yêu thích lối viết đầy sáng tạo của Tạ Chí Đại Trường qua "Lịch Sử Nội Chiến..." và "Thần, Người Trên Đất Việt"?*

** Bạn không thể không tìm đọc tác phẩm mới nhất của Tạ Chí Đại Trường:*

Những bài dã sử Việt

Sách dày 430 trang. Giá 18 Mỹ kim.
Thanh Văn xuất bản. Văn Nghệ phát hành

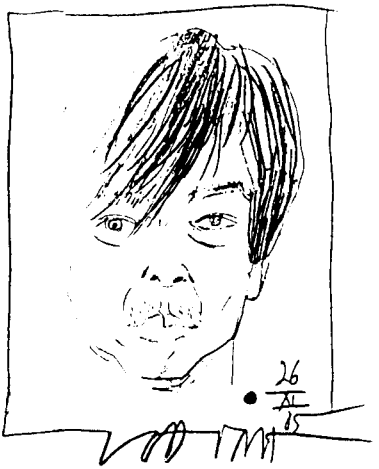

Nguyễn Bá Trạc

qua phác họa của
họa sĩ Võ Đình

Nguyễn Bá Trạc quê làng Mọc Hà Đông, sinh năm 1942 tại Huế. Học võ lòng tại trường Khuông Việt (Chùa Quán Sứ), Tiểu học Lý Thường Kiệt (Trường Sinh Từ), Hà nội, trung học Phan Chu Trinh (Đà nẵng), Học viện Quốc gia Hành chánh khóa 10, Cao học Hành chánh khóa 1 Sài gòn, Đại học USC Los Angles 1974-1975.

Cộng tác viên xã hội thuộc Cao ủy Tị nạn Liên hiệp quốc (UNHCR) và Hội Hồng thập tự Mã lai (MRCS) tại Pulau Bidong 1987-1988, sau đấy có dịp làm việc tại Phần Lan, du lịch và quan sát 26 nước ở Á châu, Mỹ châu, Âu châu.

Xuất bản *Thời Luận*, tờ báo Việt ngữ đầu tiên của vùng Bắc California (San Jose, 1980).

Cộng tác với tạp chí *Văn Học* (1985-1989), tạp chí *Thế Kỷ 21*, nhật báo *Người Việt* (Nam California), tuần báo *Dân Tộc*, nhật báo *Thời báo* (San Jose), đài phát thanh *Mẹ Việt Nam* (San Jose, 1993).

Đã xuất bản:

Ngọn Cỏ Bồng (Người Việt, 1985)
Chuyện của một người di cư nhức đầu vừa phải (Văn Nghệ, 1993)
Nước Mắt Trước Cơn Mưa, dịch (1995)
Ngọn Cỏ Bồng Toàn Tập (1995).

Lần Nguyễn Bá Trạc xuất bản lần đầu cuốn *Ngọn Cỏ Bồng* năm 1985, nhà văn Nguyễn Mộng Giác đưa ra nhận xét sau đây: "Tính chất bề bộn phóng khoáng bàng bạc khắp tác phẩm cho thấy Nguyễn Bá Trạc làm thơ không giống ai, viết văn không giống ai. Ông đứng riêng một chỗ, không

xếp hàng, không nhập cuộc, khơi khơi như dạo chơi giữa cuộc đời mà thật sự gắn bó với cuộc đời hơn ai hết.

Chính nhờ bản chất phóng khoáng độc đáo ấy mà *Ngọn Cỏ Bồng* phản ảnh được tâm trạng lưu vong một cách chân thật hồn nhiên".

Nhận định ấy, sau hơn mười năm nhìn lại, vẫn còn đúng đối với văn chương Nguyễn Bá Trạc. Cùng với Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Mai Kim Ngọc, Nguyễn Ngọc Ngạn..., ông là người góp phần tạo sinh khí cho văn chương hải ngoại những năm 80, bằng một cách viết hoàn toàn độc đáo, phá thể. Văn xuôi Nguyễn Bá Trạc là những bài tùy bút chen lẫn thơ vừa dí dỏm tế nhị lại vừa thâm trầm sâu sắc. Thơ của ông cũng không giống thơ các thi sĩ khác. Thơ Nguyễn Bá Trạc không chịu ràng buộc vào bất cứ thứ gì, phần lớn thơ chen vào mạch văn xuôi tùy bút hoặc như là phụ trang của tùy bút, làm thành một toàn thể độc đáo.

Mặc dù Văn Học thúc giục nhiều lần, Nguyễn Bá Trạc vẫn không chịu trả lời các câu phỏng vấn, bảo những câu hỏi đó đã nhàm, thấy thích viết thì viết việc gì phải hỏi viết làm gì, viết cho ai. Tuy không đồng ý với Nguyễn Bá Trạc, Văn Học cũng chìu ý ông, tạm viết vài lời giới thiệu này trước khi mời bạn đọc tiếp cận thẳng vào văn chương Nguyễn Bá Trạc.

Thư gửi bạn

San Jose, ngày không biết, tháng 3, năm 1984.
Thân gửi các anh, chị...

Hôm nay tôi nảy ra cái ý tưởng cao thượng là viết thư thăm tất cả các anh chị. Sáng nay, ngồi đây tôi đã viết thư cho cô bạn gái (một cách dịu dàng lịch thiệp), cho ông Thăng long Văn sĩ (một cách vui vẻ hớn hở để truyền cho anh ta niềm vui sướng hạnh phúc, đồng thời thuyết phục anh ta tuân theo cái khẩu hiệu: một tâm hồn minh mẫn trong một thân thể tráng kiện, không hút thuốc uống rượu).

Cái chỗ này đây, trước đây gọi là *căn gác Mùa Đông*, hôm nay đã là *căn gác Mùa Xuân*. Ngoài đường trời nắng tưng bừng. Không có ai nhăn nhó đau khổ. Tất nhiên hôm nay thứ hai, mọi người đang làm việc: khuân gạo, đổ xăng, lái xe, bán phở...Riêng tôi là biệt lệ.

Hôm qua tôi dắt con đi câu. Đứng trên cầu San Mateo, gió Cựu Kim Sơn bay lồng lộng, dưới nước cá bơi hàng đàn, tổng cộng 37 con nạp mình cho chúng tôi làm một bữa tiệc gỏi cá.

Tôi cũng bắt chước anh B. nói là: rùng mình khi nhìn cuốn sách. Tôi sắp xếp đã xong và rùng mình nhìn thấy một thập niên đã qua của đời mình. Giai đoạn qua, đầu óc rối loạn, cảm xúc rối loạn, cùng với các thay đổi,chia cách, đã bắt tôi làm thơ. Nay tôi đã khoẻ, đầu óc đã sáng sủa, điều ấy giúp cho tôi sắp xếp lại cho gọn gàng.

Tôi khỏe thiệt.

Trong nhà, con cái cười nói vui vẻ vì bố tuyên bố đã lành mạnh. Đứa nào cũng đùa giỡn, gần gũi với bố. Tôi đưa đứa con út đi chích ngừa tê liệt (quên chích thuốc nên nó bị đuổi khỏi lớp). Tôi chạy bộ. Tôi đi xe đạp chơi với con. Mọi thứ tuyệt vời, tôi đã trở lại bình thường: nghĩa là oai hùng, hiên ngang, lịch thiệp, không ngồi xệ ra một cách ê chề ngượng ngập. vẫn dịu dàng, nhưng không rón rén như đàn bà con gái.

Suốt mấy hôm nay tôi đọc thơ Đường, có đồng ý với anh G. là thơ dịch của anh B. thua anh G. xa. Tôi thấy, một trời mây mới mẻ thổi vào lòng, chắc từ nay sẽ không còn làm thơ kiểu suồng sã nữa.

Chiều qua tôi nằm trong bồn nước nóng, ngâm thơ Đông Hồ. Cái thứ thơ như tơ gấm ngà ngọc, trước đây tôi chúa ghét, hôm qua lại thấy vui sướng vô cùng:

Muôn cánh hoa vàng muôn cánh bướm
Tưng bừng yến tiệc náo lòng hoa
Mái đầu giữ lại hồn xuân rụng
Giọt ngọc rơi theo nhịp ngón ngà...

Bỏ việc không phải đi làm, khỏe quá. Trái tim đầy hòa bình. Bỗng thấy mình khá hơn đời, liếc đọc mấy tờ báo lá cải mà lòng vẫn khoan dung. Nụ cười nở trong linh hồn như đóa hoa bất tử. Giá các anh thấy mặt tôi bây giờ: Ôi, xinh đẹp lạ thường! Mấy tuần nay ngủ ngáy kỹ càng, khuôn mặt phính ra. Các dấu quầng trên mắt biến đi hết. Đi câu, phơi nắng, làm cho làn da đỏ ửng như trái hồng quân đến nỗi sáng nay ăn mặc đẹp đẽ soi gương, tôi bỗng *phải lòng* tôi y như năm 18 tuổi.

Còn khối óc hôm nay! Khối óc sáng láng đầy hợp lý, nhìn cái sái quấy của mình thì đã biết thỏa hiệp đơn giản. Nhìn cái sái quấy của người thì khinh bỉ mà không thèm để ý. Tôi ước chi có anh Thăng long Văn sĩ ở gần tôi bây giờ để học tập tốt. Tôi có khuyên anh ấy đá đít những sự đau khổ đi bằng bất cứ giá nào. Lý do rằng: mình là người rộng rãi. Không có tính bủn xỉn keo kiết. Không mặc cả. Muốn giá nào mình cũng trả, *mình không chơi với đau khổ.*

Bạn bè đến nhà tôi tấp nập mà không còn phải mời mọc van vỉ như trước. Ấy là đời. Vui người ta tìm đến. Khóc thì khóc một mình. Nhưng tôi vẫn tha thứ cho tất cả bạn tôi, vả chăng loe ngoe ở đây chỉ có mấy

mạng. Có anh sắp đi tù vì ăn *oe-phe*, đi làm hai tháng có lương chưa kịp khai, vừa rồi bị tòa chụp ảnh, đeo bảng số và lăn tay. Còn ngoài ra anh nào cũng ngoại tứ tuần, sắp chết hết, mình cũng nên tha thứ cho nhau.

Tôi muốn xuống dưới ấy chơi lại, nhưng không biết có nên la cà mất thì giờ làm việc của các anh không. Báo chí, tin tức, quảng cáo, thu tiền, tiểu thuyết, thơ văn...kể cũng toàn những chuyện lẩm cẩm, nhưng anh nào làm gì thì làm. Miễn các anh vui. Miễn các anh không thấy trống trải buồn phiền. Miễn các anh cứ tưởng là mình đang làm các công việc vĩ đại đầy giá trị.

Còn tôi? Hôm nay ngồi trong *căn gác Mùa Xuân* thả linh hồn bay lượn ngoài nắng mới. Cách đây ba hôm, bị cảnh sát bắt, khám phá ra không có bằng lái, triệt để cấm lái xe. Vậy tôi không lái nữa. Vậy tôi đi bộ trên các con đường đầy hoa thược dược. Vậy tôi ngồi đây viết thư cho các anh một cách hớn hở , tự hỏi: Tôi có chia cho các anh được chút nào cái vui sướng này không?

TB: Tôi cũng bắt đầu dịch thơ Tàu. Hay hơn thơ dịch của anh B. Tuy vậy, hay dở làm gì? Mình nói ra người ta buồn. Lần sau tôi sẽ để bụng.

Nhìn đóa phong lan mùa hè năm ấy

Đêm 30 tháng 4, năm 1984.
Thân gửi các anh chị,

Như các anh chị đã rõ, sau khi "nhà thơ" hoàn tất công việc, giao bản thảo cho nhà xuất bản, phủi tay ra về: *mặt đất rung mình*. Trời và người bao giờ cũng tương ứng như thế. Khi các *dị nhân* ra đời thì mây vàng tụ lại như một cái tán, rồng hút nước ở biển đông...Chuyện ấy, kẻ bất trí cho là mê tín dị đoan, nhưng phàm các bực lịch duyệt chuyện đời, đã sống trên bốn mươi tuổi trời thì đều hiểu rõ, không có gì nghi hoặc cả.

Để ăn mừng, cuối tuần rồi hội cắm trại Việt Nam do tôi làm chủ tịch mãn đời đã đưa tất cả hội viên tổng cộng 25 mạng già trẻ lớn bé đến công viên Alum Rock, ngồi hội họp ầm ĩ dưới trời mây nắng mùa hè: một bên là suối chảy, , ba bên kia là núi cao. Các lỏi tì đạp xe đạp, bắn súng *bi bi*, lội nước, rượt đuổi tự do. Các phụ nữ đi bộ, khoe khoang chuyện chồng con và nướng thịt. Tất nhiên phái đàn ông bàn chuyện chính trị, chuyện triết học, văn học nghệ thuật, *thử tìm một giải pháp cho thế giới tương lai*.

Hội viên Hùng (vừa đậu lại phần 1 kỳ thi nah sĩ) phát biểu: Lạ nhỉ! Bỗng nhiên từ Việt Nam kéo nhau qua đây rồi vào núi rừng ngồi nhìn nhau!

Hội viên BNT bút hiệu Bàng Hoạch kéo ghế ngồi phơi nắng cho đỡ mốc, chép miệng kêu là ở Việt Nam đi cải tạo trong rừng, qua đảo tị nạn Kuku cũng ở rừng, bây giờ lại rừng. *Đời chả có gì mới cả!*

Không! Họ than phiền thế thôi!Chứ mùa đông đã qua, cái gì cũng mới. Nắng mới. Cây ra lá mới. Đất trời đang đổi mới. Các hội viên ấy ba năm trước đi cải tạo ăn bo bo và chỉ ao ước mỗi một cục đường, hai năm rồi ở đảo tị nạn ăn toàn đồ hộp Liên hiệp quốc và viễn mơ tới các tiểu bang Hoa Kỳ...Nay họ đi *picnic*, phần ẩm thực gồm có:

- Thừa mứa bánh mì Ba Lẹ
- Lạp xưởng Mai Quế Lộ Đài loan
- Chả quế Quốc Hương
- Ruốc chà bông Hồng Kông
- Thịt bò bít tết nướng Chateaubriand
- La de Coors, Budweiser
- Cam táo California
- Cà phê Brasil
- Dưa hấu Mễ Tây Cơ.

Chưa kể các món lỉnh kỉnh khác. Hội viên con gái tôi chơi ghi-ta cổ điển bài *Romance*. Bản thân tôi, chủ tịch hội, thổi khẩu cầm ba lần bài *Hè Về* của Hùng Lân. Và suốt lúc đó, suối vẫn róc rách chảy đi...chảy đi...(ra biển, lên trời...*thiên thượng lai đôn lưu đáo hải bất phục hồi*)

Suối mơ! Những giấc mơ xa quá, cao quá khỏi tầm đời cũng là một cái phiền phức cho những con người đạp chân trên mặt đất đầy *P.C. board*, dây điện, *ticket* phạt lái xe, mìn *Claymore*, mìn muỗi...

Các giấc mơ, các tinh tú vận chuyển trên dòng sông sữa nơi hoàng tử bé đứng chống gươm nói chuyện với bông hồng kiêu căng...Thưa các anh các chị, tất cả qua rồi. Sáng mai này tôi sẽ dậy sớm đi câu, kiếm mớ cá về chiên kho xào cho tuần lễ tới. Ngày kia, tôi sẽ sắp hàng đi xin *oe-phe* để trả tiền nhà (một lão người Ý thô bỉ đúng sáng mồng một là gõ cửa, thỉnh thoảng lại giảng giải về chữ nghĩa: *học cho lắm tắm cũng ở trường* - tao ở Ý qua đây từ năm 15 tuổi đến nay không học chữ nào, chỉ đi cắt cỏ, sửa ống nước mà nay vẫn có mấy chục cái nhà cho bọn bay thuê).

Các giấc mơ đã làm cho ta ly dị đời sống và viễn mơ, viễn mơ hoài ấy...chỉ có trong thơ, sẽ vĩnh viễn ở trong thơ. Những xã hội công bằng, những khu vườn tất cả các hoa hồng nở ra tươi như nhau...ờ thì tôi lại làm thơ:

Tuần vừa qua mặt đất cựa mình
Có nơi năm chấm tám
có nơi sáu chấm hai
Bàn chân người ngả nghiêng trên trứng rạn
Chợt nghĩ ra
bèn cất tiếng cười

Ôi chiều hôm nay nhìn đóa phong lan mùa hè năm ấy
theo nguồn vui dong buồm thả gió ra khơi
thôi tạm bỏ đi bầu trời đầy nước mắt
tấm khăn tay ướt nửa kiếp con người
mỗi giọt mồ hôi mòn ba phần sinh lực
xưa có buồn nay sẽ có vui

Anh chị em bạn bè chín mười năm viễn xứ
bước đi trên góc biển chân trời
dang cánh tay mang bốn phương về lại
truyền cho nhau nhựa sống lá hoa tươi

Chiều hôm nay nhìn đóa phong lan mùa hè năm ấy
khắp hành tinh người nói chuyện người
trong tiếng reo của một ngày xán lạn
ta nối linh hồn thả gió tiến ra khơi.

Ta sẽ ra thật xa, lên thật cao, vào một hôm nào mặt đất lại rung mình *6 chấm 8, 7 chấm 5*, cái vỏ trứng móp lại, lòng đỏ nhễu ra cho cả hai ba phe vừa bàn về tài binh vừa ăn bánh mì trứng chiên.

Còn anh em chúng ta? Chúng ta sẽ cười cợt nhìn xuống tha thứ cho tất cả. Tha thứ cho bọn kiếm tiền bằng cách sản xuất vũ khí rồi xúi người ta đánh nhau. Tha thứ cho bọn cai tù hay bắt người ta phải suy nghĩ như mình. Tha thứ cho mọi thứ chân lý độc đoán và biện chứng ngược xuôi, xuôi ngược. Tha thứ cho bọn thủ lãnh: có hôm thì đập bàn, có hôm bắt tay xin xỏ, mặt mày nhăn nhó khó coi.

Ta sẽ bay lên ngọn núi hồng
sẽ ngồi trên sóng gió lông bông
cái gì không có là ta có
cái gì ta có cũng là không

Đứng nhìn đóa phong lan mùa hè năm ấy
anh chị em cất tiếng reo cười
những anh chị em bạn bè mỏi mòn sinh lực
xưa có buồn nay sẽ có vui. ❐

Điều chúng ta cần nhất hiện nay cho nghệ thuật là sự cao quí...và dĩa nhạc ***Chiều Về Trên Sông*** *là một tác phẩm cao quí, vì những ca khúc được chọn lựa, vì cách hòa âm, và nhất là vì tiếng hát cao quí của Quỳnh Giao* ***Phạm Duy***

Hãy tìm mua

Chiều Về Trên Sông

với tiếng hát

Quỳnh Giao

và hòa âm đặc sắc của Duy Cường

* Chiều về trên sông *Phạm Duy* * Từ đó khôn nguôi *Tuấn Khanh* * Khi cuộc tình đã chết *Phạm Đình Chương-Du Tử Lê* * Dạ khúc *Nguyễn văn Quý* * Nương chiều *Phạm Duy* * Dốc mơ *Ngô Thụy Miên* * Nước non ngàn dặm ra đi *Phạm Duy* * Thuyền mơ *Dương Thiệu Tước* * Đêm thấy ta là thác đổ *Trịnh Công Sơn* * Người về *Phạm Duy*

Có bán tại các hiệu sách và trung tâm băng nhạc uy tín hoặc được gửi tới tận nhà với giá biểu 15 Mỹ kim, kể cả cước phí bưu điện.

Xin quí vị liên lạc thư từ và chi phiếu về địa chỉ:
Doantrang Nguyen
P.O. Box 1445 Tustin, CA 92781-1445
Tel & Fax: (714) 733-2025

Phỏng vấn nhà văn Hồ Trường An

Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện

Nguyễn Mạnh Trinh: *Xin anh cho biết vài dòng về tiểu sử của mình.*

Hồ Trường An: Tôi tên thật là Nguyễn viết Quang, sinh ngày11/11/1938 tại làng Long Đức Đông, tỉnh Vĩnh Long (Nam Việt). Nhập ngũ năm 1968 khóa 26 trường Bộ Binh Thủ Đức. Sang Pháp năm 1977, làm đủ nghề lặt vặt và thất nghiệp nhiều phen. Hiện đang cư ngụ tỉnh Troyes, vùng Champagne (Pháp).

NMT: *Anh xuất bản tác phẩm đầu tay năm nào? Có kỷ niệm nào đáng ghi nhớ?*

HTA: Tác phẩm đầu tay của tôi là "Lớp Sóng Phế Hưng", xuất bản vào năm 1985 bằng phương pháp in ronéo lam nham như bị cá rô rỉa. Sách này biếu không cho kiều bào ở Pháp. Sau đó, vào năm 1989 nó mới được nhà xuất bản Cành Nam ở Virginia (Huê Kỳ) tái bản, in ấn đàng hoàng do anh Võ Đình vẽ bìa và vẽ phụ bản, đẹp thấy thương ghê! Còn kỷ niệm hả? Một vài độc giả quen biết sau khi đọc xong quyển này đều cho tôi cái hổn danh là *Bà Già Trầu*, thế có tức cười không anh?

NMT: *Anh đã sinh hoạt văn chương cả hai thời kỳ: trước năm 1975 ở Việt Nam và sau 1975 ở hải ngoại. Vậy anh có thể so sánh hai nền văn học nói trên? Những tương đồng và dị đồng?*

HTA: Văn chương trước 1975 ở tại cố hương thì nặng về phong trào buồn nôn quần quại theo kiểu ông Sartre. Song song với thứ văn chương bịnh hoạn đó có những nhà văn viết về hiện tình đất nước: ở tiền tuyến thì có Nguyên Vũ, Phan Nhật Nam, Cung Tích Biền, Thế Uyên, Dương Nghiễm

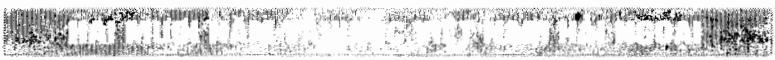

Mậu... Ở hậu phương thì có Nhật Tiến, Nhã Ca, Y Uyên v.v... Còn văn chương ở hải ngoại thì lúc đầu đa số viết tố cộng hăng quá, can không nổi! Song song mấy cây bút tràn đầy hận thù và nhiệt huyết kia là những cây bút nhớ nhà nhớ nước làm như mình không thể thích ứng vào xứ sở tạm dung. Bây giờ thì cái gì thái quá cũng lắng dịu. Điểm tương đồng giữa nền văn chương trong nước trước năm 1975 và nền văn chương hải ngoại sau 1975 là dục tính trong văn chương.

Trước năm 1975 có Thế Uyên, Đỗ Tiến Đức, Trần Đức Lai, Trùng Dương, Thụy Vũ, Túy Hồng, Lệ Hằng... Sau năm 1975 có Khánh Trường, Đỗ Khiêm, Đỗ Tiến Đức, Võ Đình, Kiệt Tấn, Anh Vân, Nguyễn Thiếu Nhẫn và Bà Già Trầu nầy.

NMT: *Anh sinh sống ở Pháp, nhưng lại có mặt ở trên các văn đàn khắp thế giới, đặc biệt là địa bàn ở Bắc Mỹ. Tại sao lại có sự kiện như vậy?*

HTA: Báo chí trên đất Pháp không sống được vì không thể lấy quảng cáo nhiều. Tạp chí Quê Mẹ tuy ấn loát và trình bày đẹp, nhưng người chủ trương nó vì lý do hay lỗi lầm nào đó không chiêu dụ được những người cộng tác có trình độ và có tầm vóc, cho nên cây bút tôi phải tìm đường vượt Đại Tây Dương sang Bắc Mỹ và Huê Kỳ. Ở những báo mà tôi cộng tác như Văn, Văn Học, Làng Văn, Thế Kỷ 21, Nắng Mới, Sóng, tôi mới có thể tìm được không khí bằng hữu. Về sau nầy, tôi viết báo cần phải được thù lao sòng phẳng nên tôi giới hạn sự cộng tác củamình.

NMT: *Viết để làm gì? Một câu hỏi cổ điển, nhưng cần thiết, xin anh trả lời giùm độc giả.*

HTA: Tôi có nhiều giấc mơ không thể thực hiện, có nhiều ẩn ức không được giải tỏa. Văn chương giúp tôi thỏa mãn một phần nào những giấc mơ đó, những ẩn ức đó. Như vậy có phải văn chương là nạn nhân của tôi không anh?

NMT: *Để rõ ràng hơn, anh cầm bút với mục đích gì? Để thành nhà văn danh tiếng? Để tâm sự với chính mình?*

HTA: Là một Phật tử thuần thành, tôi tin rằng mỗi người đều có một cái biệt nghiệp. Nghiệp ấy bắt tôi cầm bút dù thích hay không thích đi nữa. Được nổi tiếng nhờ viết lách, chu choa ơi, tôi không dám mơ cao đâu anh. Cái gì tới sẽ tới. Thiệt ra tôi dùng văn chương để tâm sự với chính tôi;

đó là người bạn trung thành của mình và chịu khó nghe mình nỉ non thổ thẻ.

NMT: *Nhìn lại hai thời kỳ cầm bút, anh thấy ở giai đoạn nào sung sức và nhiều cống hiến nhất?*

HTA: Ra hải goại tôi viết hăng nhất, xả láng nhất. Vào hai năm 1986, 1987, tôi viết cẩn thận và có nhiều suy nghĩ hơn. Về sau, dù có hứng hay không hứng, tôi vẫn viết. Tới nay, tôi có 34 tác phẩm, truyện dài có, tập truyện có, hồi ký về sinh hoạt văn chương cũng có.

NMT: *Anh thích tác phẩm nào của mình nhất? Và ghét tác phẩm nào của mình nhất?*

HTA: Trong 34 tác phẩm, tôi thích nhất ba cuốn như:"Hợp Lưu","Tạp Chủng", Đêm Xanh Huyền Hoặc". Ở ba cuốn nầy tôi có thể triển khai tinh thần Bất Nhã của đạo Phật. Cuốn "Lớp Sóng Phế Hưng" là tác phẩm đầu tay làm cho bước đường văn chương của tôi được mở rộng trong lòng người hoài hương vốn là tác phẩm cho tôi nhiều kỷ niệm đẹp. Còn 30 cuốn kia, tôi viết khơi khơi, dù vậy tôi không ghét chúng lắm đâu. Cuốn "Còn Tuôn Mạch Đời" của tôi ế thiu ế chảy làm tôi bực cả mình, không dám giở ra coi lại.

NMT: *Anh có thói quen nào khi sáng tác? Thời kỳ thai nghén có lâu không? Và phương pháp nào để diễn tả được những suy nghĩ của anh?*

HTA: Vì tôi viết nhiều về các món ăn trong văn chương nên hễ buông bút xuống là tôi xuống bếp chiên xào kho nấu món ăn cho mình. Có ăn ngon, tôi mới viết sung mãn được. Lâu lâu, tôi làm "đai-ết" có thể loại 15 ký mỡ thặng dư vì lúc mập hổn mập hào tôi sanh chứng mệt nhọc, ngồi lâu chóng mặt. Tôi thích đọc tiểu thuyết ba xu loại Harlequin, thích nghe chuyện ngồi lê đôi mách, cho nên trong đầu tôi có nhiều cốt truyện để sáng tác. Từ năm 1989 tới nay, tôi không làm văn chương nữamà làm kỹ nghệ văn chương. Tôi sáng tác một lúc hai hoặc ba cuốn tiểu thuyết. Viết cuốn nầy chán, tôi nhảy qua cuốn kia. Cho nên có năm như năm 1994 chẳng hạn, tôi viết tới năm cuốn sách, cuốn nào cũng có từ 280 trang cho tới 300 ngoài trang. Ngay như hiện giờ, từ đầu năm tới nay,(tức là tới ngày 20/6/95) tôi viết một lượt ba cuốn sách, hai cuốn đã giao cho nhà xuất bản Đại Nam và Minh Văn, còn một cuốn đã viết được 1/3 rồi. Tôi xin nhấn mạnh, hiện giờ có hứng hay không hứng tôi vẫn viết. Lúc đầu thì thấy khổ

sở, riết rồi cũng quen.

NMT: *Anh làm thơ, viết truyện ngắn, truyện dài, viết điểm sách, làm báo... Nhưng ở phương vị nào, anh thấy có nhiều cống hiến nhất?*

HTA: Tôi viết truyện dài nhiều hơn truyện ngắn. Còn viết điểm sách thì lai rai, hầu như không đáng kể. Từ năm 1980, tôi ngưng làm báo vì cực quá. Song ở phương vị nào, tôi cũng cảm thấy mình cống hiến một cái gì nếu không cho độc giả thì cũng cho mình. Còn viết điểm sách thì tôi cống hiến niềm vui cho tác giả của quyển sách mà tôi thích. Làm báo thì tôi có những lúc trở lại thời kỳ làm ký giả hồi còn ở quê nhà. Làm thơ, tôi cống hiến những rung cảm thật trữ tình thật mềm mại cho tâm hồn mình. Nhưng anh nên hiểu cho một điều, chính loạt truyện ngắn của tôi ở hai quyển "Tạp Chủng" và "Đêm Xanh Huyền Hoặc", tôi mới thật sự làm văn chương. Những truyện ngắn đó đã được các nhà văn Võ Phiến, Nguyễn Mộng Giác và Trần Vũ "chịu" lắm! Tôi nghĩ rằng có lẽ truyện ngắn về tâm cảnh, tâm linh mới là thứ cống hiến đúng nghĩa của tôi.

NMT: *Có người đã nói anh là nhà văn miệt vườn. Có phải văn phong miền Nam đã làm anh có danh hiệu riêng?*

HTA: Tôi không hiểu rõ lắm. Viết về miệt vườn, ở hải ngoại còn có các anh An Khê, Xuân Tước, Xuân Vũ, Phạm Thăng, Lê Bảo Trân nữa chi. Người nào cũng có sở trường đáng phục riêng. Gì chớ hễ ai nhắc tới Hồ TrườngAn là họ kèm theo cái hỗn danh Bà Già Trầu hoặc Phù Lưu Lão Thái. Chính anhviết thư cho tôi vẫn gọi tôi là Bà Già Trầu đó chớ. Văn phong miền Nam của tôi chưa chắc qua mặt văn phong anh Nguyễn Đức Lập. Còn kinh nghiệm sống của tôi nhằm nhò chi với bốn nhà văn đàn anh mà tôi đã kể trên.

NMT: *Anh viết về về sinh hoạt đồng ruộng rất đặc sắc, với những chi tiết về ăn uống, quần áo, phong tục... được mô tả chi ly rõ ràng. Anh là người sống ở thành phố mà sao lại am hiểu rõ ràng như vậy?*

HTA: Anh giỡn hay sao đó? Tôi là dân ở thành phố bao giờ? Sanh quán tôi thuộc vùng nửa chợ nửa quê. Đó là cái xóm Thiềng Đức ném về ngoại ô tỉnh Vĩnh Long. Thuở 11, 12 tuổi, tôi theo má tôi đi theo ghe thương hồ. Trước đó, hồi năm 1945, gia đình tôi tản cư về miệt Hỏa Lựu (Rạch Giá), sau đó xuống vùng Chắc Băng, U Minh thượng, những chỗ

khỉ ho cò gáy ấy mà. Bởi anh chỉ có điện đàm với tôi một lần nên chưa biết cái ngôn ngữ quê trân quê trết của tôi. Khi ra hải ngoại viết về miệt vườn, tôi quên khá nhiều cuộc sống dân quê. Nhưng không lo, tôi có nhiều dịp tiếp xúc với các ông già ống vố, các bà già trầu. Sự nghiệp văn chương miệt vườn của tôi được hình thành qua những cuộc ngồi lê đôi mách, những cuộc ăn nhậu. Gặp được một bà già trầu rành về các món ăn, các thứ hàng vải, nữ trang vào thập niên 30, tôi cứ bám bả riết.

NMT: *Trong những truyện ngắn truyện dài của anh, hư cấu chiếm bao nhiêu phần trăm và đời sống thực chiếm bao nhiêu phần trăm còn lại?*

HTA: Cái đó không thể ước lượng được. Nhưng có lẽ hư cấu lấn lướt sự thực hơi nhiều. Nhưng theo tôi, có hư cấu nào mà không bắt nguồn từ sự thật đâu anh?

NMT: *Anh là người để ý đến màu sắc và am tường nhiều về quần áo, son phấn, trang sức trong văn chương... Đó là một sở thích hay là một cố công trong việc diễn tả của anh?*

HTA: Thích mê chớ bộ! Tôi không hiểu tại sao tôi có cái đam mê kỳ cục ấy? Có lẽ tâm hồn tôi có một nửa sở thích của phái yếu chăng?Và hình như nhà văn Henry James cũng thích miêu tả quần áo đẹp củađàn bà. Danh sĩ Tào Tuyết Cần mà tả chị Vương Hy Phượng trong "Hồng Lâu Mộng" cũng tỉ mỉ từ quần áo, dải thắt lưng cùng trâm cài lược giắt. Vương Nguyên Mỹ trong "Kim Bình Mai" tả Phan Kim Liên, Ngô Nguyệt Nươngcũng tỉ mỉ có kém chi cách miêu tả của Bà Già Trầu thành Troyes nầy.

NMT: *Anh viết truyện với văn phong hình dị, nhân vật nào cũng đáng yêu, kể cả những người đáng ghét. Và phần đông kết cuộc đều có hậu. Có phải anh là người vui về với cuộc sống và luôn luôn thấy mọi điều an lành?*

HTA: Cuộc đời tôi không phải suôn sẻ đâu anh. Cũng bị thói đời ihành hạ nhừ tử chớ bộ. Nhưng tôi vốn dễ quên, không buồn lâu, không thù ghét ai lâu. Như đã nói, tôi là Phật tử, tôi thích tìm cái ngọt ngào trong cái nhạt thếch của cuộc đời. Miếng cơn lạt nếu nhai kỹ thì mình sẽ thấy ngon ngọt, có phải không anh? Vả lại, hồi còn ở quê nhà, tôi ưa xem hài kịch. Hề đực, hề cái, hề lão, hề mụ nào cũng được tôi hâm mộ hết mình.

Không khí trong các tác phẩm của tôi vui nhộn là bởi lẽ ấy. Và anh thử đặt lại vấn đề: nếu tôi viết cái kết cuộc không có hậu thì độc giả sẽ nghĩ sao? Sẽ bỏ tiền ra mua sách tôi không?

NMT: *Với ảnh hưởng bàng bạc của Phật giáo và của Thiền Tông, văn chương của anh đã có nhiều nhân vật phiêu diêu thoát tục. Vậy trong đời sống của anh, sinh hoạt của anh có giống như các nhân vật kể trên không?*

HTA: Nếu anh cảm nhận tinh thần Phật giáo trong một vài truyện ngắn của tôi thì tôi đội ơn anh lắm. Những nhân vật "phiêu diêu thoát tục" đó không giống tôi một chút nào. Họ là những mẫu người mà tôi mơ ước trở thành; nhưng những giấc mơ ấy coi bộ khó thực hiện anh ơi! Tôi là thứ người nửa đục nửa trong, nửa chay nửa mặn, khi Phật khi ma giữa trò đời hư ảo nầy.

NMT: *Khi cầm bút, anh chú ý đến những gì nhất? Bố cục, đề tài, nhân vật, phong cách?*

HTA: Tùy theo từng lúc, có quyển tôi xây dựng bằng nhân vật trước, có quyển tôi xây dựng bằng địa danh trước, có quyển tôi chọn cốt truyện trước rồi mới chọn chơn dung nhân vật, địa danh, phong cảnh... sau. Có lẽ tôi không đặt cho mình một tiêu chuẩn cố định và cứng ngắc trong lúc viết văn.

NMT: *Anh quan niệm thế nào là mẫu người bình thường trong văn chương? Thế nào là mẫu người bất thường?*

HTA: Mẫu người bình thường trong văn chương là mẫu người chấp nhận cuộc sống và tuân theo những nguyên tắc của đời sống. Còn người bất bình thường trong văn chương là người không bằng lòng với cuộc đời, xóa bỏ lề thói và nổi loạn ngầm hay nổi loạn ra mặt. Những nhân vật của Thanh Tâm Tuyền trong "Cát Lầy", "Mù Sương", "Tiếng Động" đều bất bình thường. Chúng giống những nhân vật của ông Dostievsky trong quyển "Les Possédés".

NMT: *Và tiếp theo, thế nào là một nhân vật đẹp: hoàn toàn xấu, hoàn toàn tốt, hoặc trộn lẫn cả hai?*

HTA: Trong văn chương, một nhân vật được miêu tả đúng mức và

sống thực là nhân vật đẹp. Con người có tốt có xấu, nếu miêu tả được cái tốt lẫn cái xấu của một nhân vật đúng mức và sống thực thì nhân vật đó trở thành nhân vật đẹp trong văn chương và nghệ thuật ngay.

NMT: *Anh nghĩ thế nào về tình yêu? Trong văn chương, anh có những mẫu người có lối yêu đương khác với người thường. Điều ấy, có phản ảnh một điều gì trong đời sống của anh không?*

HTA: Yêu đương chân thành thì đẹp ở văn chương và ở ngay cuộc đời luôn nữa. Đừng dối trá, đừng che mặt nạ. Duy có điều người đồng tính luyến ái yêu đương trong văn chương sẽ làm cho người bình thường tức là người yêu kẻ khác phái (hétérosexual) hơi nhột nhạt sượng sùng. Nếuviết những pha làm tình của bọn *gays* thì nên viết một hai câu bóng bẩy cũng đủ. Đừng kéo dài quá đâm ra trơ. Những tình yêu bất bình thường trongquyển "Hợp Lưu" của tôi (chứ không phải trên tạp san Hợp Lưu đâu nhé) đều phản ảnh những khao khát thầm kín của tôi khi tôi bắt đầu viết cuốn đó. Giờ thì tôi sống tràn đầy và nguyên vẹn cuộc đời tôi, đâu còn gì để khát khao nữa?

NMT: *Anh nghĩ gì về dục tính trong văn chương? Nếu có những mô tả táo bạo, anh có nghĩ mình làm công việc của người viết văn khiêu dâm không? Hay chỉ coi là một chuyện bình thường của kẻ bình thường?*

HTA: Tôi thích viết về tình dục trong văn chương. Đó là tại tôi quan niệm làm tình là nhu cầu của chúng ta nếu không thường nhật thì cũng hằng tuần. Không lẽ văn chương chỉ bắt người ta suy tư về cuộc đời, bắt người ta sống bằng tình cảm suông trơn thôi hay sao? Lẽ nào chỉ có bộ óc và trái tim được nhà văn khai thác tối đa? Còn cái bao tử và cái *sex* lẽ nào không được nói tới hay sao? Anh thử nghĩ coi, hằng ngày cái bao tử bị con người bỏ quên thì nó sẽ gào lên trầm thống. Còn cái *sex* lẽ nào không thể chi phối ý nghĩ chúng ta trong một giây phút nào đó của một ngày hay sao? Cho nên viết về chuyện ăn uống hay viết về tình dục trong văn chương, tôi nghĩ đó là sự tự nhiên. Tác phẩm văn chương nào bị khai thác nhiều về chuyện làm tình không cần thiết mới là quyển sách khiêu dâm. Nhưng ở quyển "L'Amant de Lady Chatterley" của D.H Lawrence thì xuyên qua tình dục, độc giả nắm bắt niềm ham sống của nữ nhân vật chánh Constance Chatterley và cách sống thành khẩn của bà ta. Đọc quyển sách đó xong, chúng ta cảm thấy yêu thêm đời sống. Luôn tiện, cho anh hay luôn, các quyển "Tình Trong Nhung Lụa", "Tình Đẹp Đất Long Hồ" và "Vùng

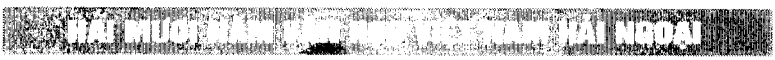

Thôn Trang Diễm Ảo" của tôi (tất cả do Đại Nam xuất bản) thường có bốn cuộc làm tình sắp lên, cuộc nào cũng được miêu tả hai ba trang chữ vừa. Làm tình trong ánh bình minh trắng như bạc pha lỏng. Làm tình trong ánh hoàng hôn màu cam. Làm tình trong ánh trăng mông lung, trong ánh bạch lạp chập chờn, trong đêm mưa giao mùa, tôi nghĩ chắc không đến nỗi bẩn thỉu lợm giọng lắm đâu!

NMT: *Anh có nghĩ rằng nhà văn phải là người có những suy nghĩ đi trước hiện tại, nghĩa là nói lên được những suy nghĩ về tương lai? Điều ấy có phản ánh nào trong văn chương của anh?*

HTA: Hình như tôi chưa đặt vấn đề nầy cho mình. Tôi là Phật tử, thích sống cho phút hiện tiền, bỏ quá khứ sau lưng và xóa tương lai trước mặt. Vả lại tôi đâu có quá nhiều tham vọng để có thể viết những gì như anh vừa nêu ra?

NMT: *Anh có viết những loạt bài ghi nhận những chân dung văn chương mà anh quen biết. Anh có thích thú với công việc nầy không? Và có ý định qua những phác họa kể trên để độc giả có thể mường tượng lại một phần nào sinh hoạt văn chương mà họ đang sống?*

HTA: Thích lắm anh ơi! Nhưng những cuốn viết về các khuôn mặt văn chương coi bộ bán không trôi nên tôi thua buồn quá, chẳng có dự định gì nhiều. Dù sao trong năm nay, quyển hai trong bộ ký sự văn chương"Chân Trời Lam Ngọc" cũng sẽ trình làng. Sau đó tôi chuẩn bị quyển ba.

NMT: *Anh mô tả những chân dung phái nữ rất linh động. Điều ấy, có phản ánh điều gì trong tâm tính và suy nghĩ của anh?*

HTA: Đàn bà trong văn chương của tôi đều là những người tôi quen biết, họ có phải là hình bóng, phản ảnh, bản sao của tôi đâu? Có điều tôi giống họ ở chỗ mê ăn quà, thích ngắm màu tươi sắc thắm và thích nghe chuyện ngồi lê đôi mách. Chất liệu trong văn chương tôi đó anh à. Hồi nẫm, bên Pháp có nhà văn Marcel Proust viết về chuyện ngồi lê đôi mách tuyệt vời. ổng là dân tháp ngà, nhưng đã có mụ quản gia của ổng kể lại cho ổng nghe chuyện tranh đua ghen tị, cùng những cá tánh hài hước của đàn bà, ổng chỉ có dàn xếp rồi đưa vào bộ "Đi Tìm Thời Gian Đã Mất"mà thôi.

NMT: *Đời sống tất bật ở xã hội tạm dung có ảnh hưởng nào đến công việc sáng tác của anh không?*

HTA: Không bao giờ có. Tôi không bao giờ sợ lúc thất nghiệp lâu, cũng không thấy đi làm là cực. Tôi có nguyên tắc riêng biệt để sống. Tuy nhiên, từ khi rời nước, tôi giống mấy người già cả, luôn mơ tưởng tới quãng đời vào các thập niên 50, 60 ở quê nhà. Tật nuối tiếc dĩ vãng, sự hồi tưởng thuở còn trẻ trung tuy vậy đối với tôi không phải là điều dở đâu. Nó giúp tôi viết chi li tỉ mẩn những quyển tiểu thuyết có bối cảnh xảy ra vào hai thập niên ấy như "Trang Trại ThầnTiên", "Tình Đẹp Đất Long Hồ, "Vùng Thôn Trang Diễm ảo", "Chân Trời Mộng Đẹp, "Thuở Sen Hồng Phượng Thắm" v.v... Bởi đó, anh cũng thấy tôi chưa bao giờ viết những quyển phản ảnh cuộc sống bon chen ở đất tạm dung như đa số nhà văn khác.

NMT: *Như vậy anh viết đều tay. Mỗi năm anh đều có 3, 4 tác phẩm được xuất bản. Nguyên do nào anh giữ được phong độ như vậy?*

HTA: Hầu như trong suốt một tuần lễ, ngày nào tôi cũng viết. Mỗi ngày, tôi chịu khó cứ ngồi trước máy computeur hay trước bàn viết. Và tôi viết cho độc giả đọc chớ không phải chỉ viết cho riêng mình. Nhờ đó mà sách của tôi tuy bán lai rai mà bán được hoài. Có vậy tôi mới hăng hái viết xả láng chớ bộ.

NMT: *Theo anh, có sự khựng lại trong sáng tác của những cây bút ở hải ngoại không? Nếu không, tại sao? Nếu có, anh có thể cho biết một vài nguyên nhân tiêu biểu.*

HTA: Có sự khựng lại anh ơi! Trước hết là tại sự suy thoái của nền kinh tế toàn cầu. Kế đó là các bạn văn của chúng ta cứ lầm lũi viết cho mình mà chẳng cần tới độc giả. Cái tệ nhất là nhà văn ưa chứng tỏ mình là kẻ thông thái, làm như mình là tư tưởng gia có thể hướng dẫn độc giả tới những vấn đề viễn thâm. Theo tôi, viết để mình sướng mà không cần sẻ chia niềm sung sướng cho độc giả, nhà văn trở thành một thứ thủ dâm cho văn chương mình. Bởi đó, văn chương hải ngoại riết rồi sa lầy vào tình trạng tác phẩm cứ trình làng nườm nượp, còn độc giả chỉ có mấy ngoe. Đó cũng giống tình trạng đĩ điếm thì nhiều mà khách tìm hoa thì ít oi thê thảm!

NMT: *Anh nghĩ thế nào về hiện tượng văn chương nữ giới rất đặc biệt của văn học hải ngoại?*

HTA: Phong trào văn chương nữ giới ở hải ngoại chỉ rầm rộ trong hai năm 1987 và 1988 rồi tắt ngủm dần. Nữ giới ở hải ngoại tham gia vào văn chương khá nhiều, nhưng không ai dám dấn thân như các bà TrùngDương, Thụy Vũ, Túy Hồng, Nhã Ca, Nguyễn Thị Hoàng, Lệ Hằng ở quê nhà trước 1975. Tuy nhiên khi ra hải ngoại, sách của bà Nhã Ca và của bà Lệ Hằng cũng chỉ bán cầm chừng. Còn bà Trùng Dương không còn can đảm theo đuổi văn chương nữa. Từ lâu tôi sinh buồn, lại không có thời giờ xem tác phẩm của các bà nữa.Tôi cũng rất buồn là thấy văn chương bỏ các bà chớ không phải các bà bỏ văn chương đâu.

NMT: *Anh nghĩ gì về sự giao lưu văn hóa giữa trong nước và hải ngoại? Bây giờ và trong tương lai?*

HTA: Tôi không khảo cứu gì về văn hóa, lại dốt và ghét chính trị. Bạn văn đến với tôi ở phe chống hay phe theo hiện tượng giao lưu cũng đều là bạn cả. Có lần đến dùng cơm tại nhà chị Thụy Khuê, tôi có gặp ông Bùi Tín. Ông ta phong nhã và dễ thương lắm! Ông nói về cuộc sống của những người trong Nam ra ngoài Bắc tập kết hồi sau hiệp định Génève, nghe mà mê luôn! Ông ta có cái tế nhị là trước một kẻ cà lơ phất phơ về thời cuộc như tôi, không bao giờ ông ta nói đến chính trị. Vấn đề mà anh vừa nêu ra lọt qua lãnh vực chính trị nên tôi không nắm vững một sợi tóc hay một cọng lông của nó.

NMT: *Anh có đọc những nhà văn trong nước như Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Bảo Ninh... Nếu có thể, xin anh một vài nhận xét?*

HTA: Nói ra thì anh cười tôi lạc hậu, kẻ thích loại văn chương ngồi lê đôi mách như tôi thì làm sao tôi tìm đọc sách của các ông và bà đó? Nhưng tôi vẫn thấy báo chí nhắc tới họ nhiều. Thôi nghe, không có ý kiến gì hết trọi. Chỉ có điều là qua ảnh chụp, tôi thấy bà Dương ThuHương đẹp quá, nụ cười ngọt ơi là ngọt!

NMT: *Có phải văn học trong nước có đổi mới sau những thay đổi về cơ cấu kinh tế?*

HTA: Chắc anh rõ điều nầy hơn tôi. Tôi ở đây chẳng có đủ sách để

theo dõi vấn đề nầy. Anh có biết sách báo nào thì làm ơn chỉ cho tôi biết để đọc coi ra sự thể ra sao?

NMT: *Tương lai của văn học Việt Nam hải ngoại? Sẽ hội nhập vào nền văn học bản xứ hoặc nhập chung và giao lưu với dòng văn học ở quê nhà?*

HTA: Cho tôi xin khất những vấn đề cao xa đó. Viết thì cứ viết. Lo sách bán có chạy hay không rồi mới nghĩ tới chuyện nhập vào nền văn học bản xứ hoặc nhập chung và giao lưu với dòng văn học quê nhà. Một tác phẩm mà bị kiểu bào lãnh đạm thì chưa chắc đồng bào ở quê nhà tha thiết tới. Vả lại nền văn học ở hải ngoại vốn không có tương lai. Tôi còn nhớ trong quyển "Việt Lý Tố Nguyên" của Linh mục Lương Kim Định có cho rằng theo quẻ diệc, người Tầu mà xa hai con sông Hoàng Hà và DươngTử thì khó mà làm văn hóa. Còn người Việt chúng ta mà xa con sông thiêng Cửu Long thì cũng không thể làm văn hóa được. Nghĩ tới điều nầy mà tôi không có chút hoài vọng cao xa về sự nghiệp văn chương của mình.

NMT: *Anh thỉnh thoảng có làm thơ. Có thể nói anh hơi lãnh đạm với nàng thơ, đúng không? Tại sao vậy?*

HTA: Thiệt tình thơ tôi không tệ, nhưng nó không có gì đặc biệt: khúc đầu của thơ thì giống thơ ông nầy, khúc cổ và khúc ngực thì giống thơ ông nọ, khúc eo và khúc mông thì giống thơ ông kia, khúc đùi và khúc bắp chân cùng bàn chân của thơ thì giống thơ của ông khác nữa. Cho nên tôi thua buồn, chẳng muốn gom góp thơ để in thành tập làm gì.

NMT: *Anh thích nhà văn ngoại quốc nào nhất? Và ghét nhà văn nào nhất?*

HTA: Tôi thích nhà văn Oscar Wilde qua cuốn "Le Portrait de Dorian Gray". Nếu nhìn tác phẩm đó qua nghiệp thức chiêu cảm nhà Phậtt hì thập phần thống khoái! Ngoài ra truyện "Râshomon" (Lã Sinh Môn) của Akutagawa Ryunosuke nói về cái nhìn chia chẻ của bọn phàm phu nên họ không nắm bắt chơn lý toàn vẹn. Cuốn sách nầy xiển dương tinh thần Phật giáo thật sung mãn huy hoàng, nhưng tác giả không dùng một chữ nào trong kinh kệ, cũng không gọi Phật và Bồ tát ơi ới! Trước đây, tôi không ưa ông Satre vì ổng ưa "quậy" quá! Giờ đây nhà văn nữ Marguerite Duras cho rằng ông Sartre không phải là nhà văn mà cũng chẳng phải là triết gia vì ổng ưa ôm đồm nhiều lãnh vực nên không đào sâu được lãnh

vực nào. Còn nhà văn Jacques Laurent thì viết nguyên một cuốn sách phân tích từng tác phẩmcủa ông Satre, phân tích từng điểm một rồi kết luận ông ta chưa đáng làm một nhà văn và chưa thể trở thành một triết gia. Riêng triết gia lỗi lạc đương thời là Michel Serre thì không coi triết gia Sartre vào đâu. Và ông nầy còn cho biết rằng hiện nay bọn trí thức Tây Âu đều coi thường ông Satre. Thấy nhiều kẻ "bề hội đồng" xác chết của ông Satre hơi kỹ nên tôi hết ghét ổng rồi. Tôi vốn ghê tởm bọn triết gia lập thuyết nầy hay lập thuyết nọ. Con người phàm phu đâu thể nắm bắt chân lý nguyên vẹn, mà chỉ nhận rõ được một số vấn đề thôi. Ai đó bày đặt lập thuyết thì chỉ tổ làm cho sanh linh đồ thán. Thuyết hiện sinh của ông Satre vậy mà có một thuở được mọi người tôn sùng. Ghê quá! Chắc ông Sartre hay ông Karl Marx chưa biết được câu danh ngôn của Lão Tử: "Thầy thuốc lầm thì giết một bịnh nhơn. Nhà chánh trị lầm thì làm hại một nước. Nhà văn hóa mà lầm thì làm hại cả một thế hệ".

NMT: *Anh thích nhà văn hải ngoại nào nhất? Và ghét nhà văn nào nhất?*

HTA: Tôi thích một số nhà văn, nhưng thích nhất một người thì không. Nhà văn ở hải ngoại thường là những nhà văn hiện thực, hoặc đi lên cao hơn một chút là những nhà văn tân hiện thực. Tuy có nhiều nhà văn đầy tham vọng, nhưng họ chưa học phép đằng vân để bay cao. Rốt cuộc họ chỉ viết những câu õng ẹo làm dáng, những đoạn tối tăm phiền nhiễu cốt làm cho độc giả ngờ ngợ sau cánh rừng chữ nghĩa rườm rà của họ có ẩn tàng một điều gì huyền nhiệm lắm. Nhà văn Võ Phiến là nhà văn lớn từ trong nước cho đến khi ra hải ngoại. Nhưng ổng chỉ viết những tác phẩm có vài tư tưởng mà chưa thể gọi là một tư tưởng gia. Còn ghét hả? Ôi nhà văn nào mà chẳng có cái đáng yêu song song với cái đáng ghét trong văn chương? Tuy nhiên, tôi chẳng ghét ai cả, bởi tôi không bao giờ có mặc cảm tự tôn với ông nầy và mặc cảm tự ti với ông nọ.

NMT: *Anh có nghĩ trong thời gian sắp tới, những nhà văn V.N sẽ bước vào văn đàn quốc tế bằng những tác phẩm Anh ngữ hoặc Pháp ngữ hoặc được chuyển ngữ từ Việt ngữ?*

HTA: Tôi rất hy vọng, anh ơi! Những nhà văn V.N mà trở thành quốc tế thì làm thơm lây cho cả văn đàn dân tộc mình. Đó có khác nào một chút bột vanille có thể làm thơm ngát cả một tảng bánh lớn.

NMT: *Một điều khá đặc biệt, anh ít viết truyện về thời kỳ chiến tranh*

vừa qua với những khốc liệt của nó. Tại sao vậy?

HTA: Anh ơi, từ năm 1968 cho tới năm 1972, tôi làm việc ở văn phòng tại chi khu Dầu Tiếng. Đây là vùng tuyến lửa, chuyện chết chóc xảy ra hằng ngày. Tôi còn phải tham gia những chuyến Dân sự vụ,đến những vùng xôi đậu, những vùng bị bọn Việt Cộng tạm chiếm, kể cũng nguy hiểm lắm. Bởi chứng kiến nhiều chuyện tóc tang, nhiều bạn bè tử trận nên tôi không muốn nhớ lại bằng cách nầy hay cách khác. Từ năm 1968 cho tới nay, tôi đâu đã có một gia đình thật sự. Cho nên khi viết văn tôi thích trở về khung cảnh gia đình sum hiệp vào thuở tiền chiến hoặc hồi trào ông Diệm hơn.

NMT: *Biến cố 30/4/75 có ảnh hưởng nào đối với anh, về đời sống cá nhân cũng như đời sống cầm bút?*

HTA: Sau ngày 30/4/75, tuy thỉnh thoảng có đi làm thủy lợi, nhưng tôi chỉ biết bán chợ trời lai rai rồi được cha mẹ và bạn bè nuôi cơm, cho tiền xài phủ phê. Vẫn vui như Tết chớ bộ. Tôi cũng được anh Lữ Phương, Thứ Trưởng Bộ Văn Hóa của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam giúp đỡ làm công việc thanh lọc văn nghệ phẩm được một tháng. Tôi cứ việc xếp hạng các tác phẩm nào phản động với chủ nghĩa Cộng sản, tác phẩm nào đồi trụy, tác phẩm nào tốt với đường lối cách mạng của họ. Sau đó tôi viết truyện thiếu nhi cho tờ nhật báo Tin Sáng cũng chỉ được ba tháng rồi bị họ cho gie.

NMT: *Một ngày của nhà văn Hồ Trường An.*

HTA: Đó là một ngày của kẻ độc thân kinh niên. Hễ week-end thì tôi đi dạo đồng quê, đi chơi rừng, chơi hồ hoặc đi Paris mua sắm và ăn hàng. Thỉnh thoảng tôi dự các bữa dạ yến, các cuộc tiếp tân ở Paris. Từ năm 1981 tới nay, tôi không có dịp khiêu vũ nữa. Còn ba năm nữa tôi tới sáu mươi tuổi rồi anh ơi! Lật bật đã hơn 18 năm lưu vong rồi đó!

NMT: *Anh có giấc mơ nào lớn không?*

HTA: Có chớ anh. Nhưng nói ra ngượng lắm. Giấc mơ lớn mà phơi bày cho mọi người biết thì thộn lắm, chuế lắm, anh ơi!

NMT: *Anh mô tả khuôn mặt nhiều người nhưng chưa mô tả chính*

mình bằng thể loại tự truyện. Anh có ý định sẽ làm công chuyện đó không?

HTA: Anh yên chí, tôi sẽ viết hồi ký. Đó là quyển "Trôi Theo Dòng Mực". Từ hồi ký trợt té qua tự truyện mấy hồi, hén anh?

NMT: *Dự trù cho công việc sắp tới của anh?*

HTA: Tôi sẽ viết một cuốn tập truyện ma đồng quê nhan đề là"Trên Đất Tân Bồi", một tập truyện nghiêng về tâm cảnh nhan đề "Hướng Cá Khe Chim Núi", hai truyện dài là "Hiền Như Nắng Mới" và "Chiếc Quạt Tôn Nữ". Cách đây một tháng tôi đã trao cho nhà xuất bản Minh Văn quyển"Bóng Đèn Tà Nguyệt"... Ngoài ra, tôi cũng vừa viết xong quyển truyện dài "Đàn Trăng Quạt Bướm" để cho Làng Văn tiếp tục đăng lai rai. Đó, anh coi có phải Bà Già Trầu làm kỹ nghệ văn chương hay không?

NMT: *Câu chót dành để cho Hồ Trường An tâm sự với độc giả.*

HTA: Xin cám ơn độc giả hải ngoại đã nuôi dưỡng sự nghiệp văn chương của Bà Già Trầu. Trong số độc giả dễ thương đó có cô bạn Khánh Ly, dù hồi ở quê nhà cô và tôi ưa học hắc nhau. Suốt 25 năm qua, cả hai chưa bao giờ gặp mặt nhau, dù có hai lần cô điện đàm cho tôi. Cô Khánh Ly có khoe mua gần trọn bộ các tác phẩm của tôi. Sau nữa cũng cám ơn nữ ca sĩ Trúc Mai. Cô Mai có nhờ bà bạn Mỹ Hòa của tôi làm cách nào mua trọn bộ các tác phẩm của Hồ Trường An. Có điều kỳ lạ là tôi ưa nói xấu đàn bà trong văn chương, ưa hài cái tật cà chớn của họ, nhưng tôi lại có nhiều nữ độc giả hơn nam độc giả. Ngộ thiệt!❐

Tìm mua ngay tại các hiệu sách:

MARIE SẾN

tiểu thuyết của Phạm thị Hoài

Một nhận định dữ dội cay đắng về giới trí thức Việt Nam
Một bút pháp quyết liệt chưa từng thấy ở một nhà văn nữ
Thanh Văn xuất bản. Văn Nghệ phát hành. Giá 10 Mỹ kim.

Nếu không tìm thấy ở các hiệu sách địa phương, xin liên lạc:
Nhà xuất bản Văn Nghệ
P O Box 2301 Westminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

Chiều ngồi xem báo ở Los Angeles

TRÚC CHI

Tặng Vĩnh Ấn

Rock may bear signs of ancient life on Mars
(Viên đá có thể mang vết tích sự sống cổ đại trên Hỏa tinh)
Los Angeles Times, 8/7/96

triệu triệu năm trường vương quỹ đạo
lòng mang ấn chứng thuở ban sơ
này đá lãng du từ vạn cổ
dấu vết cuộc đời thế thôi ư?

nào đâu đau khổ đâu trầm luân
dâu những vết thương chưa gắn hàn
dâu thời sao hỏa chưa thành lửa
thuở giá băng còn là giá băng

một chút hình hài trong sỏi đá
một thoáng nhân duyên với địa cầu
nằm trong thể phách mong manh ấy
mà tinh anh cũ lạc về đâu?

cuộc sống nào đây trên hỏa tinh
móng lên giữa khúc Thái Dương Hành
rồi về vạn cổ, rồi im lặng
cùng thuở ban đầu chưa trót sinh

hàng triệu vì sao đã mất hình
mà bóng còn trôi ngoài vô biên
buổi nào lạc lõng bờ nhân thế
có nhận giùm cho một chút tình

bởi ở bên ngoài hệ Thái Dương
hay quẩn quanh đây bốn vách tường
bao lâu chưa biết đâu bờ bến
chưa biết buổi đầu chưa vấn vương

thì vẫn muôn đời tâm sự ấy
vẫn chút cô đơn, chút lạc loài
Thái Không lờ lững ngàn sao nọ
biết có muôn đời ai quen ai

hay vẫn ngàn năm chuyện nước mây
chuyện đông tàn lụi thu hao gầy
chuyện hè con cuốc kêu thành máu
chuyện xuân già, tươi nhất chi mai

này gió trùng dương mây viễn khơi
ngàn năm sỏi đá dẫu không lời
vẫn mối hoài tư trầm lặng ấy
theo hải âu về trôi đơn côi

hoa sóng long lanh trắng cả chiều
bãi dài cô quạnh một nhành rêu
này đá hồng hoang tìm viễn mộng
ngoài kia vũ trụ có cô liêu?

Sự sống nào trong viên sỏi lạnh
có chở tình trong chuyến độc hành?
xui lòng trái đất chiều nay cũng
dõi bước Thơ đi, bước một mình

đành thôi sỏi đá cũng lênh đênh
rồi vụn rồi tan trong vận hành
mà tinh anh nọ còn muôn thuở
từng bước theo Thơ, bước một mình

này đá giang hồ qua vạn đại
nhớ chăng lời nhắn buổi đăng trình
rằng: giữa Thái Hư lồng lộng ấy
Thơ vẫn ngàn năm bước một mình.

Jessica

Hoàng Chính

Đứa con gái tóc vàng. Đôi môi tròn, vểnh cong lên ở đầu chóp môi, trông như hình trái tim sắp vỡ. Nhất là khi cặp môi ấy nhếch lên với những lời châm chọc, cái hình trái tim ấy vặn vẹo như thể đang khô lại, và sắp tan thành những mảnh vụn. Đó cũng là lúc trái tim hắn nhói lên vì tự ái bị cào cấu.

"*You... lucky* lắm mới gặp em, you biết không?" Đứa con gái dẩu mỏ lên, nhắc nhở. "Nhớ hồi you mới qua, trông cứ như thằng ăn mày." Lời nhận xét gọn hơ như câu nói thành tâm phát xuất tự đáy lòng. Thiệt tình! Tụi Tây này thẳng thắn đến độ tàn nhẫn không không chịu được!

Hắn cố moi trí nhớ ra để tra tìm xem chữ beggar còn ý nghĩa nào khác không. Tuyệt nhiên là không. Ngoài cái nghiã người ăn mày ra, chẳng còn nghĩa nào khác. Nếu có chút đầu óc kiếm hiệp hắn có thể dịch chữ nàng dùng ra thành "cái bang". Trông anh giống hệt bọn cái bang. Nghe văn vẻ đấy, nhưng cũng chẳng khác gì nhau. Hắn bần thần dụi điếu thuốc xuống cái gạt tàn. Ừ, thì ăn mày đấy. Ăn mày thì đã sao, còn đỡ hơn ăn gian, ăn trộm, ăn cướp. Ý nghĩ thật hay ho. Hắn lâm thâm tìm chữ, để dạy con nhỏ bồ một bài học luân lý.

"So what! Not bad as cheating, stealing and robbing." Hắn phang ra một câu Anh ngữ trang trọng.

"*You*... có óc khôi hài đấy nhỉ?" Con bé nhún vai như bỏ dấu phẩy cho câu nói, "Có điều óc khôi hài ấy không đổi ra tiền được. Kết quả là... đói."

"Thì đã sao?" Hắn buông ra câu nói quen thuộc rất thường dùng mỗi khi bế tắc trong cuộc tranh luận với người tình dị chủng. *So what!* Thì đã sao! Óc khôi hài không đẻ ra tiền nhưng ít nhất cũng làm cho hắn có những giây phút thoải mái trong cuộc đời.

"You tính trở về Toronto không?" Con bé chợt hỏi, rồi kiễng

chân ngồi ghế lên mặt bàn, đăm đăm nhìn hắn bằng hai con mắt biếc xanh như nước biển vùng nhiệt đới. Hắn ngả người ra lưng dựa chiếc ghế sofa cũ kỹ, ngước mắt nhìn cặp chân lốm đốm tàn nhang đang đu đưa trước mặt. Cặp chân dài như chân một pho tượng người mẫu thời trang.

"Để làm gì?" Hắn hỏi trống.

"Toronto dễ sống hơn. Ở đây..."

"Ở đây làm sao?"

"Em không nói được tiếng Pháp."

"Cần gì tiếng Pháp..."

"*You* cũng có nói được đâu." Đứa con gái châm chọc.

Hắn thản nhiên trả lời, "Chả cần tiếng Pháp cũng vẫn sống được như thường."

"Xạo!"

"Thật chứ," Hắn hít một hơi dài, như gom góp tất cả tự hào của cái đất nước gầy gò ở tận phía bên kia quả địa cầu vào lồng ngực, rồi thong thả tuôn ra những lời ngạo mạn, "Việt Nam tụi anh đi đâu cũng sống được!"

"Big deal!" Con bé trề môi nói giọng khinh khi. Hắn vẫn biện minh một cách quả cảm cho bảy mươi triệu người cùng dòng máu ở bên kia Thái Bình dương. "You không thấy bây giờ cả thế giới đang hướng về Việt Nam đó sao?"

"Em biết chứ..."

"Biết gì?"

"Thiên hạ thích du lịch Việt Nam vì bên đó cái gì cũng rẻ, nhất là cái khoản tình dục."

"Câm mồm. Em làm thương tổn danh dự nước anh, biết không..."

"Em biết, nhưng đó là sự thật."

"Câm mồm! đồ..." hắn loay hoay tìm chữ. Nhưng đứa con gái đã tìm ngay dùm hắn một từ cấm kỵ. Hắn tròn xoe mắt nhìn nàng. Cặp chân nàng vẫn đong đưa. Những vết tàn nhang lốm đốm trên nước da trắng bệch như nước da người bị bệnh bạch tạng. Thứ màu trắng không lành mạnh. Đôi bắp chân thuôn dài dẫn lên hai cái đùi chắc nịch. Mép váy khép hờ khoảng thân thể cấm kỵ. Lòng hắn chợt lao xao những gọi mời tăm tối. Đứa con gái vẫn không buông tha hắn

"*You* cũng như một kẻ trôi sông lạc chợ. Con gái đồng chủng không đứa nào thèm rớ tới *you*. Chỉ có em thấy tội nghiệp. Em có trái tim nhân từ..."

"Cô lầm rồi, Linda ơi. Con gái Việt Nam có nề nếp, hoặc là người ta có chồng, hoặc là người ta đã có người yêu, không có ai đứng đường

như... cô cả, biết không?"

Tia nhìn của hắn xăm xoi ngực áo nàng. Manh áo mỏng đội cao trên hai đỉnh núi tuyết trắng rợn người trong trí tưởng tượng của hắn. Hắn vừa thấy thù ghét, vừa thấy yêu thích nàng. Ở chung với nhau gần bốn năm trời nay rồi. Sự thù ghét cũng theo thời gian trổ nhánh, đâm gai trong lòng hắn. Nàng thương yêu hắn theo cách riêng của nàng. Có lúc, nàng như người mẹ nâng niu bú mớm đứa con chưa chập chững được những bước đi đầu tiên trong đời. Có lúc nàng như con búp bê nhan sắc thiếu hẳn một trái tim máu thịt bên trong. Đôi khi, nàng như con thú hoang tới mùa giao phối. Nàng ngọt ngào với hắn đó, rồi lại khinh khi, miệt thị hắn bằng những lời dao găm, thuốc súng. Sống với nhau như bạn, như nhân tình, như vợ chồng không hôn thú. Nồng độ tình yêu trồi sụt theo con số trong cái trương mục tiết kiệm mỏng teo của hai đứa.

Bỗng dưng hắn thấy thèm muốn nàng. Hắn dụi điếu thuốc vào cái gạt tàn để cạnh chân ghế.

"Hãy ngưng nói chuyện vớ vẩn, *làm* một cái đi!" Hắn xôn xao đề nghị.

Nàng nhếch mép, phác họa một nụ cười kiêu bạc, hai mắt liếc xuống tờ báo Việt ngữ nằm trên mặt bàn, sát bên chỗ nàng ngồi.

"Anh vẫn coi báo tiếng Việt à?"

Hắn gật đầu. Nàng hỏi tiếp

"Có gì trong đó? Em thấy mấy chữ Việt Nam nhắc đi nhắc lại trên mặt báo..."

Sự thèm muốn xác thịt quẫy động trong lòng hắn như vệt mầu pha, loang trong ly nước lạnh. Điều nàng hỏi thực ra là một mẩu nhắn tin tỵ nạn. Người mẹ Việt Nam đau khổ nhắn tìm tin tức hai đứa con gái bị cướp biển bắt đi trong vịnh Thái Lan. Mẩu nhắn tin đọc lên nghe xốn xang cả tâm hồn. Hắn không muốn nàng hiểu mẩu nhắn tin ấy. Dù có dịch lại từng chữ thì nàng cũng chẳng cách gì hiểu được nỗi đau của người mẹ có con gái bị cướp biển hiếp và bắt đi ngay trước mắt mình.

Hắn trả lời quấy quá cho qua

"Thì đại khái bài báo nói về một tương lai tươi sáng của nước anh. Chừng vài năm nữa, Việt Nam sẽ là một con rồng Châu Á..."

"Bao lâu?"

"Trong tương lai..."

"Tương lai?"

"Ừ tương lai."

"Tương lai nào? Em mới nghe tin thêm một ghe vượt biên bị cướp biển..."

"Hôi nào?"

"Mới đây thôi."

"Anh không tin."

Đứa con gái làm như không nghe hắn nói gì, "Có biết bao nhiêu con gái nước anh bị bán cho các động mãi dâm..."

"Ai nói?"

"Báo nói."

"Anh ghét tụi nhà báo."

"Phải có tụi nó mới nói chứ."

"Em bị đầu độc." Hắn kết luận, rồi hăng hái đề nghị. "*Làm* một cái nghe!"

Nàng vẫn phớt tỉnh

"Em dám chắc cái bệnh AIDS bây giờ đầy dẫy ở Á Châu, thứ nhất là Bangkok, thứ nhì là... là... thủ đô cũ của nước anh là gì nhỉ?"

"Sài Gòn."

"*Yes, Saigon.*"

Cổ họng hắn hơi thắt lại như lúc bị nghẹn thức ăn. Cơn thèm muốn teo lại như cánh hoa héo rũ. Mặt hắn hừng hực nóng. Bây giờ hắn mới thấy những điều mẹ hắn viết dông dài trong những tờ thư gửi đi từ quê nhà là đúng. Phải tìm một người con gái Việt Nam mà yêu thương mất thôi. Những người con gái Việt Nam cổ truyền thơm nồng mùi công dung ngôn hạnh. Những người con gái Việt Nam hiền hòa tam tòng tứ đức trong những lời kể ngọt ngào của mẹ hắn năm xưa. Những người con gái Việt Nam, những người mẹ Việt Nam, những đỉnh Vọng phu trong cổ tích.

Nhưng mà nghĩ làm gì tới ba cái chuyện nhức đầu. Phải tìm cách cho nàng đổi đề tài mới được.

Hắn đổi giọng, châm chọc, "Em biết gì không?"

Nàng đẩy tờ báo Việt ngữ qua một bên, lơ đãng, "Biết gì?"

Hắn hăm hở

"Tụi mình gây lộn tối ngày vậy mà có lúc không bao giờ gây cả..."

"Lúc nào?"

"Lúc ở trên giường." Hắn cố nói một cách trơ tráo để dụ nàng.

Nàng vẫn tỉnh queo.

"Có chứ, có lần em cắn you chảy máu, nhớ không?"

Hắn nhổm dậy, làm bộ lơ đãng liếc qua khung kính cửa sổ, như tìm kiếm gì đó trên những mái nhà ngập tuyết. Rồi bỗng dưng hăng hái bước lại phía nàng. Người con gái đổi thế ngồi, gác chân này lên chân kia, chống hai tay ra phía sau lưng, ưỡn ngực ra trước, dửng dưng, "Em không có hứng..."

"Rồi sẽ có." Hắn ôm lấy vai nàng, dán đôi môi vào tóc nàng. Những sợi tóc vương mùi thuốc lá lẫn mùi keo xịt tóc nồng cay khứu giác.

Nàng đặt một bàn tay lên ngực hắn, đẩy hắn ra một cách nhẹ nhàng, nhưng dứt khoát. "Em không muốn làm lúc này."

Hắn day day bàn tay trên ngực nàng. Nàng gỡ tay hắn ra, nghiêm khắc như một nữ cai ngục

"Đừng để em phải gọi 911 thêm lần nữa!"

Đôi tay hắn rũ liệt, rụng xuống song song hai bên thân mình như hai khúc gỗ. Mặt hắn lạnh căm căm như vừa mới đi bộ ngoài trời tuyết. Hắn chửi thề bằng tiếng Việt. Nàng cười thành tiếng

"Em biết anh muốn nói gì. Xin lỗi, em không có hứng, lúc khác đi. Đâu có chết!"

Nàng vừa nói vừa đong đưa đôi chân. Nhất định, hắn thầm nghĩ, sẽ phải về Việt Nam một chuyến, tìm một cô gái Việt Nam công dung ngôn hạnh. Con nhỏ này làm như mình ế ẩm, không lấy nổi một người vợ Việt Nam. Con nhỏ này làm như gái Việt Nam cũng đứng đường như nó. Được rồi mình sẽ cho nó de; mình sẽ *dump* nó một cách ngoạn mục. Hắn xoay người, quơ cái bóp để trên mặt bàn nhét vào túi quần, thọc chân vào đôi giầy mùa đông cũ mèm, khoác cái áo lạnh đầy lên vai, lầm lũi bước ra cửa.

"Đi đâu vậy?" Nàng hỏi.

"Ra ngoài."

"Làm gì?"

"Hỏi làm gì. Không phải chuyện của cô."

Hắn xô cửa rầm một tiếng rồi hoảng hốt nhìn quanh, sợ mấy phòng chung cư kế bên có người than phiền.

Cũng may, cái hành lang trống trơn.

Hắn dộng cửa cái rầm vậy mà vẫn còn nghe được câu dặn dò với theo của nàng, *"Stay out of trouble!"* Nhớ đừng đeo họa vào người. Nàng dặn dò một cách nghiêm túc.

Đồ chó. Làm như mẹ người ta vậy! Hắn lẩm bẩm chửi thề. Hơi lạnh của đường phố quất vào mặt hắn. Gió luồn những ngón tay cợt nhả vào dưới lớp áo dầy làm người hắn nổi gai. Phố xá loang lổ ánh đèn. Những khoảng đường đóng băng sáng lấp lánh dưới ánh đèn đường. Xe cộ nườm nượp. Hắn lầm lũi bước đi, đầu óc không yên vì những tra hỏi còn sót lại từ mẩu nhắn tin tỵ nạn trên trang báo Việt ngữ. Bỗng dưng hắn đâm ra bực mình với hai người con gái trong mẩu nhắn tin. Việt Nam bây giờ khác xưa nhiều lắm, mắc mớ gì phải bỏ nước ra đi! Hắn giận hai cô gái không biết tên, như giận hai đứa em gái ngang bướng dám cãi lại những lời giáo

huấn của một người anh nặng đầu óc quyền huynh thế phụ. Thiệt tình! Đi vượt biên gì đâu ngay cái lúc người ta hùa nhau mà đóng cửa trại tỵ nạn. Phải chi có thần linh nào đó chịu cho hắn đổi chỗ cho hai cô gái kia hắn cũng chịu. Tội nghiệp. Mới mười bảy tuổi đầu! Hắn thở dài. Và lơ đãng đâm xầm vào một người đàn bà đi ngược chiều trên đường phố. Hắn cuống cuồng xin lỗi. Người đàn bà trừng trừng nhìn hắn như nhìn một tên tội phạm, buông ra một lời gì đó cộc lốc bằng tiếng Pháp, rồi quay đầu tất tả bước đi. Hắn chẳng buồn trả lời.

Đi bộ tới lúc bắt đầu thấm lạnh, hắn mới nghĩ ra một chỗ nghỉ chân. Con đường Sainte Cathérine. Những quán giải trí đèn mầu rực rỡ. Vậy mà nghĩ mãi không ra. Đầu óc hắn quay cuồng. Thảm kịch biển đông.. Những người con gái Việt Nam bị cướp biển bắt đi biệt tích. Những mẩu nhắn tin trên báo chí. Hết cấm vận rồi. Hòa bình. Việt Nam và một tương lai phồn thịnh. Con rồng Châu Á. Việt Nam sẽ là điểm hẹn vinh quang của nhân loại. Trung tâm du lịch thế giới. Hòn ngọc viễn đông. Những gì đã qua thuộc về quá khứ. Thiên hạ chỉ giỏi la hoảng. Hắn ghét tụi nhà báo. Bệnh liệt kháng làm gì có ở Việt Nam. Báo chí bên này chỉ khéo làm lớn chuyện. Cũng có một vài cô gái theo chồng ngoại quốc ra nước ngoài sinh sống nhưng làm gì có con gái Việt Nam đầu đường xó chợ ở xứ người. Trăm ngàn ý nghĩ nháo nhào trong óc hắn. Giờ này con Linda dám dẫn bồ về nhà lắm chứ chẳng chơi. Hắn bắt gặp mấy lần rồi. Đã bảo thôi nhau mà mãi chẳng thôi được.

Club 888. Hồi đó tụi bạn hắn đi Montréal về kể cho nghe. Toàn gái Á châu. Thái Lan, Philippines, Trung Hoa. Cái *size* của con gái Á Châu tuyệt vời nhất. Nhỏ bé, tròn đầy, như búp bê, dễ cho người ta cái cảm giác muốn nâng niu, vỗ về, gượng nhẹ. Hắn cởi áo choàng, đưa cho người gác cửa. Người gác cửa đưa cho hắn tấm thẻ để lát nữa ra nhận áo. Hắn đưa tay lên cho tên hộ pháp rà cái máy tìm vũ khí xung quanh người hắn. Chờ cho xong việc, hắn nhét tiền *tip* vào tay gã rồi lầm lũi bước vào vũng tối. Tiếng nhạc chan hòa không gian. Mắt hắn dính ngay vào thân hình thon gọn của người con gái đang uốn éo như con rắn trong vườn địa đàng trên sân khấu. Đây đó rải rác bọn đàn ông ngồi thẫn thờ như những pho tượng bị trù ếm vì một phép phù nào đó. Hắn tìm được chỗ ngồi khuất nẻo trong xó tối. Âm nhạc cuồn cuộn như thác lũ. Những mảnh vải rụng xuống như những chiếc lá trong cơn bão. Còn lại những hình hài trơ trọi. Bíốt bao nhiêu là nhan sắc mặn mòi. Người con gái trên sân khấu có nước da ngăm đen, tối lại dưới ánh đèn mầu. Chắc là gái Phi Luật Tân, hắn thầm nghĩ. Phi Luật Tân. Cái xứ cong queo vì tro than núi lửa, bầy nhầy vì bão lụt, thiên tai vẫn có được vô vàn những cô gái đẹp. Bản nhạc chấm dứt, người

con gái khác lượn ra sân khấu như cánh én lạc bầy. Hắn lại thầm đoán. Chắc là gái Thái Lan. Cũng có thể là Đài Loan, Hồng Kông không chừng. Hắn nhìn chăm chăm vào cổ chân người vũ nữ. Nàng lướt đi thoăn thoắt như con sơn dương tung tăng bên sườn núi. Hắn nhìn chăm chú cổ chân nàng. Người vũ nữ nhảy múa uyển chuyển như gió núi, như sương sa. Những người con gái Trung quốc thuở xưa bị bó chân, thành ra bàn chân họ mảnh và nhuyễn như chân chim. Hắn thấy chân nàng cũng bình thường. Sợi dây chuyền vàng đeo ở cổ chân lấp lánh dưới ánh đèn mầu. Hắn gọi một lon bia và khề khà nhấp chất men nửa ngọt nửa đắng xuống cổ họng.

"Bạn muốn *table dance* không?" Người nữ chiêu đãi viên gào lên trong tiếng nhạc rách tai.

Hắn ngần ngừ một lúc rồi gật đầu. Người đàn bà đưa cho hắn cuốn album hình chữ nhật. Ngọn đèn pin được bật lên. Từng trang hình lật ra trước mặt hắn những cánh hoa châu Á. Hắn tìm một cái tên quen, dễ đọc nhưng chỉ gặp toàn những Debbie, Stephanie, Donna, Diana, Martha, Jenny... tóc đen, ngực ăm ắp một cách thẹn thò, eo thon như búp bê trưng bày trong cửa tiệm. Sau cùng, hắn chỉ người con gái đầy nét liêu trai của truyện cổ Trung quốc đang quần quại trên sàn gỗ. Người đàn bà gật đầu, cho biết tên nàng là Jessica và nói sẽ gọi người con gái đến cho hắn, rồi loay hoay xếp cuốn sổ lại, tắt đèn pin và quay mặt bước đi. Hắn xôn xao nhẩm hát theo lời bài nhạc tiếng Anh hiện đang nổi tiếng ở Bắc Mỹ mà nhà hàng đang mở lớn tối đa. Hình ảnh người tình tóc vàng thoáng hiện ra trong trí. Giờ này không biết con mắc dịch có đang cặm sừng cho mình không. ối, mà sức đâu phải lo cho bận đâu óc. Mai mốt về Việt Nam, nhờ bà già tìm mai mối, kiếm một em còn "din" cưới làm vợ mấy hồi. Hắn tự nhủ và ngồi dựa hẳn lưng ra thành ghế, thanh thản chờ Jessica.

Chẳng bao lâu người con gái đến với hắn. Nàng đặt chiếc bục nhỏ đặt giữa hai đầu gối hắn, và không để lỡ một giây nào, nàng uốn éo ngay theo điệu nhạc. Lòng hắn giao động khi bắt gặp tia nhìn đăm đắm từ đôi con mắt hơi xếch của người con gái. Ới con mắt Thái Lan hay con mắt Trung quốc đây nhỉ. Và bờ vai nuột nà này nữa. Phải chi mình đặt lên đó được một nụ hôn. Suối tóc chảy xuôi xuống khoảng lưng thon. Nàng ngồi xổm trên ghế, chống hai tay trên đùi hắn, vùi cái đầu tóc mượt mà vào mặt hắn. Ới, mùi hương của tóc rộn ràng trí nhớ. Người con gái không dùng nhiều nước hoa như biết bao nhiêu cô gái khác. Nên hắn ngửi được thoang thoảng từ thân thể nàng mùi tóc nhẹ nhàng và mùi thịt da ẩn hiện xa xôi.

"What's your name?"

Nàng chợt hỏi, bằng hơi thở phả vào tai hắn. Hắn nghĩ vội một cái tên Việt Nam quen thuộc nhất và lúng túng trả lời trong tóc nàng. Đầu gối hắn

run rẩy. Nàng cầm tay hắn đặt lên đầu gối mình. Hắn run run cưỡng lại. Đã có một vụ ra tòa vì sờ soạng nữ vũ công và được xử vô tội. Nhưng hắn chả dám chơi dại. Lời dặn dò của Linda khi không vọng về trí nhớ. Stay out of trouble! Hắn nghĩ có vợ cũng là một điều hay. Có vợ Việt Nam chắc còn thích hơn cả trăm lần. Hắn nghĩ và lúng túng móc túi lấy thuốc lá ra mồi hút cho đỡ trống trải hai bàn tay. Anh ở đâu tới vậy? Nàng hỏi hắn bằng tiếng Anh. Việt Nam. Hắn trả lời một cách ngập ngừng. Nàng vẫn uốn éo thân thể trong khoảng không gian chật hẹp trước mặt hắn. Còn cô? Thái Lan hay Đài Loan. Hắn hỏi, mắt đăm đắm nhìn vào đôi mắt có cái đuôi xếch ngược như đôi mắt trong những tranh vẽ thiếu nữ Trung quốc cổ xưa. Nàng cười. Đài Loan. Vậy là tôi đoán đúng rồi. Hắn tự thưởng mình một hơi thuốc đầy sảng khoái. Rồi hắn ngập ngừng nhìn hai miếng ngực đầy ắm ắp của người con gái, đề nghị nàng nói tiếng Phổ Thông cho hắn nghe.

"You will not understand." Kèm theo một nụ cười, nàng quả quyết có nói hắn cũng chả hiểu được.

"I do, of course I do... A long time ago..." Hắn hăng hái tìm chữ để khoe với nàng rằng ngày xưa hắn có học tiếng Phổ Thông.

"No, I don't believe you."

"Yes..."

Hắn cao hứng quơ tay, đốm lửa vạch lên trong đêm tối. Đốm lửa như con ong say phấn hoa, bay chúi vào bờ vai thon thả của người con gái.

"Ui da, nóng em!"

Nàng la lên hoảng hốt. Hắn vội bỏ điếu thuốc xuống cái gạt tàn, bật người lên như bị điện giật. Người con gái vừa thốt ra một câu tiếng Việt.

Hắn lúng túng

"Cô có sao không? Cô là người Việt Nam à? Tên Việt Nam của cô là gì?"

Hắn vừa phủi tàn thuốc trên vai nàng vừa dồn dập ném cho nàng những câu hỏi gai góc. Nàng sựng lại, bối rối mất vài giây rồi bình thản như pho tượng

"Don't worry, I'm OK."

"Phải cô... Việt Nam không?"

"Sorry!"

Nàng vẹo đầu nhìn xuống khoảng vai bị phỏng tàn thuốc lá, suýt soa

"Don't worry, I'm OK..."

"Cô Việt Nam phải không?"

Gắn gào lên để át tiếng nhạc.

"Are you Vietnamese?"

"No, I'm not."

"You speak Vietnamese."

Hắn hăm hở nói bằng cả hai thứ tiếng.

"Cô nói tiếng Việt mà. Tôi nghe rõ ràng. *I hear you speak Vietnamese*. Tôi nghe cô nói ui da, nóng em mà. *You must be Vietnamese*."

Bản nhạc dứt. Nàng lặng lẽ thu dọn "hành lý." Chiếc bóp mầu hồng xinh xắn như món đồ chơi trẻ em. Chiếc bục gỗ tròn có bốn chân dùng làm sân khấu cá nhân. Hắn vừa móc tiền trả cho nàng, vừa xốn xác với những câu hỏi nóng hổi trong đầu.

"*You speak Vietnamese*. Cô nói tiếng Việt mà. Nhất định cô phải là người Việt..."

"I'm not."

Nàng lắng lặng móc bóp, lấy tiền thối.

Hắn quả quyết

"*You said* ui da, nóng em. Tôi nghe cô nói rõ ràng mà!"

Nàng đưa những đồng tiền lẻ cho hắn, chậm rãi

"That's the only Vietnamese words I know. Good-bye!"

Hắn xua tay từ chối những đồng tiền thối. Nàng lại cám ơn hắn bằng một nụ cười.

Và trước khi biến đi vào vũng tối loang loáng ánh đèn mầu, nàng gửi cho hắn khóe cười mỏng mảnh và một lời minh xác

"My name is Jessica, you see. I'm not Vietnamese."

Tên nàng là Jessica. Nàng tóc đen, da vàng Châu Á. Nàng mắt xếch một mí Đông dương. Nàng ngực căng đầy nhưng không sồng sượng, trơ trẽn, mà ấm ắp cái thẹn thò đông phương. Nàng eo thon như tranh vẽ trong ca dao những người thắt đáy lưng ong. Nàng nói tiếng Anh giọng lai. Nàng cuống quýt ui da, nóng em, khi bị phỏng tàn thuốc lá. Nhưng nàng không phải gái Việt Nam. Ui da, Nóng em là những chữ Việt Nam duy nhất nàng học được. Nàng quả quyết với hắn như thế, trước khi tan vào vũng tối.

Đầu óc hắn quay cuồng. Hắn bồi hồi đưa tay xem đồng hồ. Lon bia còn quá nửa. Club 888. Cái tên nghe lạ tai. Mới mười một giờ đêm. Club mở cửa từ bẩy giờ tối đến ba giờ sáng. Biết đi đâu bây giờ. Hắn buồn rầu đẩy ghế đứng dậy.

Con đường Ste. Cathérine về đêm rực rỡ ánh đèn. Tuyết lả tả rơi, bám đầy vai, đầy tóc hắn. Vài cô gái tóc tai loà xòa đứng co ro trong xó tối. Jessica. Hắn thầm nhắc cái tên tiếng Anh của người con gái da vàng. Jessica. Còn biết bao nhiêu Jessica-Việt-Nam ở thành phố Montréal này nhỉ!❐

Lòng tin

TRẦN NGỌC TUẤN

Sau nhiều lần khốn nạn vì yêu
Anh tin có ngày được yêu tử tế
Gặp một người dịu dàng giống mẹ
Và hệt em ở thủa ban đầu.

Bao triết thuyết lừa anh
Quỷ mặc áo thầy tu rao giảng
Anh (cô gái đồng trinh) trao thân và để
Một lũ con ngoài giá thú dật dờ.

Anh đã đi qua mắt súng rình mò
Qua cái thế giới nhiễu nhương quá thể!
Qua cái buổi làm người không phải dễ
Anh vẫn tin sự diệu kỳ ở những bài thơ.

Anh vẫn tin vào truyền thuyết Âu Cơ
Sự thủy chung của trầu cau thắm đỏ
Vào câu hát: "Yêu nhau cởi áo..."
Con sáo sang sông nối lại đôi bờ.

Thù hận, chiến tranh
Sẽ mốc meo
Các nhà viết sử muốn hối tro tìm thì cứ việc
Người già sẽ già hơn, và trẻ con sẽ lớn
Chúng sẽ yêu nhau nên vợ nên chồng

Cõi khác

Nguyễn Quốc Trụ

Những đêm trực ở Đài, hoặc ngủ ngay sau khi đọc vơ vẩn một mẩu báo, một trang tiểu thuyết, nghe lơ đãng một đoạn nhạc, một giọng hát. Chập chờn theo khói thuốc rồi ngủ lúc nào không hay. Có khi ngủ luôn tới sáng. Đó là những đêm thành phố may mắn không bị pháo kích, tình hình chiến sự tương đối yên ổn. Nhưng hầu như đêm nào cũng bị dựng dậy. Khi thì nhân viên viễn ký hai hãng AP, UPI yêu cầu chỉnh lại tín hiệu. Hoặc đồng nghiệp trực đài phát tín Phú thọ nhắc nhở đến giờ thay đổi tần số liên lạc. Có khi, một đồng nghiệp Phi luật Tân ở mãi Manila réo chuông máy viễn ký liên hồi, chỉ để hỏi thăm thời tiết Saigon, tình trạng vợ con gia đình, hay nhờ dịch giùm một *message* tiếng Pháp của hãng SITA than phiền nhân viên RCA Manila làm ăn cẩu thả.

Một lần ngủ quá say dù đã cẩn thận để điện thoại ngay kế bên, và chỉ giật mình thức dậy khi nghe tiếng đập cửa ầm ầm: Anh chàng Mẽo trưởng phòng tin tức AP và nhânviên viễn ký, cũng đồng nghiệp Bưu điện làm ngoài giờ cho hãng thông tấn ngoại quốc, một đỏ gay tức giận, một lắc đầu ái ngại, hình như vào lúc đó hai ôngThiệu Kỳ đang gặp Johnson tại đảo Midway. Hôm sau bị ông Tổng giám đốc, cũng may còn là thầy dậy cũ khi học trường Quốc gia Bưu điện, gọi lên văn phòng giữa cho một trận. Lần bị nặng nhất là trong Mậu Thân đợt hai. Khoảng nửa đêm, UPI vớ được hình đặc biệt, bằng mọi giá phải chuyển ngay đi Tokyo: Chừng trênđuới mười ký giả phóng viên ngoại quốc ngồi xe Jeep lùn có gắn bảng báo chí *Press* ở kính trước, không may bị Việt Cộng tóm được tại khu Chợ Thiếc. Sau cùng là thảm sát. Người gục chết trên vô-lăng. Kẻ chết nửa thân hình trên sàn xe, nửa kia trên mặt lộ.

Sau này, khi cuộc chiến nghiêng về phía miền Bắc, dư luận thế giới hình như chỉ còn nhớ cảnh tướng Loan xử bắn tù binh ngay trên đường phố. Hôm sau Hors Fass, trưởng phòng hình ảnh AP thay vì gọi điện thoại cho Trưởng Đài, anh viết văn thư tố cáo gã chuyên viên trẻ, *jeune technicien*, nhân viên Bưu điện làm cho UPI đã gởi vô tuyến viễn ảnh *Radiophoto* trong giờ giới nghiêm. Sau cùng mọi chuyện cũng ổn thỏa, vì

ngay những ngày đầu biến cố Mậu Thân, khi hai bên đang tranh giành từng viên gạch, hoặc đánh cuộc xem tao Dù hay mày Biệt động thành ai chết trước, tại Đài phát thanh Saigon ngay kế bên, khi đám Quân cảnh đang vật lộn với VC tại Tòa Đại Sứ Mỹ cách đó cũng không xa, gã chuyên viên trẻ do nhà ở cạnh Đài, lại đúng đêm trực, đã một mình"tử thủ", sau thêm tay phóng viên AP được đám lính Dù, đám lính chiến xa mở vòng kẽm gai cho vào bên trong phòng tuyến.

Gã chuyên viên trẻ đã chuyển hìnhcho AP, thế ông bạn già trước cũng nhân viên Bưu điện nhưng bị An ninh Quân đội cho đi nằm ấp một thời gian dài, khi được thả bị Bưu điện cho về hưu non, do có kẻ tố cáo ông là VC nằm vùng ngay từ khi còn ông Diệm. Sự thực ông bị một đồng nghiệp mưu hại chỉ vì ông nhất định không chịu vào đảng Cần Lao hay tham gia Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia. Bao nhiêu năm, quãng đời đó vẫn bám cứng... Những giây phút tuy chết chóc, kinh hoàng nhưng sao vẫn có vẻ chi quyến rũ, vẻ chi kỳ cục, y hệt một người tuy biết rằng mình có thể chết bất cứ lúc nào nhưng vẫn loay hoay: Gã chuyên viên trẻ lui cui chỉnh tín hiệu máy chuyển hình, gã phóng viên người Mẽo cao như cây sào cố khom người muốn tránh né một viên đạn bất ngờ. Cả hai cùng lúc nhoài người sát sàn nhà, có khi còn trước cả tiếng nổ lớn ở ngay phía dưới tòa nhà hay ở Đài phát thanh ngay kế bên. Những lúc tiếng súng tạm ngưng, trong khi chờ Tokyo, Manila xác nhận chất lượng *Radiophotos*, cả hai chăm chú theo dõi biến động trên bản tin UPI, AP qua máy viễn ký, có cảm tưởng vừa ở trong vừa ở ngoài những giây phút nóng bỏng, và chiến tranh thuộc về những người kém may mắn hơn mình.

Bao nhiêu năm trời, vậy mà vẫn còn giữ nguyên cảm giác rụng rời, trong đêm khuya, vì mệt mỏi quá thiếp đi, khi giật mình thức giấc, thản nhiên bật đèn, ngó ra cửa sổ, thấy từng nấy mũi súng trên tháp chiến xa giận dữ ngó thẳng khuôm mặt trắng bệch, tách bạch từng sợi tóc đang dựng đứng... Có đêm, khoảng hai ba giờ sáng, chợt thức giấc, mở cửa căn phòng nhỏ có gắn máy lạnh và được ngăn tiếng động, ban ngày dùng làm studio cho đám phóng viên các hãng thông tấn, truyền hình đọc tin về hãng chính và cùng lúc cho cả thế giới. Khi chiến tranh leo thang, nhất là sau vụ nổ tại nhà hàng nổi Mỹ Cảnh khiến gã chuyên viên và ông xếp trưởng đài suýt mất mạng nếu không có sự thông cảm của số mệnh, vào phút chót kiếm giùm hai người khác thế mạng. Bưu Điện đã cho thành lập Trung Tâm Báo Chí Press Center tại khu thương xá Rex và trung tâm USO ở đường Nguyễn Huệ cho đám quân nhân Mỹ, khi đó cuộc sống tại đỉnh cồn mới trở lại bình thường, và bớt mùi nơm nớp sợ sệt. Buổi sáng sớm không còn cảnh mở cửa ra ngoài cầu thang thấy một anh GI đang

nằm ngủ ngon lành chờ làm người khách hàng đầu tiên nói chuyện với vợ con, gia đình. Hoặc cảnh tượng một cô điện thoại viên dẫn anh chàng ngoại nhân vào căn phòng studio, khi trở ra anh khóc ròng: Giờ này là nửa đêm gần sáng mà vợ anh không có nhà.

Thời gian đầu, Bưu Điện chỉ có một mạch vô tuyến điện thoại trực tiếp với Oakland, California, qua hệ thống cao tần HF, máy móc sử dụng do người Pháp để lại, nên ba trật bốn vuột, và chỉ liên lạc trao đổi điện đàm cao lắm là hai ba tiếng đồng hồ. Rồi ục ục chiến bắt đầu thực hiện những điều cam kết tàn khốc. Ông Diệm chết. Người Mỹ đổ quân tại Đà nẵng, hy vọng mở ra một Normandie thứ hai tại Á châu, lập lại lịch sử, lần trước là phát xít, quốc xã, lần này biết đâu là Cộng sản. Đám diều hâu kên kên ký giả, phóng viên đánh mùi xác chết, thèm mùi danh vọng, biết đâu một *Chuông gọi hồn ai*, một *Mặt trận Miền Tây*...xuất hiện ở nơi đầm lầy nhiệt đới này. Đám tài phiệt ATT tại Mỹ, RCA Manila, Cables/Wireless Hongkong ngửi mùi tiền đổ xô vào Việt Nam.

Trước nhất là RCA Manila. Được lời mời của Bưu Điện, họ phái hai chuyên viên Phi luật tân qua Saigon giúp thànhlập mạch viễn ký, vô tuyến viễn ảnh, điện thoại "long distance" Saigon-Manila-New York. Trong bữa tiệc chia tay tại nhà hàng nổi Mỹ Cảnh, số phận run rủi xui khiến gã chuyên viên trẻ nẩy ra ý định tốt nhường hai ông bạn chỗ ngồi phía trong nhìn ra mặt sông ngắm cảnh Thủ Thiêm, những con đò đưa khách qua lại hoặc mua vui trên sông, những ánh đèn rực rỡ từ những con tầu đùa rỡn cùng sóng nước. Như đã được chỉ định làm vật tế thần, hai ông bạn Phi vừa mới chân ướt chân ráo tới Saigon, chưa kịp thưởng thức gái đẹp, đồ ăn ngon, phong cảnh hữu tình, đã hứng giùm hầu hết những mảnh mìn Claymore từ phía bờ sông thổi xuống. Một bị mảnh mìn cưa ngang cổ họng chết tại chỗ. Một bị thương nặng được chở cấp tốc về căn cứ Clark Phi luật tân, vài ngày sau chết vì xuất huyết nội sau khi giải phẫu. Gã chuyên viên trẻ suýt cụt một cánh tay nếu không nhờ tài giải phẫu của bác sĩ Daney người Pháp làm việc tại nhà thương Grall. Vậy mà anh ta cũng không làm sao từ bỏ được cái tật khuỳnh tay lên thành ghế. Ông xếp trưởng đài thì đi luôn bộ phận duy trì giòng dõi. Sau này đôi lúc vẫn thường tự hỏi sẽ ra sao nếu ngồi đúng chiếc ghế định mệnh...

Có khi vào khoảng hai ba giờ sáng, như người khách tuy không được Cõi Âm mời nhưng vẫn cố tình mò tới, như bị người chết, những gã phóng viên, nhiếp ảnhviên người Mỹ, người Nhật dựng dậy, gã chuyên viên trẻ mở cửa căn phòng nhỏ bước ra phòng ngoài nhìn đám máy móc quen thuộc. Ra *balcon* nhìn ngang tầm thànhphố. Ngọn đèn đỏ lập loè trên tháp Đài truyền hình, trên tháp đài Viba BưuĐiện. Những hàng cây đen sẫm

trong đêm. Những ngọn đèn đường lạnh. Bãi đất trống bên dưới chân Đài. Những vòng kẽm gai quấn quanh tòa nhà. Những người lính gác trong những công sự cá nhân quanh quất đâu đó... Chính vào những lúc cô đơn như vậy vẫn thường tự hỏi đã yêu thương cô bạn kể từ lúc nào.... Khi chưa gặp nhưng đã tưởng tượng ra một hình bóng, một dáng dấp tuy mảnh mai yếu ớt nhưng cũng thật bướng bỉnh, cứng cỏi, tuy sẵn sàng chịu đựng, sẵn sàng tha thứ cho những lỗi lầm của kẻ khác kể cả lỗi lầm của định mệnh nhưng không thể nào cho phép cuộc chiến, cuộc đời, hoàn cảnh sống và nhất là những người khác làm xấu đi, hủy hoại hoặc tiêu diệt. Một hình ảnh kết tụ của khí hậu, thời tiết, thay thế cho những nuối tiếc chắt chiu, những khô cằn khắc nghiệt, những cay đắng, mặc cảm côi cút bất hạnh : Tất cả đã chết, theo với lần thất thểu dưới mưa chạy theo một cô bé con với một ý tưởng thật ngây thơ thật buồn cười:"Anh yêu em bởi vì anh yêu Hànội...".

Hay ngay khi gặp lần đầu nhưng tất cả đều đã muộn, đã không thể sửa chữa được, và đó là ý nghĩa của thảm kịch, thần thánh cũng phải cúi đầu khuất phục. Hay những lần sau đó tại nhà cô bạn, những buổi tối ngồi trò chuyện ở phòng khách trong lúc mấy đứa em mấy cô bạn đã lui vào phía trong. Kể cho cô nghe những chuyện lặt vặt ở sở làm, cuốn sách vừa đọc, cuốn phim vừa coi, xứ Bắc kỳ xa xôi, và Hànội. Nghe cô kể những năm học trường quận lỵ, trung học Mỹ Tho, đại học Đà Lạt. Nghe cô giảng giải về một miền đất không hoàn toàn giản dị. Phải nhạy cảm lắm mới nhận ra chút dấu hiệu thật mong manh thật tế nhị: Mối tình lúc đầu chắc cũng giống như chút thay đổi thật nhẹ nhàng của thời tiết. Tự nhủ thầm cô bạn không thể nào nhận ra, cũng định tâm chẳng bao giờ dám thú nhận.

Sau này nghĩ lại, đã thực sự yêu thương, không phải một lần vì quá cô đơn đã lén viết lên trang tiểu thuyết của Tô Hoài cô đang đọc, trong lúc cô lui vào trong nhà, *"Je vous aime"*, nhưng khi tới nhà báo tin đứa em trai tử trận, không gặp, đành nhờ một cô bạn cùng nhà nói giùm, tin chắc cô sẽ hiểu. Và trong những những đêm ngồi canh xác đứa em tại nhà Hội thị xã Sóc Trăng chờ máy bay đưa về nghĩa trang Quân đội Gò Vấp, trong lúc loay hoay thắp đi thắp lại từng cây nến trên quan tài bị gió thổi tắt, hay nhặt nhạnh những mẩu nến đốt lên ngọn lửa rồi cả bọn cùng ngồi xúm quanh, chia nhau chút hơi nóng chú thơi lạnh của người đã chết, lặng nghe những người lính, viên sĩ quan cùng đơn vị nói về những ngày đầu chuẩn úy tới nhận chức, những giây phút cuối...Trong những giờ phút thê lương như vậy vẫn nghĩ rằng một ngày nào đó sẽ kể lại tất cả....

Sau cùng phải cảm ơn cô bạn đã cho có đủ thời giờ kể hết mối tình.

Con chó dại trong một phút cô đơn, tỉnh táo không còn sợ hãi cái bóng của chính nó. Những lần từ biệt cô bạn trên con đường trở về, thành phố những đêm run rẩy chờ đợi những đợt pháo kích bất thần giáng xuống. Những ngã tư đường chằng chịt những vòng kẽm gai. Có những khoảng đường phải xuống xe dẫn bộ. Đôi lần đi lầm vào một quãng đường cấm phải đi ngược trở lại. Trong bóng đêm nhợt nhạt của những ngọn đèn đường, nhìn thấy những mũi súng đen sâu thẳm chứa đầy ngờ vực, đe dọa. Nhìn thấy hết mọi nỗi bi thương nếu chẳng may được sinh ra mà không được gặp cô bạn. Nếu chẳng may bị cô hất hủi, nói không, nói không thể hiểu được tình yêu là gì. Nhiều lần tới nhà khi đã quá khuya, trong nhà đèn đã tắt, tất cả chắc đã ngủ yên từ lâu. Hoặc hết sức muốn gặp cô bạn. Muốn nhìn thấy bóng dáng. Tiếng chân di động trên nền gạch. Tiếng lách cách khi mở cửa, rồi tiếng cô nói. Muốn liều lĩnh đập cửa ầm ầm. Bắt buộc cô hốt hoảng trở dậy, vội vã mở cửa. Bắt buộc phải nghe, phải nói, phải gật đầu ưng thuận trong khi không có thì giờ để phân vân, cân nhắc... Hoặc không hề có ý định gặp cô. Không hề trông mong cô sẽ giúp đỡ, thông cảm cho những cơn điên khùng rồ dại... Đứng yên lặng trước mái hiên hàng giờ, nghe tiếng chuột chạy trên đám lá khô, tiếng mèo kêu thảm thiết trên mái ngói, chờ cơn cuồng nộ vô ích tàn lụi dần rồi thất thểu rời con ngõ.

Một lần xe hết xăng đứng xớ rớ ngay giữa mặt lộ, mơ hồ hy vọng một tên khùng, một thằng say hay một người lính ban cho một cái chết lãng nhách, nhưng ít ra còn có thể giải thích được như một tai nạn. Sau cùng một người đi đường đã thương tình kéo về tận đỉnh cồn. Nơi làm việc là tầng lầu trên cùng của một building, một bất động sản của người Pháp. Những đêm trực thường lợi dụng những lúc rảnh rỗi giao Đài cho người phụ ca lấy xe chạy vòng vòng. Ghé một quán cà phê khu Đa Kao nơi đứa em đã từng ngồi dán lưng vào tường chờ Thần Chết dựng dậy. Hay ghé khu ngã sáu Saigon. Hồi tưởng những ngày còn đi học hay tới đây và cuốn sách trên tay, ly hồng xà trước mặt cứ thế ngồi suốt buổi. Ghé sạp thuốc lá mua từng điếu lẻ, vẫn thói quen từ những ngày còn đi học. Ghé sạp báo mua một tờ có đăng truyện chưởng Kim Dung. Đọc lướt những giòng chữ lớn nơi trang nhất.

Một lần đọc thấy tin quận lỵ nơi quê cô bạn bị pháo kích, sáng sớm hôm sau xuống nhà rồi cả hai ra bến xe đón những chuyến đầu tiên từ lục tỉnh lên. Khi biết cuộc pháo kích không gây thiệt hại nghiêm trọng đã đánh bạo rủ cô ra Saigon. Đó có lẽ là lần du ngoạn đầu tiên. Một lần, khi chạy xe tới gần khu chợ Bến Thành, từ xa đã nhìn thấy một gói đồ nằm giữa mặt lộ, dưới ánh đèn chói lòa. Có tiếng súng nhỏ rồi tiếng còi xe

Quân Cảnh thổi dạt mọi người qua hai bên đường. Khi cơn báo động hoảng đã qua đi, trong một thoáng bỗng nhận ra vẻ tiều tụy của thành phố. Của mối tình. Ngay cả những giây phút êm đềm khi ngồi quây quần giữa mấy đứa em, mấy cô bạn...ngay cả những lúc đó vẫn thấy cực kỳ cô đơn, có cảm giác như không thể nào yêu thương nổi ai, như đã tự lừa dối khi nghĩ yêu thương cô bạn. Nhiều khi quẩn trí còn mong ước thành phố bị pháo kích hoài hoài để được kéo dài mãi những giờ phút thê thảm nhất của mối tình.

Những ngày Mậu Thân căng thẳng, Đại Học đóng cửa, cô bạnvề quê, nỗi nhớ bám riết vào da thịt thay cho cơn bàng hoàng khi cận kề cái chết theo từng cơn hấp hối của thành phố cùng với tiếng hỏa tiễn réo ngang đầu. Trong nhưng đêm lặng câm nhìn bóng mình run rẩy cùng với những đợt B.52 dội chung quanh thành phố, trong lúc cảm thấy mình sống sót vẫn thường tự hỏi phải yêu thương cô bạn (một cách thật bình thường giản dị) như thế nào cho cân xứng với một dời sống thảm thương như vậy...

Mắt bão.1969...

Mối tình chỉ là tưởng tượng nhưng luôn có cảm tưởng cuộc chiến tàn nhẫn coi nó như kẻ thù, lúc nào cũng rình rập, khi nhăn nhủ, khi đe dọa, phải chi mi đừng tưởng tượng ra một cô bạn tuyệt vời như thế, phải chi mi bớt yêu thương cô bạn đi một chút, số phận không phải của riêng mi mà biết đâu của cả dân tộc sẽ bớt chút thê thảm. Khi cô bạn tìm được người bạn đời, mi không còn trông cậy vào đâu để mà chạy trốn nỗi cô đơn, không còn sự ngây thơ dại khờ hay niềm kiêu ngạo bướng bỉnh, coi tình yêu như là một thách đố chiến tranh, phản lại định mệnh; và đành phải trốn chui trốn nhũi vào trong mớ sách vở, khi không chịu đựng nổi, đã tìm đủ mọi cách để tàn phá đời mi thay vì chịu thua...

Đó những ngày trên khuôn mặt người dân Saigon khi ra đường còn nguyên vẻ hốc hác, mất ngủ, xen đôi nét mừng rỡ vì đêm qua Việt Cộng tha không pháo kích vô thành phố, hằng đêm người dân Saigon không còn được nghe lời ân cần dặn dò xin đồng bào vặn nhỏ đài phát thanh đã thuộc thuở xa xưa nào, hoặc đã chết theo với ông Diệm, thay vào đó là giọng nói đã được gột bỏ mọi rào đón: Tên những người phải trình diện nhập ngũ theo lệnh Tổng động viên được đọc lên như đã thuộc tài nguyên của một thế giới khác, những con số kèm theo tên mỗi người ít ra còn có chút ý nghĩa vì chúng cho biết sắp sửa tới lượt ai được Thần Chết coi giò

coi cẳng...

Nhà cô bạn lúc đó đã dời vô Chợ lớn. Căn nhà cũ, khu cư xá Nguyễn thiện Thuật tuy không bị thiêu rụi trong biến cố Mậu Thân nhưng cũng không còn có thể ở được, phần hồn của nó đã chết theo cả khu, còn chút nào cô gái mang theo cùng với cô về cuộc đời mới, một buổi tối làm như vô tình chạy xe qua, thấy tất cả đều lạ mặt. Cảnh vật, con người còn tỏ vẻ giận dữ, như thể mi là nguồn cơn của mọi thảm họa, tại mi mà cô ta rời bỏ chỗ này...Vậy mà khi tới lượt phải trình diện, thời tiết miền Nam những ngày cận Tết, lần đầu tiên nằm trên chiếc giường sắt tại Trung Tâm Ba Tuyển Mộ Nhập Ngũ, tự hỏi thầm có thể đứa em trai tử trận đã có lần cũng nằm trên chiếc giường lạnh lẽo này...Khi đã bớt bi thương, vẫn khuôn mặt của cô bạn từ trong căn nhà đứng nhìn ra, vẫn mũi súng đen ngòm ngó sâu vô mắt, đêm nào từ nhà cô bạn ra về đã quá giờ giới nghiêm, một người lính bất thần từ đáy sâu thành phố đột nhiên xuất hiện, anh chàng như bực tức vì đã phải chờ đợi giây phút này đời từ kiếp nào, như hả hê vì bắt được quả tang, mũi súng đen ngòm như chiếc máy dò sự thật, đầy hăm dọa, tra hỏi..." Có phải mi yêu thương cô bạn...?" và cứ thế khăng khăng chối biệt..."Không! Không!".

Ba mươi năm sau tưởng vết thương đã lành, tưởng không phải mọi người mà ngay cả chính mi cũng đã quên đi, Thần Chết cũng bỏ qua, hoặc chính nó cũng bị đánh lừa, hả hê trong nỗi chiến thắng, như vậy mi không hề chịu thua định mệnh, đúng vào lúc đó mọi chuyện lại bắt đầu, còn thê thảm hơn ngày nào, bởi vì bây giờ đâu còn chiến tranh để mà ăn vạ, không những vậy bây giờ mi còn một người vợ mà mi chưa từng nói được một lời yêu thương an ủi, còn mấy đứa con nay đã trưởng thành không phải do mi mà hoàn toàn do người vợ đau khổ của mi dậy dỗ nuôi nấng...

Đột nhiên, nhớ những ngày ở Trung Tâm Ba Tuyển Mộ Nhập Ngũ, nhớ cái chết của anh chàng thanh niên tuy cách xa chừng chục tuổi nhưng cùng trình diện một đợt, chắc đó là lần đầu anh ta vô Trung Tâm Ba trong khi mi nếu không có biến cố Mậu Thân chắc khó mà được nằm giường sắt Quang Trung... Mấy ngày đầu bỡ ngỡ, suốt ngày ngồi câu lạc bộ, hoặc bên ly cà phê, hoặc bận rộn với mấy trái banh bi da, đêm nằm co quắp trên chiếc giường sắt, đúng vào thời điểm này, bài "Tình nhớ " của Trịnh công Sơn vừa được tung ra, khoảng nửa đêm, một tay nào chắc nhớ nhà, nhớ bồ, hay chính nỗi cô đơn của mi cứ liên tục huýt sáo mãi điệu nhạc...Bây giờ mỗi lần tình cờ hoặc cố tình nghe lại, có cảm tưởng bài nhạc đã cất giữ giùm nỗi chia xa Saigon trong khi cuộc chiến, trước mắt là những ngày tháng gian khổ tại quân trường đang chờ đợi, nỗi nôn nóng mong được gặp lại cô bạn nếu mai kia có ngày trở về Saigon, nhưng kỳ diệu, không,

phải nói thê thảm, bài nhạc vẽ rõ bộ mặt tuy non nớt, tuy thẫn thờ ngơ ngác nhưng vẫn toát ra một vẻ bướng bỉnh liều lĩnh của một con bạc vừa quyết định xong một cú đánh ngoạn mục: Để phản đối chiến tranh, thay vì trốn tránh cưỡng lại lệnh trình diện nhập ngũ, cậu thanh niên chờ chiếc GMC đang chạy hết ga, từ bên lề đường ngay phía ngoài câu lạc bộ lao ra hứng trọn.

..Đợt trình diện đó có đủ mặt "anh hào",vẫn đám bạn bè từng ngồi chung bàn ở quán Cái Chùa, cùng ngửi mùi mực in QuánVăn Phạm Ngũ Lão, có ông chủ quán già rất lịch lãm biết điều với anh em văn nghệ, chẳng bù cho ông thư ký tòa soạn Trần Phong Giao lúc nào cũng nhăn nhó vì quá nguyên tắc trong cách tính giòng, tính trang, trong cách trả nhuận bút,và ngay cả trong việc giúp đỡ những người chưa thành danh muốn nhờ bảng hiệu nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng. Cậu thanh niên hình như chưa bao giờ bỏ sót một số Văn, "Văn kỳ thanh" nào Nguyễn Xuân Hoàng, nào Huỳnh Phan Anh...lần này gần như được gặp đủ. Sau khi cậu ta tự tử chỉ tiếc một điều nếu biết trước đã kéo cả bọn đến trình diện. Bởi vì Huỳnh Phan Anh, bị ám ảnh bởi những ngày "đổ mồ hôi nơi quân trường thay vì đổ máu nơi trận địa", cộng thêm những lời hù dọa của những anh chàng ra vẻ hiểu biết về những trò " huấn nhục" sắp tới khiến chứng bịnh bao tử đột nhiên lên cơn, đêm nào cũng dùng cái thùng nước lèo của mi làm chiếc gối, còn Nguyễn Xuân Hoàng vốn bô trai nên lúc nào cũng quanh quẩn bên mấy nữ tiếp viên câu lạc bộ...cuối cùng chỉ có mình mi để quên đi nỗi nhớ, để đỡ bồn chồn chờ ngày cuối tuần về Saigon, đã thân cận người bạn nhỏ mê văn chương và có thể còn mê làm cách mạng, còn mong mỏi cái chết của mình có thể sẽ có ích, nhưng những người Quân cảnh đã nhanh chóng xóa sạch mọi vết tích, nếu còn chăng đối với mi là khuôn mặt trẻ thơ không một chút dấu hiệu cho biết đây là người được Thần Chết tuyển chọn....

Đêm, vẫn đêm đêm, như hồn ma cố tìm cách nhập xác, như tên trộm muốn đánh cắp thời gian đã mất, mi tìm cách một mình trở lại ...Saigon, Quán Cái Chùa. Những buổi sáng sớm ghé 19 Ngô Đức Kế, nếu không có *Radiophoto* cần chuyển, như người ta sẽ trở về nhà chở vợ đi ăn sáng rồi đưa tới sở làm, thay vì vậy, mi chạy xe dọc theo đường Tự Do ngó con phố bắt đầu một ngày rồi ghé Quán Cái Chùa làm một trong những người khách thứ nhất, chẳng cần ra dấu, người bồi bàn cũng tự động mang tới ly cà phê sữa, chiếc bánh *croissant*, và mi ngồi trầm ngâm tưởng tượng cô bạn chắc đang ngó xuống trang sách, cuốn tập tại giảng đường Văn khoa, lúc này đã chuyển về đường Cường Để, cũng gần nơi làm việc, tự nhủ thầm buổi trưa có nên giả đò ghé qua, tuy vẫn ghi danh chứng chỉ Triết

học Tây phương nhưng gặp ông thầy quá hắc ám đành chẳng bao giờ tới Đại học, nếu có tới cũng chỉ lảng vảng ở khu chứng chỉ Việt Hán. Rồi lũ bạn rảnh rỗi cũng dần dần tới đủ... Lại vẫn những lời châm chọc, khích bác lẫn nhau, đó cũng là một cách che giấu nỗi sợ, nếu đủ tay thì lại kéo nhau tới nhà Nguyễn Đình Toàn làm canh xì...

Nhà Toàn ở ngay dưới chân building nơi hằng ngày làm việc, số 9 Phan đình Phùng. Đài Phát Thanh Saigon, số 5. Trung ương Cơ xưởng VTĐ, số 11: Nhiệm sở đầu tiên sau khi ra trường, một nửa tòa nhà sau bị phá bỏ để lấy chỗ xây cất trường Quốc gia Bưu điện. Hai năm trời làm công việc sửa chữa máy móc từ các Đài địa phương gửi về, lâu lâu tùy nhu cầu công vụ lại một thầy, một đệ tử, thường là một chú nhỏ học việc, một chiếc công xa đã được chuyển bảng xe thành số dân sự, phòng ngừa giữa đường gặp mấy ông du kích giải phóng, hai thầy trò làm một chuyến viễn du tới một đài địa phương, thời gian yên tĩnh trước cơn bão tố, trước khi gặp cô bạn...Quen tác giả "Chị em Hải" một bữa tình cờ cùng ăn sáng tại quán phở 44 ngay trước Đài Phát Thanh, ông chủ tiệm cùng làm Bưu Điện giữ nhiệm vụ tháng tháng phát tiền. Toàn tới làm quen, tự giới thiệu và đề nghị viết cho Văn. Vợ Toàn là một trong những người đầu tiên đọc bản thảo truyện ngắn "Thời gian". Khi Toàn đưa đến nhà giới thiệu, bà tuyên bố một câu xanh rờn: "Anh đúng là văn sĩ mê gái !".

Không ngờ câu nói trở thành định mệnh, y hệt bà biết rất rõ, cái cảnh thất thểu dưới mưa chạy theo cô bé con trước cửa trường Đại học Khoa học không phải là tận cùng mà là bắt đầu, y hệt bà biết rõ cô bạn tuy hai người chẳng bao giờ gặp nhau. Sau truyện ngắn là lần gặp gỡ đầu tiên với Nguyễn Đình Vượng và Trần Phong Giao ở Cái Chùa. Ông già rất trịnh trọng, đúng tác phong *protocole*. Tiền nhuận bút để trong phong bì, 300 đồng thời ông Diệm mới bị giết là một món tiền đủ cho một buổi gặp mặt bạn bè tại một chỗ như quán Ngân Đình, ngay cột cờ Thủ Ngữ ngó qua Thủ Thiêm, kế bên nhà hàng nổi Mỹ Cảnh, nơi mi suýt "đi theo ông Diệm". Bởi vì nếu ông Diệm còn sống có thể không có vụ người Mỹ đổ quân tại Đà Nẵng, và sau đó là cả một đám diều hâu kên kên ký giả đổ xô vào Việt nam...Mi đâu có dịp kết bạn cùng hai chuyên viên hãng RCA Manila và khi vụ nổ xảy ra nhờ họ mà mi đã thoát chết. Theo lời yêu cầu của Bưu Điện Việt nam, họ qua Saigon giúp thành lập mạch viễn ấn dành cho báo chí nước ngoài, cuối cùng bỏ mạng tại nhà hàng nổi Mỹ Cảnh trong vụ VC đặt hai trái mìn dàn chào người Mỹ mới tới, xác được mang về Manila, những nạn nhân đầu tiên của mạch thông tin báo chí. Nhưng ký giả đầu tiên hy sinh tại chiến trường Việt nam là HuỳnhThành Mỹ, nhiếp ảnh viên hãng AP...❐

Hai đứa

NGHIÊM XUÂN HỒNG

Hai đứa chung nhau một hý trường
Đứa bày đứa xóa nẻo mừng thương
Chăn xô gối lệch thân tan tác...
Chỉ thấy đêm trường quận cố hương

Cố hương Nhất-thể-Uyên-nguyên ấy
Duyên cớ vì đâu lại tách lìa?
Âm dương đôi ngả từ xa cách
Cách mãi từ đây đến thuở nào

Nhớ thuở Quang âm từ hiện xuống
Ăn bả trần gian nặng xác thân
Guồng máy huyền vi con Tạo chuyển
Nửa biến thành Nam nửa Nữ thân

Trời đất từ nay trùng cách ngại
Lận đận ven trời cánh vạc bay
Tiếng kêu cô lẻ vang vang nuối
Tìm kiếm tri âm vạn hóa thân

Bụi hồng quyện mãi niềm tục lụy
Trò hợp trò tan dạ vấn vương
Quên quên nhớ nhớ tiền sinh kiếp
Sanh trót sanh rồi lại diệt tan

Ai mê mải bước giữa canh trường
Lạc nẻo mê đồ hoặc bốn phương
Bỗng tiếng chuông ngân vang tịch mịch
Mới hay Ly Hợp chỉ là Tâm.

Thụy ơi, Tình ơi...

Hoàng Nga

Cái thành phố không lớn lắm, nằm dọc theo bờ biển, ở bên này đại dương nhưng giống hệt như thành phố nàng đã sống những năm còn thơ ấu. Cái thành phố đã buộc chân nàng bằng một mối tình thơ mộng, và sau đó cũng nhốt nàng bằng những kỷ niệm thật âu sầu. Trong suốt ba năm dài, nàng lặng lẽ sống như một người không có quá khứ, không có tương lai. Như một con sâu, một chiếc lá ở cuối vườn. Như thể không còn một đời sống nào u buồn hơn thế nữa.

Quế thường bảo nàng, nếu như người ta có đủ can đảm để làm lại từ đầu, đủ can đảm để vượt thoát đoạn trường, thì tất cả mọi sự rồi sẽ qua đi, nỗi đau thương dù thống khổ đến cách mấy đi nữa rồi cũng sẽ dẫy chết. Tùy nhiên Quế chỉ nói đến cái lòng quyết tâm và sự can đảm, còn cách thoát, cách vượt lên đoạn trường ra sao thì Quế cũng đành chịu. Quế bảo, mỗi người có một cách sống riêng của mình, nên không thể lấy kinh nghiệm của người này mà làm thành kinh nghiệm của người khác được. Quế nói:

–Nếu tao hát hay, đàn giỏi như mày, tao sẽ đi hát đi hò, tao sẽ lao vào cái đời sống chộn rộn ở ngoài kia, tao sẽ có một mối tình khác, một người yêu khác. Nhưng còn mày, mày không muốn vươn dậy, mày chôn đời mày một cách vô lý, một cách thảm sầu thì biết làm sao!

Nàng thở dài:

–Tao chán ngán con người, chán ngán cuộc đời. Chẳng còn muốn chường mặt ra ngoài, chẳng còn tin tưởng nổi ai.

Quế rùn vai:

–Vậy thì chịu. Tao chẳng giúp gì được mày!

Suốt ba năm dài, nàng cứ sống lặng lờ trong cái mảng đời riêng chật hẹp, trong cái khung cảnh nhỏ bé, hắt hiu của nàng. Ba năm, chẳng hề có một thay đổi mà Quế gọi là một cái *unchanged melody*. Vẫn chỉ là những

buổi sáng hối hả đến sở làm, trưa lặng lẽ trong một góc phòng nhìn bạn bè đồng nghiệp đấu láo, ăn uống với nhau, và chiều áo não chậm chạp lái xe về trên một con đường lúc nào cũng đầy nghẹt xe cộ. Quế, lại Quế, bảo nàng điên vì nàng luôn luôn chọn cái freeway nhưng không bao giờ thấy free mỗi chiều này

Quế có rất nhiều lý do để về sớm. Một bữa ăn tối. Một chiều hẹn hò. Một cú điện thoại. Một hồi hộp chờ đợi. Hoặc một lắng lo ưu tư... Quế có vân vân và vân vân điều để bận rộn, để hối hả trong cuộc sống thường nhật. Nhưng nàng, nàng về nhà sớm chỉ để tắm gội, ăn uống vớ vẩn, rồi lên giường nằm đắp chăn; và, trời ơi, có khi còn là khóc; nàng nghĩ, nếu chỉ là ngần ấy, ngần ấy thứ thì thà ngồi bó tay trên vô lăng, chậm chạp nhích từng vòng bánh xe, như nhích từng giây đời sống; có lẽ còn đỡ thấy cực lòng hơn.

Nàng không muốn giải thích với Quế, nên chỉ bảo do thói quen, ra khỏi sở làm, đến ngã ba thường không bao giờ nhớ là phải rẽ trái nên cứ về nhà bằng cái con đường khổ ải kia. Quế nói:

–Mày có vẻ thích những con đường khổ ải.

Nàng đùa bằng một giọng hát sướt mướt:

–Đường nhân gian đầy ải thương đau, ai chưa qua chưa phải là người.

Và nàng ngước mặt lên với Quế:

–Nhìn mặt tao nè Quế, tao đâu có giống...mokey, tao là người của thế kỷ hai mươi đàng hoàng nên mày phải để tao đi trên những con đường nhân gian thương đau chứ!

Quế vặn lại:

–Vậy thì đám cưới tao, mày sẽ đến dự bằng con đường nào?

Nàng làm thinh. Có con đường nào đến dự đám cưới của Quế mà không gặp Thụy! Quế nhắc lại câu hỏi và nói, "hay là mày định không đi đấy hở Dung". Nàng bối rối xếp hai chân lên lòng ghế ngó bạn. Thụy với Hạ, chồng sắp cưới của Quế. Và Quế với nàng! Ba năm dài, cất công trốn tránh mọi ngả, mới chỉ gặp Thụy có một lần, ở cuối phố. Nhìn thấy nhau, và vội vã quay đi. Thụy rẽ vào tiệm tạp hóa Á Châu, nàng đi thẳng về nhà. Lại trùm chăn và bật khóc. Ba năm, không bao giờ đặt chân đến những nơi có thể chạm mặt Thụy. Ba năm, thu mình như một con thú nhỏ trong hang. Như con gấu trốn mùa đông. Biệt tăm biệt tích. *Ba năm hương lửa mặn nồng*. Nhưng là của Thụy với ai đó. Chứ ba năm của nàng đóng băng lạnh lẽo một cách thảm sầu...

Nàng thở dài. Đã có những ngõ ngách, những con đường để tránh Thụy ba năm nay, nhưng đến giờ này, đám cưới Quế, thì thật là không còn hang sâu, địa đạo nào dành cho nàng nữa. Nàng khổ sở nói, gần như năn nỉ:

–Nếu mày thương tao thì giăng bảng cấm tất cả các con đường đến nhà mày hôm ấy. Quế lắc đầu:

–Mày giống như con gà mắc mưa. Lẽ ra mày đã phải vươn dậy từ lâu rồi mới phải

Quế gằn giọng:

–Mày xấu xí gì cho cam hả Dung? Mày đui què mẻ sứt gì cho cam hả Dung? Ngày xưa mày thế nào mà giờ mày thế này?

Nàng làm thinh. Quế nhăn nhó:

–Trời ơi, mày...! Mày cải lương không chịu được Dung ạ. Mày bắt chước những em marie sến định "để tang cho một cuộc tình" đó hả Dung? Nhỏ ơi, mày làm tao bỗng muốn nghỉ việc, bỗng muốn thành lập một đoàn Hồ Quảng mà mày sẽ làm soạn giả kiêm luôn đào chính với những vở tuồng tình cảm xã hội đặc sắc có các vai bi thảm kiểu dẫu đã bị phụ rẫy nhưng vẫn thề nguyện *trọn đời yêu anh, trọn đời chôn chặt mối tình đầu không bao giờ nhạt nhòa trong tim...*

Nàng để mặc Quế chua chát rủa sả. Và khi Quế về rồi, nàng ngồi bó gối một mình, loay hoay tìm cho ra một cái lý do để khỏi dự đám cưới bạn. Nhưng mãi đến cạn ngày, tất cả các lý do như vẫn còn nằm ở trên mây. Nàng không hiểu tại sao những cơn bịnh thập tử nhất sinh, những cơn sốc, hay những tai biến mạch máu não, *heart attack*... chỉ đến khi người ta sắp sửa lên đường đi thi, sắp sửa đi phỏng vấn nhận việc, hoặc trước ngày đi dự một cái đám cưới mà họ rất thích vì "sự có mặt của quý vị là một vinh dự cho gia đình chúng tôi"! Những cơn bịnh oái ăm đó không chịu đến với nàng. Thậm chí nàng cũng không thấy nhức đầu nhức vai gì cả. Và con đường về nhà nàng vẫn kẹt xe, nàng vẫn phải chạy ba chục cây số một giờ, nên tai nạn chỉ xảy ra ở các khúc phố nàng không hề ngang qua. Xa lơ xa lắc.

Và không đau ốm, không tai nạn, nên không thể không hiện diện ở đám cưới Quế được. Quế lôi nàng xuống phố. Ướm thử một cái áo màu hoàng yến lên người nàng. Nàng chọn cái màu đen. Quế chửi:

–Mày đi đám cưới hay đi đám ma của tao, hở con khỉ?

Hai người đi tới đi lui qua nhiều gian hàng. Chê khen hết nước miếng. Cuối cùng Quế đành để nàng mua một cái áo đầm phết gót màu rượu chát. Cổ cao. Tay dài. Và Quế rên:

–Trời ơi, nữ tu!

Nàng bùi ngùi:

–Giá mà tao đủ can đảm thì đã đi tu rồi Quế ạ.

Cái con số mười lăm tháng sáu khó chịu như gương mặt một người

đàn bà đã hết thanh xuân mỗi khi nàng đưa mắt nhìn lên lịch. Không lẽ nàng ước ao trời mưa to, hay trời có bão lớn ngày đám cưới Quế. Nhưng dẫu mưa to, hay bão lớn, người nào đó có thể không tới, chứ nàng thì chỉ trừ việc "ân đoạn nghĩa tuyệt" với Quế mới không tới mà thôi!

Nàng mặc cái áo màu rượu chát, chát như lòng nàng, chát như mủ trái sung. Người ta nói gừng cay muối mặn xin đừng bỏ nhau, nếu có ai đó đem trái sung trái vả ra để mà ví von trong ca dao tình yêu, có lẽ sẽ phải nói, sung chát vả chát xin bỏ nhau ỳ xèo! Đầu óc nàng phân tán khắp nơi. Mỗi tế bào là một ý nghĩ khác nhau. Không tìm ra lý do để ở nhà, nàng cuống cuồng như một người đang ngồi trong phòng thi, hì hà hì hục giải một bài toán khó, trong óc hiện ra hàng trăm định lý, định đề, nhưng cái định lý, định đề cần thiết để chứng minh thì không làm sao nhớ nổi. Nàng xót dạ kêu lên với mình. Hết giờ rồi tôi ơi. Và hoang mang, ngập ngừng rất nhiều lần trước khi rời khỏi ngưỡng cửa nhà mình.

Nàng không bao giờ dám nghĩ đến cuộc sống đã đổi khác của Thụy. Càng không dám nghĩ đến sự có mặt của người nữ bên cạnh Thụy lúc này. Quen quá. Biết nhau quá. Học chung trường với nàng và Thụy ngày nào. Lẽ ra cái vị trí bên trái, bên phải của người ấy hiện nay là của nàng mới đúng. Có ai đó nói với nàng, thay đổi là một luật định của tạo hóa. Nàng trong nhớ sách vật lý hay nhắc đến một cái hằng số "n". "n" là một hằng số bất biến. "n" không thay đổi, nhưng Thụy không là một hằng số, nên Thụy phải có muôn hình muôn trạng, muôn màu muôn vẻ, phải "tếch ni co lo" cho vui với đời, để không bị chê là "đê mốt". Nàng chống tay lên thành xe, chờ đèn xanh ở ngã tư rẽ về nhà Quế. Thế giới của chúng ta ngày nay đang đổi thay không ngừng. Những ai không theo kịp đà tiến hóa của nhân loại sẽ bị bánh xe lịch sử nghiến nát. Nàng thở dài. *It's fair enough*! Trên đời này, chẳng có ai muốn bị nghiền nát, chẳng có ai muốn bị coi là không hợp thời trang... Nhưng có điều, thay đổi nhanh quá, đột ngột quá, khiến nàng phản ứng không kịp, cũng không đủ sức để gượng dậy nổi sau đó. Nàng nghe một chút ngắc ngứ ở cổ họng mình, nhớ trước ngày nàng đi Âu Châu, Thụy đưa ra phi trường, còn ân cần nắm tay nàng dặn dò:

–Về nhanh với anh. Cấm không được hát hò gì ở bên kia, nghe chưa? Em mà hát, thế nào cũng có thằng đòi theo.

Nàng cầm lại tay chàng:

–Trời ơi, em đi đám ma, sung sướng gì mà hát với hò hả Thụy?

Thụy bóp tay nàng:

–Đám ma cũng hay có văn nghệ bỏ túi lắm chứ.

Đám ma dượng của nàng. Thật ra nàng không cần phải chịu đựng mười mấy giờ đồng hồ bay để đi dự cái đám ma ấy. Nó hoàn toàn nằm

ngoài chương trình của nàng. Nàng chỉ "nhân dịp" đi Âu Châu một chuyến sau những năm dài ròng rã, miệt mài ở giảng đường, ở phòng thí nghiệm. Đi một chuyến, như bạn bè đã đùa là để hít thở chút không khí "tự do" trước khi quyết định làm đám cưới với Thụy, trước khi bị cột vào với Thụy.

Nàng đưa ngón tay trỏ đặt ngang mũi. Không được khóc, tôi ơi! Phải cố nhớ xem có ông hay bà thầy bói nào đã nói đường đời mình trắc trở, tình duyên mình lận đận để đừng trách móc người chết. Người chết vô tội, ông dượng vô tội, cái đám ma vô tội. Ông dượng không chết, thì mình cũng đi Âu châu. Nàng thầm thì nói với chính mình. Chỉ tại cái số long đong. Chỉ tại cái duyên không có. Nàng tuổi con chuột. Nhưng chuột không sa hũ nếp mà chuột rơi phải hầm chông, rớt nhằm hố đinh. Ngày ở Âu Châu về, nàng đến tìm Thụy, Thụy bảo nàng:

–Đừng bắt anh giải thích. Ngày xưa anh yêu Dung, Dung không hỏi vì sao, thì bây giờ cũng đừng bắt anh nói lý do anh yêu người khác. Anh không trả lời được.

Làm sao giải thích được tình yêu. Có nghĩa gì đâu một buổi chiều! Có nghĩa gì đâu những ngày tháng có nhau. Chim quyên đã ăn hết nhãn lồng. Lia thia đã chán chậu, đã thèm ao sâu, thèm sông lớn. Người chưa là vợ chồng nên chẳng có gì để bén mùi, quen hơi. Nàng nhớ lúc còn ở quê nhà, trưa vẫn nghe người hàng xóm hát vọng cổ. Nàng nhớ câu: *Mai đây lên chốn thành đô đầy xa hoa rực rỡ, xin anh đừng quên ở chốn quê xưa có một người con gái đang vò võ trông...chờ!* Nàng cay đắng thở dài. Cô Lan của anh chàng Điệp dũng cảm quá. Cô dám cắt tóc đi tu khi duyên phận lỡ làng, nhưng còn nàng thì dẫu rõ ràng đã bị phụ rẫy mà chỉ biết sống phất phơ như cành hoa trước gió; tu không ra tu, đời không ra đời, xanh xao, héo úa như như những nhánh cây, bụi cỏ giữa trời nắng hạn...

Tiếng còi xe gióng lên phía sau lưng nàng. Nàng kêu. Chết cha, đèn xanh! Và vội vã nới lỏng chân thắng, rẽ sang khúc đường khác một cách thành thạo, dễ dàng. Nàng nghĩ tới Thụy. Nghĩ tới con người đã rẽ trái, rẽ phải cuộc đời dễ dàng, ngọt ngào như nàng bẻ tay lái xe. Nhiều lần Quế đã mang người đến giới thiệu với nàng. Nhưng nàng chỉ nhờ Quế một việc:

–Mày bảo anh Hạ thử hỏi xem tại sao Thụy có thể một sớm một chiều quên tao như vậy?

Lần cuối cùng, Quế đã bực mình cáu gắt lên với nàng:

–Hỏi với chả hỏi! Tại sao mày không tự nghĩ ra là người ta đã manh tâm từ lâu, chỉ còn chờ dịp mày vừa đi khuất là "ra tay hạ sát"? Hay tại sao mày không tự hỏi là có phải hắn đã nuôi sẵn dăm bảy con tuấn mã, chỉ

cần mày vắng bóng là "quất ngựa truy phong"? Mày định hỏi để buồn, hay là để thay đổi cuộc đời, làm bé hắn chẳng hạn?

Nàng thở dài. Nàng biết đành là hỏi cũng chỉ để buồn như Quế nói, cũng chẳng thể múc lại cho đầy bát nước đã rơi tung tóe xuống đất. Nhưng làm sao nàng không thắc mắc khi người ta có xa mặt lâu mới cách lòng, chứ nàng chỉ đi vắng chưa đầy ba tuần thì mọi sự đã biến đổi y hệt như con nít chơi trò *bàn tay trắng, bàn tay đen*. Trong tiểu thuyết kiếm hiệp hay bắt đầu một đoạn, hay một chương mới bằng câu,"*trên đây là cảnh Quách Tĩnh gặp Hoàng Dung, cảnh Triệu Minh gặp Trương Vô Kỵ, nhân nhắc lại chuyện vân vân và vân vân...*". Nàng không tin nổi con người ta có thể nhảy từ phần đời này qua phần đời khác cũng chỉ bằng cái phương pháp dẫn nhập truyện như thế của Kim Dung. Nhưng nói như Quế, là Thụy đã có ý định bỏ nàng từ lâu thì nàng cũng không thể nào có đủ can đảm để tin được.

Nàng chạy ngang qua nhà Quế rồi quày trở lại. Xe đậu dọc hai bên lề. Từ nhà Quế đến nhà hàng chỉ vài mét đi bộ, nhưng nàng phải loay hoay với chỗ đậu xe đến gần cả mười lăm phút. Người đàn ông đứng trước cửa nhà hàng hỏi nàng:

–*Bride or Groom*? Dâu hay rể?

–*Both*. Cả hai. Người đàn ông cười:

–Chị Dung này! Ngày quan trọng mà chị cũng không cho tôi làm ra vẻ quan trọng một chút.

Nàng cười đáp lại. Nàng muốn đảo mắt vào trong kia xem Thụy đang ngồi ở đâu, nhưng không dám. Cái nhà hàng khá lớn. Cả cô dâu lẫn chú rể đều có cơ nghiệp đàng hoàng. Quế nói:

–Không lấy được ngày nghỉ, không có honeymoon thì tao làm lớn, tao đãi khách ăn cho sướng mồm mày ạ.

Nhà hàng nói món nào Quế cũng hớn hở gật đầu. Khách nào được mời đi ăn đám cưới Quế cũng khấp khởi trong bụng. Chỉ riêng nàng biết chắc là mình sẽ không có bụng dạ nào để ăn. Nàng canh cánh lo sợ, tự hỏi mình sẽ đi đứng thế nào, ăn nói ra sao để cách ứng xử có vẻ được bình thường trước mặt Thụy, trước mặt bạn bè. Quế đấm vai nàng:

–Cấm khóc trong đám cưới tao đấy nhé, con khỉ!

Người chủ hôn là bố đỡ đầu của cả cô dâu lẫn chú rể. Ông âu yếm nhìn đôi tân hôn, bảo:

–Người đa trắng của bố có tục lệ trồng hai cây ô liu cạnh nhau, để khi lớn, chúng sẽ quấn vào nhau như đôi uyên ương của người châu Á. Cành đan lấy cành, thân đan lấy thân. Và mặc cho mưa gió bão bùng, hay nắng

hạn khô khan, mùa xuân hay mùa hạ, mùa đông hay mùa thu, ấm trời hay giá tuyết, chúng sẽ cùng vươn lên với nhau. Dựa vào nhau mà sống, mà trưởng thành, mà đơm hoa kết nụ, mà cho ra đời những quả mướt xanh...

Ông nắm lấy tay đôi tân hôn đặt vào nhau:

–Ngoài biển có những đôi sam, trên rừng có những đôi uyên ương luôn luôn quấn quít lấy nhau, sống chết có nhau; bố mong các con sẽ còn hơn là những cành ô liu, những đôi sam, những con uyên ương không bao giờ lẻ bạn. Bố ước ao sẽ được nhìn thấy tình yêu của các con thăng hoa, được vững bền mãi mãi, được đơm cành trổ lộc, được nở những nụ mầm mới, những hoa quả ngọt ngào...

Đôi tân hôn chớp mắt nhiều lần. Nàng cũng chớp mắt nhiều lần. Những lời lẽ vừa văn hoa, vừa mộc mạc của người đàn ông da trắng như một lưỡi dao cắt vào thớ thịt của nàng. Như một bàn tay thò vào lồng ngực, thắt vặn cuống tim nàng lại. Nàng nghe chóng cả mặt trong tiếng rượu nổ lốp bốp chung quanh. Và trong tiếng chúc mừng như những cơn sóng dữ chồm lên hung hãn. Nàng nhủ thầm. Không được so sánh, không được liên tưởng, không được nghĩ ngợi, tôi ơi. Nàng ngước mắt nhìn lên cao. Tấm phông với hàng chữ chúc mừng hôn lễ dán trên tường nhảy múa trong mắt nàng. Nàng cúi xuống ly *champagne* sóng sánh những giọt rượu vàng óng trên tay, tự nói với mình. Phải nhớ hôm nay là đám cưới Quế! Phải làm sao cho mọi người thấy dẫu Thụy có ngồi nơi kia, hay đứng ngay tại chỗ này cũng chẳng có gì khiến ta chao đảo, bối rối. Nàng cắn hai hàm răng chặt lại với nhau, rồi cười theo với mọi người, xưng hô chúc tụng theo với mọi người. Bằng một chút trắc trở, bằng một cái ý thức kỳ quặc, nửa chủ định, nửa kia hoàn toàn máy móc...

Cơn sóng chúc mừng dâng lên rồi lặng xuống. Nhà hàng bắt đầu long trọng dọn món khai vị muôn thuở của đám cưới, súp vi cá. Nàng thấy hơi nhờn nhợn. Nàng ghét đồ biển. Và sợ cái món ăn được mệnh danh là sang trọng, quý phái này như thể người bệnh sợ bị ăn cháo trắng. Nhưng nàng tự khuyến cáo mình không được để thiên hạ bảo nàng nuốt không trôi chén súp chỉ vì có hai con người, một nam, một nữ đang ngồi ở góc phòng kia. Quân khều nàng, nói nhỏ:

–Ăn ít món này thôi chị Dung. Thực đơn dài như cái sớ táo quân, chị mà "dớt" hai chén súp là hỏng bét!

Nàng cười. Cái bữa ăn đã hỏng bét ngay từ lúc mới chính thức cầm cái thiệp cưới của Quế trên tay rồi anh Quân ơi. Nàng ngó Quân. Người bạn cùng khóa học với nàng cười lại:

–Lâu không gặp chị, không nghe chị hát, lát nữa chị phải trả nợ tụi này.

Nàng lắc đầu:

–Giọng tôi về chiều xế bóng rồi.

Người đàn ông làm như không để ý nàng nói gì, quay sang nói với những người ngồi cùng bàn:

–Xin giới thiệu với mọi người, đây là chị Dung, ca sĩ chính của trường tụi này ngày xưa. Một giọng ca vàng đấy nhé. Không thua gì Lệ Thu đâu.

Nàng đành cười:

–Ngày xưa tôi từng đi thi với Lệ Thu. Thi hai người. Lệ Thu đứng nhất, tôi suýt được đứng nhì.

Mọi người lao nhao đòi được thưởng thức giọng ca của nàng. Quân hớn hở kể lể đủ thứ chuyện về nàng, và thỉnh thoảng lại quay sang hỏi nàng có nhớ kỷ niệm này, kỷ niệm nọ lúc hai người còn học chung với nhau hay không. Dạ nàng đau thắt. Nàng không biết Quân vô tình, hay Quân không tưởng tượng được là nàng vẫn còn đau nỗi đau xưa.

Nàng uống một ngụm nước lớn. Nuốt trôi nỗi nghẹn ngào xuống đi tôi ơi. Nàng nhủ thầm và quay đi hướng khác. Bắt gặp Quế đang cười rạng rỡ trong sắc áo cô dâu đỏ thắm, nàng buồn bã thở dài. Quế ơi, mày đã nhẫn tâm bắt tao đi dự đám cưới mày, rồi lại tàn ác xếp cho tao ngồi kế ông bạn cũ ruột để ngoài da như thế này đây! Nàng nghe tiếng Quân rên rỉ ở bên cạnh:

–Chị Dung ơi, chị ăn uống gì mà uổng của thế? "Trăm năm mới có một thì, không phải hủ tiếu mì ngày nào cũng có" mà chị! Thêm một tí cũng chưa mất eo cơ mà! Chị ăn uống như thế này là chị công khai chửi thằng đầu bếp, chị mạt sát cái nhà hàng này!

Nàng chống hai tay lên cằm, nhìn xuống chén thức ăn còn đầy ắm ắp của mình do Quân đã ra sức gắp bỏ vào. Nàng nói:

–Nhưng biết đâu tôi ăn thêm một tí thì lại mất bạn! Quân phì cười. Sau đó suốt buổi tiệc, Quân cứ vừa ăn vừa xuýt xoa khen món này ngon, món kia thượng hảo hạng để trêu nàng. Nàng bảo:

–Anh định bắt chước yêu tinh quyến rũ Đường Tam Tạng đó hả anh Quân?

Quân cười:

–Tôi chỉ thích làm chị bực. Và đến lúc nghe có người nào đó hét to lên "Tường Dung đâu, hát tặng cô dâu chú rể vài bài đi chứ!", Quân khoái chí đứng bật dậy:

–Tường Dung đây! Chị Tường Dung ngồi ở bàn của tôi đây này. Chị ấy đang chuẩn bị lên sân khấu ngay bây giờ đây này!

Mọi người vỗ tay. Nàng chồm người kéo vai Quân ngồi xuống:

–Lộn xộn quá!

Quân vẫn la bai bải:

–Xin thêm một tràng vỗ tay đi!

Lại một tràng vỗ tay. Nàng lắc đầu, khua cả hai tay tỏ ý không nhận lời. Đã lâu rồi nàng không còn muốn hát, dầu là hát cho chính mình nghe. Nàng nhớ có người nói với nàng đang thất tình mà nghe nhạc Việt Nam, chỉ muốn tự tử cho xong đời. Nàng cũng thấy nhạc của dân tộc nàng buồn thật. Nhất là nhạc tình. Bài nào cũng ngậm ngùi chua xót, bài nào cũng đổ vỡ chia ly, từ những bài có tính cách thương mại cho tới những loại được kể là hay, là có giá trị.

Quân nói "nhanh lên, để còn đến phiên tui nữa, bà chị!" và chộp tay, kéo nàng đứng dậy để nàng không có phản ứng gì thêm, nói to:

–Xin giới thiệu, chị Tường Dung!

Đến lúc ấy thì nàng đành phải lần ngần rời chỗ. Bạn bè nàng lại vỗ tay, chen lẫn vài tiếng huýt gió nghịch ngợm đuổi theo bước chân nàng. Nàng phì cười. Quế đón nàng trên bục gỗ thấp, chỗ cô dâu và chú rể đã nói vài lời ra mắt người thân và hai họ. Quế đưa *micro* cho nàng. Cười. Cám ơn mày. Cái áo ngó vậy mà đẹp ghê Dung ơi! Nàng cũng nói lại "cám ơn mày" rồi quay xuống phía dưới. Một người ở cuối phòng nói to:

–*Khúc thụy du* đi, chị Dung!

Vài tiếng hưởng ứng khác tiếp theo. Nàng nhìn xuống quan khách, khẽ mỉm cười bằng một nụ cười rất kịch, rất sân khấu. Thật sự nàng chẳng muốn cười với người nào, cũng chẳng muốn nhìn thấy bất cứ người nào. Chỉ vì nàng sợ phải cười với một người, phải nhìn thấy một người! Trong ký ức nàng, chợt hiện lên rõ mồn một những khuôn mặt và những tiếng cười trêu ghẹo của đám bạn bè ngày xưa:

–Dung ơi, Dung hát làm gì "khúc thụy...dung" làm thằng bạn anh chết rồi đây này!

Và cả nụ cười tán tỉnh của kẻ chết...giả với một đóa hồng cầm trên tay cũng chấp chới quay về:

–Trước giờ nghe ca sĩ hát bài này nhiều rồi, nhưng chưa bao giờ cảm động như nghe Dung hát.

Chao ơi đời! Nàng nhớ là nàng đã không muốn nhận đóa hoa hồng và lời khen tặng. Cũng không muốn để lòng mềm xuống trước người con trai. Vậy mà cái đóa hồng cuối cùng cũng đã về đến tận nhà nàng, và cái nỗi xôn xao chao động vẫn ở với nàng suốt gần ba tháng nghỉ hè. Lần nào nghe điện thoại reo, nàng cũng ước mong đến xót cả dạ có một tiếng người ấm áp vang ở phía bên kia đầu dây: "Xin lỗi, cho tôi gặp Dung, tôi là Thụy"...

Nàng xốn xang nhúc nhích đôi chân mình trên chỗ đứng. Vài đoạn nhạc quẫy lên trong trí nàng. *Hãy nói về cuộc đời. Tình yêu như lưỡi dao.*

Tình yêu như mũi nhọn. Êm ái và ngọt ngào. Cắt đứt cuộc tình đầu. Thụy bây giờ về đâu... Ban nhạc chờ nàng gật đầu và nói cái "tông" của bài hát. Nàng ngó đông ngó tây, nhưng không ngó ban nhạc. *Thụy bây giờ về đâu.* Thụy có về nơi đâu! Thụy có đi chốn nào! Thụy của những ngày xưa và Thụy của bây giờ. Thụy của bài hát và Thụy của cuộc đời. Nàng dõi mắt ngó. Thụy của thi sĩ và nhạc sĩ không biết về đâu nhưng Thụy của một thời từng yêu nàng thì đang ngó lơ ra ngoài khung cửa kính. Có cái gì hấp dẫn ở ngoài kia? Mây nước, trời đất, thiên thai, địa ngục bị chận bởi một cái cột có hình rồng phượng hoa hòe. Không lẽ Thụy đang ngó cái cột. Thụy ngồi bên cạnh người đàn bà, người nữ đã chiếm đoạt vị trí của nàng. Nàng hấp háy mắt khi chợt trông thấy Thụy thật rõ, thật gần, như thể đang xem một khúc phim cận cảnh trên màn ảnh lớn. Nàng thoáng chút ngạc nhiên với chính mình vì không ngờ nàng lại dám nhìn Thụy như vậy. Một cách dửng dưng, lạnh lùng. Trông Thụy không có vẻ gì khác so với những quan khách bình thường của bữa tiệc cưới. Áo xống kỹ lưỡng. Mặt nạ sáp. Có lẽ cũng đã nói cười, chúc tụng máy móc. Tự dưng nàng bỗng hỏi thầm mình: Không biết Thụy đang vui hay đang buồn. Có bối rối, khó chịu hay không với sự có mặt của nàng trong bữa tiệc, trên chỗ đứng này. Có lần nàng nghe bạn bè nói Thụy sống khá hạnh phúc, vì Thụy thành công hoàn toàn trên cả hai mặt, đường đời lẫn đường tình. Nhưng cũng có nhiều người bảo Thụy không mấy vui. Chỉ bề ngoài. Vậy thôi.

Tự dưng nàng chợt muốn cười buồn một mình. Chỉ có trời với Thụy mới biết Thụy vui hay buồn, hạnh phúc hay khổ đau. Nhưng không ai là không biết Thụy đã xa xôi ngàn đời, Thụy đã ngoài tầm tay với của nàng. Thụy đã thuộc về một khung trời khác, một người khác. Đầu mũi nàng cay nồng. Nàng nói với mình. Bây giờ Thụy có vui hay buồn, gió có cấp bảy, cấp tám, dông lớn hay mưa rào nhiều nơi, biển động mạnh hay nhẹ thì cũng chẳng ảnh hưởng, dính dáng gì đến nàng! Nàng rời mắt khỏi khuôn mặt Thụy. Chạm phải tia nhìn nửa thương nửa giận của Quế. Nàng nhớ Quế nói:

- Đám cưới tao, cấm khóc!

Quế ơi, tao cười ra nước mắt rồi đây này. Nàng chớp mắt, tần ngần một, hai giây rồi khẽ quay đầu nhìn xuống đám đông, mỉm cười dịu dàng:

–Cái bài hát cũ quá. Vả lại tôi đã hát khá nhiều lần nên hết còn thấy xúc động. Hát nữa, chắc không hay...

Đám đông nhìn lên. Nàng hướng mắt về phía Quế và Hạ, mềm giọng tiếp:

–Vì vậy tôi sẽ chọn một bài mà cả chú rể lẫn cô dâu đều thích, bài Thiên Thai. Hy vọng là các bạn cũng thích...

làm thơ giữa cảnh sát

NGU YÊN

tôi ngồi đợi giữa nhân quyền im lặng
cảnh sát nhìn người
thượng đế nhìn tôi
tôi tự hỏi đã làm gì sai quấy
khi làm thơ cho qua hết một đời

trong góc sống
con nhân sinh kinh tâm giãy giụa
cảnh sát dẫm đầu này
thượng đế dậm đầu kia
con tị nạn dập mề trong số mạng
số mạng ai cho sao phải chịu đựng hoài

căn phòng đợi
tôi làm thơ nhiều lắm
ví dụ như:
điền đơn
ký tên
đóng phạt
và xin lỗi
tôi tự hỏi đã làm gì nên tội
khi làm thơ cho qua hết một đời.

Đám đông vỗ tay. Nàng đã không còn nhìn Thụy nên không biết Thụy có nhìn nàng, có vỗ tay hay không. Nàng nghĩ, giá mà nàng có đủ can đảm, có lẽ nàng sẽ cay đắng nói cho hả cơn muộn phiền trong lòng, rằng, phải chi Thụy của tôi cũng đã về đâu như Thụy trong bài hát, thì chắc chắn là tôi sẽ lên cơn hấp hối, rồi quằn quại mà rền rĩ cho quý vị nghe cái bài hát đã làm tôi rớt nước mắt bao năm, *như loài chim bói cá. trên cọc nhọn trăm năm, tôi tìm đời đánh mất, trong vũng nước cuộc đời...Thụy ơi và tình ơi...*❐

Thử thách*

Lập Phương

Lệnh của ban giám hiệu : " Không được đái bậy ở quanh nhà ".

Mùa đông, mưa phùn gió bấc, chỉ còn nước lấy dây buộc chặt lại rồi mai hãng hay thôi. Anh Quí, thương binh đảng viên, về làm lớp trưởng kiêm đảng ủy viên khối mười tám. Anh tỏ ra hết sức ngoan trường. Có lần anh đái vào âu đựng canh, đậy lại, sáng mai đi đổ chứ nhất quyết không chịu đái bậy ở đầu nhà. Ai biết chuyện cũng khiếp phục. Mặt anh đen xì, môi anh thâm xịt, một mắt bị chột vì chiến trận, còn lại mắt kia phải làm việc bằng hai nên hết sức tinh nhanh, đưa đảo khôn lường. Với quyền lực ấy, với đức độ ấy, anh đã ra tay trừng phạt ai thì kẻ đó không xách túi về quê thì cũng bị tụt khóa, kỷ luật.

Bọn Hà nội ghét anh lắm nhưng chúng chỉ là một lũ nhu nhược. Anh biết và khinh chúng nó ra mặt. Mấy thằng công tử bột, đọc truyện, tán gái say hơn đâm lê, ngắm súng, há làm nổi việc gì.

Một đêm như mọi đêm, khi khu C vừa tắt điện, anh men theo tường nhà, đến đầu nhà, anh sẽ sàng ngồi xuống mở khuy quần, động tác hết sức rứt khoát và thành thục.

–Anh Quí. Anh đang làm gì đấy?

Giọng thằng An, một thằng Hà nội đáng ghét. Anh vụt đứng dậy, cài vội khuy quần. Anh định chối nhưng cả mảng quần ướt mèm làm anh cứng họng. Nhanh trí, anh vỗ vai nó.

–Mày đừng nói với ai nhé. Tao sẽ rút đơn tình nguyện nhập ngũ của mày và tao sẽ cho mày vào cảm tình đảng.

Một ân huệ ngút trời rơi vào cuộc đời thằng An. Nó cũng giống như trăm ngàn thằng học sinh khu C khác, có thằng nào tự viết đơn tình nguyện nhập ngũ bao giờ. Ban quân sự khoa bắt viết thì viết chứ cưỡng làm sao được. Viết rồi thì tự tống cái cục nhựa đường vào mồm, làm sao há ra được

nữa. Ban quân sự cứ chiểu theo đơn tình nguyện, muốn bắt thằng nào thì bắt. Đã bị bắt đi rồi tức là đi suốt thôi. Học sinh lớ ngớ, không ăn bom đạn thì cũng ăn thuốc ký ninh vàng mà chết.

–Học làm chó gì nữa. Đợt này nó không gọi thì cũng đợt sau thôi.

Những thằng trong diện A, B bảo nhau vậy. Cho nên, thằng nào được đảng viên Quí nâng đỡ mà không mừng, không sướng. Lớp trưởng sẽ có đủ lý do để giải thích mọi việc. Với anh, trắng đen, đen trắng có khó gì.

Thằng An bỏ qua chuyện anh Quí đái bậy, theo anh vào trong phòng, lên giường đắp chăn, bắt ảo mộng.

Hôm sau, khi học sinh vừa ăn xong bữa cơm chiều, thấy đảng viên Quí dẫn thày giáo chủ nhiệm tới triệu tập anh em, lập cuộc họp gấp. Thằng Liêu lớp phó chạy đi gọi mấy đứa con gái cùng lớp bên dãy nữ sinh sang tham dự.

Vào đầu cuộc họp, lớp trưởng Quí dõng dạc:

–Thưa thày chủ nhiệm, thưa các đồng chí. Trong phong trào chống đái bậy do ban chủ nhiệm khoa phát động, chúng ta đã thu hoạch được những thành quả đáng mừng. Đó là một điều rất khích lệ. Tuy nhiên, còn có một vài phần tử lười nhác và ngoan cố, vẫn thường xuyên lén lút vi phạm kỷ luật. Cụ thể, tối thứ tư tuần trước, khi tôi đi họp đảng ủy về ngang qua đầu nhà, bắt gặp đồng chí An đang ngồi đái bậy ở đó. Tôi tính chỉ khiển trách qua loa, để đồng chí An rút kinh nghiệm, lần sau sửa chữa. Không ngờ tối hôm qua tôi lại bắt gặp đồng chí An lần thứ hai, nên tôi quyết định đưa đồng chí An ra cuộc họp, để tập thể có hình thức kỷ luật thích đáng đối với người không tuân kỷ.

Thằng An, nãy giờ ngồi ở cuối giường thằng Minh, mắt trợn ngược, mồm ú ớ.

–Anh Quí... Đồng chí Quí nói bậy. Chính đồng chí mới là...

–Đồng chí nói sao?

–Đồng chí mới là người đái.

–Đồng chí định vu khống cho đảng viên, cho cán bộ đấy à?

Hai tay đảng viên Quí nắm lại, con mắt còn lại quắc lên, nghiêm nghị.

–Chính tôi bắt gặp đồng chí đang ngồi đái ở đầu nhà. Thấy tôi, đồng chí vội đứng dậy, đái ướt cả một bên quần. Đồng chí bảo tôi đừng nói với ai, rồi đồng chí còn hứa rút đơn tình nguyện nhập ngũ của tôi và cho tôi vào cảm tình đảng. Thế mà bây giờ....

–Im mồm. Nhân danh chiến sĩ quân đội nhân dân Việt nam, nhân danh đảng, tôi yêu cầu kẻ vô kỷ luật không được bôi nhọ thanh danh của đảng, của cán bộ.

Thày chủ nhiệm, mặt non choẹt, mồm há hốc, không biết phân xử ra sao. Tiếng đảng viên Quí lại đanh thép.

–Các đồng chí đã biết, tôi tuy bị tật nguyền nhưng không phải vì thế mà làm bậy, mà xúc phạm tới uy tín của đảng. Ngừng một lát, Quí nói tiếp.

–Chắc các đồng chí đã biết chuyện tôi phải đi vào âu đựng canh để tránh phạm kỷ luật. Điều đó đã đủ chứng minh tư cách của tôi. Một vài tiếng xì xào to nhỏ. Có thằng ghé vào tai An.

–Trót dại thì cứ nhận đi. Đừng già mồm mà mắc thêm tội.

–Nhưng tao không đái. Nó đái. Giữa phòng, tiếng Quí lại oang oang.

–Đồng chí An chỉ trong một thời khắc ngắn đã mắc phải hai lỗi lầm nghiêm trọng. Một là đái bậy không chịu nhận. Hai là đổ vạ cho người khác, định giở trò vấy máu chạy tội, thật bỉ ổi. Tôi thật lấy làm xấu hổ khi gọi An là đồng chí.

Cả phòng họp đổ dồn mắt nhìn về phía thằng An.

–Năm năm trong quân ngũ, tôi đã trực diện với kẻ thù không biết bao nhiêu lần. Tinh thần đồng đội, tính cách trung thật đã rèn rũa tôi trưởng thành, trở về truyền đạt cho thế hệ đàn em. Thế mà hôm nay tôi hoàn toàn thất vọng.

Giọng đảng viên Quí vô cùng xúc động.

–Đồng chí Quí ngồi xuống.

Thày chủ nhiệm vỗ về. Thày quay sang phía thằng An.

–Em An. Nếu em đã phạm khuyết điểm thì cứ nhận. Nhận để sửa không có gì là sấu cả.

–Nhưng mà em không phạm khuyết điểm.

–Vậy em bảo lớp trưởng đổ oan cho em sao?

–Dạ thưa thày.

–Thằng An ấp úng.

–Chuyện như thế này thì thày để em tự suy nghĩ rồi làm một bản tự kiểm điểm. Ngày mai mang lên gặp ban giáo vụ khoa.

Nói đến giáo vụ khoa, thằng An mặt xanh xám. Lên giáo vụ khoa về việc đụng độ với cán bộ là cầm chắc cái giấy đuổi học. Kinh nghiệm khóa trên truyền lại cho thằng An và bọn bạn nó biết vậy. Chẳng có phải trái, xét xử chi hết. Thày chủ nhiệm ký, thằng lớp trưởng ký, thằng đảng viên ký, vậy là hết lý. Bao nhiêu năm đèn sách đổ vào chuồng lợn, chuồng trâu hết.

–Thưa thày chủ nhiệm.

–Đảng viên Quí tiếp lời thày chủ nhiệm

–Phương trâm của đảng ta là băng giá với kẻ thù và bao dung với đồng chí. Nay đồng chí An mắc sai lầm thì chúng ta hãy mở một con

đường thoát để đồng chí An có cơ hội sửa chữa. Các đồng chí nghĩ thế nào?

Khuôn mặt thơ ngây của lũ mới lớn nhớn nhác. Cũng có thằng tỏ vẻ hoài nghi nhưng nghi cái quái gì nữa.

Thằng An mặt chẳng đuỗn ra đó sao. Vả lại ngu gì mà nghi. Nghi ngờ cán bộ là tự nhốt mình vào chuồng cọp.

–Bây giờ đồng chí An hãy đứng trước tập thể nhận lỗi rồi hứa sửa chữa. Đảng và tập thể sẽ tha thứ cho đồng chí lần này.

Hắn quay sang thày chủ nhiệm

–Theo thày như vậy có được không?

Thày chủ nhiệm gật gù. Tiếng thúc giục của anh em lại trỗi dậy.

–Đứng lên đi, nói đi, nhận đi. Anh Quí đã nói vậy rồi mà.

Thằng An miễn cưỡng đứng lên, mặt đỏ như sơn, lắp bắp:

–Thưa thày chủ nhiệm, thưa các đồng chí. Tôi đã vi phạm kỷ luật, xin tập thể tha thứ. Tôi hứa sẽ không làm chuyện dại dột nữa.

Tiếng vỗ tay rầm rầm. Đàn cừu non đang nhởn nhơ gặm cỏ trên thảo nguyên, bên cạnh bầy sói hoang no nê và quyền lực. Cuộc họp giải tán, ai về giường nấy. Thằng An trèo lên giường nằm miên man:

–" Hay là mình đái thật ".

Trưởng Thành

Kỹ sư Vinh trần mình sáu tháng trời để quyết hoàn thành tác phẩm đầu tay: Thiết kế kiến trúc và tính toán kết cấu cho ngôi nhà bốn tầng, khu tập thể gia đình phía nam thành phố. Ngày xét duyệt dự án, Vinh mang những bản vẽ của mình tới Viện qui hoạch thành phố để các anh kỹ sư lâu năm cho ý kiến. Xem xong, ai cũng trầm trồ khen ngợi. Vinh khoái lắm. Đồ án nhà tập thể được dựa trên những thiết kế điển hình của Nga. Vinh nâng cao trần, mở rộng cửa để phù hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới. Thay sửa mặt tiền cho mang hình thái kiến trúc Á đông. Tăng mái dốc cho dễ thoát nước. Trạm chút hoa văn làm tôn tính dân tộc. Đủ hết. Hiện đại có, quê hương có, tây có, ta có.

–Ai bảo không kết hợp được tính văn hóa cổ truyền với văn minh khoa học.

Một anh trong viện xem xong, phán một câu.

Lễ xét duyệt thiết kế được tiến hành ngay trong phòng họp riêng của ban giám đốc viện. Bàn ghế, đồ đạc được bày biện đúng theo nghi lễ truyền thống của hàng ngũ đầy tớ nhân dân. Có quốc kỳ, đảng kỳ, và những câu khẩu hiệu chưa cần đọc đã biết. Chè tàu, thuốc lá bày la liệt

trên bàn. Trong hậu trường, mấy bác cấp dưỡng đang lăng xăng chuẩn bị phở gà, xôi bắp để cho mấy ông lấy sức phục vụ. Giữa phòng kê một cái bàn dài, bốn chiếc ghế dựa đặt lệch về một bên. Hai chục cái ghế đẩu, xếp thành hai hàng, sau hàng ghế dựa. Phía bên kia cái bàn dài, một bức tường lớn có đinh ghim chờ sẵn để treo bản vẽ. Trên bức tường ấy, toàn bộ công trình ngôi nhà bốn tầng được dàn trải ra trên mười bản vẽ khổ A1. Theo thứ tự từ trái qua phải, trên xuống dưới, mặt đứng, mặt nghiêng và hình chiếu phối cảnh trong bản vẽ thứ nhất. Mặt bằng, mặt cắt dọc ở tờ thứ hai. Mặt cắt ngang ở trang ba. Các trang còn lại mô tả thiết kế chi tiết.

Thành phần ban xét duyệt thiết kế gồm có: ông viện trưởng, ông viện phó phụ trách kỹ thuật, hai ông kỹ sư chính, một ông kế hoạch, một ông vật tư, một bà tài vụ và nhiều người từ các công trường về dự.

Sơ yếu lý lịch của từng người thì chức danh đã nói rõ. Ông viện phó phụ trách kỹ thuật thì chắc chắn là con người của kỹ thuật. Hai ông kỹ sư thì phải là kỹ sư, hà tất phải suy luận. Ông kế hoạch làm kế hoạch. Ông vật tư chạy gỗ, đá , gạch, vữa... Bà tài vụ phụ trách tiền. Duy có lý lịch của ông viện trưởng thì cần phải được sáng tỏ. Ông tham gia cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Khi ngoại ngũ tuần, ông mang quân hàm Trung tá về trường tại chức đổi lấy cái chứng chỉ chuyên tu. Có chứng chỉ chuyên tu, nghiễm nhiên ông trở thành viện trưởng. Làm viện trưởng hơn bốn năm, một tay ông đã phê chuẩn cả mấy chục công trình lớn nhỏ. Tiếng tăm ông vang hùng đến nỗi mấy đứa con gái can in tưởng chừng không dám tính đến chuyện lấy chồng.

Để mở đầu, ông viện trưởng giới thiệu khái quát toàn bộ khu tập thể khu nam, gồm hơn hai mươi dãy nhà bốn tầng, mỗi tầng hai mươi căn hộ. Ông nhắc lại buổi thông qua thiết kế qui hoạch tổng thể tháng trước, do kỹ sư lâu năm Nguyễn Hải chủ trì. Kế đó, ông giới thiệu kỹ sư trẻ Lã quang Vinh lên trình bày dự án của ngôi nhà bốn tầng.

Vinh hồi hộp lắm. Đây là lần thứ hai trong đời, Vinh phải đứng lên bảo vệ đồ án của mình. Lần đầu là lần bảo vệ luận án tốt nghiệp. Vinh lễ độ chào mọi người rồi tự giới thiệu tóm tắt về mình. Tiếp theo, Vinh đưa cây thước mảnh, múa trên các trang giấy và minh định hùng hồn về vẻ đẹp và tiện nghi của công trình.

Dứt lời, tiếng vỗ tay nổi lên rào rào. Đó chẳng phải để cổ vũ thuyết trình viên, mà chỉ là cái thói quen trước khi đưa con bò lên làm thịt của hội nghị xét duyệt. Như thường lệ, câu hỏi đầu tiên bao giờ cũng giành cho ông viện trưởng.

–Tại sao lại có những bức tường mười, ngăn chia trong các căn hộ?

–Dạ thưa thủ trưởng. Mỗi một căn hộ được chia làm hai buồng ngủ,

một cho vợ chồng, một cho con cái, một phòng khách, một khu bếp nước và nhà vệ sinh. Ông viện trưởng ngả người trên ghế, vẻ thất vọng. Trong óc ông hiện ngay ra căn nhà gỗ ba gian ở quê ông. Nó làm gì có lắm phòng như vậy. Chỉ độc có ba gian thông thống. Gian giữa kê bộ tràng kỷ, hai gian đầu hồi kê hai cái giường. Đái ỉa ra ngoài cầu tõm...

Ông vươn người ngồi thẳng lại.

–Cậu còn nhớ phương trâm thiết kế của đảng ta là gì không?

–Dạ, nhớ.

–Cậu đọc tôi nghe xem nào?

–Dạ. Thích dụng, tiết kiệm, mỹ quan trong điều kiện có thể.

–Cậu đã phạm vào điều hai cậu biết không?

–Dạ thưa thủ trưởng, nhưng...

–Không có nhưng gì cả. Dỡ hết mấy bức tường ngăn đó đi. Dời nhà vệ sinh và bếp ra riêng một khu, vừa tiết kiệm diện tích lại vừa nêu cao được tinh thần tập thể.

–Như vậy là mỗi căn hộ chỉ có một phòng lớn.

–Tôi chưa nói xong. Đưa hành lang vào giữa nhà, chia mỗi phòng lớn ra làm hai phòng nhỏ, có cửa thông ra hành lang. Nhà xí tiểu làm hai cái thôi, ngay gần cầu thang cho dễ chạy. Lấy ra một buồng lớn giữa nhà làm bếp chung. Với phương án này sẽ giải quyết cho vị chi là bốn mươi trừ đi hai là ba mươi tám hộ một tầng, mười tám hộ nhiều hơn phương án của cậu. Có đồng chí nào cho ý kiến gì không?

Cả phòng im lặng như tờ. Mấy bác cấp dưỡng tất tả châm thêm chè, chế thêm nước sôi vào bình trà, bóc thêm gói thuốc mới.

–Bây giờ chúng ta chuyển qua mặt trước công trình. Mời đồng chí Vinh tiếp tục.

–Dạ. Để cho công trình duyên dáng và thẩm mỹ, cháu tạo ra những phần nhô ra thụt vào để tôn lên những điểm mạnh trong hình thái kiến trúc.

–Nhiêu khê, nhiêu khê, thậm nhiêu khê. Cậu lại phạm vào phương trâm thứ ba của đảng. Cậu nhắc lại phương trâm thứ ba tôi nghe xem nào?

–Dạ thưa thủ trưởng. Đó là mỹ quan trong điều kiện có thể.

–Các đồng chí thấy không. Đất nước ta còn nghèo, dân ta còn lạc hậu. Chúng ta cần phải thắt lưng buộc bụng để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bỏ, bỏ hết những thứ rườm rà đó đi. Xây bốn bức tường thẳng đứng từ dưới lên là tối ưu nhất.

–Dạ thưa thủ trưởng, nhưng...

–Không dạ, không nhưng gì hết. Chắc cậu mới ra trường nên kinh nghiệm thiết kế còn non, cần phải được bồi dưỡng, học hỏi thêm từ thực

tiến. Bây giờ còn có ý kiến nào khác không?

Cả phòng vẫn im lặng. Mấy bác cấp dưỡng vẫn tất tả châm thêm chè, chế thêm nước sôi vào bình trà, bóc thêm gói thuốc mới.

–Vậy là thông qua. Cậu về sửa lại thiết kế, ký tên vào từng bản vẽ. Xong, mang sang cho đồng chí kỹ sư trưởng và đồng chí viện phó ký. Rồi, cho đem ra thi công ngay.

Vinh định hỏi tại sao thủ trưởng không ký nhưng sợ ông nạt nên lại thôi. Vinh buồn bã thu nhặt lại những bản vẽ của mình mà tưởng tượng trong đầu một cái hộp, vuông thành, sắc cạnh, có mấy cái lỗ cửa sổ như những lỗ mắt đen hoắm của những kẻ tật nguyền. Đâu phải ta thua kém người. Đâu phải ta không có kỹ thuật. Đâu phải ta dốt nát. Đâu phải ta thiếu siêng năng. Tất cả chỉ vì ta không phải là ta.

Vinh nhớ lại câu chuyện anh Võ Hùng kể trong tiết mục kể chuyện đêm khuya.

Chuyện rằng:

"Có một anh kỹ sư mang đồ án thiết kế ngôi nhà năm tầng cho thủ trưởng duyệt. Thủ trưởng đảo mắt nhìn qua rồi hỏi anh kỹ sư tại sao cả ngôi nhà lớn thế này mà không có lấy một cái nhà xí. Anh kỹ sư trả lời.

–Thưa thủ trưởng. Tầng một là tầng giữ trẻ, mà trẻ con chỉ biết đi vào bô thôi, nên không cần nhà xí.

–Vậy còn tầng hai.

–Tầng hai giành cho tụi sinh viên nó ở.

–Tại sao sinh viên lại không cần nhà xí?

–Thưa thủ trưởng. Có thấy chúng nó ăn bao giờ đâu mà chúng nó ỉa.

–Có lý. Vậy tầng thứ ba.

–Tầng thứ ba cho công nhân.

–Tại sao công nhân lại không có?

–Thủ trưởng xẵng giọng.

–Khoan, khoan thủ trưởng. Giai cấp công nhân tiên phong của đảng không bao giờ đi ỉa ngoài tám giờ vàng ngọc cả. Vậy thì khi họ về nhà cần gì phải đi nữa.

–Cả ba tầng đều không có, thì tầng thứ tư tất phải có.

–Dạ không có. Vì tầng này giành cho cán bộ từ cấp thủ trưởng trở lên đấy ạ.

–Tại sao cán bộ lại không cần?

–Là vì các vị lãnh đạo ỉa ở đâu mà chẳng được. Chỗ nào mà chẳng là của công, của tập thể, thằng nào dám mở miệng. Lãnh đạo cứ việc ỉa. ỉa vào thằng dân nào, thằng đó chịu.

Thủ trưởng tím mặt nhưng muốn biết thằng phản động con này xỏ

xiên tới mức độ nào, nên vẫn kiên nhẫn hỏi tầng thứ năm.

–Dạ thưa thủ trưởng. Tầng thứ năm ưu tiên cho đảng.

–Tại sao?

–Bởi vì đảng ỉa ở đâu là đã có kẻ bưng bô, đón sẵn ở đó rồi thì cần gì tới xí với tiểu.

..."

Vinh mang bản vẽ về phòng. Mấy anh kỹ sư lâu năm nhìn nhau bụm miệng cười. Bố Hoan, một kỹ sư thời Pháp, đòi xem bản vẽ rồi phán lớn.

–Khá.

Vinh hỏi ý gì. Bố lại tiếp.

–Khá.

–Con không hiểu.

–Khá, còn dám vác mặt về đây thì khá thật, khá lắm.

Nếu không phải là bố già Hoan thì Vinh đã tống một quả vào mồm bố. Nhưng biết ông già rất mẫu mực và thâm thúy, nên Vinh chỉ hậm hực trở về bàn vẽ của mình.

Một lát sau, bố Hoan ném cho Vinh mảnh giấy. Trong giấy, bố viết: " Vì giáo trình soạn ra cho các trường đại học không có môn quì, nên con chưa thạo đó con ạ. Chỉ cần vài lần nữa thôi là con sẽ trưởng thành."❐

* Hai đoạn truyện này tiếp theo đoạn truyện "Rèn luyện" đã đăng trên Văn Học số 124, làm thành ba chương của một truyện ngắn chung.

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí Văn Học bằng cách:

- Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã hơn

Riêng bạn đọc đã là độc giả dài hạn, xin tái hạn mua báo kịp thời để bộ sưu tập Văn Học được đầy đủ. Trên nhãn gửi báo ngoài phong bì, hàng số đầu tiên sau tên độc giả là thời hạn hết hạn báo. Ví dụ: **10/1/96** có nghĩa là phiếu mua báo của quí vị sẽ hết hạn vào **ngày 1 tháng 10 năm 1996**.

Thằng bù nhìn

Hồ Đình Nghiêm

1.

Cả bọn dàn hàng ngang đổ người xuống sườn đồi.

Màu nắng mới, cỏ biếc ẩm sương, cụm mây xám đứng yên trên đầu và đàn chim đen âm thầm bay về phía cánh rừng thưa. Trong gió có mùi rửa mục của lá chết, mùi bùn đất tanh. Bìa rừng sáng lên bởi màu trắng mốc của những thân cây, như cái vạch phấn mà người ta khoanh vùng trên tấm bản đồ. "Tôi nghĩ các bạn nên đi tới hướng đó xem thử. Ở phía Đông, từ đường rầy xe lửa trở đi là khu vực tìm kiếm của bọn tôi. Một vài bạn vừa mới tình nguyện nên biết thêm vài chi tiết: Bé gái mười hai tuổi. Cao một thước năm tám, nặng bốn mươi mốt ki-lô. Tóc nâu, mắt xanh, cổ đeo giây chuyền. Cách đây ba ngày, trước khi mất tích em mặc áo thun đen quần jean xanh và mang giày thể thao màu trắng hiệu Nike..."

Những gậy gộc đùi lẻ không ngớt phạt vào đám cỏ. Vùng đất này như đã lâu chẳng còn ai lai vãng tới. Nó hiện diện ra đó, bệt một mảng màu xanh bên hông quận lỵ cho có vẻ mát mẻ; và đêm tối nó mênh mông một sắc màu dị thường, dàn trải dưới trăng cái vẻ đẹp khói sương như một thiếu nữ ẩn mặt sau lớp lụa mỏng. Những tiếng thở càng lúc càng gấp rút, những bước chân xào xạc dọ dẫm tới và sau lưng đã hết còn trông ra hình dáng cái hàng rào bằng thép gai. Nóc giáo đường quận Senneville cũng lần hồi chìm khuất, tựa thanh kiếm nắm chặt trong tay của một hiệp sĩ đạo bị chết đuối.

- Mấy giờ rồi?

Có đứa hỏi trống không. Mất cả phút sau mới có tiếng trả lời:

- Mười giờ hai mươi.

- Bên kia cánh rừng là gì?

- Là một con sông.

- Bên kia sông là gì?

Một vài tiếng cười cất lên. Chen lẫn vào đó nghe rõ tiếng rì rào luôn

chuyển động trên những thân cây, như cánh rừng đang thức giấc vươn vai thở mạnh.

- Tại sao tôi thắc mắc? Tại vì giả như chúng ta tìm ra nạn nhân ở trong cánh rừng kia thì chắc hẳn những kẻ bất lương sẽ vào rừng bằng hướng khác, không phải cái lối mà bọn mình đang đi đây. Đúng không Neil?

- Cũng có lý. Chỉ có cỏ và cỏ. Nãy giờ chẳng phát hiện được gì khả nghi, dấu vết một đường xe lăn qua cũng không có.

Thằng Neil trả lời. Ở thắt lưng đeo lủng lẳng một cái bao ny-lông dùng để chứa những vật mà hắn thu lượm suốt lộ trình: vỏn vẹn một cái lon đã rỉ sét nằm bên trong.

- Phía bên kia sông? Hãy để việc ấy cho cảnh sát lo. Cánh rừng trước mặt là giới hạn cuối của chúng ta.

- Nhắc tới cảnh sát mới nhớ. Bọn họ làm việc thật kỳ cục. Tại sao họ không gửi theo đoàn chúng ta một hai con chó nhỉ?

- ừ. Hoặc tệ lắm thì cho phép chúng ta mang theo vũ khí chứ. Bạn vào rừng và tình cờ bạn đụng mặt hai ba thằng ác ôn côn đồ thì bạn xử trí ra làm sao?

- Vì cớ gì các bạn cứ võ đoán là nhỏ Cindy bị bắt cóc? Mười hai tuổi người ta có quyền yêu đương và có quyền thất tình. Đi thẫn thờ, băng đồng vượt suối rồi cuối cùng trầm mình xuống sông thì sao?

Cả bọn ngậm câm sau câu nói của một thiếu nữ nào đó. Suzanne nắm lấy tay tôi, mặt ửng hồng và màu áo trắng của cô ta có những vết bẩn bám vào.

- Một mùa nghỉ hè thật kỳ cục. Phải vậy không?

Tôi nhìn vào ngực Suzanne, đúng hơn là nhìn cái hình vẽ và hàng chữ in sơn lòe loẹt trước thân áo. Một địa danh. Có hàng dừa, có biển cả và cát trắng. Nếu có tiền rủng rỉnh trong túi chắc là hai đứa đã bay tới đó như Suzanne thường mơ mộng và giờ này thì xuôi tay nằm dài trên bãi cát như những con cá ương ướp đầy muối. Như vậy thì có thể nói là kỳ cục không?

- Tôi có cái ý nghĩ mâu thuẫn trong đầu.

- Ý nghĩ gì?

Tôi hỏi Suzanne đồng thời tưởng tượng ra hình dáng một hòn đảo nằm nhấp nhô ngoài trùng khơi. Chiếc áo chẳng mấy rộng, nhìn rõ sự lên xuống của vùng ngực theo nhịp thở, đều đặn như sóng liếm mãi vào bờ.

- Một nửa tôi mong tìm ra tung tích của nạn nhân trong cánh rừng và nửa khác tôi hy vọng Cindy đừng có chịu cảnh xấu số như vậy.

- Đừng bận tâm. Hãy cứ xem như bọn mình là một toán hướng đạo

sinh đang dự vào trò chơi lớn ở một cuộc họp bạn.

- Tôi không thể xua đuổi hình ảnh một thân thể trần truồng nằm vùi trong đám lá mục...

Tôi bóp chặt bàn tay Suzanne. Tôi nhớ lại những ngày cũ và tay tôi đổ đầy mồ hôi. Trong rừng, nắng lung linh sáng từng đốm tròn. Nhìn lui, cánh đồng cỏ phẳng phiu một màu xanh trông như cái mặt bàn ping-pong. Tấm lưới căng ở giữa bị đứt giây và hai miếng ván như càng lúc càng rời ra xa. Tôi nói với Hoa hãy chịu khó đừng gây tiếng động để rồi lát sau chính tôi là thủ phạm tạo ra những tiếng kẻo kẹt. Trong bóng đêm, bắp đùi Hoa trắng như thạch cao và mềm dẻo như nắm đất sét đã thấm nước. Chiếc bàn nghiến răng một hồi thì tắt thở giữa cái hành lang âm u. Những con đom đóm chẳng biết bay về đâu mà sáng lập lòe, lạnh lẽo như mắt của những u hồn. Buổi tối, thành quách rêu phong của Đại nội như lọ mực lớn, giam giữ một màu đen quánh đặc. Những bức tượng của bọn học điêu khắc tuy chưa hoàn thành nhưng nó vẫn mang đầy nét sống động, dọa dẫm...

- Bây giờ chúng ta tạm nghỉ chân. Cánh rừng này không mấy lớn và tôi tin là khoảng hai giờ trưa chúng ta sẽ kết thúc cuộc tìm kiếm.

Cả bọn tản ra tìm chỗ ngồi. Chút hơi lạnh váng vất ở giữa những thân cây, như nó không hề muốn bước ra cánh đồng đang ngập nắng. Thằng Neil đi loanh quanh để lát sau thấy hắn ẩn mình bên bụi cây thấp. Một vòi nước rơi xuống, vỡ vụn trên đám lá run rẩy và khiến những con vật nhỏ bé hoảng sợ bay lên rồi mù như đàn thiêu thân.

Tôi đứng thắp thuốc hút trong khi Hoa ngồi đái bên bức tượng mang tên "Đồng nhập" của một thằng sinh viên năm thứ Tư. Gió từ cửa Hiển-nhơn tràn vào, mơn man trên thịt da vẫn chưa khô những giọt mồ hôi. Tôi có ý nghĩ khôi hài là tôi đã vừa mới "thành người" mà chẳng cần phải bước ra khỏi cánh cửa đầy nặng kia. Tôi thành một thằng đàn ông sau khi chui đầu vào một "cánh cửa" thâm u khác. Năm trăm đồng dúi vào túi áo cụt của Hoa và sau đó cắm cúi làm cái công việc đổi lốt. Tụi bạn tôi đứa nào cũng thất thân cả, thật là mắc cỡ nếu chúng nó biết được tôi vẫn còn là đứa con trai, một cậu sinh viên năm thứ hai trường Cao đẳng Mỹ thuật giỏi về môn Cơ thể học nhưng mù tịt một ngõ ngách dẫn sâu vào thân thể đàn bà. Tôi chở Hoa về. Hoa ở tuốt trong Tây-lộc. Mạ già đi bán bún dạo. Đứa em trai đăng lính nghĩa quân đóng đồn ngoài Quảng-trị. Người Hoa đầy đà, hơi nhiều thịt, một người mẫu không mấy đẹp nhưng chả ai có quyền phàn nàn được. Ở Huế, thắp đuốc tìm không ra một cô gái thứ hai. Sau gần nửa niên học làm quen với những con mắt nheo nheo đo đạc nhìn ngắm, Hoa mới ưng thuận cởi cái mảnh vải cuối cùng ra. Lông rối, xác xơ

và có lẽ đó là cái tam giác khó mà vẽ cho hoàn chỉnh được. Những hàng cây mù u, cây muối, cây sầu đông, cây nhãn lần lượt trôi lui sau. Tiếng máy xe Honda nấc lên ở mỗi một ngã tư. Ngọn đèn chao đảo thọc vào bóng tối, như một cái fermeture được kéo xuống trong run rẩy để phơi bày những bí mật luôn cất giấu ở đằng sau. "Tuần sau là đúng kỳ phát học bổng rồi...Rồi răng nữa? Thì tụi mình bổn cũ soạn lại. Thôi, không được mô. Có chuyện chi rứa? Sợ lắm." Hoa níu một bên hông tôi khi xe dằn trên ổ gà. Đường Hòa-bình có đoạn hôi cả cứt bò. Tiếng một con ve sầu kêu thảng thốt, lạc giọng ở đâu đó rồi lặng câm. "Không tìm ra chỗ mô khác à? Vô trong nớ Hoa sợ ma lắm. Có buổi trưa Hoa ở lại một mình, nghe phòng bên cạnh tiếng dời đổi những giá vẽ mà lạnh xương sống..."

- Uống nước không?

Suzanne hỏi. Môi cô ướt và chai nước suối ở trong tay vẫn chưa đóng nắp. Mực nước vơi xuống nửa bình khi tôi trả lại cho Suzanne, cô nhét vào trong túi vải rồi đứng lên phủi đít. Ngày xưa tôi cũng có một cái xách gần giống như vậy dùng để đựng cọ màu mỗi khi tới trường. Tôi mua ở chợ trời, dưới chân cầu Trường-tiền khi mà nó chỉ còn có năm vài mười nhịp. Đó là cái bị rết của quân đội Hoa kỳ, dùng để chứa mặt nạ ngừa hơi độc thì phải. Ngoài có in chữ US và tôi đã cất công điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa hàng chữ: A time for us. Tôi có bạn gái, học Văn khoa; nhưng mà chữ bạn ấy cần phải tra cứu lại ở tự điển. Cô ta như một cuốn sách mà bạn chỉ đọc được có vài trang là muốn xếp lại vì sự rắc rối khó hiểu của nó. Cô không bận tâm điều gì hết, kể cả việc tôi hù dọa rằng cuối năm sẽ đi lính tác chiến. Cô đọc nhiều truyện và mê những cuốn của Erich Maria Remarque. Vậy mà cô không xúc cảm, thương cho số phận nghiệt ngã của những thằng lính. Thật kỳ lạ. Tôi có vẽ tặng cho cô ta một bức tranh màu nước, chân dung cô theo trí nhớ mà tôi hài lòng vô cùng. "Thủ pháp còn non yếu và bố cục ngó chông chênh". Cô ấy nhận xét sau khi hờ hững nhận quà. Tôi không mời cô đi ăn bún bò Mụ Rớt, tôi cần phải tằn tiện tiền nong để đè Hoa xuống, trấn lột áo quần Hoa ra trong một cơn say kỳ dị. Thật là tuyệt diệu với cái mùi hương mà Hoa ấp ủ giữa đôi chân. Tôi đùa với Hoa là lúc nào tôi cũng thèm ăn "bún bò giò Hoa". Tôi biểu Hoa thề trong bóng đêm đầy linh thiêng trước điện Thái- hòa: hãy giữ kín chuyện ăn uống vụng trộm này. Nó mà vỡ lở ra thì tôi chỉ có nước đi lính. "Cả hai cùng thề chớ bộ. Nếu lỡ may mà Hoa có bầu thì làm răng?" Tôi bịt miệng Hoa lại. Tôi ôm siết Hoa bằng cái vòng tay chưa hề tiếp cận với phái nữ. Tôi hôn Hoa và tôi liếm cái vị mặn vừa đọng trên môi mình...

Mất hơn hai giờ chui rúc, cả bọn quyết định rút lui. Đứa nhiều chuyện nhất trong bọn là thằng Mike, giọng nói khàn đục và có lẽ hắn luôn đưa ra

khỏi miệng những điều kinh dị.

- Có thể đặt giả thuyết không? Là nếu tôi giết người, tôi sẽ phi tang bằng cách dùng ca-nô chạy trên sông. Với một tảng đá lớn, với vài ba thước dây thừng tôi sẽ cột chặt cái thi thể nạn nhân rồi xô xuống nước.

- Nữa. Lại giết người, lại phi tang. Nghe mệt quá đi. Thật là khôi hài nếu chúng ta trở về và thấy con nhỏ Cindy chạy ra đón: Tui cắm trại với mấy ông đi câu cá bên biên giới quận Charlie. Tui có viết ít chữ dán trên cửa tủ lạnh mà chắc bà già tui không đọc thấy. Thành thật xin lỗi...

Hoa cũng có viết giấy để lại. Tôi không chính mắt đọc hết tuồng chữ của Hoa để biết là cô viết nó trong cái tâm cảm thế nào. Bấn loạn? Tuyệt vọng? Mất trí? Lớp học không có người mẫu đã ba hôm, phải điền thế bằng cách đội nắng ra ngoài trời vẽ phong cảnh. Hoa vắng mặt và tôi không thể chạy xe vào căn nhà tôi tàn trong Tây-lộc để hỏi lý do, dù mang danh nghĩa trưởng lớp và tỏ bày sự cần thiết của người mẫu đối với môn học. Ngày thứ tư, một đôi nhân tình lén lút tìm chỗ khuất lấp để làm chuyện thầm kín đã tiêu tán hết lạc khoái khi thấy giữa đám cỏ tranh có người nằm mở mắt nhìn mây bay. Chẳng rõ Hoa uống thứ dung dịch gì để cho gương mặt ấy không biểu lộ ra chút đớn đau. Thằng con trai "mất sướng" kể lại cho tôi nghe điều ấy. Và rồi thì cảnh sát vào lôi Hoa ra khỏi "cái giường thiên nhiên" đầy êm ái đó. Họ cũng lôi khỏi lưng quần Hoa mẩu giấy xếp làm tám. Đọc lên và kết luận ngắn gọn: Nạn nhân chỉ vì buồn chán cuộc sống mà đi tìm cái chết. Chấm hết. Nội vụ đẩy sâu vào ngăn kéo, nhẹ nhàng như bốc một nắm đất và phủi tay sau khi ném nó xuống mộ huyệt. Người ta chóng lãng quên, như khi bạn vẽ một hình thể không như ý bạn lập tức cầm cục tẩy mà cào nó ra khỏi tờ giấy trắng. Nhưng còn tôi? Khi nheo mắt nhìn tới người mẫu mới, là một ông già luôn di động vị trí, tôi thấy rõ tất cả cái đường nét của Hoa đề nhập lên trên. Bài vẽ của tôi luôn bị sắp hạng cuối lớp, chẳng có một họa sĩ nào chấp nhận được cái lối vẽ gần như phung phá đó. Cách đánh bóng cẩu thả, như cơn mưa bay nghiêng, nặng hạt, cào loạn xạ ngoài ô cửa gương. Tôi thường mất ngủ vào giữa khuya. Tôi tưởng tượng ra nhiều thứ, tự mình viết lên bức thư tuyệt mạng: "Hoa lỡ dại và Hoa cũng đã lỡ thề nguyền. Hoa không muốn vì mình mà có người bỏ ngang việc học xuống tóc đi lính. Hoa giữ tuyệt đối sự bí mật, kể cả việc cơ thể Hoa đang biến đổi dần để thích nghi với vai trò làm Mẹ. Hoa không bao giờ muốn đi biển một mình, với tất cả những hậu ý mà người ta gán ghép vào bốn chữ đó. Hoa mơ mộng và lập tức giết vội những hoang tưởng ấy liền khi. Người ta có người yêu học ở Đại học Văn khoa. Người ta vẽ đẹp và có thể tương lai sẽ là một họa sĩ nổi tiếng xứ Thần kinh. Người ta trả tiền sòng phẳng nên

không thể kết luận đó là một kẻ lợi dụng. Vậy thì Hoa là gì? Là một con điếm nghèo khổ luôn cần tiền? Trời ơi! Mạ tui sẽ hộc máu liền tại chỗ nếu biết tui là con đĩ ngựa Thượng tứ. Mạ tui rất rành tuồng tích chuyện cổ, bà bắt chước Chu Du để ngửa mặt lên trời mà ai oán: Trời sinh tui sao còn sinh ra con Hoa! Một mình thằng con trai thì người ta cũng lôi hắn đi mà không cho hắn tờ giấy hoãn dịch vì lý do gia cảnh để rồi đùng một cái lại tống về nhà tờ giấy báo tử xưng tụng anh hùng bỏ mình vì tổ quốc nơi Cổ thành oan nghiệt. Ác đức bất nhơn như ri đây thì ai mà chịu đời cho thấu..." Hoa chết. Tôi không biết cô ấy hưởng dương vào số tuổi nào, nói trắng ra là làm người được bao lâu? Những lúc nghỉ, bước xuống khỏi bục để vặn vẹo thân thể cho đỡ mỏi, cô vẫn thường hát nhỏ bài "Đồi thông hai mộ". Tôi luôn cau mặt lại với thứ lời lẽ kia, như lên án cho thứ hạnh phúc quái gỡ đó. Giờ thì tôi không biết mộ phần cô ấy nằm nơi mô. Có thể lảng vảng đôi ba cây thông đứng gần nhưng chắc chắn đó là một mô đất nằm đơn lẻ, tròn trịa nhô cao như cái bụng nhìn nghiêng của một người đàn bà có thai tám tháng.

2.

Mưa rãi đều hạt ngoài trời. Mùa hè, mưa luôn rầm rộ và trút nước bất ngờ. Con đường trước mặt nhà bị nhuộm đen rất mau, cái mặt lộ mà lúc nào trông ra cũng phủ đầy bụi mốc. Nó trái ngược với sự đổi màu của tách cà-phê khi được chế sữa vào. Suzanne lập lại câu cô thường nói: Một kỳ nghỉ hè vô vị sắp chấm dứt! Cái tách kêu lách cách trên đĩa khi Suzanne đặt xuống bàn, ngay ngắn trước chỗ tôi ngồi. Cánh tay nhiều lông măng, khắc ghi ở đấy những vết sướt, hậu quả hôm băng rừng để trở về với sự hoài công. Tôi uống chậm rãi tách cà-phê mà Suzanne biết rõ khẩu vị của tôi để pha chế vừa miệng. Tôi thắp thuốc hút và tự tra vấn chữ vô vị mà Suzanne nói. Căn nhà vắng lặng, chỉ có tiếng mưa làm nền và thỉnh thoảng dấy lên vài tiếng động do những bước chân qua về của Suzanne. Một chuỗi âm thanh mà khi nghe tôi bỗng mọc lên cái ham muốn duy nhất: Chui vào giường nằm ngủ. Ông bà già của Suzanne đã lái xe đi từ hồi trưa. Họ mua hạt giống và ghé thăm người Dì của Suzanne ở một nơi khá xa. Họ sẽ trở về vào ngày mai, hứa hẹn là có quà cho chúng tôi và sẽ lái xe chở tôi tới bến xe đò.

- Tại sao lại là ngày mai? Rán tới tuần sau để có tôi về cùng.

- Tôi không thể liều lĩnh kéo dài ngày nghỉ. Vả lại còn biết bao nhiêu việc để làm. Tôi chấm câu ngang đó, tự hứa sẽ viết cho xong một vài lá thư gửi về Việt nam. Những lá thư lạnh tanh, trống trải như cõi lòng của một kẻ chẳng có gì để tâm sự. "Hôm nay trời mưa. Thật kỳ lạ, mưa ở đâu

cũng giống nhau, cũng một kiểu trút nước, cũng xối xả theo nó một nỗi niềm dễ làm cho trí tưởng người ta bỏ đi hoang. Nó rầm rộ hung hãn tới mịt mù, nhưng đôi khi nó không tẩy xóa làm nhạt nhòa được điều gì cả. Mộ Ba Má sẽ ra sao giờ này dưới cơn mưa nhiệt đới? Đất sỏi sụt lở loét? Cỏ xanh phồn thịnh hay cỏ vàng mọc lưa thưa? Em gửi về chút tiền, hạt muối bỏ biển, nhưng xin anh chị hiểu cho cái vị mặn mà nó có trong đó".

Suzanne thu dọn những đồ vật có mặt trên bàn. Cô mở vòi nước và đứng bên bồn kỳ cọ ly tách. Cô biểu tôi mở máy hát nếu muốn nghe nhạc nhưng tôi lại táy máy tới cái remote control. T.V bật sáng. Phần tin tức ở đài số 6 đang nói tới vụ mất tích. Người ta tăng cường lực lượng trong việc truy tìm và hình ảnh của đứa con gái mười hai tuổi được dán ở khắp mọi nơi.

- Kiểm điểm lại thì trong những ngày qua chỉ có Ba má tôi là người được may mắn thôi.

Suzanne nói khi ngoái đầu lui.

- Là sao? Có một kẻ lạ tới trú ngụ nhưng đứa con gái mình vẫn nguyên vẹn, chẳng rụng một sợi lông?

Suzanne cười ngắt nghẻo giữa những tiếng va chạm của ly tách thủy tinh.

- Có người sơn giúp cho căn phòng. Có người dựng cho bức tượng đẹp đặt giữa đồng...

- Đừng nói vậy. Là một cách để giết thời giờ và cái thằng người kia chỉ dùng để hù dọa chim chóc thôi. Nó gọi là gì nhỉ?

- Bù nhìn.

- Ừ. Bù nhìn...

- Ba Má tôi rất ngạc nhiên khi biết bạn đã tốt nghiệp Mỹ thuật.

Thì đã sao. Tôi nói thầm và tôi tắt máy truyền hình. Cơm cha áo mẹ chữ thầy. Học xong bốn năm để rồi giờ này pha màu sơn nhà, sử dụng những phế liệu để tạo nên một hình người cắm xuống giữa đồng phơi nắng mưa. Công việc ấy có dính dáng tới chữ beaux-arts không? Bù nhìn. Nghĩa của nó là gì nhỉ, trong tiếng Việt đây trừu tượng? Mụ cô mi, cha buổi trưa đứng bóng lọng chừng khi không mà lẹt ra ngoài nương đứng như trời trồng rứa thằng tê. Muốn bể hai cái sọ dừa đó hỉ?

Suzanne rảy rảy đôi tay cho khô bớt nước rồi đi khuất sau một cánh cửa. Cửa không đóng và ở trong đó một cơn mưa khác vừa òa vỡ. Người tôi bần thần, có điều gì vừa hiện đến khiến tôi lãng tránh cái ý nghĩ đứng nhìn trộm Suzanne tắm. Tôi ngó mông ra khung cửa. Đã hơn sáu giờ nhưng vuông trời ở đấy chưa thật sự là hoàng hôn. Ở miền quê, hình như nhật nguyệt vẫn thất thường chuyện đi đứng? Mưa lai rai, gió hiu hiu. Lâu thật lâu mới nghe có tiếng xe chạy vụt ngang, cuốn bụi nước theo ở bốn

cái vỏ xe cắn xuống đường nhão nhoẹt.

- Sao không bật đèn lên. Thích ngồi trong bóng mờ hả?

Suzanne hỏi khi bước ra khỏi phòng tắm, mang theo chút hương tươi mát, như nằm giữa đồng cỏ trong chiều tịch lặng, gió từ đồi cao mơn trớn đi về rải đầy từng luồng phấn hoa lên người. Áo quần cũ đã thay, chiếc áo thun bây giờ vàng như cái mặt trời sắp rơi xuống bên kia núi. Hai mươi bốn tuổi, cao một thước bảy, nịt vú xài số B 36, sau quần jean Levis thấy ghi size 29. Gọn gàng, thon thẻo, ăn uống kiêng cử và tôi cũng đồng ý với chuyện cô ta sợ mập.

- Hôi nào đói bụng thì nói cho tôi biết.

Cô loay hoay lục soạn để rồi sau đó bật lửa thắp lên một cây hương. Tôi theo dõi mọi động tác của Suzanne và thử đảo mắt tìm giúp cho cô một chỗ cắm. Khi người ta thắp hương, thường người ta ăn vận chỉnh tề, nghiêm trang đứng dưới bàn thờ và rồi cắm nó lên như thế cho lòng tưởng nhớ. Cô muốn xua đuổi muỗi mòng ư? Không, cả hai thứ đó đều chẳng có ở đây. Mùi hương không được thơm cho lắm, vất vưởng dật dờ. Và thật uổng công cho Suzanne, nó đã lấn át hết mùi xà-phòng mà cô vừa kỳ cọ trên thân thể.

- Ông bà già tôi cũng tế nhị, bạn thấy vậy không?

Tóc Suzanne rối khi cởi chiếc áo thun ra. Tự nhiên tôi nhớ tới cây vú sữa trồng ở góc sân nhà mình. Trái nó bóng, da căng, nằm khiêu gợi sau những chiếc lá có hai mặt luôn đổi màu khi gió làm xao động. Ba má tôi rất khổ công khi bảo vệ nó, tránh những bàn tay thô bạo của bọn nhỏ trong xóm lúc nào cũng ngẫng nghịch bẻ trộm bất kể sống chín.

Suzanne đè tôi nằm xuống không chút xót thương. Cái futon vững chải đứng yên chẳng có phản ứng. Khác với lần vào rừng đầy ngại ngần chậm lụt, lúc này trông cô như đi ngoài cánh đồng hoang dã và ma rượt ở sau lưng một đêm nhiều tiếng gió hú. Tôi nhìn đốm sáng trên đầu cây hương, sự tàn lụi kia có phải là cách đánh dấu thời khắc mà Suzanne muốn thử nghiệm? Tối hôm qua, bên tách trà đã nguội, Má của Suzanne tâm sự: Tôi cũng mừng cho nó. Nó nói nhiều điều về cậu và đó là những điều tốt lành. Ở đây cũng có một gia đình người Việt cư ngụ. Đã tám năm, mọi người đều đồng ý họ là những con người hiền lành mẫu mực nhất vùng. Thì trà đang uống này, thì hương đang thắp kia là do họ biếu chứ đâu... Con Suzanne trước đây giao du toàn cả một lũ bạn gái. Nó không thích con trai và điều ấy khiến chúng tôi băn khoăn. Cậu hiểu không? Những gì trái khuấy cũng làm cho ta bận tâm suy nghĩ cả. Sống lập thân xa nhà như nó, cậu lui tới với nó càng dài lâu thì bọn tôi càng an tâm.

Dài lâu? Bây giờ thì tôi không còn tỉnh trí để nhớ lại là bọn tôi quen

nhau được mấy tháng rồi. Mệt mỏi lắm. Tôi cũng chẳng có trí khôn để nhận biết là trước đó Suzanne mang bệnh lãnh cảm với kẻ khác giống. Ôi, chuyện quá khứ hơi đâu mà màng tới. Hiện tại đây này, Suzanne bị ma đuổi, cô thở gấp rút và cô nắm tay tôi chạy hổng chân băng qua một cảnh giới khác thường mà các vị chân tu suốt đời chẳng thể ngộ ra được. Phiêu bồng, u mê, vực sâu, đỉnh núi. Nó làm mình xuất hạn đầm đìa và nó vắt kiệt hết chất lỏng có trong người ra. Xuôi tay cho mệ nuốt. Lúc nhỏ ở Huế ưa nói bậy bạ, giờ mới thấy ra chân lý ở năm chữ đó.

- Muốn ăn thứ gì?

- Ăn gì được lúc này.

- Tôi luôn muốn bạn là kẻ háu đói.

Suzanne hôn tôi rồi nằm vật xuống một bên. Tất cả những ngọn đèn đường đã thắp sáng từ hồi nào không hay. Nó len lỏi vào và nó hắt lên trần nhà từng vệt màu mờ nhạt, như bức thủy mặc vẽ trên giấy xấu, vụng về cảnh núi sông.

Suzanne gối đầu trên ngực tôi, giọng chậm rãi:

- Mười ngày nghỉ. Bậy thật! Tụi mình phung phí nó một cách hào phóng mà chẳng đánh đổi được gì đáng nhớ. Lý ra bạn phải vẽ cho tôi một bức sơn dầu có tôi trần truồng ở trong đó.

Tôi nằm lim dim. Hình ảnh Hoa chạy vụt qua trong đầu. Tôi ôm cứng lấy Suzanne rồi vùi mặt mình trong đám tóc có màu lá úa của cô.

3.

- A-lô...

- Tôi đây. Có khỏe không?

- Mệt.

- Việc nhiều lắm hả?

- Ừ... Tay chân vụng về như thể thất nghiệp đã lâu.

- Bao giờ cũng vậy. Mới trở lại làm ai cũng uể oải cả. Có nhớ tôi không?

- Nhớ. Thứ bảy về hay sao?

- Thứ bảy, hy vọng thế. Ở dưới ấy thời tiết ra sao?

- Tức giông, trời nóng và ẩm.

- Ở đây mưa gió tơi bời như có bão vậy đó. À này, con bé mất tích hôm nọ người ta đã tìm thấy rồi.

- Ra sao? Ở đâu vậy?

- Bị chôn trong khuôn viên nhà thờ. Khiếp đảm lắm. Mưa làm trôi đất và bày ra một cặp mắt mở trừng. Tội nghiệp! Cindy bị hiếp rồi thì bị bóp cổ.

- Tìm được thủ phạm không?

- Chưa. Mà thôi, tạm quên đi. Tôi có điều này muốn nói... Không biết xếp nó vào loại tin tức gì.

- Thời tiết thì loan báo rồi. Tin rùng rợn cũng vừa mới gửi đi. Thử nói một cái gì nghe cho vui tai coi.

- Tạm gọi là tin bấn loạn. Tôi bị trễ kinh đã tám hôm.

- Cái gì?

- Đang hốt hoảng à?

- Tám ngày. Sao hôm đưa tôi ra bến xe lại không nói?

- Lúc ấy thì chưa có gì chắc chắn, kể cả giờ này cũng thế...

- Có nói cho ông bà già nghe chưa?

- Tại sao lại kể cho họ nghe chứ? Vả lại mấy hôm rày họ như không được vui.

.....

- A-lô. A-lô...

- Họ buồn chuyện gì?

- Thằng bù nhìn rất sống động mà bạn cất công làm đã bị tan tác gẫy gập chôn trong bùn lầy.

Ba tôi đoán chắc là nó bị sét đánh.

Tôi nhìn ra trời, khung cửa đen đúa vừa nhánh lên một tia chớp, như có ai đứng rình và chụp trộm một bức ảnh có gắn flash. Chiếc quạt máy luân hồi thổi gió qua về, tấm màn voan trắng máng ở cửa ẻo lả phất phơ như một vạt áo dài vướng víu ở chân đi.

- A-lô...

Tôi bỏ điện thoại xuống. Đi vội tới những vị trí có gắn công tắc đèn. Và bốn cái luồng sáng chói lòa kia chẳng giúp ích gì cho tôi trong lúc này. Tôi mở tất cả những ngăn kéo, ồn ào một lát và cuối cùng tìm thấy cái bao hương. Tôi rút ra ba cây với năm ngón tay cứng như mới đi ngoài trời tuyết về. Mùi hương lúc nào cũng gây cho tôi sự ngầy ngật, mường tượng tới những hình ảnh chẳng được tốt đẹp. Tóm lại tôi không thích nó. Nhưng tôi cần một sự xoa dịu thầm kín với tất cả những gì được gọi là dị đoan. Tôi hướng tới cửa mà cúi đầu khấn vái. Trời ơi! Ở Montréal, khu tôi ở trọ có đôi lúc cảnh vật biến dạng thế nào mà ngó ra giống y chang như đang chôn chân giữa Thành nội Huế. Ngã tư Âm hồn chẳng hạn. Tại sao Hoa không nói được với tôi cái câu mà Suzanne vừa nói? "Anh ơi, em lỡ có mang rồi, chừ biết tính làm răng?"❐

Chờ Đê Vỡ

Ngô Nguyên Dũng

Cắc ké nhảy thót vào lòng ông Tuân, nũng nịu:

- Ông kể chuyện cho con nghe đi!

Ông Tuân vuốt tóc cháu, trách yêu:

- Cắc ké là cháu chứ không phải con của ông.

Cắc ké phụng phịu:

- Con quen miệng rồi.

Ông Tuân bẹo má Cắc ké, hỏi:

- Sao hôm nay Cắc ké không đi học?

Cắc ké tròn mắt:

- Trường bị lụt, ông không biết gì sao? Không chừng nhà mình cũng phải tản cư nữa đó. Người ta sợ đê vỡ.

- Tản cư đi đâu?

- Tới chỗ đất cao hơn, chờ nước xuống rồi về.

Ông Tuân nhớ tới sự tích *Sơn tinh Thuỷ tinh*, nhưng Cắc ké đã nghe nhàm chuyện này rồi. Ông hỏi vu vơ:

- Cắc ké là gì của kỳ nhông vậy há?

Cắc ké lấu táu:

- Cắc ké là... em kỳ nhông, kỳ nhông là... con kỳ đà, kỳ đà là... con... kỳ cục. Đố ông kỳ cục là ai? Mà tại sao ba má và ông nội lại gọi con là Cắc ké, nghe kỳ thấy mồ?

- Ngộ chứ kỳ gì. Sở dĩ cháu có thêm cái tên Cắc ké, vì cháu chuyển cười sang khóc, khóc sang cười nhanh như cắc ké đổi màu vậy đó!

Cắc ké dúi mặt vào ngực ông Tuân, làu bàu:

- Tên gì kỳ...

Ông Tuân vân vê chiếc nơ hồng cột tóc Cắc ké, lúc lắc nhẹ. Màu hồng sữa dâu tây thật mướt, thật mũm mĩm, thật thanh xuân. Tự dưng lòng ông chùng xuống giây lát. Có niềm u hoài xanh như một bóng ma vừa

lướt ngang hồn ông. Thời gian, ôi thời gian, sao trôi nhanh. Mới đó mà đã hai mươi năm xa quê hương. Mới đó mà đã ngấp nghé gần đất hơn trời. Nếu còn ở quê nhà, có lẽ ông đã tự chọn cho mình một quan tài về đặt bên hông nhà. Rồi chờ... Thuở nhỏ, không khi nào ông dám bén mảng tới gần chỗ kê quan tài phủ vải nâu của ông bà cha mẹ. Tuy sợ, nhưng ông thấy khối gỗ ấy thân thuộc lắm. Ông chỉ buồn khi thiếu mất một chiếc. Thân nhân ông, có người bỏ đi thật đột ngột như sợ lỡ hẹn. Bất ngờ như sáng nào thức dậy, nghe tiếng khóc rấm rứt buồng ngoài. Ánh đèn dầu soi những bóng người lung linh trên vách. Sáng cuối năm miền sông ruộng, trời mát lạnh. Tuân đứng thập thò nơi ngưỡng cửa, tay chặn miệng, ngắm cảnh bà con tề tựu than van quanh xác bà ngoại. Chị Năm đi ngang, cúi đầu ghé vào tai Tuân, tức tưởi: "Ngoại... chết rồi." Tuân vẫn bất động, ngón tay mân mê vành môi. Lần đầu Tuân đối diện với cái chết. Cảm xúc kỳ quặc phủ trùm người Tuân. Tại sao chết? Chết dễ dàng vậy sao? Mới hôm qua Tuân còn têm trầu cho bà. Tuân chau mày tới nhìn khuôn mặt bà hom hem vàng trong vũng sáng chập chờn. Ngày rựng lên xanh xao ngoài khung cửa. Tiếng vịt đập cánh hối hả ngoài ao nước. Tiếng heo nhốn nháo đòi ăn từ nhà sau. Cái nô nức sống nhập vào cái tàn tạ chết. Bất giác Tuân lặng lẽ nhỏ hai dòng lệ ấm.

Cắc ké giật giật tay ông:

- Sao không nói gì hết vậy ông?

Ông Tuân nhoẻn cười mòn mỏi:

- Để ông kể chuyện núi cho cháu nghe nha!

- Núi có gì hay vậy ông?

Ông Tuân trầm trồ:

- Hay lắm chứ, vì núi không bao giờ chết.

- Không bao giờ chết thì đã sao?

Ông Tuân cười xoà:

- Được vậy là giỏi rồi. Có người tu tập suốt đời để được bất sinh bất diệt, mà có được đâu.

Cắc ké ngây thơ hỏi:

- Con có thấy núi sống bao giờ, mà ông nói núi không bao giờ chết?

Ông Tuân trỏ tay vào trán cháu:

- Cháu thông minh lắm. Thí dụ như rặng Hi-mã-lạp-sơn bên Tây-tạng, con biết tại sao có không?

- Không.

Ông Tuân sửa giọng đầy bí ẩn:

- Ngày xưa, xưa lắm, nơi đó là bờ biển, nước Ấn-độ còn là một phần thuộc Phi châu. Rồi địa chấn tách nó thành đảo lớn. Thêm một khoảng

thời gian dài thật dài, các chấn động dưới đại dương xô nó tấp vào bờ biển Tây-tạng, đùn thành rặng Hi-mã-lạp-sơn.

Cắc ké nhíu mày:

- Sao người ta biết vậy ông?

Ông Tuân bắt chước cháu, nhún vai vài cái:

- Thử nghiệm và tìm tòi thì ra chứ gì. Người ta thử phân tích đất ở Ấn-độ thì biết nơi đó không thuộc về Á châu. Người ta tìm thấy các di tích hải sản, nhiều giống đã bị tuyệt nòi, trong lòng Hi-mã-lạp-sơn. Người ta còn tính được, mỗi năm núi này đùn cao thêm ba phân.

- Ba phân là bao nhiêu vậy ông?

Ông Tuân giơ tay ước lượng cho Cắc kè biết. Con bé cười hồn nhiên:

- Núi giống con, mỗi năm con cũng cao thêm chừng đó.

- Cháu còn nhỏ, phát triển mau, sau vài năm đã thấy lớn. Tỷ lệ tăng trưởng cao hơn so với núi. Nhưng tới một lúc, cháu sẽ ngừng tăng trưởng, còn núi cứ ngất ngưởng cao hoài.

Cắc kè ví von:

- Cao hoài, lớn hoài, không già sao ông?

Ông Tuân giơ ngón trỏ điểm nhẹ vào trán cháu:

- Nói rồi, núi sống mãi, không già mà cũng chẳng chết.

- Mà sao con không thấy núi cao hơn chút nào?

- Sao thấy được, vì núi cao quá, hằng năm tăng thêm vài phân, thấm thía gì. Hơn nữa, đời người ngắn ngủi, làm sao con thấy ra sự khác biệt này?

Cắc kè chau mày, im lặng một đỗi rồi nói khẽ:

- Con không hiểu. Bữa nay ông kể chuyện dở quá à!

Ông Tuân ghì chặt con bé vào lòng, khẽ khà:

- Ai kêu cháu nhắc chuyện nước lụt?

Cắc kè hờn mát:

- Nước lụt ăn nhằm gì tới chuyện núi?

- Có chứ, vì mỗi đầu xuân, thời tiết ấm áp trở lại, tuyết trên các đỉnh núi tan chảy, tràn xuống đồng bằng gây lụt lội.

- Vậy núi không dễ thương.

Ông Tuân bật cười:

- Nhờ vậy mà con được nghỉ học, ở nhà chơi vài ngày.

Cắc ké chớp mắt:

- Thôi, cũng được.

Nói xong, con bé tụt khỏi lòng ông Tuân. Trước khi rời phòng, nó còn lặp lại lời chê, bữa nay ông kể chuyện dở như... hạch. Ông Tuân rời chỗ ngồi, tới cạnh cửa kính, kéo màn nhìn ra. Nơi này đất thấp. Thấp thoáng

sau chòm lá là đê đất cỏ mọc tươi mởn. Đê đắp cao non năm thước, bên trên trải đá vụn làm đường cho người bộ hành và xe đạp. Vợ chồng ông Tuân và hai đứa cháu thường dạo đê vào những chiều hè. Đứng bên này thấy bờ bên kia. Nước đục, bờ chỗ thoải chỗ dốc, lót bê-tông. Khung cảnh ven đê trông giả tạo như một mô hình kiến trúc. Tuy vậy cũng có một đoạn chừng vài trăm thước mọc rậm nhiều loại thuỷ thảo, là chỗ nương náu của lũ chim trời. Hằng năm, chớm thu, khí hậu se lạnh, bầy chim chộn rộn rủ nhau nam di. Có con dường như bịn rịn, nấn ná tới tháng mười một, cơn mưa tuyết đầu mùa rơi mỏng, mới bay đi. Chỉ có bầy bói cá còn ở lại. Vợ chồng ông Tuân cùng không thích khoảng thời gian này. Nó gợi nhớ tới hoàng hôn kiếp người và những xa cách. Không thích, nhưng năm nào nó cũng tới, bắt ông trăn trở vô cớ với mùa rét cuối năm.

Tháng hai, khí trời trở ấm. Chòm anh đào và hàng rào dã mai, sau vài hôm nắng, rộn nhú mầm. Lòng đê nứt băng, nhả khói sương mỗi sáng sớm như báo tin vui. Một chiều, ông Tuân chợt nôn nao khi nghe tiếng bầy vịt đầu tiên oang oác trên không. Kế đó là lũ sẻ nước. Rồi tới giống bồ nông, ngỗng tuyết, cò bông, cò xám. Sau cùng là loài thiên nga kiêu kỳ. Sang tháng ba, tháng tư, tuyết núi tan chảy, nước đê dâng cao. Đôi lúc dòng nước không hiền hoà như mọi khi mà cuộn sóng vỗ bờ nhấp nhô. Con nước trào lòng đe doạ thế kia, lại gợi trong lòng ông Tuân niềm vui khó tả. Ông cảm thấy mình như trẻ lại. Cái xác dật dờ khắc khoải từ dạo xa quê tới nay, như được con lụt tháng tư tưới lên lớp phù sa hồi sinh. Ông sống lại. Ông tươi mới. Ông xuân trẻ. Ông tăng trưởng âm thầm như ngọn núi tuyết.

Điều mầu nhiệm giữa mất còn và sinh tử này, ông không nhắc tới trong câu chuyện tào lao mới nãy với Cắc ké. Con bé chắc hẳn không hiểu. Chính ông, với ngần ấy tuổi sống, chắc gì đã hiểu thấu lẽ hợp tan của vạn vật? Sau một cơn thiên tai kinh hoàng, đất sụp xuống lòng đại dương. Cũng từ lòng nước ấy, lửa nham thạch phún ra, khai sinh sự sống và những giả tạm mới.

Ông Tuân lưỡng lự cân nhắc, chưa phân định ý mình. Khi tia nhìn ông dừng lại bên chòm hoa trắng nở li ti trong vườn nhà, lòng ông sững sờ rung động. Tay ông đang sờ lên cái chết. Cảm xúc ông đang tiếp xúc cùng sự sống. Hồn xác ông vừa nhập vào ý nhân sinh bí ẩn. Và ông quyết định, không theo gia đình con tản cư tránh lụt. Trong bàn cơm tối, khi nghe ông Tuân nói ra ý định trên, mọi người đều nhìn ông chưng hửng. Định, con trai ông, buông tiếng cụt ngủn:

- Đâu có được.

Lan, vợ Định, dịu dàng:

- Họ ra thông cáo, yêu cầu tất cả tạm tản cư chờ nước xuống, thì mình phải đi.

Ông Tuân cương quyết:

- Các con cứ đi, ba ở lại.

Định nhăn mặt:

- Sao ba cứ làm khó tụi con hoài?

Ông Tuân gác đũa ngang miệng chén, chậm rãi giải thích:

- Đâu có gì khó xử. Hai con và các cháu cứ việc tản cư, để cha ở lại coi nhà giùm cho.

Bà Hiền, vợ ông, góp lời:

- Ông làm được cái gì? Không muốn đi thì cứ nói là không đi, việc gì phải nại cớ? Ông ở lại, chẳng lẽ tôi đi?

Ông Tuân dịu mắt nhìn vợ:

- Không ai ép bà đâu đó!

Định thở ra:

- Giờ tới lượt má. Ba má không chịu đi, rủi xảy ra chuyện gì thì sao?

Ông Tuân cười khì:

- Có gì ba gọi điện một cái là xong, đừng lo!

Bây giờ Cắc ké mới dám lên tiếng:

- Cho con ở nhà với ông bà nội.

Định trợn mắt nhìn con. Lan chưa kịp nói thì thằng Kỳ nhông đã hùng hổ:

- Con tình nguyện giữ nhà, coi chừng ăn trộm.

Định lắc đầu, thấy giặc lớn giặc nhỏ nổi dậy khắp nơi, coi mòi bất an, đành nhượng bộ:

- Ba má tính sao tuỳ ý, còn hai đứa nhỏ không được lộn xộn.

Cắc ké xụ mặt:

- Không thích mà.

Lan gằn giọng nhắc:

- Ăn xong rồi nói.

Cắc ké cúi mặt, nhướng mắt ngó ông Tuân, rồi cắm cúi và cơm. Định dịu lời:

- Thôi, để con tính lại, mực nước cũng chưa tới độ khẩn cấp.

Tối vào giường, nằm cạnh vợ, ông Tuân không chợp mắt được, lâu lâu lại khẽ thở dài. Bà Hiền rù rì:

- Tôi thấy ông lúc này kỳ cục lắm đó.

Ông Tuân mỉm cười nhớ tới câu đố của Cắc ké hồi sáng, chặc lưỡi bông đùa:

- Già sanh tật mà.

Bà Hiền thúc nhẹ lưng chồng, gắt nhỏ:

- Thôi, ngủ đi!

Làm sao ngủ được, ông Tuân nhủ thầm, miên man nghĩ tới những chuyện không đâu đuôi. Khuya yên tĩnh như đất. Ông nằm đấy mà hồn phách bay nhảy nơi đâu. Có bàn tay ảo thuật nào xô ông về lại quê nhà vào mùa nước lớn. Mưa dai dẳng sụt sùi. Nước dâng, dâng mãi, tràn ngập khắp nơi. Lũ trẻ con ngồi chùm nhum trên giường tre, hết vọc nước lại trêu ghẹo, cãi nhau rồi đòi ăn. Đói mà vui, nghèo mà ấm tình người. Lạ lùng thay, đậm nét nhất trong ký ức ông là cảnh con rắn nước ngóc đầu bơi lạc trong biển nước mênh mông. Dáng điệu rối rít, gần như sợ hãi. Giữa nó và ông có liên hệ gì, mà vài chục năm sau nơi xứ lạ, chợt ông bần thần nhớ tới nó? Ông rùng mình so sánh những điểm trùng hợp trong chiều dài thời gian. Nỗi lo của con vật năm xưa có phải là nỗi lo của ông hiện giờ trước nạn nước dâng? Hay đó chỉ là cái cớ để ông che đậy những ám ảnh về cái chết gần kề? Ông Tuân xoay người, choàng tay quanh bụng bà Hiền, có cảm tưởng đang níu tìm lại tuổi xuân xanh. Thời gian vẫn trôi, những kiếp người dần thoáng qua, nhưng những nhánh sông nơi này và bên kia vẫn mỗi năm một mùa nước lớn.

Đêm đầu tiên, chỉ còn ông bà Tuân trong ngôi nhà rộng, trời lắng gió. Bên ngoài không một bóng người. Không gian tịch mịch như những khoen sắt nối cùng thời gian vừa bứt lìa. Bà Hiền nấu một nồi canh rau và kho lạt nửa cân thịt nạc. Bữa cơm nhạt nhẽo trong chỗ ngồi quen bên chếc bàn rộng. Ông cách bà hai chỗ ngồi.

Vơi được nửa chén, bà Hiền mới gợi chuyện:

- Tôi sợ ông ạ!

Ông Tuân ngó vợ chằm chằm:

- Sợ cái gì?

- Sợ kẻ gian.

Ông Tuân cười mỉm:

- Đâu còn ai nơi này.

- Tôi thấy thỉnh thoảng có xe tuần cảnh chạy ngang.

Ông Tuân thêm vào:

- Và vài con chó lang thang.

Bà Hiền buông chén, hấm hứ:

- Tôi thật không hiểu ông nghĩ gì. Không sợ con cháu bảo mình già sanh tật sao?

Ông Tuân đưa mắt dịu dàng nhìn vợ, không đáp. Trước mặt ông, cách một mặt bàn, không phải là bà Hiền của tuổi gần bảy mươi, mà là

một cô Hiền xuân xanh hai mươi ngoài. Ông Tuân rợn người tưởng lại thuở tóc còn đen mướt, mắt môi còn hâm hấp sự sống, tay chưa nhuốm da mồi, trái tim chưa có những hoài niệm. Ai chẳng biết định luật thời gian? Đời sống là như vậy, như ngày đêm và bốn mùa, thắc mắc làm gì? Vậy mà ông vẫn tự hỏi và mong đợi, bồn chồn như bờ đê già, thấp thỏm chờ con nước cuồng nộ.

Ông Tuân không buồn phiền gì, chỉ tiếc. Nỗi gì vẫn còn vướng chân ông. Có những điều ông không thể hoàn tất trong đời sống này. Chưa tới một vùng đất ưa thích. Bỏ dở học trình vì chiến tranh. Không tròn lời hứa với đôi người. Mà ông quên mất đã hứa gì, với ai; chỉ nhớ vì những biến động tất bật, ông cùng thân quyến rời quê hương, trú tạm đất người. Rồi nhiều năm trôi qua, con nước ngoài kia khi ròng khi lớn, mà ông vẫn quạnh quẽ vào ra nơi đất khách.

Ông Tuân bật tiếng cười khô:

- Tôi đang thèm một món bà ạ!

Bà Hiền vồn vã:

- Món gì?

- Thuở nhỏ, lúc tôi còn sống ở quê, má thường nấu món canh bầu với cá trê vàng, rắc nhiều hành lá và tiêu cay. Lúc trước, đó là món ăn quê mùa tầm thường, giờ đây nó trở thành một món hiếm hoi. Bà Hiền tở mở:

- Tiệm thực phẩm á đông ở đây thỉnh thoảng có bán bầu phi châu và cá trê đông lạnh.

- Bầu nhạt phèo, cá bở rệu, không mùi vị.

- Thì ăn đỡ thèm vậy mà.

Ông Tuân nhếch môi, định nói thêm điều gì, nhưng bà Hiền đã xô ghế đứng dậy, dọn dẹp bàn ăn. Ông phụ vợ rửa chén, rồi hai người khoác áo choàng ra ngoài đi dạo. Đêm chờ đê vỡ phẳng lì, tĩnh lặng. Trăng mãn khai rực rỡ giữa trời, rắc nghìn mảnh ngân nhũ nhấp nhô trên nước. Nước chỉ còn cách mặt đê độ nửa thước. Đám thuỷ thảo nhú ngọn như chới với cầu cứu. Ông Tuân và vợ ngồi xuống bờ cỏ quen. Đất mịn mát. Đêm nồng nàn toả hương. Tâm tư ông Tuân chợt vang lên tiếng đập cửa rầm rập. Mở ra, mở ra đi những cánh cửa quá khứ! Ông thấy mình còn thanh niên, mải miết chạy trên đồng cỏ quê nhà chiều hắt nắng. Tìm mà chưa gặp. Cứ chạy mãi như thế tới hết đời. Bà Hiền ngả đầu vào vai ông. Tiếng người trong tiềm thức lại nài nỉ xin mở cửa. Ông Tuân nhẹ tay tháo băng vải cột tóc vợ, xoay mặt đối diện người bạn đời. Tóc bung chảy mềm mại lên vai. Hai mắt đàn bà long lanh sống động. Ông Tuân thấy mình cúi người vốc nước vuốt lên mặt người đàn bà. Làn da già nua trở nên mịn màng như lan huệ. Ông tưởng ra mình đang thận trọng bóc từng lớp lá thời gian úa vàng

lao đao nhớ
ĐẶNG HIỀN

Đi lên
Đành lại
Đi về

Ngồi bên con phố
rồi nghe
người qua

Nghe chừng
mây thấp
mây xa

Mai,
lao đao nhớ
thật thà
nhớ,

quên

bọc ngoài nhân bánh bột gạo trắng muốt bên trong. Ông gập người xuống lớp bột trắng. Hương bánh hoà cùng nhiều hương vị khác làm thành hương quê nhà đằm thắm. Nước tràn lên mặt đê, xoá mất những ranh giới. Ông Tuân ngụp lặn trong cảm giác ẩm ướt thú vị của dòng sông nhiệt đới. Nắng tuôn man rợ lên da thịt. Một phần xác ông lún sâu vào lòng đất quê hương. Sóng đập hung bạo vào bờ đê già. Đất chuyển mình chẻ nhánh. Đê rạn vỡ. Nước phún ngọn từ những khe nứt. Ông Tuân là con rắn loằng ngoằng lượn trên mặt nước sâm sấp, lưỡi khò khè định hướng cảm xúc. Ông áp mặt vào ngực vợ. Gò vú căng đầy như trái chín hườm. Nước từ từ lắng xuống. Đê đất trở lại liền lạc phẳng phiu. Trăng rải nhợt nhạt lên hai thân thể trần truồng. Ông Tuân khép mắt nghiệm lại khoái cảm mê hoang, mở mắt nhìn sang, thấy bà Hiền vẫn bất động bên cạnh. Gương mặt da nhăn như trái héo. Thân thể cằn cỗi rúm ró như xác thú chờ mục rữa. Đất tắt thở lạnh toát dưới lưng. Ông mặc vội áo quần, ngồi bó gối nhìn ra lòng đê rờn rợn bóng trăng.❐

Chuyện của một ngày

Phạm Chi Lan

Tôi thức dậy sớm như mọi lần, và tôi biết chắc là tôi có uống cà phê phin. Bao giờ sáng thức dậy tôi cũng pha cà phê. Tôi nhâm nhi gần hết tách cà phê, châm một điếu thuốc đầu lọc, bao giờ tôi cũng uống cà phê cùng hút thuốc. Rồi tôi ngồi nhìn mây bay ngoài hiên nhà, tôi ngồi đó và nghĩ ngợi. Những sợi khói làm đầu tôi mê man. Tôi nghĩ về nhiều chuyện, ồ toàn những chuyện lẩm cẩm. Những chuyện ảo mà tôi chỉ biết nghĩ trong đầu nhưng không kết thành lời để kể. Những chuyện đại loại: nếu mà tôi thế này thì..., giả thử như..., nếu mà..., vân vân. Tôi thường nghĩ đến những chuyện ảo tưởng. Cho vui và giết thì giờ. Có lẽ sau đó chán suy nghĩ, tôi có đi vào phòng tắm. Tôi ngồi trong toilet nhìn mặt mình đối diện trong gương (lúc ngồi nhìn mình trong gương tôi không thấy kỳ, giờ thì thấy hơi kỳ). Tôi biết chắc tôi có vớ quyển báo đọc ngấu nghiến, loại báo về văn học hẳn hoi. Giờ phút đó trong toilet, đọc báo văn chương lại thấm và thấy bài nào cũng hay. Đọc báo chán và làm xong chuyện, tôi nhấn cầu. Tiếng nước chảy nghe ngộ nghĩnh như tiếng của người bị tra tấn tư tưởng nghe ục ục. Đầu óc tôi lại nghĩ những chuyện lẩm cẩm lúc nãy. Tôi đứng nhìn mình sát trong gương, khám phá ra có thêm một mụt nhọt bắt đầu mưng trên má phải, thảo nào thấy nhưng nhức khó chịu. Lục tìm trong mớ chai lọ lổn ngổn trên bàn, tôi tra thuốc mụn vào chỗ đầu đang tấy. Chờ thuốc khô, tôi bắt đầu bỏ makeup. Tôi tra hết mầu son này tới mầu son khác, mầu nào trông cũng chán. Sao chân mày mọc ngổn ngang loạn xạ thế này. Tôi lại mất thêm mười lăm phút tỉa chân mày, rồi thêm năm phút kẻ chì đen trên mi và mày cho gọn kiểu Elizabeth Taylor. Nhìn mình trong gương, tôi suýt bật cười. Mầu son giống hệt miếng thịt steak-and-ale trên tấm biển quảng cáo. Tôi không thích ăn thịt bò còn đỏ máu. Chùi vội màu son, tôi tra lại mầu của Cindy Crawford hiệu Revlon. Tuy chẳng đẹp như Cindy nhưng tôi chủ quan mầu son đúng là mầu cô ta xài trong màn quảng cáo. Mất cả thảy bốn mươi lăm phút trước gương để làm sao cho mình trông không giống mọi ngày, để tôi

không nhận ra tôi. Tôi mà còn không nhận ra tôi, chắc chắn không ai nhận ra. Thì đây cũng là mục đích của màn hóa trang này.

Rời phòng tắm, sau đó tôi có làm những chuyện nho nhỏ trong nhà, với mặt mày tô điểm như đi dạ tiệc buổi tối (và đi tiếp xúc ban ngày). Trong khi làm việc, đầu óc tôi có nghĩ lại những chuyện lẩm cẩm cũ. Việc suy nghĩ, tôi làm rất giỏi và có thể làm trong bất cứ lúc nào. Mới có chín giờ hai mươi, tôi quyết định thay đồ đi dạo ở ngoài. Có lẽ tôi sẽ ăn trưa ở ngoài, và không biết sẽ làm gì cho hết một ngày. Có thể tôi ngồi ngoài công viên, đọc thêm vài tờ báo, ăn một bịch potato chip hiệu Frito Lays, uống lon cốc hiệu Pepsi diet. Có thể tôi ngồi nhìn thiên hạ đi qua đi lại, lắng nghe những câu chuyện mất đầu mất đuôi của người chung quanh, rồi lại suy nghĩ. Từ những câu chuyện rời rạc, những câu nói không gãy khúc, tôi có thể ghép đầu ghép đuôi lại thành một câu chuyện có logic, có thể biên thành truyện ngắn hoặc truyện dài nếu tôi là một nhà văn có tài. Những truyện tôi biên biết đâu sẽ hay hơn những bài viết trong tờ báo văn học đọc trong toilet lúc nãy. Thường truyện chưa viết ra bao giờ cũng hay hơn những truyện đã viết hoặc những truyện của người khác viết, dù là của một nhà văn quen tên. Chán suy nghĩ và mơ làm nhà văn nổi tiếng, tôi rời công viên đi quanh quẩn thêm vài block. Tôi để ý không ai nhìn mặt tôi son phấn mầu mè, có lẽ tôi hóa trang giỏi nên không người quen nào nhìn ra, hoặc tôi chìm lẫn, hòa nhập vào đám đông vì ai cũng hóa trang như ai. Điều này khi nãy suy nghĩ tôi không nghĩ tới. Đến góc đường gần trạm metro có thang cuốn xuống hầm dưới đất (ở đây ban ngày người ta chui xuống hầm đất tối ngoi lên), tôi gặp một ông cụ già rụng hết hàm răng cửa. Ông ta ngồi co ro, nhìn mọi người như chẳng nhìn người nào, tay chìa ra phía trước miệng nói lảm nhảm. Tôi dừng lại lắng nghe ông ta nói gì, suýt chút nữa có người phía sau tông tới vì tốc độ đi như chạy của người đó, ở đây ai cũng bận rộn chạy đua với thì giờ, trừ tôi và ông lão ngồi thu lu này. Ông ta nói xin cho tôi một đồng tôi đang bệnh, tôi bị đau chân không đi lại được. Nghe ra câu nói của ông lão, tôi lục bóp tìm ít đồng bạc xu nhưng chẳng còn đồng nào, có năm mươi xu cuối cùng tôi đã mua lon cốc lúc nãy. Ông già đưa tay chờ đợi, tôi bối rối nói thôi tôi sẽ đến thăm ông không biết lúc nào. Ông già nói tôi không có nhà, khiến tôi lại đâm bối rối thêm. Thôi ngày mai tôi trở lại nhé. Ông lão gật đầu thông cảm. ít ra có những người thông cảm như ông lão bị bỏ quên trong góc đường này. Những người thông cảm tôi gặp rất ít, thường người ta dứt khoát thẳng thắn, gửi thư đòi tiền đến tận nhà, cho biết đích xác ngày phải nộp tiền, con số rõ ràng và cương quyết, kèm theo câu "thank you for your business" (những giấy tờ loại này không thể cố tình quên như quên

những thư của người quen hay bạn bè gửi đến được). Ông già móm mém cười chúc tôi một ngày đẹp trời và nhàn hạ. Tôi nói cám ơn rồi ông già còn khen tôi trông tươi và đẹp lắm. Không biết ông già có biết tôi đang bỏ makeup, màu son của Cindy Crawford, và cặp chân mày tỉa gọn kiểu Liz Taylor. Hoặc ông nghĩ tôi sẽ trở lại ngày mai như đã hứa. Tôi chúc lại ông một ngày đẹp trời và may mắn. Ông già gật đầu cười, nụ cười tôi móm mém tôi gặp đầu tiên trong ngày. Chợt nhiên tôi nhớ thằng Robert nhặt đâu ra câu chuyện có nhà triệu phú cô đơn nọ sống đơn côi với con chó nhỏ, trước khi chết ông thảo di chúc nhắn rằng ai là người cười với ông nụ cười chân thật cuối cùng trước khi nhắm mắt, ông sẽ để gia sản lại cho. Viết xong, ông tức cười quá ôm bụng cười, cười quá bị choke ôm ngực lảo đảo. Chó thấy chủ ôm bụng cười thấy lạ vì cả đời ông không bao giờ cười, nó cũng thích chí cười theo. Trước khi cơn choke làm ông giật co rúm người, triệu phú còn cố ghi vào khoảng trống trang di chúc tên con chó thân yêu rồi dẫy chết. Phải chi tôi là triệu phú, tôi sẽ để gia sản lại cho nụ cười móm mém thông cảm này. Nhưng tiếc quá, năm mươi xu tôi đã xài mất rồi. Tôi đi trở lại con đường cũ, ngang qua công viên lúc nãy mơ làm nhà văn lớn với những câu chuyện tầm thường của những kẻ qua đường, đầu óc tôi lại vướng bận ý nghĩ thành triệu phú để cứu vớt tha nhân. Tha nhân đi như chạy giặc mém tông vào tôi mấy lần.

Nắng bắt đầu chói và nung nấu. Việc suy nghĩ của tôi bị gián đoạn và lạc ý. Thôi tôi đi về.

Về tới nhà, nắng theo tôi vào bên trong có hơi hoa mắt và choáng váng. Tôi treo áo khoác vào móc để lại tủ closet. Cởi giầy và tháo áo nịt ngực, tôi nằm dài trên sofa. Tôi thèm một ly soda chanh muối, nhưng ngại ra bếp pha kì kệch. Nếu có một đứa ở nhỏ để sai vặt thì đỡ khổ, làm triệu phú cũng sướng ngoài cứu vớt tha nhân. Nằm nghỉ mệt mặc đầu óc mơ màng một lúc, có tiếng chuông điện thoại reng. Từ sáng tới giờ đây là cú phôn đầu tiên, không biết ai là người ngó ngàng đến tôi. Nhấc ống nghe, tôi nói hello giọng yếu xìu, giọng đầu giây líu lo chào mở hàng nói gì đó về món hàng quảng cáo qua kiểu tiếp thị điện thoại. Tôi nói không interest, rồi lẳng lặng cúp máy. Hoá ra lại thêm một người không thông cảm trong đời sống thiếu tình cảm của tôi. Mệt và khát nhưng lười, tôi thiếp vào giấc ngủ. Ngày mai tôi sẽ có một công án cho sở, về việc kế hoạch hóa phát triển sản phẩm của hãng, biết đâu tôi sẽ được giải phát minh và sẽ trở thành triệu phú, cùng lúc với giấc mộng làm nhà văn lớn. Giữa lúc lâng lâng trong mộng tưởng, tôi không nhớ rõ mình sẽ chọn cái nào trong hai giấc mộng này, nếu có một cái thành sự thật.

Có điều tôi biết, bất cứ bao giờ ở đâu tôi cũng có thể suy nghĩ được.❐

Thúy Kiều

Phạm Thành

Khu Tân Định có con đường Trần Tấn Phát, đó là con hẻm nối hai đường Hiền Vương và Phan Thanh Giản; giữa hai dãy nhà dân cư thấp, vụt nổi lên một building cao gần chục tầng, chứa đầy dân kinh tế mới. Họ là những người bị cưỡng bách hoặc do sự vận động của chính quyền nên phải lên cao nguyên hoặc vùng rừng núi khai phá, trồng trọt sinh sống, nhưng vì không biết nghề làm rẫy, vì đất đai thiếu nước, khô cằn, vì không được hướng dẫn, giúp đỡ, họ hoàn toàn thất bại nên lại kéo nhau về thành phố. Building này trước thuộc một tay tư bản xây cho người Đại Hàn, Mỹ, Phi Luật Tân mướn trong thời còn chiến tranh. Sau 75, y bỏ chạy ra nước ngoài, dân kinh tế mới kéo vào chiếm ngụ. Phòng nào cũng đều trống rỗng, cửa nẻo bị gỡ đem bán hoặc làm củi nấu, cả đến cái bàn ngồi cầu tiêu cũng bị gỡ bán. Họa chăng mấy sợi dây điện luồn trong tường bê tông là còn. Dù sao, đối với họ, có chỗ ngủ mà không bị mưa nắng là quá tốt rồi. Nhưng đùng một cái, công an quận Ba xuống lùa tất cả ra khỏi building, để sửa sang lại cho ngoại kiều, Việt kiều về mướn. Thế là họ phải ra ngủ lề đường.

Trước ngày tôi đẩy xe bánh mì thịt nguội ra bán ở góc đường Phan Thanh Giản - Duy Tân, cái xã hội đầu đường xó chợ đó đã thành hình từ lâu. Một buổi sáng, tôi đang bán thì có một đứa đứng bên cạnh. Nó mặc áo lính cũ, quần đùi, tóc cắt ngắn trông giống con trai. Vì bận khách nên tôi không để ý, tưởng nó chờ đến lượt mình, đến khi có một chị đàn bà bảo: "Cho tôi hai ổ bánh mì pâté chả," tôi cảm thấy áo sau lưng tôi bị giật mạnh, rồi giật tiếp vài cái nữa. Tôi cảnh giác, bèn bảo:

"Hai ổ một nghìn đồng, tiền đâu?"

"Bộ ông tưởng tôi không tiền hả?"

"Tiền trao cháo múc chị ơi! Ai cũng phải trả tiền trước tôi mới bán."

Chị đàn bà trở mặt:

"Đ.M., khi người hả! Tao đ. thèm mua nữa!"

Thế là chị ta bỏ đi. Khi hết khách, tôi quay lại thấy nó đứng lơ đãng nhìn lên trời, tay vòng trước ngực.

"Mầy mua bánh mì hả?"

"Tiền đâu mua!"

"Khỏi tiền. Mầy báo động lúc nãy, tao khỏi mất hai ổ bánh, bây giờ tao cho mầy một ổ."

"Còn lâu ông mới khỏi mất hai ổ! Nhiều hơn nữa đó cha nội! Ông tưởng nó ôm bánh của ông nó chạy có! Nó đòi thêm tiền nữa. Lúc này đứng dòm vào hộc tiền, nó đã thấy mấy tờ năm nghìn của ông. Bán cho nó xong, nó bảo đã đưa tờ năm nghìn cho ông rồi, ông phải thối cho nó bốn nghìn. Có con em nó đứng bên cạnh làm chứng, ông không đưa tiền, chị em nó xúm lại dợt cho ông một tăng, xe bánh mì của ông tiêu tùng mà ông còn bị phù mỏ không chừng. Nghề của tụi nó mà!"

"Được rồi, cám ơn. Bây giờ tao hỏi mầy hai câu: Vậy mày muốn mấy ổ đây, và mầy là con trai hay con gái?"

"Con gái. Ông hỏi làm chi dzậy? Định thả dê hả?"

"Không đâu. Thấy mầy giống con trai, tao hỏi chơi thôi."

"Xạo hoài! Bộ ông không thấy ngực tôi bự sao?"

Nó đè tay lên áo, phía dưới ngực, nên phần trên nổi rõ lên.

"Thấy rồi, hiểu rồi. Vậy chứ mầy muốn mấy ổ bánh đây?"

Nó cười đưa cái răng khểnh ra:

"Một ổ đủ rồi."

Chỉ khi nó cười mới thấy một chút duyên của con gái, còn thì mặt mũi nó tầm thường, lại có vẻ dữ tợn nữa. Da ngăm đen, mắt xếch, lông mày rậm.

Tôi làm cho nó một ổ bánh mì thật ngon, nó ngồi xuống ghế ăn ngon lành, có vẻ đói bụng. Ăn được nửa ổ, nó đòi một ít ớt, rồi gói lại cầm trên tay.

"Sao không ăn hết đi? Coi bộ mầy đói bụng lắm mà."

"Để cho mẹ tôi ăn."

"Mày có hiếu dữ. Cứ ăn hết đi, tao cho ổ khác."

"Thiệt không đó? Ông cho tôi chứ tôi không mắc nợ ông à!"

Rồi nó lên giọng đạo đức:

"Ăn nhiều, ông lỗ vốn tội nghiệp!"

"Mầy tên gì?"

"Tư Xập Xã."

"Trời đất! Tên gì kỳ cục vậy? Tao chưa hề nghe tên đó bao giờ."

"Mấy thằng cô hồn chọc tôi không được, nó nói tôi đánh xập xã với mấy con kia."

"Mầy cặp một thằng bồ thì nó hết gọi ngay."

"Thôi đi ông ơi! Tụi con trai bây giờ lưu manh lắm. Nó chơi cho nát nước còn đi nói tùm lum tà la. Mẹ tôi dặn đứa nào ưa thì phải cưới hỏi đàng hoàng. Bậy bạ, mẹ tôi buồn tội nghiệp."

"Nghe mầy nói, tao tưởng như mày còn dzin lắm."

"Chứ sao!"

"Tao khó tin quá. Kiểu nằm ngoài đường, mầy ngủ say là coi như ngon ăn với tụi nó."

Nó vênh mặt lên:

"Bộ ông tưởng tôi xạo chắc! Ông dám mò tôi không? Mẹ tôi chém cho bay đầu. Mấy đứa lãnh sẹo rồi đó. Mẹ tôi tỉnh ngủ lắm."

"Giữ làm gì cho mệt mày ơi! Kiểu đó xưa rồi. Chữ trinh bây giờ không có giá ngàn vàng đâu."

"Ngàn vàng là gì! Vài chỉ đó! Bộ ông muốn dụ dỗ tôi phải không? Đừng hòng!"

"Xin lỗi, tao không có ý đó đâu. Mẹ mầy làm gì?"

"Bán vé số. Mà mắt bả yếu quá, cứ thối lộn tiền hoài, có bữa thâm vốn. Lối rày bả bệnh, nghỉ bán rồi."

"Còn mầy?"

"Dắt mối."

"Tức là giới thiệu em út cho người ta chứ gì? Chỗ nào, chỉ cho tao với."

"Ông muốn chơi bời hả? Được rồi, tối nay ra Ngã Ba Sung Sướng là có tôi. Nhưng bệnh hoạn ông ráng chịu nghe. Tụi nó coi mặt mũi ngon lành chứ ghê lắm đó."

"Tao giỡn thôi. Ngã Ba Sung Sướng là chỗ nào?"

"Góc Lê Văn Duyệt - Hồng Thập Tự đó. Tối nào em út cũng đứng đầy ngoài đó, mặc sức ông lựa chọn."

Nhờ những buổi nói chuyện lẩm cẩm như thế, tôi hầu như hiểu được cái xã hội bị hất hủi đó, biết được từng gia đình với những nhân vật có những cái tên kỳ quái, những cuộc đời thăng trầm và những cách thức sinh sống không ngờ được.

Bẵng đi một thời gian, độ vài tháng, tôi không gặp con nhỏ đó nữa. Một buổi sáng lại thấy nó lò dò ra ngõi, tóc tai rũ rượi.

"Cho một ổ bánh mì ăn đi, đói bụng quá rồi."

"Bánh chùa hay trả tiền?"

"Không thấy tôi như cái mền rách sao còn đòi tiền cha nội!"

Thực ra, đôi khi nó cũng trả tiền đàng hoàng, lúc đó thì tôi lại bán vốn. Còn khi nào cho nó, tôi bỏ chút thịt thà cốt sao cho nó và mẹ nó được

lửng dạ. Tôi lại vui vẻ chuyện trò để nó khỏi mặc cảm chịu ơn hay e ngại tôi lỗ vốn.

"Mầy đi đâu mấy lâu nay mà tao không gặp?"

"Đi Đà Lạt nghỉ mát với mấy con bạn. Ông có nhớ tôi không? Tôi thì mỗi khi đói bụng lại nhớ ông."

"Chà, tình cảm dữ! Người ta để tình yêu ở quả tim, còn mầy thì để ở bao tử. Đi chơi có vui không? Phí tổn ai chịu?"

"Nhà nước lo, ngủ hô teo, ăn thịt cộp."

"Mầy nói gì kỳ cục vậy? Thịt cọp đâu mà ăn?"

"Ông này ngu thấy mẹ. Là ở tù đó cha nội? Ăn muối đâm cộp cộp."

"Nhưng tại sao mầy bị tù?"

Nó nhìn tôi vừa giận dữ vừa thương hại:

"Chiến dịch thì nó bắt. Chạy không kịp nó bắt, nó bắt chỉ tiêu. Khi nào nó bắt ông thì ông sẽ biết, cho ông nếm mùi Đà Lạt trăng mờ. Tôi trốn trại được, chứ không cũng còn mút chỉ trong đó."

"ừ, tao cũng từng ở tù nhưng chưa giác ngộ cách mạng bằng mầy. Bây giờ mầy định làm gì? Tiếp tục sự nghiệp dắt mối của mầy chắc?"

"Nó đang chiến dịch. Rầu thấy mẹ, thò mặt ra là nó hốt liền."

"Buôn bán gì sinh sống đi mầy ơi. Làm cái nghề đó coi bộ không ổn đâu."

"Vốn đâu ra?"

"Thì nghề ít vốn như vé số, thuốc lá, hay trái cây gì đó. Chút chút thì tao có thể phụ với mầy được."

"Thiệt không? Cho tôi mượn khó đòi lắm đó. Hay ông định cảm tình gì với tôi rồi lợi dụng cái gì đây?"

"Mầy sao đa nghi quá. Thấy mầy cũng khổ như tao nên tao muốn giúp mầy cho đỡ khổ phần nào, chứ tao chẳng có âm mưu gì. Ba cái vụ lăng nhăng đó tao tu rồi."

Thế là nó mượn được đâu một cái xe đẩy, giống như cái thùng hình chữ nhật, có bánh xe đạp hai bên, phía sau thêm một bánh xe nhỏ nữa. Trên để các loại trái cây đã làm sạch vỏ, những múi mít vàng ửng thơm lừng, những múi bưởi mọng nước bên cạnh tô muối ớt đỏ rực, những trái sa bô chê, đào, mận, ổi dầm... nhìn thấy phát thèm. Nó đẩy xe vòng vòng các chợ, trường học, xóm lao động, các khu dân cư. Mỗi buổi sáng nó đẩy xe ngang chỗ tôi bán, ghé vào tặng tôi múi mít hay trái ổi. Khi nào tôi vắng khách thì nó nấn ná trò chuyện, xong đập vai tôi một cái rồi đi.

Người ta thường nói hạnh phúc hay không là tự mình. Tôi nghiệm thấy rõ rệt ở con nhỏ này, thoát được nghề dắt mối bấp bênh và đầy bất trắc là nó đã sung sướng rồi. Mẹ nó đêm qua ngủ yên giấc, hôm nào bán

đắt hàng, mua được chút quà cho mẹ ăn... thế là hôm sau thấy nó tươi cười, hớn hở ra khoe với tôi. Những lúc đó nó có vẻ tự tin và thương yêu tất cả mọi người, yêu cả những kẻ đã đẩy gia đình nó xuống tận cùng của khốn khổ. Nó ước ao:

"Tôi sẽ cố dành dụm để mua chiếc xe ba gác đạp. Đẩy cái xe nầy hoài muốn xụm giò. Tết này có xe là tôi đạp đi bỏ mối dưa hấu."

"Mầy để dành được bao nhiêu rồi?"

Nó nhe răng ra cười:

"Được xu teng nào đâu. Không đủ tiền thuốc cho bà già, hễ bả rên rỉ, lăn lộn, là phải tốn tiền cho ông y tá chích cho mũi thuốc."

"Bả bịnh gì vậy?"

"Tôi đâu biết. Nghe ông y tá nói có cục đá trong gan trong thận gì đó. Mấy bà già nói là lúc ở trên rừng bị người Thượng thư hay bỏ ngãi, phải tìm thầy cao tay mới trị được."

"Nói bậy bạ! Bữa nào đi bác sĩ hay bệnh viện người ta chữa cho."

Chỉ còn độ một tháng nữa là đến Tết, công an lại mở chiến dịch dẹp lòng lề đường. Bán vé số, tủ thuốc lá, xe bánh mì, thùng đồ nghề sửa xe đạp... tất cả bị hốt về công an phường nếu không chạy kịp. Tôi thấy chán quá cũng dẹp luôn, chả bán buôn gì. Kể ra độc thân cũng khỏe, ở nhà bạn bè, ăn uống sơ sài không tốn kém bao nhiêu, ngày ngày ra quán cà phê nhìn thiên hạ qua lại, nghĩ cách làm ăn khác. Cho đến một buổi tối, con nhỏ bỗng lại nhà tìm tôi. Nó kéo tôi ra chỗ vắng:

"Ông đến mẹ tôi muốn nói gì với ông đó."

Tôi lấy xe đạp đèo nó phía sau:

"Có chuyện gì vậy? Tao đâu biết mẹ mầy là ai, có liên hệ gì mà gọi tao giờ này?"

"Tôi không biết, mẹ tôi biểu tìm ông."

"Hay là mầy nói gì về tao, bà ấy tưởng tao chọc ghẹo gì mầy... A, vụ nầy không được đâu, có khi mầy cặp đứa nào đó, có bầu, kêu tao tới "nôm"..."

Nó đập vào lưng tôi thật mạnh:

"Ông nầy cà chớn, tôi không giỡn đâu nghe!"

"Vậy chớ chuyện gì? Tự nhiên bắt tao chở mầy đi khơi khơi, mệt thấy mẹ. Mà mầy phải ôm eo tao. Ngồi xa ra phía sau, xe nó đảo, đi sao đặng!"

"Đứng xuống, tôi chở ông cho. Thấy ông đạp tôi phát mệt."

Chúng tôi đổi chỗ cho nhau, lần này đến lượt tôi không biết vịn hai tay chỗ nào để cho người được vững mà khỏi chạm vào người nó. Gió thổi ngược, mùi tóc và mùi thơm con gái từ người nó phải vào mũi tôi hương vị nồng và ngọt ngào khiến tôi ngây ngất xúc động. Nhưng thực sự tự

lương tâm tôi vẫn không có một ý nghĩ vẩn đục gì với nó. Cuộc đời tôi gian nan và đau khổ qua nhiều. Tôi đã chiêm nghiệm và rút ra được một cách sống là vượt qua tất cả, vượt qua cả những ham muốn dù nhỏ bé nhất. Đối với nó, tôi có được niềm vui và chút hãnh diện là giúp đỡ nó tìm một cuộc sống khá hơn. Lòng biết ơn của nó và cả sự tin cậy, an tâm của nó đối với tôi chính là hạnh phúc của tôi, tôi không muốn đánh mất.

Lúc đến nơi, nó dặn tôi:

"Mẹ tôi có nói gì đó giữa ông và tôi thì ông đừng chịu nghe. Ông chịu tôi giận lắm đó."

Chỗ ở của hai mẹ con chỉ là một cái mùng vải che muỗi giăng dưới hiên nhà người ta. Lúc đó đã hơn mười giờ, người mẹ nghe con gái gọi, vội ngồi dậy vén mùng. Trong ánh đèn đường yếu ớt, tôi chỉ thấy lờ mờ một người đàn bà ốm yếu nhưng gương mặt còn phảng phất những nét thanh tú, hiền lành. Tôi ngồi ghé bên mép chiếu. Sau vài câu xã giao, bà ta ngỏ ý xin lỗi nếu có hơi tò mò về đời tư của tôi. Tôi vui vẻ trả lời:

"Không sao đâu dì ơi! Tôi kê khai gia phả tôi cũng chục lần với ông an rồi, nên tôi thuộc như cháo."

Trò chuyện một lát, bà bảo đứa con gái:

"Mày ra mua cho anh mầy ly nước mía và điếu thuốc, đi lâu lâu cho mẹ nói chuyện."

Khi đứa con gái đi rồi, bà ta than thở về bịnh hoạn và hoàn cảnh của mình:

"Ngồi đây cậu nhìn thấy tiệm phở có hình vẽ con gà đó, ngay bên cạnh, cái nhà hai tầng đó là của tôi, bây giờ cán bộ đang ở và cho người ta thuê mở tiệm cà phê. Năm 75 cách mạng vô tịch thu hết, họ bắt tụi tôi lên kinh tế mới, chỉ được đem theo vài bộ áo quần. Họ đưa tụi tôi lên Long Giao nhưng vô tuốt trong rừng sâu, hơn một ngày đường đi bộ mới ra tới lộ. Được một năm, ba nó bị sốt rét chết. Chẳng biết khi nào chúng tôi mới lên lại đó thăm mộ ba nó..."

Người đàn bà cố nén xúc động bằng cách loay hoay tìm cái khăn:

"Vợ chồng tôi chỉ sinh được có con Ngọc. Tính tình nó giống con trai nhưng được cái là nó rất thương mẹ nên tôi cũng được an ủi phần nào. Tôi bây giờ chẳng thiết sống nữa, chỉ lo cho nó không có nơi nương tựa..."

Bà ta lại lấy khăn suỵt mũi, có lẽ định nói điều gì nhưng còn đang lựa lời:

"Tôi nói có điều gì không vừa lòng, xin cậu bỏ quá cho. Sinh nó ra tôi đâu có ngờ đời nó khổ sở thế này. Hơn mười tuổi đầu đã phải bương chải kiếm sống, mấy lâu nay tôi lại bệnh hoạn, nó càng khổ thêm. Tháng trước đến bệnh viện họ bảo bị sạn mật phải mổ, nhưng tiền đâu? Vậy mà nó cứ

đòi đi lấy hai chỉ về cho tôi chữa bệnh."

Tôi ngạc nhiên:

"Ai cho mượn mà tử tế quá vậy?"

"Ai mà cho mượn! Nó đòi đi bán trinh đó cậu ơi!"

"Trời đất! Vậy dì tính sao?"

"Tôi nói với nó, con đem tiền về chữa cho mẹ khỏi bịnh, nhưng mẹ sống mà thấy con như vậy thì thà chết còn hơn, chi bằng bây giờ con nói thật với mẹ con có thương ai không, nếu mẹ thấy là người tử tế thì con về sống với người ta, trinh tiết của con là của hồi môn quý giá nhất, chồng con sẽ yêu thương con và con sẽ được hạnh phúc. Nó nói con chỉ thương mẹ thôi, vì chẳng ai chịu cưu mang mẹ con mình đâu, con sẽ sống với mẹ cho đến khi mẹ chết con mới tính sau. Tôi biết tính nó ngay thật lắm, tuy không nói ra, nhưng thường ngày nó nhắc đến cậu luôn. Hơn tuần nay cậu nghỉ bán, nó chạy hỏi quanh, lại thêm hôm kia bị hốt xe trái cây, nó về cứ ngồi khóc hoài. Tôi hỏi thiệt cậu có thương nó không? Thương hại cũng được, miễn sao sau khi tôi nhắm mắt, cậu săn sóc đùm bọc nó. Tôi cũng có bà con thân thuộc, nhưng kể từ ngày sa cơ thất thế, chẳng ai thèm hỏi thăm một tiếng, thấy tôi là họ tránh mặt. Đời đen bạc lắm cậu ơi! Hay là, cậu cứ hứa đi rồi cậu tính sau."

Tôi ngồi lặng yên. Thật khó giải quyết, thân tôi bây giờ lo chưa xong, lại đèo thêm con nhỏ này, nhà cửa đâu, tiền bạc đâu?

Vừa lúc đó nó vào:

"Ông nói gì cho mẹ tôi khóc đó?"

"Anh con đâu có nói gì. Chỉ có mẹ nói thôi, mẹ nói về chuyện của con."

"Chuyện của con là chuyện gì?"

"Thì chuyện bệnh hoạn của mẹ."

"Mẹ nói cả chuyện con lên Chợ Lớn nữa à? Bộ mẹ điên rồi hả? Đem chuyện nhà cho người ta nghe!"

Tôi muốn nói chen vào nhưng không lẽ trước mặt người đàn bà này lại xưng mầy tao với nó. Sau cùng, tôi quyết định:

"Mẹ cô muốn cô lập gia đình nhưng không biết cô thương ai..."

"Bộ ông tưởng tôi thương ông có? Mẹ tôi có chết tôi cũng không lấy ông đâu, ông đừng hòng mà bàn ra cho mẹ tôi không chịu đi chữa bệnh."

Người đàn bà vẫn dịu dàng:

"Sao con lại gây với anh con."

"Mẹ ơi, con đã nói với mẹ nhiều lần rồi, mẹ phải chữa cho lành bịnh. Con không thương ai hết, chỉ thương mẹ thôi. Con đã quyết định từ lâu rồi, con giữ gìn thân con là để dành cho mẹ, bây giờ mẹ không nghe con,

mẹ chịu chết, con cũng phải bán thân con để làm đám ma cho mẹ mà. Dù bó chiếc chiếu cũng phải mua đất chôn mẹ, phải lo đủ thứ. Con không lấy chồng, không thương ai hết..."

Nó nấc lên rồi vùng bỏ chạy vào bóng tối. Tôi nghe tiếng sụt sịt, có lẽ bà ta cũng khóc nhưng cố nén lại.

"Nó nói cũng phải đó dì. Dì phải chữa bịnh để sống với nó. Bịnh của dì chỉ mổ là hết ngay. Được một đứa con hiếu thảo như nó, hạnh phúc hơn bao nhiêu người khác giàu có mà con cái chẳng ra gì. Tôi không dám hứa chắc với dì, nhưng sau này nếu nó lẻ loi, tôi sẽ đùm bọc lo lắng cho nó như đứa em gái. Bây giờ dì uống ly nước mía rồi nằm nghỉ, để tôi ra hỏi xem nó suy nghĩ gì."

Tôi đứng dậy dắt xe ra đường Duy Tân. Đường quá tối nhưng tôi cũng nhận ra được nó ngồi trên hiên nhà, hai tay ôm lấy đầu. Tôi dựng xe, ngồi xuống bên cạnh:

"Tôi đã nói với bà già, chịu đi chữa bịnh rồi, vì tôi có hứa sẽ săn sóc cho cô bé, nhưng sau này kia, chứ bây giờ tôi dự định lên rừng đốn củi, làm rẫy với tụi bạn, chưa ổn định gì cả."

Con nhỏ yên lặng một lúc lâu rồi thở dài:

"Nhưng... thành con gái hư rồi!"

"Đừng lo, cô bé. Chỉ cần tấm lòng chân thật, chung thủy mới đáng quý, chứ trinh tiết, như cô bé thấy đó, vài chỉ vàng là cùng."

"Nhưng thấy mấy con nhỏ kia bị bịnh, cũng sợ quá. Nghe nói có bệnh gì không thuốc chữa, lúc đó chắc tự tử chứ không dám gặp ai."

"Một lần hy vọng không sao. Dù sao cũng chỉ biết cầu Trời khẩn Phật rồi phó thác cho may rủi... Bây giờ tôi về, "vô nhà" đi kẻo mẹ trông."

Tôi dợm đứng lên, nó kéo áo tôi lại:

"Khi nào đi, có ghé nữa không?"

"Có chứ. Sáng mai tôi lại đây, bàn giao cho cô bé xe bánh mì, khi nào hết chiến dịch thì đẩy ra bán. Độ tuần sau tôi đi rồi."

Tôi lại dợm đứng lên, nó lại kéo áo tôi ngồi xuống, yên lặng một lúc thật lâu nó mới ngập ngừng, thì thầm như nói cho chính nó nghe:

"Có thương em thiệt không?"❐

Những đường trăng

HOÀNG BÍCH ĐÀO

Tìm Hà Liêm
Để nhớ Diễm Phương Paris

Ta thầm gọi em, sông Hương ơi!
Lòng dạt dào thương nhớ xa vời.
Nhớ chén ly bôi buồn rưng rức
Hồn say thu lạnh gió mây trôi.

Hà Liêm ơi, sóng nước về đâu?
Đã mấy mùa trăng thổn thức sầu
Chiều An Cựu một trời quá khứ
Lau lách này bàng bạc thương đau.

Say mất rồi...trần gian lịm ngã
Mây mù khơi nước mắt vô thường
Chiều tha hương sầu lên chất ngất
Đò chờ ai buông mái vấn vương...

Ta mơ rồi...sương khói lâng lâng
Dấu chân trên cát xóa mờ dần
Lấp lánh đường trăng soi bóng liễu
Ai về bên ấy, dáng bâng khuâng...

Huế xa rồi...dang dở đường tơ
Nắng vỡ trên sông lạnh đôi bờ
Lạc nẻo quê hương sầu vạn kỷ
Hồn vơi cung bậc tháng năm mơ...

Văn chương hải ngoại có gì lạ cho quê hương?

Trần văn Nam

1. Cái tất yếu của Văn chương lưu vong.

Lưu vong là bỏ nước ra đi vì không muốn sống chung, không chấp nhận được một chế độ, một chính thể. Cái tất yếu của lưu vong là chống đối về chính trị. Quan điểm Văn chương gắn liền với chính trị thì cái tất yếu của Văn chương lưu vong là Văn chương chống đối, Văn chương bất mãn thời thế. Văn chương chống đối, đấu tranh, dấn thân, là mặt tích cực nhất của Văn chương lưu vong.

Văn chương bất mãn thời thế gồm có ba dáng vẻ: dáng vẻ thứ nhất là phê bình các nguyên nhân làm sụp đổ chế độ cũ, phê bình những phân hóa chia rẽ của cộng đồng lưu vong.

Dáng vẻ thứ hai là nuối tiếc một thời đã qua, nuối tiếc đời sống cũ, nuối tiếc đồng thời vinh danh những hào hùng, những hy sinh cho thời đại trước. Nuối tiếc của Văn chương lưu vong khác với Văn chương hoài niệm nhạt nhòa chất chính trị, hoài niệm chỉ nhớ nhà và nhớ nước một cách chung chung, nhớ quê hương mà không lồng vào nguyên nhân chính trị làm mình xa quê hương.

Dáng vẻ thứ ba của Văn chương là bất mãn thời thế là từ những phê bình nuối tiếc đó vạch ra những viễn tượng trở về, vinh danh những người muốn làm chuyện đại sự là tìm cách đổ chế độ mới.

Ba mặt giáp công: phê bình, nuối tiếc, viễn tượng, có lẽ dễ tìm thấy nhất trong các bài thơ của Hà Huyền Chi. Ông có một lập trường rất dứt khoát, dứt khoát không có những hợp lưu, hòa hợp. Ông buồn cho những ủng nát của cộng đồng, ông ngao ngán những người đã bỏ chạy làm sụp đổ miền Nam, ông phấn khởi khi hay tin có những người toan tính đại sự như Lý Tống. Thơ của ông có vẻ u uất vì lồng trong đó có những buồn chán, thất vọng, cảm thấy bất lực, không có tính chất đấu tranh quyết liệt như thơ Nguyễn Chí Thiện.

2. Cái tất yếu của Văn chương hải ngoại.

Văn học hải ngoại, danh xưng có vẻ thích hợp trong tình thế hiện tại đối với một thiểu số người làm Văn chương nơi xứ người. Nó như lưng chừng đứng giữa Văn chương lưu vong đậm màu chính trị và Văn chương nội địa Việt Nam đậm màu chỉ đạo của văn nghệ xã hội chủ nghĩa.

Cái tất yếu của Văn chương hải ngoại là Văn chương hoài niệm và Văn chương hiện thực đời sống. Thương nhớ quê hương khi mình đã rời bỏ đi xa, thời nào cũng có, có tính cách chung chung, chỉ có cái khác mức độ thảm thiết hay nhẹ nhàng. Nhớ thảm thiết là do đứt lìa, không có ngày về. Ngàn năm trước, thơ Đường đã có những câu "Đê đầu tư cố hương", thể hiện cái nhớ nhẹ nhàng; và có những câu "Vẫn hoành Tân Lĩnh gia hà tại", biểu lộ cái nhớ thảm thiết, mịt mùng nơi chốn lưu đầy. Văn chương hoài niệm nơi xứ người cũng đã có những bài "Khi tôi chết hãy đưa tôi ra biển" trong những ngày chưa có chính sách kêu gọi Việt kiều về thăm quê hương, về đầu tư làm ăn nơi quê hương. Sàigòn không còn phải là "Sàigòn vĩnh biệt" nữa, nên Văn chương hoài niệm dần dần không trở thành một nguồn cảm hứng để sáng tác và thưởng ngoạn.

Cái tất yếu thứ hai của Văn chương hải ngoại là Văn chương hiện thực đời sống. Đà suy thoái kinh tế ở các nước kỹ nghệ văn minh càng trầm trọng thì có lẽ Văn chương hiện thực đời sống càng có những đề tài. Chắc chắn như vậy, nhưng Văn chương hiện thực đời sống trong những ngày mới định cư cách đây 10 năm, 20 năm thì đã là những nội dung rõ rệt trong một số văn thơ. Có người hoài cảm bất mãn khi cuộc sống còn bấp bênh, có người chỉ hoài cảm mà thôi khi đời sống vật chất đã tạm ổn nhưng đời sống tinh thần chưa chấp nhận nơi này như quê hương. Cái khó khăn của đời sống kinh tế đưa tới cái bất mãn nghề nghiệp bất đắc dĩ. Cái hội nhập của tuổi trẻ với cái đứng bên lề của tuổi già và cái dở dang của tuổi trung niên, dĩ nhiên kết thành nội dung tất yếu của Văn chương hải ngoại. Khó khăn về kinh tế đối với người đàn ông, cộng thêm sự thẩm thấu của nền văn hóa bênh vực bình quyền, đưa tới những đổ vỡ gia đình, cũng là những nội dung thường vãng lai trong Văn chương hải ngoại. Và Đông phương hay Tây phương, hay trung dung chọn lọc, vẫn là những đề tài lui tới trong Văn chương hải ngoại.

3. Văn chương lưu vong và hải ngoại của thế hệ thứ hai.

Tạp chí Văn Học tiên đoán trong vòng 10 năm 20 năm tới sẽ là thời

kỳ hưng thịnh của nền Văn chương hải ngoại viết bằng ngoại ngữ, phần lớn viết bằng Anh ngữ. Không xét về mặt ngôn ngữ, hình thức Văn chương, mà chỉ xét về mặt nội dung được dịch thuật bởi tạp chí Văn Học, ta có thể nói rằng đây là nền Văn chương nối dài của Văn chương lưu vong và hải ngoại viết bằng Việt ngữ.

Cũng những vấn đề cũ, những ám ảnh cũ, về cuộc chiến tranh đã qua tại Việt Nam. Cũng những dị biệt văn hóa Đông Tây qua nếp sống của lớp người tới miền đất mới. Cũng những hiện thực đời sống thiếu hụt trong những ngày mới đến xứ lạ. Tấm gương phản ảnh đời sống hiện thực này đầy rẫy trong Văn chương hải ngoại viết bằng Việt ngữ, vô cùng đa dạng nếu ta có cách nào sưu tầm hết trong 20 năm qua trong các báo chí.

Có một vài khác biệt về nội dung trong Văn chương lưu vong hải ngoại thế hệ thứ hai, là họ có cái khắc khoải không biết mình thuộc về đâu, thuộc về văn hóa Mỹ họ đã hấp thụ ngay từ thuở nhỏ hay thuộc về văn hóa Việt Nam tiềm ẩn hun đúc trong gia đình. Cái khác biệt thứ hai, họ chỉ thấy cuộc chiến tranh Việt Nam mờ mờ hình bóng, mặc dù thế hệ cha chú đã trực tiếp tham dự, có khi ở cấp bậc chỉ huy Sư đoàn (qua truyện ngắn của Andrew Lâm); không hận thù mà chỉ coi như một mất mát do chiến tranh, lặn lội về vùng Cao nguyên Việt Nam để đi tìm một người cha mất tích - đầy tình tiết thương cảm chuyện linh tính báo trước ngày người cha ra trận khi con lên 5 - đó là cuộc đi tìm một hình ảnh có vẻ hào hùng nhưng không đậm màu chính trị như câu nói của người cán bộ hướng dẫn cuộc đi tìm: "Những người Việt Nam nào cầm súng chống lại đồng bào đều là những kẻ phản quốc" (qua bút ký của Nguyễn Tấn Băng Phương). Tính chất lưu vong nhạt nhòa hơn tính chất hải ngoại trong Văn chương của họ. Không hẳn là có chủ đích phê bình nền văn hóa bất công đối với phụ nữ, mà chính do tình thương ngoại đã khiến cho Dương Như Nguyện viết nên một truyện ngắn vô cùng cảm động "Những cỗ quan tài của Tĩnh Tâm". Không hẳn là bênh vực văn hóa quyền hạn tối cao của cha mẹ, Nguyễn Thành Việt cũng đã ngầm bảo chính nhờ nền văn hóa đó mà gia đình Việt Nam đã dạy dỗ được con cái nên người, hơn cái phóng túng quá đà đã khiến một người con gái đẹp và khôn lanh phải tự hủy mình, qua truyện ngắn "Mùa bão".

Các nhà văn thế hệ thứ hai viết bằng ngoại ngữ là những người có học cao, rất thành công nơi xứ người, nhưng đều có cái nhìn đầy tình thương và thân ái đối với đồng bào: Lại Thanh Hà, có vẻ hài hước mô tả "Bà bán rau thì là", nhưng rất thông cảm với tâm hồn mẹ Việt Nam, Nguyễn Phương Quỳnh Trang thấy cái khía cạnh tình nghĩa hào hùng bụi đời của những "Anh Hai". Nguyễn Quí Đức đi đâu rồi ngày Tết cũng quay về khu phố

nghèo nàn nhưng thân thiết Tenderloin có rất đông người Việt nghèo khổ trú ngụ, thuộc vùng San Francisco; nơi không có gì đặc biệt ngoài nếp sống cộng đồng nhắc nhở tác giả nhớ nguồn cội văn hóa Việt Nam. Lưu Trường Khôi qua truyện "Áo trắng" nhắc nhở ta một hình ảnh tưởng như đã quá xa xưa, vậy mà vẫn là một giá trị đẹp khó quên trong tâm trí nhà văn viết bằng ngoại ngữ: hình ảnh người vợ vòi või trông chồng xa vắng đã lâu năm, khắc khoải nuôi con trong cảnh nghèo khó. Chỉ riêng có Đinh Linh là ít để dấu vết tâm cảm trong bài viết "Hai Kẻ Đăng Trí", đó chỉ là một ký sự bàng quang của một khách du lịch trên chuyến tàu xe lửa đi từ Hà Nội vào Sàigòn, có cái tò mò về những điều dị hợm như một người ngoại quốc.

Điểm qua tất cả nội dung những bài viết trên qua dịch thuật từ Anh ngữ của tạp chí Văn Học, thật rõ ràng Văn chương đó là sự nối dài của Văn chương viết bằng Việt ngữ, Văn chương lưu vong, Văn chương hải ngoại. Nếu ta áp dụng một lần nữa các câu hỏi nêu ra, hình như của triết gia Jean Paul Sartre: Viết cho ai, viết cái gì, viết như thế nào, thì Văn chương viết bằng ngoại ngữ như đều nằm ngoài Văn học Việt Nam, hạn hẹp là Văn học Việt Nam hải ngoại. Họ viết cho ai? Họ viết cho độc giả Hoa Kỳ, viết trên các báo lớn của Mỹ như New York Times, The Register, L.A. Times, The San Jose Mercury News... Và cho một số ít người Việt có trình độ hiểu biết Anh ngữ. Viết cho đa số trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại, viết cho 70 triệu đồng bào ở trong nước, mới đáp ứng được câu hỏi Văn chương viết cho ai. Họ viết cái gì? Họ viết về tâm tình người Việt, họ viết về đời sống của người Việt, họ viết về sự hội nhập bỡ ngỡ của người Việt vào nếp sống Hoa Kỳ, họ viết về cái dở và cái hay của văn hóa Việt thể hiện trong đời sống gia đình và xã hội... Đó chính là những nội dung làm cho Văn chương viết bằng ngoại ngữ của họ còn liên hệ đến cộng đồng và đất nước Việt Nam, nhưng đây chỉ là sự nối dài của Văn chương viết bằng Việt ngữ tại hải ngoại. Phải chăng họ viết những thông điệp ưu ái dành riêng cho thế hệ trẻ lớn lên không còn đọc được Việt ngữ, để hiểu biết tâm hồn Việt Nam. Nếu vậy ta nên xếp loại đây là "Văn học Hoa Kỳ dành cho thế hệ thứ hai thứ ba người Mỹ gốc Việt". Còn như nếu cần dịch ra Việt ngữ thì những nội dung này người Việt thế hệ thứ nhất đã và đang viết, vô cùng phong phú đa dạng nếu ta có cách nào sưu tầm hết các truyện ngắn ở hải ngoại viết bằng Việt ngữ. Mai đây khi họ viết những tập truyện mà nội dung không có liên hệ gì đến người Việt Nam thì liệu tạp chí Văn Học có còn hãnh diện dịch thuật nữa hay không, hay cứ để cho tác phẩm của họ đã đủ thừa thãi vinh quang với thế giới đọc Anh ngữ.

Những điều trên chỉ nói về văn xuôi. Còn thơ mà viết bằng ngoại ngữ thì dịch là diệt, càng khó xếp vào văn học Việt Nam. Ta chỉ cần diễn rộng các câu nói của triết gia Heidegger là đủ lãnh hội cái chân lý về thơ: "Ngôn ngữ của thi ca là nhà ở của ẩn thể - ẩn thể diễn rộng là hồn thiêng sông núi; chỉ thi sĩ mới là người chăn dắt được ẩn thể - ẩn thể diễn rộng là tâm tình dân tộc" (Le language est la maison de l'être; le poète est le berger de l'être). Câu hỏi kế tiếp của ta, họ viết thế nào? Không thành vấn đề nữa, vì câu trả lời là họ viết bằng Anh ngữ. Để học hỏi kỹ thuật mới của Văn chương Anh Mỹ, điều này chỉ cần dịch ra các tác phẩm của chính những nhà văn Anh Mỹ để học hỏi, không chỉ vì phấn khởi đợi có một người Mỹ gốc Việt áp dụng kỹ thuật viết tiểu thuyết theo lối "Quan điểm" như Nguyễn Thành Việt. Viết thế nào để vận động thành một dòng văn học làm đổi mới Văn chương Việt Nam như nhóm Tự Lực Văn Đoàn, như nhóm Sáng Tạo, như phong trào thơ mới thời tiền chiến, hoặc như vài nhóm ít ảnh hưởng hơn như nhóm Xuân Thu Nhã Tập, nhóm Tân Tiểu Thuyết (nhóm nhà văn viết bằng Việt ngữ áp dụng cách viết tiểu thuyết theo lối mới của một số nhà văn Pháp). Viết bằng Việt ngữ trước đã, sau đó mới bàn luận câu hỏi viết thế nào vận dụng vào Văn học Việt Nam hải ngoại, Văn học Việt Nam nói chung.

4. Văn chương hải ngoại có gì lạ cho Văn học Việt Nam?

Sau khi đã lược qua cái tất yếu của Văn chương lưu vong, Văn chương hải ngoại, và cũng có thể nói là cái tất yếu của Văn chương thế hệ thứ hai viết bằng ngoại ngữ, ta đi dần tới sự tìm kiếm đâu là những mới lạ của Văn học hải ngoại Việt Nam. Điều mới lạ đầu tiên được ghi nhận là Văn chương hội nhập, không phải họ hội nhập bằng ngôn ngữ, không phải họ hội nhập bằng nếp sống, mà hội nhập vào cảnh trời đất mới. Hội nhập vào cảnh trời không hời hợt thuần túy tả cảnh. Cảnh trời đất mới chỉ là bối cảnh, vật xúc tác để từ đó ca ngợi tình yêu, ca ngợi hạnh phúc gia đình, ca ngợi tặng phẩm của trần gian mà tạo hóa đã ban cho con người. Điều này được thấy qua thơ của Trần Mộng Tú. Ngàn năm tinh khiết của đỉnh tuyết sơn, rực rỡ trong sáng của rừng phong ở tiểu bang Washington, biển trời lam ngọc của vùng bến cảng Seattle, tác động vào hồn nhà thơ để có những ý tưởng thăng hoa, chắc là như vậy. Không phải rẻ khinh giọt mưa trên tàn lá chuối ở quê nhà, nhưng mà quên đi cho Văn chương hấp thụ sinh khí lạc quan tạo hóa riêng dành nơi đây. Không phải ở đâu trên xứ người cũng là cảnh trời ngoạn mục để ý tưởng thăng hoa, mà nhiều khi bối cảnh tầm thường của đời sống thường nhật cũng được thăng hoa. Thi hóa những

cảnh sống nhàm chán tưởng chừng mòn nhẵn vì ta ở với nó hàng ngày, hoặc là tìm ra những khía cạnh thơ bị che giấu vì cái nhìn không bè bạn rất thờ ơ của ta.

Nhà văn Mai Thảo đã bắt được linh hồn của lũ đồ vật vô tri, bắt được thơ qua những quen thuộc hàng ngày: "Cái ấm cái khay cái bình thủy, Cái thìa cái tách cái que diêm. Ở nguyên vị trí chiều hôm trước, Như ở cùng nhau những đại hiền... Thấy rồi một nỗi yên tâm lớn. Ta dậy rồi đây giữa các ngươi... Cái bếp nói tôi hồng dáng lửa. Trà từ đáy tách nói tôi thơm..." (Trích bài thơ Bạn Thân). Tiếng quạ kêu lanh lảnh mỗi buổi sáng vẫn thường nghe nơi xứ Mỹ, những chuyến xe buýt vàng chở học sinh tháng ngày qua qua lại lại, chuyến tàu xe lửa không nhả khói trên sa mạc, những chiếc lá phong khô bay tù túng quanh nhà, mái nhà trơ những ống khói lãng quên, xa lộ sáu hàng đường ai nấy đi, chung cư nhiều tầng ru ngủ những mảnh đời mệt mỏi, trời mưa vô giai điệu trên những mái bằng cao ốc, tháng mười giờ đổi thiếu chuyến tàu xe lửa đi qua, trăng và mái nhà vẫn ngàn năm lân la trên phố đầy ánh điện, hàng cây cọ cao vút thinh thoảng lại mắc võng cho một cụm mây, và lâu lâu mưa lại đến thăm trong một xứ nhiều khô hạn, có phải không, đó là những khía cạnh thơ bị lãng quên, những khía cạnh thơ không phải chỉ thuần túy tả cảnh, mà là những tứ thơ được nẩy mầm từ bãi xác xơ đời sống.

Một điểm mới lạ nữa cho Văn chương hải ngoại là sự vận động đổi mới dòng Văn học, đổi mới ngôn ngữ thơ, đổi mới thể thơ lục bát. Thơ lục bát như cây đàn tranh, cây đàn vĩ cầm, làm sao chơi cho điêu luyện hơn, trình tấu nhập hồn hơn, khó mà đổi mới. Thơ lục bát từ ca dao đến Nguyễn Du, rồi Huy Cận, đến Cung Trầm Tưởng, rồi Nguyên Sa, hình như được xoay sở để làm riêng biệt mà thôi, không có tính cách tái-cấu-trúc tùy theo tâm cảm. Nhà thơ Du Tử Lê nhiều lần phát biểu có thể lối thơ lục bát đổi mới này đối với ông chưa thành công, đợi chờ sự thành công ở thế hệ trẻ. Đó là một vận động đổi dòng Văn học, ít nhất là đổi một thể thơ đã ăn sâu bám rễ vào tâm thưởng ngoạn. Những bài thơ khó hiểu của Ngu Yên, Khế Iêm, cũng đang ở trong vòng thử nghiệm, chưa được trình bày bằng lý thuyết rõ ràng.

Nói chung, đa số các nhà thơ trong Văn chương hải ngoại đang cố gắng tạo ngôn ngữ thơ độc đáo, tránh ước lệ dễ hiểu, phát minh âm điệu, không muốn gò bó với luật thơ, dù là thơ mới. Có người thì không quan tâm về ngôn ngữ tân kỳ, nhạc tính mới (luật thơ đã có sẵn) mà chỉ nhúm lửa cho thơ từ đám tro nhàm chán của đời sống thường nhật.

Cái mới ở Văn chương hải ngoại kiểm điểm như thấy còn lác đác, dễ hiểu vì không phải dễ có điều gì mới lạ trong vòng 20 năm, ngoài những

điều tất yếu của Văn chương lưu vong, tất yếu của Văn chương hải ngoại. Tất yếu thì dĩ nhiên còn tiếp tục, nhưng ta cần thêm điều mới.

Có hai sự kiện thường tức khắc được mọi người công nhận mới, chưa từng xảy ra, đó là khám phá khoa học và nếp sống thời thượng. Và có một sự kiện hằng thập niên, hằng thế kỷ, mới nẩy ra. Ta muốn nói một Triết lý mới, một tư tưởng mới về nhân sinh quan và vũ trụ quan. Nhưng cảm hứng từ những khám phá khoa học mới, một khi vào Văn chương, rất dễ đưa Văn chương vào đề tài khoa học giả tưởng, mà trong Văn học Việt Nam hình như mới chỉ có một Nguyễn Mạnh Côn với tác phẩm "Ba người lính nhảy dù lâm nạn", có lẽ vì Văn chương khoa học giả tưởng không phải món ngon, món ăn thích khẩu đối với độc giả Việt Nam.

Chẳng hạn như một khám phá mới mẻ gần đây là khám phá về DNA, tạm gọi là sơ-nguyên-sinh-thể, tức là những vòng xoắn do cấu tạo hóa học rất vi ti làm căn bản cho sự sống. DNA hữu hiệu trong ngành truy tầm tội phạm còn để lại tại phạm trường một vết máu, một sợi tóc, một mảnh da, một chất nước nhờn của cơ tể, vì DNA mỗi người là dấu chỉ tay phân biệt với hàng triệu hàng tỉ người khác. Ấy vậy mà DNA cũng đã là đề tài Văn chương khoa học giả tưởng, tác phẩm Jurassic Park, trong đó tác giả bịa đặt về câu chuyện tìm được DNA của loài khủng long đã bị diệt vong toàn bộ cách đây 65 triệu năm. DNA trong máu của nó còn lưu giữ trong bụng một con muỗi rớt vào khối nhựa cây quánh đặc cách nay hàng trăm triệu năm. Nhờ vậy sự sống của khủng long được phục hồi, được tái sinh do phương pháp làm trứng giả, và khủng long nở ra, lớn lên, gây tai họa chết chóc cho hòn đảo phục hồi giống khủng long bị diệt vong.

Tóm lại đưa đề tài khám phá mới về khoa học dễ rơi vào Văn chương khoa học giả tưởng. Nhưng khám phá khoa học luôn luôn là điều mới mẻ, được sách báo ngoại quốc phổ biến nhanh và đầy đủ, phải chăng đó có thể là đề tài mới cho Văn chương hải ngoại. Đề tài khoa học, thật khó làm thành Văn chương hay. Và đề tài nếp sống thời thượng nơi hải ngoại chắc chắn phải vượt xa nếp sống thời thượng ở Sàigòn thuở trước, quả là mới nhưng dễ đưa Văn chương rơi vào tầm thường, khai thác dục tính, phơi bày kỳ lạ đồng tính hay lưỡng dục tính. Ngoại lệ là những tác phẩm bề ngoài ca ngợi dục tính hay thân xác, nhưng bên trong là những khải thị siêu hình tôn giáo, về nhục thể và linh hồn, về sa đọa và thăng hoa... Trước kia đã có Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Đức Sơn, nhưng lối viết của họ còn e dè, úp úp mở mở về phái tính, thích viết những nóng bỏng của đam mê cuồng nhiệt. Nay có Đỗ Kh. không úp mở nữa, không ngần ngại dùng các từ gọi chính ngay vật phái tính của nam nữ. Nhưng có lẽ nhà thơ Đỗ Kh. chỉ cốt tạo cái xôn xao trong Văn học để

chuẩn bị một dự định nào khác cho Văn chương.

Tổng quát thì những khám phá khoa học hiện đại và nếp sống thời thượng (cổ điển, lãng mạn, hiện sinh, thác loạn, bệnh hoạn dục tính...) hình như dễ làm mới đề tài Văn chương, thường đoản kỳ đến với nhân gian. Còn như một triết lý mới, một vũ trụ nhân sinh quan mới, phải mất đến hàng thập niên, hàng thế kỷ, mới một lần xuất hiện. Nhân loại, huống gì là người của Văn học Việt Nam hải ngoại, vẫn sáng tác trong dòng chảy liên lỉ của tư tưởng Nho giáo, Lão Trang, Phật giáo, Thiên Chúa giáo. Chỉ lâu lâu mới có một khúc quặt đột khởi như triết lý hiện sinh ở miền Nam trước đây, để làm nên một phong trào sáng tác.❐

Tuyển tập văn học nghệ thuật trên Internet

Hân hạnh giới thiệu tuyển tập Văn Học Nghệ Thuật phát hành trên liên mạng do nhóm trẻ trên Internet thực hiện.

Tuyển tập là chọn lọc tất cả bài vở đã chọn đăng từ trên 200 số báo Văn Học Nghệ Thuật (VHNT) phát hành trên liên mạng.

Đây là một tập san văn chương giới thiệu với độc giả trong và ngoài hệ thống thông tin Internet về sinh hoạt văn học của giới trẻ Việt Nam trên toàn thế giới, đã kết hợp và đến với nhau qua diễn đàn văn học và nghệ thuật (vhnt@saomai.org), một diễn đàn mới mẻ, đầy sinh khí và thân mật qua phương tiện truyền thông tiện dụng của Internet.

Nội dung tuyển tập biểu lộ một sắc thái riêng của giới trẻ, một cái nhìn đối với văn chương, sáng tác, và nhận định văn học của giới trẻ sáng tác trên liên mạng. Đây là một nỗ lực đầy nhiệt tình của các thân hữu và nhóm chủ trương báo mạng Văn Học Nghệ Thuật, rất mong được sự ủng hộ và phổ biến rộng rãi đến mọi giới văn nghệ.

Tuyển tập dày hơn 300 trang, bìa màu với nhiều phụ bản, có phần tiểu sử và quan niệm sáng tác của những cây bút trẻ trên liên mạng Internet đóng góp.

Giá tượng trưng cho ấn phí là 7 Mỹ kim.
Xin liên lạc: Tập san Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng
P.O. Box 452512 Garland, TX 75045-2512 USA.
Phone: (214) 308-1382.
Chi phiếu xin đề Lan Pham

Ghi chép

Nguyễn Huy Thạch

● Ly thân

Trần Mạnh Hảo là một người đa tài. Bạn đọc trong nước nhìn nhận Trần Mạnh Hảo là một nhà thơ có tài năng, tài năng đó được thử thách qua nhiều năm, qua cả những trường thi anh viết để ca tụng người lính và chế độ đã nuôi dưỡng anh.

Khi Nhà nước theo gương Liên xô cởi trói cho giới cầm bút, Trần Mạnh Hảo lại chứng tỏ là một người viết tiểu thuyết xông xáo, bạo mồm bạo miệng khi cần tranh đấu cho công cuộc đổi mới. Anh viết "Ly Thân", và ngay lập tức được bạn đọc cả trong lẫn ngoài nước tán thưởng. Do cao trào đổi mới đang lên bạn đọc xí xái không quan tâm đến giá trị văn chương của "Ly Thân". Chuyện văn chương, để đó tính sau! Ly thân với những dây trói khắc nghiệt cái đã, tiểu thuyết có giá trị hay không có giá trị, hạ hồi phân giải.

Thế rồi Nhà nước lại đổi ý, trói tay người cầm bút chặt hơn cả trước thời cởi trói. Người ta chờ tiểu thuyết gia kiêm thi sĩ Trần Mạnh Hảo cho ra cuốn "Ly dị". Nhưng không! Trần Mạnh Hảo tái xuất giang hồ, lần này không làm thơ, không viết tiểu thuyết, mà làm nhà lý luận phê bình văn học.

Anh bỏ sáng tác để bắt tay viết biên khảo, tốt thôi! Trần Mạnh Hảo theo gót Lê Đạt, Hoàng Ngọc Hiến, Lữ Phương, Hà Sĩ Phu...viết lý luận đòi cởi trói vĩnh viễn cho văn nghệ sĩ chăng?

Lại không! Anh xông xáo đăng đàn hô hào vạch mặt bọn phá hoại chế độ, bọn xét lại, bọn hữu khuynh chao đảo, bọn lai căn mất gốc, bọn cặn bã của văn hóa đòi trụy phương Tây...

Trang bị bằng tinh thần cách mạng sáng ngời, bằng lòng yêu nước cao độ, bằng quyết tâm bảo vệ truyền thống dân tộc...Trần Mạnh Hảo vung gươm lên chém hết người này tới người khác, mỗi bộ môn anh tìm cho ra một nạn nhân để trừng trị răn đe. Bộ môn thơ, Trần Mạnh Hảo tìm ra Lê Đạt. Văn xuôi, Phạm thị Hoài. Lý luận phê bình, tìm ra Hoàng Ngọc Hiến. Nơi đăng tải những lời răn đe ấy không đâu khác hơn là những tờ báo chính thống.

Hồi cuối tháng Năm vừa qua, Trần Mạnh Hảo cho đăng trên tuần báo Văn Nghệ, cơ quan ngôn luận của Hội Nhà văn Việt Nam, bài "Văn chương, hay là một cách ứng xử văn hóa" mà nội dung là chỉ trích thóa mạ nặng nề cuốn "Man Nương" của Phạm thị Hoài. Tác phẩm này do nhà Hồng Lĩnh ở California in lần đầu, mãi ba năm sau tác giả mới vận động để in được trong nước.

Múa gươm biểu diễn ở thủ đô xong, hai tháng sau, Trần Mạnh Hảo lại thi thố công phu ở "thành phố mang tên Bác". Trên tạp chí Văn, cơ quan ngôn luận của Hội Nhà văn TP HCM, Trần Mạnh Hảo chửi Hoàng Ngọc Hiến nặng nề trong bài "Về vài ba thứ chủ nghĩa bờm xơm trong lý luận văn học". Vài ba thứ chủ nghĩa bờm xơm ấy là "văn học phải đạo", "văn học bước qua lời nguyền" và "văn học âm dương", những cụm từ Hoàng Ngọc Hiến dùng để tạm định danh một số khuynh hướng trong văn học quốc nội.

Từ Trần Mạnh Hảo nhà thơ, thời thế đẩy đưa để có Trần Mạnh Hảo tiểu thuyết gia và Trần Mạnh Hảo nhà lý luận phê bình. Thanh thế ngày càng lên, nhưng thanh danh thì ngày càng xuống. Cũng phải thôi, người cầm bút mà dựa vào thế *mạnh* thì khó mà *hảo* được.

● Cuộc tranh luận về Phạm thị Hoài trênInternet.

Bài "Văn chương hay một cách ứng xử văn hóa" công kích thậm tệ Phạm thị Hoài đăng trên Văn Nghệ được một bạn đọc ở Đức đưa lên Internet, với ác ý đối với tác giả "Man Nương". Thế là ngay lập tức xảy ra một cuộc tranh luận (dĩ nhiên là trên Internet) chung quanh bài "phê bình" ấy. Cuộc tranh luận do Nhóm vhnt@saomai.org nhóm Ô Thước chủ trì. Chỉ trong vòng hai ngày 26 và 27 tháng Tám 1996, bạn đọc Internet tham gia ý kiến thật sôi nổi, và ý kiến nào cũng chín chắn, khách quan, không để cho tình cảm và thiên kiến chính trị chi phối. Điều đó chứng tỏ Internet chẳng những là một phương tiện truyền thông dân chủ và nhanh chóng, mà còn là một công cụ sắc bén cho tư tưởng và sáng tạo.

Những ý kiến quan trọng chung quanh bài "phê bình" của Trần Mạnh Hảo là ý kiến của Phùng Nguyễn, Nguyễn Tiến Dũng, Trần Hoài Thư, Sung Nguyễn, Nguyễn Vy Khanh, Ian Bùi, Bùi Thanh Liêm, Phạm Chi Lan, Nguyễn Tấn Hưng...

Trần Hoài Thư nhận xét: "Theo tôi, bài phê bình của Trần Mạnh Hảo đã cho chúng ta thấy rõ về con người của ông (sau Ly Thân). Đó là một nhà phê bình chủ quan, một cựu chiến binh luôn luôn tự hào với cuộc chiến tranh, một người đại diện tốt cho chế độ, một nhà luân lý, một người cha người mẹ lo lắng cho tương lai con cháu. Hình như

tất cả phần nộ Trần Mạnh Hảo đều trút ra trên trang giấy. Ông không hề nói tới cái tài hoa của Phạm thị Hoài, mà theo tôi là một cây bút nữ hiếm hoi có thực tài. Đọc những đoạn văn trích dẫn từ Man Nương (dĩ nhiên là những câu văn Trần Mạnh Hảo dùng để bôi đen Phạm thị Hoài), tôi nhận thấy cách hành văn, sử dụng chữ nghĩa của Phạm thị Hoài rất lạ, mạnh, đậm, táo bạo, khó tìm được thấy ở bất cứ nhà văn nữ nào"

Phạm Chi Lan một cây viết nữ hải ngoại cho rằng: "Bài viết phê phán của Trần Mạnh Hảo toát ra một sự khinh ghét hơi cường điệu, không có một không khí dung hòa độ lượng, hay bình phẩm một cách nương tay của một nhà phê bình...".

Phạm Chi Lan cho biết sau khi đọc các lời phát biểu của các bạn trên Internet, cô đã đọc lại thật kỹ cuốn "Từ Man Nương đến AK và những tiểu luận" và "Marie Sến" của Phạm Thị Hoài, và thích thú tìm ra rằng những bài tiểu luận trong Man Nương đã chỉ rõ quan niệm sáng tác mà Phạm thị Hoài theo đuổi, điều đó còn hiện ra rõ hơn trong cuốn sách mới nhất của Phạm thị Hoài vừa do nhà Thanh Văn xuất bản, cuốn "Marie Sến". Riêng cuốn "Marie Sến", Phạm Chi Lan nhận xét: "một tác phẩm châm biếm xã hội ở giai đoạn giao thời, giai đoạn chập chững bước vào thế giới hỗn mang của tiểu tư sản, một tác phẩm cực kỳ cay đắng và khá cường điệu nhằm vào một giai cấp trí thức mới".

Nói chung, trong việc thông tin và thảo luận về những vấn đề văn học, liên mạng Internet là một phương thức vô cùng hữu hiệu.

● Chủ nghĩa bờm xơm trong lý luận văn học

Phạm Chi Lan đọc bài Trần Mạnh Hảo chửi Hoàng Ngọc Hiến hỏi chúng tôi: Bờm xơm nghĩa là gì? Tuy người Bắc, nhưng Phạm Chi Lan qua Mỹ từ 1975, cô không hiểu được cái thứ tiếng đầu môi của giới...bờm xơm miền Bắc. Một bạn văn trả lời ngay: Là cà chớn! Còn hơn thế nữa! Là...là cợt nhả không đứng đắn với phụ nữ. Tra tự điển thì cũng thấy lời giải thích tương tự như thế.

Hoàng Ngọc Hiến đã lý luận văn học thế nào mà bị Trần Mạnh Hảo chửi hai tiếng bờm xơm?

Người ghi chép vội lục lại bộ Văn Học, tìm thấy ngay trong số đầu (lúc đó tờ báo có tên là Văn Học Nghệ Thuật- Bộ Mới, tục bản) một bài của Nguyễn Mộng Giác viết về Hoàng Ngọc Hiến.

Năm 1979, Hoàng Ngọc Hiến có viết một bài đăng trên tuần báo Văn Nghệ nhan đề "Về một đặc điểm của văn học nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua". Hoàng Ngọc Hiến viết:

"Đứng ở bình diện cái phải tồn tại, người nghệ sĩ dễ bị cuốn hút

theo xu hướng miêu tả cuộc sống cho phải đạo, còn đứng trên bình diện cái đang tồn tại, thì mối quan tâm hàng đầu là mô tả sao cho chân thật. Đọc một số tác phẩm, chúng tôi thấy tác giả dường như quan tâm đến sự phải đạo nhiều hơn tính chân thật. Có thể gọi loại tác phẩm này là chủ nghĩa hiện thực phải đạo"

Nhưng thế nào là chủ nghĩa hiện thực phải đạo?

Hoàng Ngọc Hiến giải thích:

"Thực ra, ngay trong đời sống thực tại, do qui luật của thích nghi sinh tồn, dần dần hình thành những kiểu người phải đạo với những cung cách suy nghĩ, nói năng , ứng xử được xem là phải đạo.

Chủ nghĩa hiện thực chân chính đòi hỏi người nghệ sĩ phải biết phân biệt đâu là những hình thức phải đạo và đâu là những nội dung chân lý phù hợp với qui luật phát triển cách mạng của bản thân cuộc sống".

Nhận định sâu sắc và can đảm ấy (nên nhớ Hoàng Ngọc Hiến viết bài này năm 1979) bị Trần Mạnh Hảo gán cho hai tiếng "bờm xơm".

● Sách trong nước in nhiều hay ít?

Những người về thăm quê hương trong thời gian gần đây, khi tìm mua sách đều có chung một nhận xét: sách giá trị rất khó tìm. Dĩ nhiên sách giá trị thì lúc nào ở đâu cũng hiếm, nhưng trong trường hợp này, thì hiếm vì in ít chứ không phải không có người đọc.

Lại nói đến người đọc ở Việt Nam. So với thời kỳ trước 1975 ở Miền Nam, số người đọc tăng rất nhiều. Nhưng cái họ tìm đọc là báo, là những chuyện đọc qua rồi bỏ chứ không phải những điều cần "tư duy". Có báo in đến vài trăm nghìn bản mỗi kỳ, nhà báo sống vương giả, trong khi sách in chừng nghìn cuốn mà tiêu thụ rất chậm. Một nghìn cuốn cho một dân số trên 70 triệu người. Con số đáng báo động.

Nhưng tình trạng xuất bản thê thảm không ngừng ở con số 1000. Giở trang sau cùng những sách in ở Việt Nam gần đây, số bản in xuống còn thê thảm hơn. Năm trăm cuốn. Hoặc, 600, 700 cuốn.

Cuốn "Mười khuôn mặt văn nghệ" của Tạ Tỵ nhà xuất bản Hội Nhà văn tái bản với hy vọng tìm được một số độc giả Miền Nam muốn sống trở lại thời cũ, chỉ in 500 bản. Cuốn "Quảng Nam, Đất nước và Nhân vật" của Nguyễn Quyết Thắng in 700 bản, giống như số ấn bản của "Tuyển Truyện ngắn" của Nhà Xuất bản Công an Nhân Dân. Tuyển tập truyện ngắn "Nhịp điệu khải hoàn" của Nhà Xuất bản Văn học Hà nội in 600 bản. "Những truyện ngắn hay" của Nhà Xuất bản Thanh Hóa in 800 bản.

Một số người mê đọc sách không tin những con số ấy. Họ giải thích: Có lẽ nhà xuất bản ghi ít đi để trốn thuế, hoặc để khỏi phải trả

một số tiền nhuận bút cao. Trốn thuế? Hầu hết những nhà xuất bản trên đều là nhà xuất bản Nhà nước, cán bộ văn hóa Nhà nước không tận tụy phục vụ đến độ man khai để đỡ nộp thuế cho Nhà nước. Còn ăn gian tác quyền thì thử hỏi ăn gian được bao nhiêu. Giá một cuốn sách 300 trang ở Việt Nam hiện nay trung bình trên dưới 20.000 đồng, gần 2 Mỹ kim. Tác quyền 10% trên số sách in và giá bán, nếu in 1000 cuốn người viết sách được khoảng 200 Mỹ kim. Khai gian số in thì lợi được vài chục Mỹ kim! Số tiền đó quá nhỏ so với vật giá Việt Nam hiện nay, lại càng nhỏ hơn nữa so với mức tiêu xài vung tiền qua cửa sổ của các tư bản đỏ và cán bộ làm việc ở nơi béo bở.

Văn Học sẽ tìm hiểu tường tận vấn đề này. Trước mắt, một hậu quả thấy rõ trong sinh hoạt văn chương nơi quê nhà: văn chương không có những công trình lớn, hầu hết là những mảng rời, như những món hàng xén.

● Giáo sư Phan Huy Lê đoạt giải Fukuoka 1996.

Giải Fukuoka là một giải thưởng lớn của Nhật, phát hằng năm cho những nhà văn hóa có những công trình góp phần tăng cường sự hiểu biết về các nền văn hóa các nước trong vùng Châu Á, cũng như nuôi dưỡng phát triển văn hóa và nghệ thuật Á Châu. Giải này được thành lập từ năm 1990, và từ đó đến nay đã trao cho những nhà văn hóa uy tín như Ba Kim (Trung quốc), đạo diễn Kurosawa Akira (Nhật bản), nhà khảo cổ học Kim Won Yong (Đại Hàn).

Năm nay, giải Fukuoka được trao cho Giáo sư Phan Huy Lê, một nhà nghiên cứu sử uy tín của Hà nội. Giáo sư Lê được 3529 phiếu đề cử của học giả Á châu học từ 53 quốc gia, và được chọn trao giải trong số 244 người được đề cử tranh giải. Lễ trao giải Fukuoka sẽ được tổ chức tại Tokyo Nhật bản vào ngày 26 tháng 9.1996.

● Chính quyền cộng sản Trung quốc kiểm duyệt Internet

Chính quyền Trung quốc vừa ra lệnh cấm những người dùng Internet trong nước không được nối vào hằng trăm web site có nội dung chính trị bất lợi cho chế độ, trong đó có web site của các cơ quan tranh đấu cho nhân quyền, của các tạp chí và nhật báo quan trọng Tây phương, của các hội đoàn tranh đấu cho tự do dân chủ ở Hồng Kông và Đài Loan, của phong trào tranh đấu giành độc lập của Tây Tạng...

Ba năm trước đây, Trung cộng đã ban hành lệnh cấm tư nhân không được sắm dĩa satellite thu hình vệ tinh. Tháng Giêng vừa rồi, họ cũng buộc các cơ sở truyền thông kinh tế của người nước ngoài phải hoạt động qua sự kiểm soát của

Tân Hoa xã.

Hiện việc sử dụng Internet ở Trung quốc chỉ phổ biến trong giới nghiên cứu và sinh viên đại học. Đề phòng ảnh hưởng của tư tưởng tự do dân chủ từ Tây phương, Trung cộng thường gán ghép sách báo và nguồn thông tin ngoại quốc với những sách báo phim ảnh video khiêu dâm, gọi chung tất cả những thứ đó là sản phẩm văn hóa đồi trụy.

Mặc dù đã có một số nước tìm cách ngăn chặn ảnh hưởng của Internet, như Đức, Singapore, Việt Nam, nhưng cho đến nay, chưa có nước nào ban hành những biện pháp nghiêm ngặt như Trung quốc.

Các web site truyền thông của Mỹ bị Trung quốc cấm có Los Angeles Times, Wall Street Journal, New York Times, Washington Post, CNN. Tờ nhật báo USA Today không bị cấm.

Ở Việt Nam, việc sử dụng Intemet chưa phổ biến vì bị cấm đoán và kiểm soát chặt chẽ ngay từ đầu. Nhưng hầu hết những chính sách kiểm soát văn hoá tư tưởng và truyền thông chính quyền đưa ra gần đây đều mô phỏng theo chính sách của Trung quốc. Nghĩa là mở về kinh tế, nhưng trói chặt về chính trị.

● Chuyến Mỹ du của họa sĩ Thái Tuấn

Họa sĩ lão thành Thái Tuấn, lâu nay định cư tại thĩ trấn Saint Germain Pháp, lần đầu tiên sang thăm Hoa Kỳ và triển lãm tranh trong hai tháng 9 và 10 năm nay, do bảo trợ của Hội Văn học Nghệ thuật Việt Mỹ (VAALA) và tạp chí Thế Kỷ 21.

Trung tuần tháng Chín, ban tổ chức cho khai mạc phòng triển lãm tranh Thái Tuấn tại Hoa Thịnh Đốn, sau đó sẽ lần lượt triển lãm những bức tranh mới nhất của họa sĩ tại Montréal Canada, Los Angeles Ha Kỳ và Paris Pháp.

Nhân dịp này, VAALA và Tạp chí Thế Kỷ 21 cũng phát hành một ấn phẩm mỹ thuật hết sức trang nhã đúng tiêu chuẩn quốc tế: "Thái Tuấn, Tuyển tập tranh và Tiểu luận" . Ấn phẩm này dày 100 trang giấy trắng mịn, khổ 9" x 12", với 30 bức tranh mới nhất và 20 bài tiểu luận về nghệ thuật tạo hình của Thái Tuấn, cùng các bài giới thiệu, nhận định của Nguyễn Đông, Huỳnh Hữu Ủy, Võ Phiến, Lê Uyên Phương.

Giới am tường hội họa Việt Nam xếp Thái Tuấn vào hàng những danh họa quan trọng của hội họa VN hiện đại. Nhà phê bình hội họa Huỳnh Hữu Ủy viết trong Tuyển tập:

"Khuôn mặt của Thái Tuấn nổi bật giữa nền hội họa đương đại, giữa những chân dung khác như Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Trung, Nguyễn Phước, Trịnh Cung, Nguyễn Gia Trí...Đó là một điều hết sức rõ ràng. Tôi chỉ muốn nói thêm: Thái Tuấn là một họa sĩ đam mê nghề vẽ của mình, đã hiến hết đời

mình cho thế giới của cái đẹp một cách vô cùng trân trọng.

Suốt hơn bốn mươi năm qua, Thái Tuấn chậm rãi bước đi giữa sơn, cọ, giá vẽ và bút mực một cách năng nổ nhưng giản phác, bình đạm. Cung cách ấy hẳn nhiên là đã phát lộ từ chiều sâu của một thế giới tinh thần đã được tinh lọc. Thái Tuấn ít nói, nhỏ nhẹ và khi cầm bút vẽ hay viết đều phát biểu rất khiêm tốn, tự nhiên và thanh tĩnh.

Xin chào mừng họa sĩ Thái Tuấn và chờ gặp lại anh ở quận Cam.

Tìm mua những tác phẩm giá trị do Thanh Văn xuất bản:

VẾT XƯỚC ĐẦU ĐỜI
tập truyện ngắn của
Trần Doãn Nho
Sách dày 251 trang, giá 12 Mỹ kim

VĂN, SỬ, Y, DƯỢC TRONG TRUYỆN CHƯỞNG KIM DUNG
biên khảo của
Trần văn Tích
Sách dày 214 trang, giá 12 Mỹ kim

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT
của Thiền sư Tây Tạng Sogyal Rinpoche
Bản Việt dịch của Trí Hải
Sách dày 436 trang, giá 18 Mỹ kim

MARIE SẾN
truyện dài của Phạm thị Hoài
Sách dày 160 trang, giá 10 Mỹ kim

SÓNG TRÔI
Tập truyện của Ngụ Thuyết
Sách dày 240 trang, giá 12 Mỹ kim

NHỮNG BÀI DÃ SỬ VIỆT
Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường
Sách dày 430 trang, giá 18 Mỹ kim

Liên lạc Nhà Phát hành Văn Nghệ
P O Box 2301, Westminster CA 92683
Phone: (714) 527-5761

TÒA SOẠN VỚI BẠN ĐỌC

Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Đặng thị Huệ Alexandria VA, Đỗ Cẩm Vy Huntington Beach CA, Đàm Quang Lâm Philadelphia, Jim Jean Che Co. Paramount CA, Turner Subscription Agency, Hùng Thế Nguyễn Boston, Tự Lực Bookstore Westminster CA, Phạm xuân Thảo Lakewood, Anh chị Lê Tất Luyện Paris France, Hoàng Chiều Nhân Canada, Lê Đình Quý Lakewood CA, Suzy Ngô Canoga Park CA, Ly Le Tran Upper Montclair NJ

Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:

Thụy ơi Tình ơi, Vận may gửi từ Gauting Germany, Cây si, Mưa gửi từ Emporia KS, Cánh đồng khô khát gửi từ NSW Australia, Người mẹ gửi từ Somerset NJ, Làm thơ, Làm thơ giữa cảnh sát gửi từ Houston TX, Một người anh gửi từ Ontario Canada, Solvang, Santa Barbara gửi từ Lawndale CA, Can qua gửi từ Quebec Canada.

Văn Học cũng đã nhận được các câu trả lời phỏng vấn và thơ văn của một số văn hữu.

Tùy theo thứ tự thời gian nhận được hoặc tùy theo chủ đề ,Văn Học sẽ lần lượt đăng tải ý kiến và văn thơ tiêu biểu của quí vị, từ nay đến cuối năm. Trong thời gian đó, Văn Học **tiếp tục phỏng vấn** và nhận những ý kiến của các văn hữu khác, và mục ***Tác giả và Tác phẩm*** **sẽ kéo dài đến tháng 12.1996.** Hy vọng sau cuộc phỏng vấn rộng rãi này, nhà xuất bản Văn Học sẽ tổng kết và xuất bản được một bộ sách đồ sộ về toàn cảnh của Văn học Việt Nam Hải ngoại.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả. Hiện nay Văn Học đang dùng nhu liệu VNU (Windows), và để tránh những sai sót khi lên trang, xin quý bạn gửi kèm bản in thử với diskette.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Giữa hai chân trời

Tùy bút của Hoàng Liên tác giả "Ánh sáng và Bóng tối", Mõ Làng (San Jose CA, USA) xuất bản, tranh

bìa của họa sĩ Võ Đình, tranh minh họa của Nguyễn Quý, sách dày 184 trang, giá 12 Mỹ kim.

Tuy tác giả đề rõ nơi bìa sách đây là một tập tùy bút, nhưng đọc kỹ lại thấy "Giữa hai chân rời" có tính chất một tập truyện ngắn nhiều hơn. Tác giả phân thân thành những nhân vật ở ngôi thứ ba, và nhờ nhân vật nói lên những suy nghĩ cảm xúc của mình về những người Việt đang sống chênh vênh giữa hai chân trời, hai nền văn hóa. Các suy nghĩ và xúc cảm ấy, nhìn chung, không có những nét bi đát như một số người di dân cầm bút khác từng ghi lên giấy. Điều đó có lẽ do ở tầm nhìn rộng và sâu của tác giả về cuộc sống di dân, tầm nhìn vượt qua những vấn đề thời sự của cộng đồng để tìm đến những điều cốt tủy.

Địa chỉ liên lạc:
NXB Mõ Làng, 774 Geary St.,
San Francisco, CA 94109
Phone: (415) 673-6836
hoặc Hoàng Liên,
29 Serrano Drive,
San Francisco, CA 94132
Phone: (415) 587-9340

Địa chỉ của một người

Tập thơ của Lê Bi, Tân Thư xuất bản, bìa của Khánh Trường, sách dày 220 trang, giá 15 Mỹ kim. Lê Bi là bút hiệu Hoàng Chính Nghĩa (tạp chí Đối Thoại) thường dùng mỗi khi làm thơ. Anh đã cho in ba thi tập (*Thơ tình cùng trời đất*, California 1978, *Thơ trích*, California 1990, và tập này). Thơ Lê Bi có một sắc thái riêng biệt trong làng thơ hải ngoại: thơ là phương tiện nói lên khát vọng tự do dân chủ cho dân tộc, vì thế thơ anh mang nhiều dáng dấp sử thi, lấy hứng từ những đề tài lịch sử hoặc thời sự. Đặc điểm ấy mang lợi thế là thơ có nhiều chất lửa. Nhưng nó cũng có nhiều bất lợi, là một khi chuyện thời sự đi qua, thơ Lê Bi mất phần nào hấp lực ban đầu. Tập thơ độc đáo do có nhiều chất trí tuệ, giống như những bài thơ của Chế Lan Viên viết sau thời thơ mới.

Địa chỉ liên lạc:
Tân Thư, PO Box 277
Garden Grove CA 92842, USA

Tuyển tập Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng

vhnt@saomai.org xuất bản, tuyển tập văn chương đầu tiên của những người tham gia vào chương trình văn học nghệ thuật trên Internet, qua diễn đàn do Phạm Chi Lan, Phùng Nguyễn, Sung Nguyễn, Nguyễn Tiến Dũng, Trần Thái Vân ở Mỹ chủ trương. Tuyển tập chọn lọc từ những sáng tác và biên khảo của những số báo Văn học Nghệ thuật phát hành trên liên mạng vhnt@saomai.org. Internet là một phương tiện truyền thông mới mẻ trong vòng vài năm trở lại đây, có thể tạo thành một cuộc cách mạng lớn trong việc phổ biến công trình sáng tạo nghệ thuật tới người thưởng lãm. Thay vì đọc sách, càng

ngày càng có nhiều người đọc màn ảnh máy computer. Tuyển tập này giới thiệu với độc giả trong và ngoài hệ thống Internet sinh hoạt văn học của giới trẻ Việt Nam trên toàn thế giới, và bạn đọc sẽ thấy giới trẻ chuyên gia ngày nay có một sức sống phong phú, một phương tiện phổ biến tiện dụng, dân chủ và nhanh chóng hơn hẳn những phương tiện truyền thông cố hữu như sách báo.

Tuyển tập in thật đẹp, dày 350 trang, giá 7 Mỹ kim.
Địa chỉ liên lạc:
Văn Học Nghệ Thuật e-magazine
P.O. Box 452512, Garland,
TX 75045-2512 USA

Nam Quốc Sơn Hà

Tường thiên tiểu thuyết lịch sử của Yên Tử Cư sĩ Trần Đại Sỹ, Đại Nam xuất bản, bộ truyện gồm 5 tập, dày 2250 trang, giá toàn tập là 70 Mỹ kim. Về khả năng viết dài ở hải ngoại, chắc không có ai qua mặt được Trần Đại Sỹ. Ông đã viết được tất cả 8 bộ trường thiên dã sử, lấy chủ đề ngay trong lịch sử Việt Nam, số trang đã in lên tới 11.000 trang. Sách của Trần Đại Sỹ đã được các nhà xuất bản Nam Á (Paris) Xuân Thu, Đại Nam (Mỹ) ấn hành, và với phí tổn in khổng lồ mà ông vẫn ra sách đều đặn, chứng tỏ độc giả thích đọc các chuyện dã sử của ông rất đông. Trong sinh hoạt văn chương ở hải ngoại, Trần Đại Sỹ thuộc vào một nhánh riêng biệt, gần như không liên hệ tới các dòng chung. Ông chọn con đường ít ai đi là viết truyện dã sử, pha trộn giữa sử liệu, triết học, võ học và lối kể chuyện dân gian. Có thể nói Trần Đại Sỹ đi theo con đường của nhà văn Kim Dung, với hoài bão khai thác kho tàng văn hóa Việt để chứng minh niềm tự hào dân tộc.

Bộ sách in rất công phu, trang nhã, hiện có bán tại các hiệu sách.

Nguyễn Du, Đại thi hào dân tộc

Biên khảo của Phạm Công Thiện, Viện Triết lý VN và Triết học Thế giới xuất bản, sách dày 450 trang, giá 18 Mỹ kim. Đây là cuốn sách mới nhất của Phạm Công Thiện viết tại Mỹ sau khi ttừ Úc châu qua, và là cuốn đầu tiên ông viết về cổ văn Việt Nam. Phạm Công Thiện không tiếp cận thơ Nguyễn Du theo lối biên khảo thông thường. Có thể nói "Truyện Kiều" và thơ chữ Hán của Nguyễn Du chỉ là cái cớ để tác giả suy tưởng tự do về những ý niệm triết lý trong đạo Phật. Trong cái "cớ" phong phú và "bí ẩn lạ lùng" ấy (lời Phạm Công Thiện nói về tác phẩm Nguyễn Du), tác giả đi từ xúc động khi đọc một số câu thơ của thi hào, chứ không quan tâm đến cái toàn thể. Tác phẩm vì thế không phải là một cuốn biên khảo theo nghĩa thông thường, mà là một thứ tùy bút triết học.

Những suy tưởng triết lý Phạm Công Thiện khám phá từ "cái cớ

Nguyễn Du" rất độc đáo và sâu sắc. Từ những câu thơ tưởng như tầm thường, tác giả làm kinh ngạc người đọc vì những giải thích cao siêu ẩn mặt đằng sau những câu chữ tầm thường. Một cuốn sách đáng đọc.

Địa chỉ liên lạc:
Viện Triết lý VN và Triết học Thế giới: 424 S. Ramona Ave
Monterey Park
CA 91754 USA
Phone: (818) 288-5359.

Gia đình tôi

Truyện của Duy Lam, Văn Hoá Ngày Nay tái bản theo bản in lần thứ nhất của nhà Phượng Giang (Sài gòn) trước 1975 nhưng có thêm các tranh minh họa của chính tác giả. Ngay từ khi mới xuất hiện trên Văn Hóa Ngày Nay do Nhất Linh cho tục bản những năm cuối thập niên 50, những đoạn văn vui của Duy Lam trong "Gia đình tôi" đã khiến cho người đọc thời bấy giờ thích thú theo dõi. Tái bản bốn mươi năm sau, Gia Đình Tôi chắc chắn vẫn còn làm thích thú bạn đọc, vì nếp sống những gia đình trung lưu của Việt Nam vẫn không thay đổi bao nhiêu.

Cũng cần nhắc lại là từ khi sang Mỹ, nhà văn Duy Lam làm thơ viết sách rất hăng, anh đã cho in ba tác phẩm: *Tuyển tập truyện mới* (1995), *Em phải sống* (1996) và *Gia đình tôi* (1996)

Địa chỉ liên lạc:
100 N. Ross St. # A 120
Santa Ana , CA 92701, USA
Phone & Fax: (714) 564-9908

Để em làm gió

Thơ Trần Mộng Tú, Tựa của Đỗ Quý Toàn, bìa và phụ bản của Thái Tuấn, Thế Kỷ xuất bản và phát hành, giá 10 Mỹ kim.

Giới thiệu thơ Trần Mộng Tú, có lẽ không ai giới thiệu hay và đúng như Đỗ Quý Toàn. Anh viết trong lời Tựa: "Có một tác giả chỉ làm thơ về tình yêu, đó là Trần Mộng Tú. Đọc Trần Mộng Tú, người ta thấy bài thơ nào cũng như để nói riêng với một người nào đó. Thơ kể chuyện tình yêu, nói với người yêu, nói về một người yêu. Một chiếc lá, một tách trà, một tảng đá, ly nước lạnh, viên sỏi, những cánh tuyết tung bay như bướm động mùa, hay những cơn sóng cuộn nhau ngoài biển, đều thúc giục nhà thơ nói chuyện với người yêu, kể chuyện tình yêu."

Địa chỉ liên lạc: Thế Kỷ
11022, Arcacia Parkway # A
Garden Grove, CA 92840
Phone: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944.

Hư ảo một vầng trăng

Tập thơ Võ Hoàng Châu, một tập hợp gồm thi ca, hội hoạ, âm nhạc, thư họa với tranh Nguyên Khai, Hồ Thành Đức, Bé Ký, Rừng, Đinh Cường, Khánh Trường, thư họa Vũ Hối, nhạc phổ thơ Võ Hoàng Châu của Vũ Thành An, Hiếu Anh,

Hoàng Linh Duy, Phạm Duy, Việt Dzũng, Bùi thế Phát, Hàn Sinh, Vũ Sơn, Phan Ni Tấn, Nhóm Phù Sa xuất bản, sách dày 120 trang, giá 10 Mỹ kim. Con số các văn nghệ sĩ đủ ngành tham dự vào tập thơ cho thấy tác giả là một người hoạt động, quảng giao. Thơ đối với Võ Hoàng Châu là một cách ứng xử giao tiếp với bạn hữu, với đời. Cho nên không có gì ngạc nhiên khi bạn hữu viết về anh với một giọng nồng hậu, thiện cảm. Chẳng hạn lời Du Tử Lê: "...Thổ ngơi thơ Võ Hoàng Châu là thổ ngơi của một tấm lòng ở với thi ca. Thổ ngơi thơ Võ Hoàng Châu là thổ ngơi của một trái tim ở với tổ quốc. Trong thơ Võ Hoàng Châu không có cái cầu kỳ, hiểu theo nghĩa trò chơi ngôn ngữ tối tăm, lập dị. Trong thơ Võ Hoàng Châu, không có cái bí hiểm, tân kỳ, hiểu theo nghĩa làm dáng, rất múa rối của những phường tuồng..."

Địa chỉ liên lạc: Võ Hoàng Châu
14051 Shirley St
Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 893-0807

THÁI TUẤN
tuyển tập tranh và tiểu luận

100 trang giấy trắng mịn, khổ 9" x 12", với 30 tranh mới nhất và 20 bài tiểu luận về nghệ thuật tạo hình (trong đó có năm bài được dịch sang Anh ngữ) của Thái Tuấn, cùng các bài nhận định, giới thiệu, đề tặng của Huỳnh Hữu Ủy, Nguyễn Đông, Võ Phiến, Lê Uyên Phương.

Giá US$32.00 (thêm US&1.50 cước phí: trong nước Mỹ, hạng tư; ngoài nước Mỹ, tàu thủy). Ngân phiếu đề trả cho VAALA.

PHIẾU ĐẶT MUA SÁCH THÁI TUẤN

Họ tên:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....
Đính kèm chi phiếu, lệnh phiếu US$.....
Trả cho VAALA.
Liên lạc:
VAALA, 11022 Acadia Pkwy #A, Garden Grove CA 92840 USA
ĐT (714) 638-9510. Fax (714) 638-1944

MỜI ĐỌC

THƠ, V.V...và V.V...

Nguyễn Hưng Quốc

"Bình luận về thơ ở ngoài nước hiện giờ chúng ta có một tài viết thông minh và xuất sắc: đó là Nguyễn Hưng Quốc". **(Mai Thảo)**

"Nguyễn Hưng Quốc là người có khiếu thẩm thức đặc biệt về thơ. Ông đọc nhiều, và đọc thơ ai, ông cũng nắm bắt được cái thần của thơ từng người. Ông cảm thơ với một tâm hồn thơ, nhạy bén nhận ra đâu là thơ, đâu không là thơ. Sau đó, bằng một kiến thức quảng bác, Nguyễn Hưng Quốc tìm hiểu, giải thích đến ngọn ngành 'cái cảm được' của mình. Văn bằng một giọng rất đỗi thơ". **(Nguyễn Mộng Giác)**

"Người xứ An Nam ta chưa có nhà lý luận văn học nào mà viết đẹp như Nguyễn Hưng Quốc". **(Võ Phiến)**

"[Với Nguyễn Hưng Quốc - qua loạt bài chung quanh 'Thơ Con Cóc' in trong tập *Thơ, v.v... và v.v...* này] có thể nói lần đầu tiên trong lịch sử văn học Việt Nam có một lý thuyết mới về thơ mang tính sáng tạo, chứ không chỉ là việc lập lại ý kiến của người trước". ***(Hợp Lưu)***

Sách dày 294 trang.
Giá bán **14 MK**, ngoài nước Mỹ 16 MK.

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster CA 92683
Tel. (714) 527-5761

Sau **VIẾT CHO MẸ VÀ QUỐC HỘI**
của NGUYỄN VĂN TRẤN
Nhà Xuất Bản **VĂN NGHỆ** mời bạn đọc

TỬ TÙ TỰ XỬ LÝ

Hồi ký của TRẦN THƯ

Năm 1967, là một Thiếu Tá QĐND, TRẦN THƯ ở trong số hàng trăm người bị phe Lê Duẩn - Lê Đức Thọ bắt giam, tù đày trong vụ **Xét lại - Chống đảng** cùng với **Hoàng Minh Chính, Đặng Kim Giang.**

Phần Phụ Lục gồm nhiều văn thư, tài liệu do chính các nhân vật liên hệ trong vụ án và gia đình họ cung cấp. Đọc **Tử Tù Tự Xử Lý** để biết rõ chính sách tàn bạo kinh khiếp của các lãnh tụ Cộng Sản đối xử với chính các đồng chí của họ.

Sách dày 340 trang.

Giá **15 MK**, ngoài Hoa Kỳ thêm 2 MK.

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster CA 92683
Tel. (714) 527-5761

"...Nói đúng ra thì bây giờ tôi cũng chẳng chống đảng. Tôi chỉ chán đảng thôi, chán phè."

"...Con X bảo em, nó định giới thiệu em vào đảng. Em bảo nó: - Xin lỗi chị, khi vào đảng béo bở, các chị chẳng nhớ đến em. Bây giờ người ta sắp lôi đảng viên ra hỏi tội, các chị mới bảo em vào, em chả dám."

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Nguyễn Hiến Lê

- Bộ ***Lịch Sử Thế Giới*** được xuất bản lần đầu năm 1955 là tổng hợp chọn lọc 20 tác phẩm Sử học của các tác giả chuyên về ngành Sử như A. Bossuet, Pierre Meille, Henri Arvon, Louis Renou, Will Durany, H. G. Wells, A. Nobet, Lam Mạnh Bác, Đào Duy Anh ...
- Công trình tổng hợp này kéo dài từ thời Tiền Sử của con người cho đến Thế Chiến Thứ Hai, mô tả những biến cố lớn của nhân loại, quá trình hình thành các cuộc cách mạng chính trị, tư tưởng, tôn giáo, kỹ nghệ, kinh tế ... cũng như sự hình thành và tàn lụi của các đế quốc.
- Vì tác phẩm này mà tác giả "bị mạt sát là đầu óc đầy rác rưởi" (vì nhắc đến thuyết Darwinism) và tác phẩm bị Bộ Giáo Dục dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa cấm dùng để giảng dạy (vì nhắc đến sự "bê bối của vài vị Giáo Hoàng thời Trung Cổ").
- Thể theo lời yêu cầu của một số độc giả muốn có bộ Sử quý giá này, cũng như muốn sưu tập toàn bộ tác phẩm của học giả Nguyễn Hiến Lê, nhà xuất bản Văn Nghệ đã cho tái bản bộ ***Lịch Sử Thế Giới*** này. Sách dày 775 trang, giá 25 Mỹ kim, có bán tại các hiệu sách hoặc có thể liên lạc thẳng với nhà xuất bản Văn Nghệ để mua trực tiếp.

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone: (714) 527-5761

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ... trong khi thời gian trôi nhanh...

— Muốn theo dõi và tìm hiểu những diễn biến thời sự,
— Muốn cùng đi tìm những giải pháp về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội cho cộng đồng và đất nước,
— Muốn thưởng thức những sáng tác văn học nghệ thuật mới nhất,

Hãy tìm đọc: Tạp chí Thế Kỷ 21

Tạp chí Thế Kỷ 21 là tờ báo ra hàng tháng, phát hành khắp thế giới, có những bài liên quan đến đời sống của người Việt trong nước cũng như ngoài nước, và nhiều tin tức hữu ích cho độc giả mọi lứa tuổi.

Liên lạc với tòa báo để đặt mua dài hạn hoặc đăng quảng cáo, xin gọi cô Phan Mỹ Sương (714) 638-9510.

Giá mỗi số US$4.00 — mua dài hạn US$40.00 một năm, gửi bulk rate. Giá hạng nhất: trong nước Mỹ US$52.00; Canada US$56.00; Âu Châu US$76.00; Á, Úc US$86.00.

Thư từ, tiền bạc, bài vở gửi về:THẾ KỶ 21
11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92640 USA.
Tel (714) **638-9510.** Fax (714) **638-1944**
E-mail: **75504,3510@compuserve.com**
E-mail: **theky21@ix.netcom.com**
WWW homepage: **http://www.vietmedia.com/theky21**

Kim ấn quán

1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413

- NƠI TIN CẬY NHỨT
- TRONG MỌI DỊCH VỤ ẤN LOÁT
- ĐEN TRẮNG, HAY NHIỀU MÀU

ĐẶC BIỆT VỀ SÁCH

In Sách • Đóng Sách Bằng Keo •
Đóng Sách Khâu Chỉ • Đóng Sách Bìa Cứng Mạ Vàng

Với 10 năm kinh nghiệm sẽ làm hài lòng quý vị về:

– Kỹ thuật ấn loát tân tiến
– Bảo đảm phẩm chất
– Tiêu chuẩn quốc tế
– Đúng hẹn, nhanh chóng

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu Bang_____ Zip_____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm,

từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

TẠNG THƯ SỐNG CHẾT

SOGYAL RINPOCHE

TRÍ HẢI dịch

Tạng Thư Sống-Chết không những là một tuyệt tác về tâm linh mà còn là một sách dẫn, một cẩm nang, sách tham khảo, và một nguồn cảm hứng thiêng liêng. "Trong một thời đại cực kỳ nguy hiểm như ngày nay, khi nhiều người trong chúng ta đang tìm kiếm sự hướng đạo minh triết và những giải đáp soi sáng cho ta về cách sống cuộc đời mình và cách đối mặt với cái chết, thì tác phẩm này đang cống hiến một sự hướng đạo như thế, một vài giải đáp như thế. Nó đã được viết ra để gợi cảm hứng cho người đọc khởi sự cuộc hành trình tiến về giác ngộ, để thành những "sứ giả hòa bình" theo như tác giả gọi, những người làm việc với trí tuệ và tình yêu thương, để trực tiếp góp phần vào sự cứu vãn tương lai nhân loại.

Sách có bán tại các tiệm sách, hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301, Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 527-5761

VĂN NGHỆ

NXB VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone: (714) 527-5761

SÁCH MỚI 1996

• **Viết Cho Mẹ và Quốc Hội** (tái bản)	hồi ký chính trị *Nguyễn Văn Trấn*	**20 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta I** (tái bản)	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Lý Luận và Phê Bình, 20 Năm Văn Học Việt Ngoài Nước**	*Bùi Vĩnh Phúc*	**27 MK**
• **Cấu Trúc Thơ**	*Thụy Khuê*	**13 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta II**	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Thơ v.v... và v.v...**	*Nguyễn Hưng Quốc*	**14 MK**
• **Tử Tù Tự Xử Lý Nội Bộ**	hồi ký *Trần Thư*	**15 MK**
• **Về Vùng Chiến Tuyến**	hồi ký *Lê Xuân Nhuận*	**15 MK**
• **Mặt Trận Ở Sài Gòn**	truyện ngắn *Ngô Thế Vinh*	**12 MK**

SÁCH PHÁT HÀNH

• **Tạng Thư Sống Chết**	*Sogyal Rinpoche*, Trí Hải dịch	**18 MK**
• **Marie Sến**	truyện *Phạm Thị Hoài*	**10 MK**
• **Hồi Ký Ngoài Văn Chương**	hồi ký *Thế Phong*	**13 MK**
• **Nguyễn Du: Đại Thi Hào Dân Tộc**	*Phạm Công Thiện*	**18 MK**
• **Em Ơi Biết Đâu Tìm**	truyện *Kiệt Tấn*	**12 MK**
• **Một Bông Hồng Cho Cha**	truyện *Võ Hồng*	**7 MK**
• **Hoa Trôi Trên Sóng Nước**	*Nguyên Phong*	**13 MK**

* Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 2 MK cho sách giá dưới 18 MK, thêm 3 MK cho sách trên 20 MK.
* Xin liên lạc Văn Nghệ để nhận Thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản.

Giá:$4.00